

**KINH**  
**DIỆU PHÁP LIÊN HOA**

**Giảng giải**

**TẬP 1**



**HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ**





*Như Lai chỉ dùng một Phật thừa,  
mã vũ chúng sinh thuyết pháp,  
chẳng có hai hoặc ba thừa nào khác.*

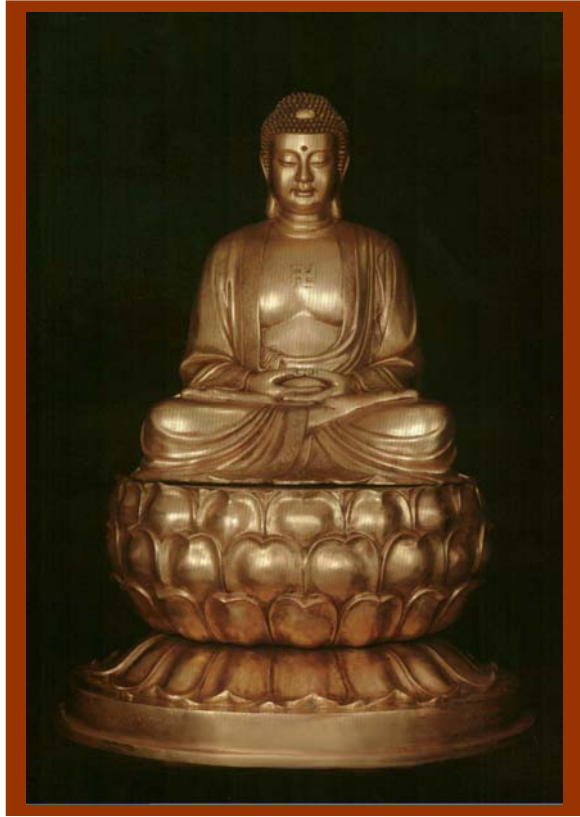
# KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

## Tập 1

Giảng giải : Hoà Thượng Tuyên Hoá  
Hán dịch : Ngài Cưu Ma La Thập  
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định



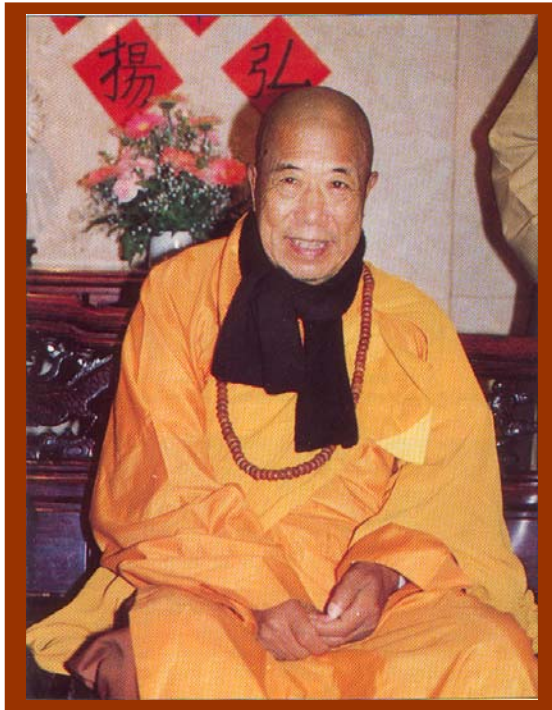
**Chùa/Pagode Kim Quang**  
8 B rue Fontaine  
93000 Bobigny-France  
Tel./Fax : 01.48.50.98.66  
e-mail : kimquangtu@hotmail.com



NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT



Nam Mô Pháp Hoa Hội Thượng Phật Bồ Tát



**Hòa Thượng Tuyên Hóa**

# Nội dung

Giải thích tên Kinh.....	9
Giải thích Kinh văn, Quyển 1, phẩm tựa thứ nhất.....	73
Phẩm phương tiện thứ hai.....	290



# KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

## 1. GIẢI THÍCH TÊN KINH :

"**Diệu**", đối với chữ diệu này, chúng ta phải cần một phen, hạ khổ công phu để nghiên cứu. "Diệu" tức là huyền diệu, vi diệu, thâm áo không thể dò. Ngài Trí Giả Đại Sư, chỉ nói về một chữ diệu, mà phải mất thời gian chín mươi ngày, tập thành một bộ Pháp Hoa Huyền, là một bộ Kinh quan trọng trong ba bộ Kinh lớn của tông Thiên Thai. Đó là, chỉ nói một chữ diệu, mà phải mất ba tháng mới nói xong, bạn nói có diệu chăng !

Trước khi, giảng bất cứ bộ Kinh gì, thì trước hết giảng về "thất chủng lập đề" (bảy loại làm tên Kinh) và "ngũ trùng huyền nghĩa" (năm tầng nghĩa huyền diệu), đó là quy tắc giảng Kinh của tông Thiên Thai.

Bảy loại làm tên Kinh là : Đơn có ba, kép có ba, đây đủ có một. Trước hết nói về đơn có ba, tức là người, pháp và dụ.

Thứ nhất là đơn nhân (người) lập đề, ví như "Phật Nói Kinh A Di Đà." Phật là người, A Di Đà cũng là

người, cho nên gọi là đôn nhân (người) lập đề, chỉ dùng một người để đại biểu tên của một bộ Kinh. Vì Kinh A Di Đà này là nói về pháp môn Tịnh Độ, nói về thế giới Cực Lạc, của Phật A Di Đà. Tại sao có thế giới Cực Lạc ? Vì khi Phật A Di Đà, tại nhân địa làm Tỳ Kheo Pháp Tạng, thì phát bốn mươi tám đại nguyện. Những nguyện này nguyện nào cũng độ tất cả chúng sinh vãng sinh về thế giới Cực Lạc, tương lai sẽ thành Phật. Cho nên, bộ Kinh này dùng Đức Phật A Di Đà, để đại biểu tên của bộ Kinh này.

Khi Phật Pháp đến thời kỳ diệt vong, thì Kinh Lăng Nghiêm là Kinh mất đi trước hết, vì Kinh Lăng Nghiêm là Kinh chánh nhân thành Phật, tức tức chúng quả liễu nghĩa, chúng sinh nghiệp chuyển nặng, cho nên mất đi trước nhất. Cũng có thể nói là, vì kinh Lăng Nghiêm nói quá tử mỉ, về đạo lý vạn sự vạn vật của thế gian, có thể nói là, tiết lậu bí mật của trời đất. Do đó, đến thời kỳ mạt pháp, thì Kinh Lăng Nghiêm bị tiêu diệt đi trước nhất, những Kinh khác cũng theo đó tiếp tục bị diệt; cuối cùng chỉ còn lại Kinh A Di Đà, lưu lại thế giới này một trăm năm, cho nên Kinh A Di Đà, là Kinh mất đi sau cùng. Đến lúc Kinh A Di Đà cũng chẳng còn nữa, thì còn lại sáu chữ "Nam Mô A Di Đà Phật", lưu lại trên thế gian này một trăm năm, sau đó, sáu chữ diệt mất đi hai chữ, chỉ còn lại "A Di Đà Phật" bốn chữ, lại tồn tại trên thế gian này một trăm năm. Cuối cùng, Phật Pháp trên thế gian sẽ

hoàn toàn diệt hết. Lúc đó, ba tai tám nạn, tất cả tai hại sẽ xảy đến, thì thế giới này theo đó mà huỷ diệt.

Do đó, chúng ta nên đặc biệt chú ý về Kinh A Di Đà. Vì thời đại mạt pháp thì pháp môn Tịnh Độ, sẽ hợp cơ nhất đối với tất cả mọi người. Nhưng thời đại mạt pháp cũng có chánh pháp tồn tại. Giống như nước Mỹ chúng ta đang ở, trước kia chưa hề nghe qua Phật Pháp, bây giờ khắp nơi đều nghe nói về Phật Pháp. Đó là Phật Pháp mới truyền vào nước này, cho nên bây giờ có rất nhiều người Mỹ thích ngồi Thiền, thích nghiên cứu Phật Pháp, mở ra mùi gió chánh pháp của Phật Giáo.

Kinh A Di Đà là đơn nhân (người) làm tên Kinh, còn đơn pháp làm tên Kinh là Kinh gì ? Là Kinh Niết Bàn. Niết là "không sinh", Bàn là "không diệt"; không sinh không diệt, chẳng có pháp sinh diệt, đó là đơn pháp làm tên Kinh.

Đơn dụ làm tên Kinh là Kinh Phạm Võng. Phạm Võng là một tấm lưới La Tràng, ở trước cung điện của trời Đại Phạm Thiên. Lưới La Tràng này, hình thù tròn rộng, bốn mặt có lỗ, cho nên gọi là lưới, giống như lưới đánh cá, dùng để trang nghiêm. Đại Phạm Thiên Vương thích trang trí cung điện của mình, cho trang nghiêm đẹp đẽ, cho nên treo lưới La Tràng. Mỗi lỗ của tấm lưới đều có hạt châu, hạt châu này phóng ra ánh sáng, cho nên gọi là dạ minh châu, ban ngày cũng phóng ánh sáng, ban đêm cũng phóng ánh sáng. Mỗi hạt châu phóng vào mỗi lỗ,

cho nên quang minh chiếu với nhau, lỗ lỗ thông với nhau, ánh sáng với ánh sáng chiếu soi lẫn nhau, lỗ và lỗ thông đạt với nhau, đó gọi là Phạm Võng. Kinh Phạm Võng tức là phẩm Bồ Tát giới. Tại sao Bồ Tát giới dùng Phạm Võng để đại biểu làm tên Kinh ? Vì giới giống như hạt châu phóng quang. Bạn giữ giới thanh tịnh, thì có quang minh. Ở trên đã nói qua đơn có ba : Người, pháp, dụ làm tên Kinh.

Kép có ba : Người (nhân) và pháp làm tên Kinh, người và dụ làm tên Kinh, pháp và dụ làm tên Kinh. Người và pháp làm tên Kinh tức là Kinh Văn Thù Hối Bát Nhã. Bồ Tát Văn Thù là người, Bát Nhã là pháp. Bồ Tát Văn Thù là Bồ Tát đại trí huệ. Ngài hỏi về Bát Nhã. Bát Nhã là pháp trí huệ, người có trí huệ mới hỏi được. Bộ Kinh này dùng người và pháp để làm tên Kinh.

Người và dụ làm tên Kinh là Kinh Như Lai Sư Tử Hống. Như Lai là một trong mười danh hiệu của Phật. Pháp của Như Lai nói giống như tiếng hống của sư tử, khi sư tử hống thì trăm loài thú đều sợ hãi, bất cứ là sài, lang, hổ, báo, ác thú gì cũng đều sợ hãi. Kinh Như Lai Sư Tử Hống là người và dụ làm tên Kinh.

Dùng pháp và dụ làm tên Kinh, là Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Diệu Pháp là Pháp, Liên Hoa là dụ; dùng diệu pháp chi phối liên hoa, làm đề mục cho bộ Kinh này. Cho nên, bộ Kinh này dùng pháp và dụ làm tên Kinh, thuộc vào một trong ba loại kép.

Đầy đủ có một, là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Phương là phương pháp cũng là Phật Pháp, Đại Phương Quảng ba chữ này giải thích đơn giản là : Phật Pháp sâu như biển cả, rộng lớn như hư không chẳng có bờ mé. Phật là người, Hoa Nghiêm là ví dụ. Hoa thì có hương thơm, đại biểu đức tính viên mãn và công đức tu hành, để trang nghiêm mười thân của Phật, cho nên bộ Kinh này dùng : người, pháp, dụ ba loại đầy đủ hoàn toàn để làm tên Kinh.

Người nghiên cứu Phật Pháp, nên nhớ bảy loại làm tên Kinh (thất chủng lập đề), để có thể tùy thời giảng Kinh. Nếu không hiểu bảy loại làm tên Kinh, thì bạn chẳng phải là người nghiên cứu Phật Pháp. Trong Đại Tạng Kinh có rất nhiều loại, Kinh điển cũng có mấy ngàn quyển, nhưng không ra ngoài bảy loại làm tên Kinh này. Cho nên, khi xem Kinh điển thì biết bộ Kinh đó dùng gì để làm đề mục. Nhận thức được lập đề rồi, thì sau đó tự nhiên sẽ đi sâu vào Tạng Kinh, trí huệ như biển. Nếu tên Kinh không biết rõ ràng, ví như gì gọi là Kinh Niết Bàn ? bạn nói không hiểu, nội tên Kinh Niết Bàn đã không hiểu, vậy bạn xem Kinh Niết Bàn lại có ích gì ? Nếu không nhận thức được tên Kinh, thì chẳng thể đi sâu vào Tạng Kinh, cũng chẳng được trí huệ như biển; không được trí huệ như biển, thì bạn một đời học Phật Pháp vẫn tối tăm mù mịt. Cho nên bảy loại làm tên Kinh này rất quan trọng.

Nếu ai cũng nhận thức được bảy loại làm tên Kinh, thì có thể nghiên cứu Phật Pháp. Còn có năm tầng nghĩa huyền diệu (ngũ trùng huyền nghĩa). Năm tầng nghĩa huyền diệu là :

1. Giải thích tên Kinh.
2. Giảng giải thể Kinh.
3. Nói rõ tông chỉ.
4. Luận về dụng đồ.
5. Biết rõ giáo tướng.

Tên là bộ Kinh này dùng gì làm tên ? Thể là pháp thể của bộ Kinh này là gì ? Biết được pháp thể rồi, thì phải biết tông chỉ của Kinh nói gì ? Biết tông chỉ rồi, còn phải biết dụng đồ của Kinh, biết dụng đồ rồi, còn phải biết giáo tướng. Tại sao ? Giống như, chúng ta trước hết phải có tên, như Trương Tam, Lý Tứ, mỗi người đều có tên của họ. Biết được tên Trương Tam, thì sẽ biết thân thể lớn cỡ nào ? cao bao nhiêu ? nặng bao nhiêu ? thân thể của y ra sao ? mạnh khoẻ hay không mạnh khoẻ ? dùng gì để sinh sống? đi học hay đi làm ? Trong các nghề : sĩ, nông, công, thương, y làm nghề gì ? Nếu y đi học thì lấy sự đi học làm tông chỉ, đi học xong lại giúp được gì ? Phải chăng đi ngủ ? chẳng phải, học xong thì y sẽ phát triển dụng đồ của y. Học về khoa học thì phát triển về khoa học, học triết lý thì phát triển về triết lý, mỗi môn đều có chỗ dụng của nó. Kinh cũng như thế, biết được dụng đồ của Kinh, thì đề mục và tông chỉ cũng biết được,

cứu kính thân phận là gì ? Ví như thầy giáo, giám đốc. Nói tóm lại mỗi người đều có thân phận của mỗi người, đó là phán rõ sự thành tựu tương lai của họ. Kinh cũng như thế, bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này, dùng pháp và dụ trong bảy loại làm tên Kinh để làm đề Kinh.

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, ở trong năm tầng nghĩa lý huyền diệu, thì huyền nghĩa thứ nhất là giải thích tên Kinh. Bộ Kinh này dùng Diệu Pháp Liên Hoa làm tên. Diệu Pháp là pháp, Liên Hoa là ví dụ, vì Phật Pháp vi diệu thâm sâu, một số người không dễ gì hiểu nổi, cho nên dùng liên hoa (hoa sen) để ví dụ, do đó bộ Kinh này lấy pháp và dụ làm tên.

Cứu kính thì diệu pháp là gì ? diệu đến cỡ nào ? tốt đến cỡ nào ? Nay tôi nói cho bạn biết, sự diệu này không thể dùng tâm suy nghĩ, không thể dùng lời bàn luận, không thể dùng tâm để dò, nghĩ cũng nghĩ không hiểu nổi; nghĩ muốn hiểu biết thì nói không đến được sự diệu của nó. Tức nhiên nghĩ không hiểu biết, vậy không cần nói, có nói cũng không ra ! Song, không thể không nói, nói không ra tức là diệu. Nói không ra vẫn phải nói, sự nói chẳng phải diệu mà là hình dung sự diệu và tư tưởng diễn nói sự diệu này.

Cứu kính, ý nghĩa thật sự về diệu là gì ? Đó chỉ có Phật với Phật mới thấu rõ cảnh giới thâm sâu này. Nay giảng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, chỉ giảng chút ít mà thôi. Song, sự chút ít này không biết phải giảng bao nhiêu

ngày. Vì chữ diệu này Ngài Trí Giả Đại Sư cử tông Thiên Thai, giảng mất chín chục ngày, cũng chưa giảng xong chữ diệu, chỉ giảng một phần nhỏ. Năm nay (1968) vào mùa hè tôi giảng chín mươi sáu ngày mới xong bộ Kinh Lăng Nghiêm, thật có thể nói nhanh như ngồi hoả tiễn đi thám hiểm mặt trăng. Vì tôi đã từng giảng Kinh Lăng Nghiêm ở tại Hương Cảng phải mất mười bốn tháng mới giảng xong.

Trước hết chúng ta giảng về chữ diệu, chữ diệu này cứu kính phải giảng bao nhiêu ngày ? Hiện tại cũng không cách chi biết trước được, giảng được mấy ngày thì hay mấy ngày. Trước hết phải nói về diệu. Gì là diệu ? Diệu pháp tức là diệu, chúng sinh cũng là diệu, Phật cũng là diệu, trong trời đất hết thảy tất cả, chẳng có gì mà không diệu, gì cũng đều là diệu. Cho nên chữ diệu này giảng ra thì vô cùng vô tận. Đây cũng là diệu, đó cũng là diệu, diệu cứu kính từ đâu đến ? Từ tâm mà đến.

Làm thế nào bạn biết là diệu pháp ? Vì bạn có tâm, cho nên tâm pháp diệu, kể đến chúng sinh pháp diệu, sau đến Phật pháp diệu.

Tâm pháp diệu như thế nào ? Tất cả sơn hà đại địa, sâm la vạn tượng, nhà cửa phòng xá, hết thảy vạn vật từ đâu đến ? Đều từ một tâm niệm hiện tiền của mỗi người sinh ra, từ trong tâm của chúng sinh sinh ra. Làm thế nào sinh ra ? Bạn sẽ nói : "Không biết !" Đó là diệu. Biết hay không biết đều là diệu. Tại sao bạn biết ? và tại sao bạn



không biết ? đó chẳng phải là diệu sao ? đây tức là tâm pháp diệu.

Tâm pháp diệu, tâm diệu như thế nào ? Tâm của con người đều là một không hai. Có người chỉ trước ngực nói : "Tâm của tôi ở đây". Chân tâm của bạn ở đâu ? Bạn đã nhận lầm tâm của bạn rồi ! Là nhận giặc làm con ! Giống như Tôn Giả A Nan, trong Kinh Lăng Nghiêm. Tôn Giả A Nan nói : "Tâm ở trong." Tức là chỉ quả tim bằng thịt, quả tim này vô dụng. Sao lại nói nó là vô dụng ? Vì nó chỉ là cục thịt. Đó là do tụ tập nhiều phiền não mà sinh ra quả tim; lại gọi là tâm duyên lực, năng lực phan duyên tư lực giúp cho bạn khởi vọng tưởng. Thức thứ sáu cũng gọi là tâm tập khởi, là quả tim trợ giúp cho bạn khởi vọng tưởng và sinh tâm tạp niệm, tâm duyên lực, tâm tập khởi . v . v . Tâm này có rất nhiều tên gọi. Do đó, tâm pháp mà tôi nói, bạn đừng cho rằng đó là quả tim bằng thịt. Vậy riêng ngoài tôi còn có tâm chẳng ? Bạn không biết phải chẳng ? Hãy xem đó có phải là diệu chẳng ? Cho đến mình có tâm mà bạn còn chẳng biết, tất nhiên cho đến tâm cũng chẳng biết, cho đến sinh mạng mà bạn cũng chẳng biết rõ ! Khi sinh ra thì hồ đồ, chết đi cũng hồ đồ, từ đâu đến cũng chẳng biết, đó là diệu ! Khi chết cũng hồ đồ ra đi, chẳng biết đi về đâu, đó cũng là diệu; khi sinh ra và chết đi đều không biết, đó cũng là diệu ! Vậy khi còn sống chẳng phải là diệu chẳng ? Đây lại càng diệu ! Sao lại càng diệu hơn ? Ví như, lúc bạn còn bé nhỏ, trong sự bất tri bất giác thì lớn lên, sau lại trưởng thành người lớn;

thành người lớn rồi cũng không biết sao lại biến thành người già. Bạn nói đó có diệu chăng ? Không những biến thành người già, mà bạn còn sinh con để cái nuôi dưỡng chúng. Nếu chẳng phải diệu, sao bất tri bất giác thì có nhiều sự biến hoá như thế ? Đó là diệu pháp. Bây giờ giảng diệu pháp này ra, thì bạn cảm thấy có chút ý nghĩa, giống như việc ở trên vừa nói, nhưng khi chưa nói ra thì bạn vốn chẳng biết đó là diệu pháp.

Diệu pháp tức là trong sự bất tri bất giác của bạn sinh ra một thứ tác dụng. Những gì bạn thấy trước mắt đều là diệu. Tại sao ? Sao bạn nhìn thấy được ? Nếu không diệu thì bạn nhìn chẳng thấy. Vậy nhìn không thấy thì chẳng phải diệu chăng ? Nhìn không thấy lại càng diệu. Nhìn thấy và nhìn không thấy đều là diệu, nghe được và nghe không được cũng là diệu.

Cho nên trước mắt nhìn thấy được, không những là nhìn thấy; làm sao nhìn thấy được ? Trong Kinh Lăng Nghiêm có nói : "Ai nhìn thấy được ? Ai cùng với bạn nhìn thấy ?" Bạn nói đó có diệu chăng ? Tại sao gần thì bạn nhìn thấy được ? còn xa thì bạn nhìn chẳng thấy ? Đó đều là diệu. Khi bạn nhìn thấy màu vàng, thì có tác dụng màu vàng, bạn nhìn thấy màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen thì những thứ này ở trong tám thức của bạn, sinh ra dạng của nó. Sao lại sinh khởi ra ? Ai kêu bạn sinh ra thứ hình bóng đó ? đó có diệu chăng ?

Nghe cũng như thế. Tại sao có âm thanh bạn thích nghe, có âm thanh bạn chẳng thích nghe ? Ai kêu bạn

thích và không thích nghe ? Chẳng có ai ! Tại sao mình lại sinh ra tâm thích và ghét ? Thấy sắc đẹp thì sinh tâm ưa thích, thấy nhan sắc không đẹp thì sinh tâm ghét chán. Do ai kêu bạn ? Bạn nói "tôi không biết, chỉ là nghĩ như vậy". Nghĩ như vậy tức là diệu. Hết thấy tất cả đều là diệu; đó là tâm pháp diệu; do trong tâm sinh ra thiên biến vạn hoá. Nếu không diệu sao lại sinh ra đủ thứ biến hoá ?

Diệu quá nhiều, nếu muốn nói thì dù nói mấy trăm năm, cũng nói chẳng xong sự diệu này. Nếu nói xong thì chẳng phải diệu. Đức Phật thuyết pháp bốn mươi chín năm, giảng Kinh hơn ba trăm hội, đều không ra ngoài chữ diệu này. Cho nên, chữ diệu này bao quát Tam Tạng mười hai bộ Kinh, bao quát tất cả Phật pháp, tất cả Phật pháp không vượt ra chữ diệu này. Cho nên Ngài Trí Giả Đại Sư giảng đến chín mươi ngày, dù giảng chín mươi năm, cũng giảng không xong chữ diệu này. Vậy nói đến Kinh Pháp Hoa, chắc suốt đời này cũng không được nghe, cũng chẳng có cơ hội nghe hết được, chín mươi năm cũng nói chẳng xong một chữ diệu, vậy thử hỏi Kinh văn chẳng biết giảng bao lâu mới xong ? Đừng sợ, thời đại hiện nay tất cả sự việc đều nói cho nhanh. Giảng Kinh mau là diệu, giảng chậm cũng là diệu. Tất nhiên, Đức Phật giảng Kinh cũng chẳng vượt ra sự diệu này, hiện tại tôi giảng Kinh sao lại kia khỏi sự diệu này ? Lìa khỏi sự diệu này thì chẳng diệu, lìa không khỏi tức là diệu.

Pháp tuy nhiên là diệu, muốn biết diệu pháp thì trước hết phải buông xả sự diệu. Buông chẳng đặng là

diệu, nhưng buông xả đặng thì mới là thật diệu; nếu không tin thì bạn hãy thử buông xả thân tâm. Trong chẳng có thân tâm, ngoài chẳng có thể giới; người không, pháp cũng không, tất cả đều không. Bạn nói đó chẳng phải là diệu chăng ? Sự diệu này, nếu buông xả thân tâm đặng, thì mới đắc được sự diệu chân chánh của tự tánh vốn có. Nếu bạn trong chẳng có thân tâm, ngoài chẳng có thể giới, song chẳng lìa khỏi thân tâm thế giới. Đây chẳng phải nói lìa khỏi thân tâm này của ta, lìa khỏi thế giới này, mới không có thân tâm thế giới; mà là tại thân tâm này, tại thế giới này mà chẳng có.

"Mắt thất hình sắc chẳng dính mắc,  
Tai nghe âm thanh tâm chẳng hay".

Đó là cảnh giới sớm sẽ đạt được, trong chẳng có thân tâm, ngoài chẳng có thể giới. Đây là việc chẳng dễ dàng, cho nên mới diệu. Dễ cũng là diệu, không dễ cũng là diệu, tất cả hết thảy đều diệu, thảy đều không vượt ra ngoài diệu pháp này. Cho nên, chữ diệu này chẳng có cách chi giảng xong được.

Vì diệu không dễ gì nói, cho nên là diệu. Không dễ gì nói, bây giờ cũng phải nói, cũng là diệu. Nói tóm lại, Diệu ! Diệu ! Diệu ! Tất cả đều diệu. Đây lại có dụng gì ? Bạn hỏi vấn đề này, đó mới là thật diệu.

Tu hành, tham thiền, đả toạ, là đi tìm sự diệu này. Đức Phật tu khổ hạnh sáu năm tại núi Tuyết, là tìm cầu sự

diệu này. Tất cả Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, cũng là tìm cầu sự diệu này. Các bậc A La Hán buông xả tất cả, cũng là đi tìm sự diệu này. Tất cả phàm phu, Thánh nhân muốn tu hành, cũng vì tìm cầu sự diệu này. Cho nên thành được quả vị Phật cũng gọi là diệu. Là diệu gì ? là Diệu Giác. Bồ Tát là Đẳng Giác, chưa đạt được Diệu Giác. Cho nên hiện tại trước hết phải hiểu sự diệu này.

Diệu có hữu dụng gì ? Chẳng có hữu dụng gì, song, gì cũng đều cần nó. Sự diệu này, phải nói rằng là đại dụng của nó, đại tạo hoá, trời đất vạn vật, hết thảy tất cả đều từ diệu này mà sinh ra. Cho nên đừng cho rằng nhờ Thiên Chúa, Địa Chúa, Nhân Chúa sáng tạo thế giới này. Kỳ thật, tất cả đều từ diệu này sinh ra. Chữ diệu này cũng chỉ có Phật mới có thể cảm nhận được. Phật tánh vốn có của chúng ta, là diệu giác Phật tánh. Có lối minh bạch chữ diệu này, thì bảo sao mà dễ thế ! Nếu bạn minh bạch quá dễ dàng chữ diệu này, thì nói chẳng phải diệu chẳng ? chẳng phải. Nếu bạn minh bạch chữ diệu này quá dễ dàng, thì đó là càng diệu. Tại sao ? Vì bạn chẳng phí sức thì đã minh bạch, đó chẳng phải là diệu chẳng ? Bạn phí rất nhiều công phu mới minh bạch, đây lại càng diệu. Cho nên, giảng như thế nào cũng đều diệu, đầu đầu thị đạo.

Bạn nói trước mắt những gì chẳng phải diệu ? Đền, bàn ghế, tất cả đều là biểu hiện của diệu pháp. Nếu bạn minh bạch được diệu pháp này, thì tất cả đều diệu; không minh bạch diệu pháp này, thì tất cả đều là thô. Bạn cảm

thấy bạn đã minh bạch, nhưng thật ra bạn chưa minh bạch, nếu bạn nghiên cứu bản thể của nó, thì đều từ một chữ diệu này mà sinh ra.

Mùa hè năm nay (1968), giảng bộ Kinh Lăng Nghiêm mất hết chín mươi sáu ngày. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói về năm mươi ấm ma, những ấm ma này, đều siêu hơn thiên ma ngoại đạo hiện nay. Vì thần thông của năm mươi thứ ấm ma đó thật là lợi hại, có thứ trên đầu phóng quang, nếu quang minh của nó phóng trúng đầu của bạn, thì đầu của bạn cũng sẽ phóng quang. Nhưng những thứ thần thông này, đều là ma ở trong Phật giáo, hà huống ngoại đạo bây giờ, đều không thể phóng quang. Chúng sinh giống như con nhặng, bay loạn xạ đông tây nam bắc, bay tới bay lui, cũng chẳng tìm được lối thoát, đáng thương những người này theo người mù. Nếu như bạn nói bạn không biết, muốn cầu pháp thì hãy theo học với tôn giáo hiểu biết, một số người không hiểu biết, bèn dùng người mù dẫn người mù. Vì người hiểu biết và có trí huệ trên thế giới này rất ít, còn người không hiểu biết và ngu si thì rất nhiều. Người có trí huệ thì thích nghe chân lý, người chẳng có trí huệ thì thích nghe đạo lý của người mê muội. Đạo lý của người mê là gì? Ví như họ nói người tu hành không cần đoạn dâm dục, có thể tùy tiện, vì nói như thế thì cho rằng nó là tốt. Chủ trương của Phật giáo là đoạn dâm dục, nếu không đoạn dâm dục mà tu hành, thì như trong Kinh Lăng Nghiêm có nói: "Như nấu

cát mà muốn thành cơm, dù trải qua trăm ngàn ức kiếp cũng chỉ là cát nóng". Vì đục lặc không cứu kính của nhân gian và khoái lặc cứu kính xuất thế gian không thể nào dung hợp với nhau.

Còn có những người nghiên cứu tu tập ở trong Phật pháp, mà cứ thực hành trên miệng lưỡi, chú chẳng thật tâm hành trì, chẳng y chiếu theo phương pháp của Phật dạy mà hành trì, đó chẳng khác gì là ma, cũng không thể liệt họ vào trong Phật giáo đồ. Giống như có những người thấy Phật mà chẳng lạy, họ nói họ tin Phật, thú người này hậu quả tương lai không thể tưởng tượng được, cuối cùng sẽ đi vào đường súc sinh, ngạ quỷ hoặc rơi vào địa ngục, chẳng có ai dám bảo đảm. Tại sao ? Vì học Phật pháp, thì phải y chiếu theo phương pháp Phật dạy mà thực hành. Nếu coi "cái ta" lớn hơn Phật thì thật là quá sai lầm ! Người học Phật pháp, không những thấy Phật phải cung kính lễ lạy, mà gặp Bồ Tát cũng phải lạy Bồ Tát, thấy A La Hán cũng phải lạy A La Hán, thấy bậc đại thiện nhân, đại tu hành nên cung kính khâm phục họ, đừng nên cống cao ngã mạn, khinh khi, tự cao tự đại. Bất cứ, người nào học Phật pháp đều phải khiêm nhường, cung kính, hoà hợp.

Trong Kinh Pháp Hoa, phẩm thứ hai mươi nói về vị Bồ Tát Thường Bất Khinh. Vị Bồ Tát Thường Bất Khinh này là tiền thân của Đức Phật, suốt một đời tu hành Bồ Tát đạo. Một đời Ngài chuyên môn hành Bồ Tát đạo

"thường bất khinh" (thường không khinh khi ai). Ngài hành như thế nào ? Ngài chuyên môn cung kính mười đại Nguyên Vương của Bồ Tát Phổ Hiền. Mười đại Nguyên Vương là :

1. **Lễ kính các Đức Phật** : Tức là cung kính đánh lễ chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai, mười phương ba đời tất cả các đức Phật.

2. **Khen ngợi Như Lai** : Có người hỏi : "Phật cũng thích người khen ngợi chăng ?" Không sai ! Vì bạn thích khen ngợi Phật thì chính là thích khen ngợi chính mình. Nếu như bạn không muốn khen ngợi mình, thì đừng khen ngợi Phật. Phật và chúng sinh đều như nhau. Bạn nói : "Tôi là Phật, vậy tôi không cần lạy Phật". Đó thì không đúng. Tự tánh của bạn là Phật, nhưng bạn chẳng tu hành, thì chưa chứng được Phật quả như Đức Phật. Nếu ai ai cũng đều là Phật, thì Đức Phật cần gì đến núi Tuyết tu khổ hạnh sáu năm, ngồi dưới cội bồ đề bốn mươi chín ngày mới khai ngộ thành Phật.

Đức Phật trong quá khứ tu đủ thứ khổ hạnh, tu đủ thứ thiền định, tu đủ thứ Bát Nhã trí huệ, tu đủ thứ bố thí, giới luật, nhân nhục, tinh tấn và đủ thứ pháp môn. Đời này còn phải vào núi Tuyết tu khổ hạnh sáu năm, ngồi dưới cội bồ đề thấy sao mai mọc mà ngộ đạo, phải phí rất nhiều thủ tục ! Mà bạn trong vòng sáu ngày làm không xong, mà bạn cho bạn là Phật, thật là quá tiện nghi. Cho nên, có những người nói họ chính là Phật, thật là không



biết hổ thẹn, không biết mắc cỡ. Trong khi đó, Đức Phật trong đời quá khứ đã từng làm Bồ Tát Thường Bất Khinh, tức là vĩnh viễn luôn luôn không khinh thường bất cứ chúng sinh nào. Ngài thấy Phật thì lễ Phật, thấy Bồ Tát thì lễ Bồ Tát, thấy A La Hán thì lễ A La Hán, thấy Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni và tất cả mọi người cũng đều cung kính lễ lạy và nói : "Tôi không dám khinh các vị, các vị đều sẽ thành Phật". Sự phát tâm ấy thật là chân thật, một chút hư giả cũng chẳng có, chân thật cung kính tất cả chúng sinh. Song, Ngài chiêu lại quả báo rất là thậm tệ, vì có những vị Tỳ Kheo kiêu mạn nói : "Ông Tỳ Kheo này chẳng hiểu Phật pháp, thọ ký bậy bạ cho người ta". Do đó, Ngài bị đánh, khi Ngài lạy xuống thì bị họ đá Ngài, thậm chí bị đá rụng răng. Đã lạy người ta còn bị người đánh. Sau đó, Ngài ở đằng xa thấy Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni thì lạy, khi họ đến gần thì Ngài bỏ chạy, để khỏi bị họ đánh. Ngài vẫn hành Bồ Tát đạo không khinh mạn tất cả chúng sinh, đó là tiền kiếp của Đức Phật tu sáu độ vạn hạnh, chứ chẳng phải một sớm một chiều mà thành Phật. Cho nên những người đó cho rằng mình là Phật, họ chẳng nhận thức được Phật, tự mình lừa dối mình, tự tôn đại, đó là có : tướng ta, tướng người, tướng chúng sinh, chẳng phải là cảnh giới của Phật. Cho rằng mình là Phật mà không tu hành, cứ tạo tội nghiệp, so với hàng ngày bạn ôm bom nguyên tử, bom kinh khí còn nguy hiểm hơn, những người này tương lai chắc chắn sẽ đọa địa ngục, thật là :

"Thiên đường có lối bạn chẳng đi,  
Địa ngục không cửa dẫn thân vào".

Khi tôi giảng Kinh Lăng Nghiêm đã từng nói qua bài kệ này :

"U mê truyền u mê,  
Một truyền hai chẳng hiểu,  
Thầy rớt vào địa ngục,  
Trò cũng chạy theo vào".

Khi ông thầy rớt vào địa ngục, nói với đồ đệ rằng :  
"Tại sao con cũng vào đây"? đồ đệ nói :  
"Con theo thầy học đạo, thì đương nhiên cũng theo thầy đến đây". Ông thầy nói :  
"Làm rồi ! Làm rồi ! Đây là địa ngục mà !" Đồ đệ hỏi :  
"Tại sao thầy dẫn con xuống địa ngục ? Ông thầy đáp :  
"Cho đến ta cũng chẳng biết sao lại đến chỗ này, bây giờ muốn ra cũng chẳng được". Không những chính ông ta ra không được, mà tất cả đồ đệ theo học với ông ta cũng bị luôn. Đó là những kẻ tự xưng là Phật, không nhận thức được Phật, cũng chẳng hiểu Phật pháp.

Ở trên là nói phải tu theo mười đại nguyện vương của Bồ Tát Phổ Hiền.

1. Lễ kính các Đức Phật.
2. Khen ngợi Như Lai.

3. **Rộng tu cúng dường** : Đây chẳng phải nói hôm nay cúng dường, ngày mai thì không cúng dường ; chẳng

phải cúng dường một vị Phật, mà là cúng dường tất cả vị Phật, đều phải cúng dường khắp hết thủy.

4. **Sám hối nghiệp chướng** : Tại sao chúng ta phải lễ Phật ? Là vì muốn biểu hiện, phát lồ sám hối những lỗi lầm đã gây ra, từ vô lượng kiếp cho đến ngày nay. Từ nay sửa đổi lỗi lầm làm lại con người mới.

5. **Tuỳ hỷ công đức** : Tức là thấy những việc từ thiện hãy nên làm, làm được bao nhiêu thì hay bấy nhiêu. Hành Bồ Tát đạo là phải lợi ích cho người, giúp người, chẳng phải chỉ muốn làm lợi cho mình. Phàm là giúp đỡ người, chẳng ích kỷ lợi mình đều là tuỳ hỷ công đức.

6. **Thỉnh chuyển bánh xe pháp** : Khi bạn biết vị Pháp Sư nào đó giảng Kinh được, thì liên hệ với nhiều người thỉnh vị Pháp Sư đó thuyết pháp. Học Phật pháp phải học với các vị Pháp sư thông hiểu Phật pháp, đừng tự cho rằng mình hiểu Phật pháp. Do đó, thỉnh vị Pháp sư chân chánh hiểu Phật pháp giảng Kinh thuyết pháp, tức là thỉnh chuyển bánh xe pháp.

7. **Thỉnh Phật ở lại đời** : Bây giờ Phật chẳng còn ở đời, thì thỉnh Phật pháp ở lại đời.

8. **Thưởng học theo Phật** : Đức Phật hành Bồ Tát đạo, nhẫn những gì người không nhẫn được, làm những gì người không làm được, tu đủ thứ pháp môn, cho nên phải học theo Ngài.

9. **Luôn thuận chúng sinh** : Luôn luôn tuỳ thuận chúng sinh, hy vọng khiến cho họ hiểu Phật pháp.

10. **Thầy đều hồi hướng** : Đem tất cả công đức của mình hồi hướng cho tất cả chúng sinh, khiến cho họ sớm thành Phật đạo.

Giải thích tên "Diệu Pháp Liên Hoa Kinh" thì chữ thứ nhất là diệu. Chữ diệu quá rộng lớn, nói ngang nói dọc, nói xuôi nói ngược cũng đều diệu. Pháp của Đức Phật nói đều là diệu pháp, diệu pháp bao hàm tất cả, cho đến ba tạng mười hai bộ đều bao quát ở trong diệu pháp.

Ba tạng là :

Tạng Kinh,

Tạng luật và

Tạng luận.

Tạng Kinh là nói về định học.

Tạng luật là nói về giới học.

Tạng luận là nói về huệ học.

Kinh, luật, luận, bao hàm đạo lý vô lượng vô biên, vô cùng vô tận, mà công đức ở trong giới định huệ cũng vô cùng vô tận. Tất nhiên, Kinh luật luận là diệu pháp, thì giới định huệ cũng là diệu pháp. Về giới định huệ các bạn đã nghe qua rất nhiều, vậy thử hỏi cứu kính làm được tới đâu rồi ? Chúng ta nghe Phật pháp, không những phải minh bạch mà còn phải y theo pháp tu hành thì mới thật sự có sở đắc. Biết mà chẳng tu hành thì cũng như không biết. Tại sao ? Vì đó cũng như biết thức ăn là ngon, nhưng phải ăn thì mới thật sự thọ dụng. Phật pháp cũng như thế,

biết một chút thực hành một chút thì đó mới là người thực hành. Nếu biết mà không thực hành thì đối với bạn, đối với Phật pháp chẳng có ích gì, giống như người bằng đá không khác, hình dáng tuy là người mà chẳng nói được, chẳng đi được.

Diệu gồm có : Tâm pháp diệu, chúng sinh diệu và Phật pháp diệu. Phân ra mà nói thì có ba, hợp lại thì chỉ có một. Dù phân ra hoặc hợp lại để giảng, đều là diệu pháp. Cả ba là diệu pháp, một cũng là diệu pháp.

Ba tạng mười hai bộ. Ba tạng là : Kinh, luật, luận, bao quát giới định huệ ba học vô lậu.

Mười hai bộ Kinh là :

1. Khế Kinh.
2. Trùng tụng.
3. Phúng tụng.
4. Nhân duyên.
5. Bản sự.
6. Bản sinh.
7. Vị tăng hũu.
8. Thí dụ.
9. Luận nghị.
10. Tụ thuyết.
11. Phương quảng.
12. Thọ ký.

Tuy mười hai bộ Kinh ý nghĩa thâm sâu, nhưng chủ yếu là nhớ và hiểu rõ nghĩa lý của Phật. Phật pháp không nhất định chú trọng về học vấn, mà chú trọng về chân thật hành trì. Lục Tổ Huệ Năng chưa từng đi học, chẳng biết chữ, thế mà Ngài giảng Kinh thuyết pháp. Vì Ngài chẳng biết chữ, khi giảng Kinh thì nhờ họ đọc Kinh văn, họ đọc một câu thì Ngài giảng một câu. Pháp của Ngài giảng rất hợp với ý của Phật, hợp với Phật pháp. Lục Tổ tuy không biết chữ mà giảng Kinh thuyết pháp, là vì Ngài đắc được tâm ấn của Phật, của Tổ, diệu pháp dùng tâm ấn tâm ; cho nên pháp của Ngài nói đều là diệu pháp. Lục Tổ đắc được tâm pháp của Ngũ Tổ, y bát của Ngũ Tổ được truyền cho Ngài ; Ngài ở với đám thợ săn mười lăm năm, trong đoạn thời gian đó, Ngài dụng công tu hành, khai mở đại trí huệ. Chúng ta người tu đạo nên nhớ đừng muốn mau, người xưa có nói : "Đừng muốn mau, muốn mau tất không thành". Dụng công tu hành cũng giống như bắn cung, căng quá thì đứt, chùng quá thì lỏng lẻo, đừng căng đừng chùng mới thành công. Do đó có câu : "Tiến nhanh thì lùi cũng mau". Ở Trung Quốc có con phù du, con phù du này sáng sớm sinh ra, chiều tối thì chết đi, sinh ra nhanh mà chết cũng sớm. Do đó, chúng ta người tu đạo phải lão thật dụng công, ngàn vạn đừng đi đường tắt nhỏ của bàng môn tả đạo, để mong thành tựu cho nhanh, trên thật tế thì chẳng đạt được mục đích. Chúng ta phải y chiếu theo con đường lớn lục độ vạn hạnh mà tu hành, đây mới

là diệu pháp. Trung đạo tức là diệu pháp, lìa xa trung đạo thì chẳng phải là diệu pháp.

Vào đời nhà Hán, có hai người đều làm quan trong triều, một người là Viên Ân và người kia là Triều Thố. Viên Ân tìm cách giết hại Triều Thố, về sau Viên Ân xuất gia làm Hoà Thượng. Vì ông ta luôn luôn thấy quý, thấy hồn quý của Triều Thố muốn đến để giết ông ta, dù ban ngày hay ban đêm cũng thế, khiến cho ông ta cảm thấy chính mình đã làm việc sai lầm, do đó mà sám hối đi xuất gia. Sau khi ông ta xuất gia rồi, thì chẳng còn thấy hồn quý nữa, mới quyết tâm dụng công tu hành. Vì một niệm sai lầm giết người mà xuất gia, cho nên ông ta hy vọng đời sau cũng muốn làm hoà thượng chứ chẳng muốn làm quan. Quả nhiên, đời thứ hai ông ta trở thành một đại Pháp Sư đi hoằng pháp khắp nơi, là một vị khổ tu hành chẳng tham danh lợi dưỡng. Đời này ông ta cũng chẳng thấy hồn quý của Triều Thố. Trải qua mười đời như thế, vì ông ta khổ công tu hành, có chút đạo đức, cho nên mỗi đời thân phận càng cao. Đến đời thứ mười một thì ông ta làm Quốc sư, là thầy của hoàng đế. Hoàng đế thưởng cho ông ta chiếc ghế báu làm bằng gỗ trầm hương (đương thời gỗ trầm hương ở bên Tàu là một thứ gỗ quý trọng nhất, chỉ có hoàng đế mới ngồi ghế tạo bằng gỗ này). Khi Quốc sư ngồi trên ghế báu thì tinh thần cảm thấy quá sung sướng, ông ta nghĩ : "Hiện tại trên đời Pháp Sư tôn quý

được ngồi trên ghế báu này chẳng mấy vị, đây thật là tốt biết bao"!

Khi ông ta sinh một tâm niệm cống cao, cho rằng hiện nay chỉ mình ta tôn quý trong thiên hạ, liền lúc đó oan hồn của Triều Thổ mười đời về trước chưa siêu thoát, nay đến tìm ông ta, đột nhiên trên đầu gối ông ta nổi lên mụn ghẻ mặt người, có miệng, mũi và biết nói, luôn luôn nói với ông ta : "Ông đừng nghĩ cách trốn tôi nữa, tôi đã theo ông mười đời, ông chưa đền mạng cho tôi". Quốc sư Ngô Đạt mắc phải bệnh mụn nhọt này, ngày đêm la đau, thật khó mà chịu đựng, dù tụng Chú Đại Bi, Chú Lăng Nghiêm và tụng Kinh cũng chẳng tiêu tội được, vì ông ta nghiệp quá nặng. Đó là do ông ta sinh một tâm niệm cống cao ngã mạn, cho nên thân hộ pháp cũng xa lìa, không bảo hộ nữa. Khi đó, ông ta nhớ đến Tôn Giả Ca Nặc Ca, ông ta đã từng hầu hạ Tôn Giả, đương thời Tôn Giả toàn thân bị bệnh ghẻ chảy máu chảy mủ lại có mùi hôi thối. Quốc Sư Ngô Đạt vẫn hầu hạ Tôn Giả hết mình, rửa ráy thuốc thang phục dịch mọi việc, khiến cho Tôn Giả lành bệnh. Kỳ thật, Tôn Giả Ca Nặc Ca chẳng phải thật có bệnh, Ngài thị hiện để độ Quốc Sư Ngô Đạt. Quả nhiên Quốc Sư đối tốt với Ngài, sau khi Tôn Giả lành bệnh mới nói với Quốc Sư : "Khi ông có nạn thì đến núi Trà Sơn ở Tứ Xuyên tìm ta, ta sẽ có biện pháp giải quyết". Lúc đó Quốc Sư Ngô Đạt bị mụn ghẻ mặt người chẳng cách chi trị được, bèn nhớ đến tìm Tôn Giả Ca Nặc Ca. Tôn Giả dùng



nước tam muội tắm cho ông ta thì mặt ghẻ mặt người lành khỏi. Cho nên người tu đạo bất cứ như thế nào cũng đừng sanh tâm cống cao ngã mạn.

Ở trên, đã giảng đại khái về ý nghĩa tâm pháp diệu. Bây giờ giảng về chúng sinh pháp diệu. Chúng sinh là gì ? Chúng sinh là do các thứ nhân duyên hòa hợp mà sinh, cho nên gọi là chúng sinh. Chúng sinh phân làm mười hai loài :

1. Noãn sinh (sinh bằng trứng),
2. Thai sinh (sinh bằng thai),
3. Thấp sinh (sinh bằng ẩm ướt),
4. Hóa sinh (biến hóa sinh ra),
5. Hữu sắc (có sắc),
6. Vô sắc (không có sắc),
7. Hữu tướng (có tướng),
8. Vô tướng (không có tướng),
9. Phi hữu sắc (chẳng có sắc),
10. Phi vô sắc (chẳng không sắc),
11. Phi hữu tướng (chẳng có tướng),
12. Phi vô tướng (chẳng không tướng).

Mỗi loài trong mười hai loài, lại có đủ thứ sự khác nhau. Ví như : loài sinh bằng trứng, có loài biết bay, có loài chẳng biết bay. Loài biết bay lại có muôn ngàn loại khác nhau, không ai có thể biết rõ hết hoàn toàn. Bạn nói

có diệu chẳng ? Phân biệt không rõ ràng là diệu, phân biệt rõ ràng cũng diệu. Đó là loài sinh bằng trứng, còn loài bằng thai, sinh bằng biến hóa, bằng âm thấp .v.v., cho đến tất cả chúng sinh cũng như thế.

Con người là thai sinh, tất cả súc sinh cũng là thai sinh. Loài sinh bằng trứng như thế nào ? Trứng do tưởng mà sinh, vì có tưởng nghĩ, có nên có sự sinh bằng trứng. Sinh bằng thai là do ái tình mà sinh. Ai ai cũng cho rằng ái tình là việc khoái lạc nhất, nhưng thực tế, mặt trái của khoái lạc nhất là đau khổ nhất. Hiện nay, tại nước Mỹ có rất nhiều người thức tỉnh về ái tình chẳng tự do, do đó thoát khỏi ái tình, đi đến bờ tỉnh thức. Một số thanh niên nam nữ, tùy tiện nói về ái tình, tùy tiện kết hợp, rồi tùy tiện chia tay, nói rằng đó là tự do, kỳ thật, đó là hiểu lầm tự do. Nam nữ đều chẳng kết hôn, không giữ quy cụ, đó không những chẳng phải là tự do mà là lầm lẫn trong sự lầm lẫn. Tại sao ? Vì nếu kết hôn rồi, tuy không tự do vẫn là con đường từ ngàn xưa. Nếu hiểu lầm ái tình, nói không kết hôn thì có thể tùy tiện, đó là muốn chết sớm một chút, muốn phá hoại thân thể của mình sớm một chút, thân thể mà đã bại hoại thì sẽ chết sớm một chút, tình hình này nếu không sớm cứu vãn, thì tai họa sẽ không nhỏ, đó là nói về thai do tình mà có.

Bất cứ là người hoặc là súc sinh, vì súc sinh cũng có tình, tại sao chúng có tình ? Vì thú tình này do điên đảo tập khí quá sâu, từ vô lượng kiếp cho đến nay. Khi làm người thì tình dục quá nặng, cho nên bị đọa lạc vào

súc sinh ; nếu trong đường súc sinh chưa thức tỉnh thì tình dục sẽ càng nặng, thì sẽ càng ngu si ám độn.

Thấp sinh và hóa sinh, sinh ra như thế nào ? Cũng vì tâm dâm dục quá nặng. Bất cứ chúng sinh nào cũng vì có tình, do đó :

"Nghiep sạch tình không tức là Phật,  
Nghiep nặng tình mê là phạm phu".

Ai bị tình làm mê là phạm phu, nếu bạn chẳng còn dính mắc về tình nữa, xem nó là không tức là Thánh nhân.

Loài người và loài súc sinh, đều có ngàn vạn khác biệt, song, cũng chẳng lìa khỏi diệu pháp này, đều bao hàm ở trong diệu pháp, cho nên chúng sinh pháp cũng là diệu pháp.

Bạn không nghiên cứu nó thì chẳng biết ra sao, nếu mà nghiên cứu thì mỗi loài đều có đạo lý của nó. Tại sao lại làm người ? Tại sao lại làm chó ? Tại sao lại làm heo ? làm bò ? Trong đó đều hàm tàng một diệu pháp. Đạo lý diệu pháp này, chẳng dễ gì minh bạch được, không dễ dàng minh bạch tức là diệu pháp. Bạn nói tôi minh bạch được, minh bạch cũng là diệu pháp. Diệu pháp là một cảnh giới không thể nghĩ bàn, cảnh giới không thể nghĩ bàn này, giống như ở trong phần chúng sinh.

Nói đến Phật pháp diệu, Phật pháp là gì ? Cái gì lại chẳng phải là Phật pháp ? Tất cả các pháp đều là Phật pháp. Phật có tất cả hết thảy các pháp, chẳng có gì mà

chẳng phải là Phật pháp. Cứu kính có bao nhiêu ? Tổng quát lại thì có tám vạn bốn ngàn pháp môn. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, thì pháp môn nào diệu nhất ? Pháp môn nào cũng đều diệu nhất. Trước kia có người hỏi tôi : "Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn nào là số một ? là cao nhất ?" Tôi đáp : "Bạn cho rằng môn nào hợp với bạn, thì pháp môn đó đệ nhất, cao nhất ; còn pháp môn nào chẳng hợp với bạn, thì pháp môn đó thấp nhất". Phải xem căn tánh của bạn. Phật nói ra tám vạn bốn ngàn pháp môn, là để đối trị tám vạn bốn ngàn bệnh của chúng sinh. Bệnh của bạn trị rồi thì pháp môn đó chẳng còn giá trị nữa. Nếu bệnh của bạn vẫn còn, thì pháp môn đó có thể trị bệnh của bạn, thì pháp môn đó là đệ nhất. Cho nên tám vạn bốn ngàn pháp môn, thì có tám vạn bốn ngàn đệ nhất, cũng có tám vạn bốn ngàn chướng ngại, và tám vạn bốn ngàn tối cao vô thượng.

Hiện tại giảng đến Phật pháp diệu, tức cũng có tám vạn bốn ngàn pháp diệu. Tại sao ? Vì pháp bình đẳng, chẳng có cao thấp, pháp pháp đều là toa thuốc. Bạn có bệnh gì thì uống thuốc đó, thuốc này dùng để trị bệnh của bạn, nếu lành bệnh thì thuốc hay, nếu bạn dùng lầm thuốc, thì dù thuốc hay cũng biến thành thuốc độc.

Hôm nay có người hỏi tôi : Ăn thịt có thể khai ngộ chăng ? Tôi nói : "Nếu kẻ ăn thịt một lần nuốt được một con heo, một con dê hoặc một con bò, nếu có miệng lớn như thế thì có thể ; nếu không có miệng lớn như thế thì

chẳng có ai bảo đảm có thể khai ngộ. Lục Tổ Huệ Năng sống với bọn thợ săn hơn mười năm, do đó Ngài ăn thịt, song, Ngài ăn rau bên thịt. Vì Ngài sống với thợ săn, thợ săn họ dùng thịt làm thức ăn, nếu Ngài không ăn thịt thì chẳng có gì để ăn, về sau Ngài tự trồng chút ít rau cải cũng chẳng nấu riêng, Ngài bỏ rau vào trong nồi thịt, khi ăn, Ngài vớt rau ăn, đó gọi là rau bên thịt. Lục Tổ Ngài ăn rau bên thịt, vì Ngài là người đã khai ngộ thành Phật, thì Ngài ăn thịt, ăn gì cũng có thể được. Chúng ta chẳng có trí huệ đức hạnh như Ngài Lục Tổ, chẳng khai ngộ, mà cứ tham ăn hưởng thụ, ăn vật ngon vào trong bụng cũng biến thành bản thủ, chẳng có ý nghĩa gì hết". Tâm của chúng ta có thể đến mười pháp giới. Mười pháp giới không ra ngoài một niệm tâm hiện tiền. Ví như, chúng ta sinh một tâm niệm ác, thì trồng xuống nhân địa ngục, sinh một niệm ác nữa, thì trồng xuống nhân ngạ quỷ, sinh một niệm ác ghét hận, thì trồng xuống nhân A Tu La, sinh một niệm ác ngu si, thì trồng xuống nhân súc sinh. Bạn sinh một niệm thiện thì sẽ sinh vào loài người, nếu sinh tâm giữ năm giới, tu mười điều lành, thì sẽ sinh về cõi trời. Nếu như, phát tâm tu hành : khổ, tập, diệt, đạo, bốn Diệu Đế thì trồng nhân Thanh Văn. Bạn phát tâm tu Lục độ vạn hạnh thì trồng nhân Bồ Tát. Bạn phát tâm tu trì tất cả Phật pháp, hy vọng thành Phật, thì đó là trồng nhân Phật.

Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, trời, người, A tu la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục, là mười pháp giới. Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn là bốn pháp giới

của bậc Thánh. Trời, người, A tu la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục, là sáu pháp giới của phàm phu, hợp lại là mười pháp giới. Mười pháp giới là từ một niệm tâm hiện tiền của chúng ta tạo thành, cho nên nói tâm pháp diệu. Nếu tâm pháp không diệu thì chúng sinh pháp cũng không diệu ; chúng sinh pháp không diệu, thì Phật pháp cũng không diệu. Vì tâm pháp diệu cho nên chúng sinh pháp cũng diệu, Phật pháp cũng diệu. Mười phương chư Phật cũng chẳng vượt ra một tâm niệm hiện tiền, mười phương các Bồ Tát cũng chẳng vượt ra một tâm niệm hiện tiền của chúng ta ; cho đến mười phương các Duyên Giác, Thanh Văn cũng chẳng vượt ra một tâm niệm hiện tiền của chúng ta. Thậm chí trời, người, A tu la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục, cũng chẳng vượt ra một niệm tâm hiện tiền.

Nói đến chữ tâm, người xưa có nói mấy câu rằng :

"Ba chấm bày như sao,  
Uốn cong tợ trăng non,  
Mang lông từ đây khởi,  
Làm Phật cũng do nó".

Trong thiên tông có nói : "Phật đến chém Phật, ma đến chém ma". Nghĩa là, Phật đến cũng dùng động tâm, phải tu được định lực này. Không thể Phật đến thì sinh tâm vui mừng, một khi sinh tâm vui mừng tức là : "Phàm tất cả các tướng, đều là hư vọng". Tại sao sinh tâm vui mừng ? Nên biết : "Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng, tức thấy

Như Lai". Tất cả những gì có tướng đều không thật, nếu nơi tất cả tướng mà thấy là không, thì đó tức là chân không, mà trong chân không lại thấy là có (hữu), đó là diệu hữu. Chân không vốn chẳng không, diệu hữu vốn phi hữu (chẳng có). Bạn nói đó có diệu chăng ? Đến được lúc này thì gọi là "phân chứng tức Phật".

Tuy đến được phân chứng tức Phật, nhưng chưa cứu kính, phải như Đức Phật ngồi dưới cội bồ đề, thấy sao mai mọc mà ngộ đạo, chứng quả cứu kính, đó gọi là "cứu kính tức Phật". Những gì đã nói ở trên là lấy "lục tức Phật" để giải thích về diệu pháp này, đến được lúc này, mới thân chứng bản thể của diệu pháp mà chân chánh thành Phật.

Cảnh giới diệu pháp thì không suy lường, không phân biệt. Như có người muốn học Chú Lăng Nghiêm, thì họ rơi vào sự suy lường và phân biệt. Nên biết, nếu bạn càng suy lường, thì càng không thể học, càng phân biệt thì càng không hiểu. Nếu bạn muốn nghĩ tại sao, thì không thể nhớ được Chú Lăng Nghiêm. Đừng nghĩ gì hết, mà chỉ biết tụng niệm Chú Lăng Nghiêm, là bản phận của mình mới đúng. Muốn thuộc lòng Chú Lăng Nghiêm, thì đừng dùng tâm phân biệt và suy lường, phân biệt tức là thức thứ sáu, suy lường tức là thức thứ bảy. Chúng ta phải dùng diệu pháp không phân biệt, không suy lường, phải dùng chân tâm để học Phật pháp.

Diệu pháp tuy là diệu, song người dùng được rất ít. Xưa kia có vị cư sĩ họ Bàng, sau khi ông ta khai ngộ, thì nhớ lại từ vô lượng kiếp cho đến nay, đời đời kiếp kiếp cho đến hiện tại mới khai ngộ, cảm thấy sự việc thật không dễ dàng, cho nên ông ta nói lên pháp môn của diệu pháp đã ngộ, thật là : "**Khó, khó, khó** "! Vì tu hành thì phải sửa đổi diệt trừ tập khí ma bệnh nhưng vẫn cứ tái phạm, bạn muốn không nóng giận nhưng khi có sự việc xảy đến lại khiến cho bạn nổi giận, có vẻ như thử thách bạn. Ví như : Bạn muốn không uống rượu nữa, mà tình cờ gặp bạn bè rủ bạn đi uống rượu. Bạn từ chối nói bạn giữ giới rượu, y lại nói : "Uống lần cuối cùng này rồi hãy giữ giới", sau đó lại có người bạn khác đến rủ bạn nữa, cứ như thế mà muốn giữ giới rượu chẳng phải dễ, thậm chí tất cả những hành vi tập khí xấu, nghĩ muốn tiêu trừ thật chẳng dễ dàng chút nào.

Cư sĩ họ Bàng cảm thấy sự khai ngộ rất khó, song vợ của ông ta cho rằng không khó. Bà ta nói : "**Đễ, dễ, dễ!** **Bách hoa đầu thượng Tổ Sư y'**. Nghĩa là : hết thảy cỏ cây, đều là tâm ấn pháp môn của Phật, diệu ý của Tổ Sư Đạt Ma ở trên đây trăm hoa. "**Thúy trúc hoàng hoa, vô phi bát nhã**". Tất cả trúc xanh hoa vàng, đều là thuyết pháp, biểu hiện trí huệ Bát nhã. Tô Đông Pha đã từng nói rằng :

"Kê thanh tận thị quảng trường thiệt,  
Sơn sắc vô phi thanh tịnh thân".



Nghĩa là : tiếng suối reo, tướng luồn rộng dài của mười phương chư Phật, nói ở trong Kinh A Di Đà, màu sắc đỉnh núi, đầu chẳng phải là diệu pháp chẳng ! Một cọng cỏ, một bụi cây đều là diệu pháp. Như vậy cứu kính thì có gì khó ? Vì cả nhà ông cư sĩ họ Bàng, đều là người khai ngộ, còn con gái của ông ta là Bàng Linh Chiêu cũng nói : "**Cũng chẳng khó, cũng chẳng dễ ! Đói thì ăn, mệt thì ngủ**". Đó là biểu thị, bình thường hằng ngày như ăn cơm, mặc áo, ngủ, nghỉ .v.v., đều là diệu pháp. Người tu đạo suốt ngày ăn cơm, nhưng chưa ăn một hạt gạo, suốt ngày mặc áo, nhưng chưa mặc một sợi tơ, đó chẳng phải nói dối, mà là tâm chẳng dính mắc ; do đó : thấy mà chẳng thấy, nghe mà chẳng nghe, ăn mà chẳng biết mùi vị, đó là đã đạt đến cảnh giới vô tâm. Lúc đó, tuy là ngủ nhưng giống như tỉnh, vì chẳng hề đồ, chẳng giống như người thường mộng寐, khởi vọng tưởng.

Tại Trung Quốc, có vị Quốc Sư Ngọc Lâm rất thông minh. Sư phụ của Ngọc Lâm muốn Ngọc Lâm và sư huynh của Ngài (Ngọc Lam), trong một ngày một đêm học thuộc bộ Kinh Pháp Hoa, nếu ai thuộc lòng trước thì truyền pháp cho người đó. Sư huynh của Ngọc Lâm ngủ li bì suốt ngày, Quốc Sư Ngọc Lâm cho rằng, mình nhất định thuộc Kinh Pháp Hoa trước sư huynh của mình. Không ngờ Ngọc Lâm lên gặp Sư Phụ, thì Sư Phụ nói với Ngài rằng, sư huynh của con đã thuộc lòng tối hôm qua rồi. Tại sao sư huynh của Ngài mau thuộc lòng như thế ? Vì

cảnh giới của Ngài đã đạt đến ngủ mà chẳng ngủ, có thể là nhập định. Người thường dụng công phu, thì bất cứ đi đứng nằm ngồi, đều có thể nhập định. Người không dụng công, thì chỗ này ồn ào, chỗ kia chẳng thanh tịnh. Kỳ thật, nếu như tâm của bạn thanh tịnh, thì đi đâu cũng đều thanh tịnh.

Trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật từng nói với Ngài A Nan : "**Thành Phật là do sáu căn, đọa lạc cũng do sáu căn**". Sáu căn, sáu thức, mười pháp giới đều là diệu pháp, đều là biểu hiện xưa nay nói về tâm, song bạn đừng suy lường, đừng phân biệt, một khi suy lường và phân biệt, thì rơi vào sào huyệt của ý thức. Do đó, phần đông tâm không thể chuyên nhất, không thể chuyển thức thành trí. Trí là do thức biến hóa ; trí cũng là diệu pháp. Ở phần chúng sinh là chuyển trí thành thức, là trí huệ vốn có biến thành ý thức, cho nên từ diệu biến thành thô, mà thô thì chẳng diệu. Ở tại phần của Phật thì chuyển thức thành trí ; cho nên ở trong sào huyệt ý thức, đắc được trí huệ chân chánh, mà chúng được diệu pháp.

Diệu pháp mà nói ra thì vô cùng vô tận, chiếu theo trong bốn môn của Đức Phật, thì có mười thứ diệu, tích môn lại có mười thứ diệu. Bốn tức là Phật, tức diệu giác ; tích là thù tích, hiển bày đủ thứ vết tích. Vì diệu quá rộng, quá nhiều, cho nên Trí Giả Đại Sư, từng nói về chữ diệu trong chín mươi ngày. Diệu thì không thể dùng tâm để suy nghĩ, không thể dùng lời luận bàn, chỉ có biết là diệu, song vẫn có chỗ không minh bạch. Dưới đây, sẽ giảng những

công án để mọi người nghe, để chứng minh chỗ diệu của diệu pháp.

Trước kia, có vị Hòa Thượng mỗi ngày đều tụng một bộ Kinh Pháp Hoa, từ trong Kinh, Ngài biết biên chép bộ Kinh này, công đức không thể nghĩ bàn, do đó, Ngài cung kính biên chép toàn bộ Kinh Pháp Hoa. Khi Ngài biên xong bộ Kinh này, thì đang lúc mùa đông, Ngài đem bút bỏ vào trong nước ngâm để rửa, thì trong nước bỗng nhiên hiện ra một đóa hoa sen bằng bằng đá. Đóa hoa sen bằng bằng đá đó dần dần cao lớn. Do đó, Ngài tự cho mình một biệt hiệu là "Băng Liên Hòa Thượng" (Hoà Thượng hoa sen bằng bằng đá), sự việc này lúc đó có rất nhiều người thấy được.

Còn có một câu chuyện, cũng chứng minh sự diệu của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Trước kia, có vị Hòa Thượng rất có địa vị tham chánh ở trong triều đình. Mỗi lần ông ta từ Chùa đến hoàng cung đều chẳng ngồi kiệu, ông ta cỡi ngựa. Mỗi lần ông ta ngồi trên lưng ngựa, thì đọc thuộc lòng quyển thứ nhất của Kinh Pháp Hoa, đến hoàng cung thì vừa tụng xong quyển thứ nhất. Ngày nào cũng thế, một ngày nọ, con ngựa đột nhiên chết, mà có nhà cư sĩ đối diện trước Chùa của ông ta, hạ sinh một bé trai. Trước khi hài nhi ra đời, thì mẹ của đứa bé mộng thấy, con ngựa của vị Hoà Thượng cỡi chui vào bụng bà ta, chẳng bao lâu thì hài nhi ra đời. Bà ta cảm thấy kỳ lạ, mới kêu người đến Chùa hỏi xem, mới biết con ngựa đó

vừa mới chết. Bà ta biết đứa bé này là con ngựa đó đến đầu thai, cho nên đem đứa bé đó vào Chùa, song đứa bé đó rất ngu si, tối tăm, bất cứ dạy y đọc, hoặc viết chữ, y chẳng làm được, cho nên một chữ cũng chẳng biết. Song, có một vị Hòa Thượng dạy y đọc Kinh Pháp Hoa, thì y nhớ quyển thứ nhất rất nhanh chóng, còn những quyển còn lại y chẳng nhớ được. Vì khi y làm ngựa thì mỗi ngày vị Hoà Thượng cỡi, đều tụng thuộc lòng quyển thứ nhất, cho nên y nhớ được. Vì y nghe được Kinh Pháp Hoa, mà được đầu thai làm người, do đó đủ biết công đức của bộ Kinh Pháp Hoa này, thật là không thể nghĩ bàn.

Vào thời đại nhà Tấn, tại Vân Nam có vị cư sĩ tên là Trần Đông Viện, ông ta rất tin Bồ Tát Quán Thế Âm. Ông ta từng đến núi Phổ Đà, lễ bái đạo tràng của Bồ Tát Quán Thế Âm. Khi ông ta lạy xong, thì thấy một vị Hòa Thượng đang tụng Kinh Pháp Hoa, bèn thỉnh vị Hòa Thượng đó thế ông ta tụng Kinh siêu độ hồn của mẹ, khiến cho được lìa khỏi cảnh khổ, sớm sinh lên cõi Trời. Khi công đức viên mãn thì con bò của nhà ông ta đột nhiên chết đi. Đêm đó, con bò báo mộng cho ông ta nói : "Ta là mẹ của người, vì khẩu nghiệp quá nặng, tội nghiệt quá sâu, cho nên đầu thai làm bò. Nay nhờ nhà người thỉnh Pháp Sư tụng Kinh siêu độ ta, khiến cho ta lìa khỏi thân bò, nhưng vẫn chưa lìa khỏi khổ ở địa ngục, nhà người hãy thỉnh vị Pháp Sư vì ta tụng Kinh siêu độ nữa" ! Trần Đông Viện lại đến núi Phổ Đà gặp vị Hòa Thượng đó, thỉnh Hòa Thượng siêu độ mẹ của ông ta nữa,

vị Hòa Thượng đó tụng Kinh thì đương nhiên rất thành tâm, nhưng chúng nghiện rượu chưa bỏ được, đôi khi uống một hai ly rượu. Khi ông ta biết tình hình mẹ của Trần Đông Viện, thì rất thành tâm quỳ trước bàn Phật tụng Kinh Pháp Hoa, khi tụng đến quyển thứ tư, thì ông ta khát nước, muốn uống trà, nhưng bình trà chẳng có trà, song thấy trong ly rượu thường dùng hằng ngày lại có rượu, bèn uống hết ly rượu đó, rồi tiếp tục tụng hết bộ Kinh Pháp Hoa.

Trần Đông Viện lại nằm mộng thấy mẹ của ông ta nói : "Số là ta có thể thoát khỏi địa ngục, khi Pháp Sư tụng Kinh Pháp Hoa, từ quyển một đến quyển bốn thì trong địa ngục đầy khắp kim quang, còn có hoa sen bằng vàng sinh ra, chính lúc đó ta phải đi đầu thai, thì hốt nhiên có mùi rượu đầy khắp địa ngục, từ quyển thứ năm đến quyển thứ bảy, thì chẳng có công hiệu là bao, người hãy thỉnh vị Hoà Thượng đó vì ta tụng nữa !" Trần Đông Viện lại đem tình hình trên nói với vị Hòa Thượng đó. Trước kia, vị Hòa Thượng đó cho rằng uống một hai ly rượu chẳng có quan hệ gì, khi trải qua sự việc này thì ông ta hoàn toàn bỏ rượu. Từ câu chuyện này nhìn lại thì sự diệu của Kinh Pháp Hoa không thể nghĩ bàn.

Người học Phật, phải biết Kinh Pháp Hoa có rất nhiều sự màu nhiệm, như làm súc sinh mà nghe Kinh nghe Pháp, thì được đầu thai làm người, ở trong địa ngục chịu khổ mà nghe được Kinh, thì có thể sinh về cõi Trời. Vì có ý nghĩa như vậy, cho nên có một số người tụng

niệm Kinh điển, y chiếu phương pháp trong Kinh điển mà tu hành, bất quá tu hành tuyệt đối dùng tự mãn, dùng cho rằng tụng Kinh có công đức. Nếu bạn sinh tâm tự mãn, không những chẳng có công đức, mà có thể nói là lãng phí. Từ từ trồng xuống chút căn lành, người tu đạo nên nhớ dùng tự đại, dùng cống cao ngã mạn, phải khiêm cung hòa kính.

Trong khi Pháp Bảo Đàn, có một đoạn nói : Có một vị Tăng tên là Pháp Đạt, tụng Kinh Pháp Hoa đã hơn ba ngàn bộ, do đó ông ta sinh tâm cống cao ngã mạn. Khi ông ta đến Tào Khê Chùa Nam Hoa gặp Lục Tổ Huệ Năng, thì bỗng lai tất cả chư Tăng thấy vị Hòa Thượng trụ trì đều đắp y trì cụ, cung kính đánh lễ. Vì trong tâm của Pháp Sư Pháp Đạt sinh ra một sự chướng ngại, cho rằng tụng đã hơn ba ngàn bộ Kinh Pháp Hoa, thì công đức chắc chắn không ít, do đó, khi ông ta thấy Lục Tổ Huệ Năng thì chỉ khom lưng, đầu lạy chẳng dụng đất.

Lục Tổ hỏi ông ta : "Hiện tại trong tâm của ông có vật gì ? Ông bình thường tu tập pháp môn gì ?" Pháp Sư Pháp Đạt nói : "Tôi tụng Kinh Pháp Hoa đã hơn ba ngàn bộ". Lục Tổ nói : "Đừng nói tụng được bao nhiêu bộ Kinh, điều quan trọng là hiểu được ý của Kinh". Lại nói :

"Lễ bốn triết mạn tràng  
Đầu hè bất chí địa ?  
Hữu ngã tội tức sinh  
Vong công phước vô tử".

Nghĩa là :

*Lễ lay để diệt trừ kiêu mạn,  
Sao đâu chẳng đụng đất ?  
Còn cái ta thì tội sinh ra,  
Quên cái ta thì phước vô ngần.*

Chính là :

"Tâm mê Pháp Hoa chuyển,  
Tâm ngộ chuyển Pháp Hoa".

*"Tụng Kinh cứu bát giải, dĩ nghĩa tác cứu già".*

Nghĩa là : khi tâm của bạn mê, thì bị Kinh Pháp Hoa chuyển, khi trong tâm của bạn minh bạch, thì chuyển được Kinh Pháp Hoa. Chuyển Pháp Hoa mới là diệu pháp, bị Pháp Hoa chuyển, là diệu mà chẳng diệu, chuyển Pháp Hoa mới là không diệu mà diệu. Bạn tụng Kinh Pháp Hoa hơn ba ngàn bộ, nhưng chẳng hiểu nghĩa trong Kinh, thì giống như bạn với ý nghĩa của Kinh, sinh ra một sự oan cù. Bỏ lại bộ Kinh này với bạn là một thể, nhưng bạn cho rằng, tụng được hơn ba ngàn bộ Kinh thì có công đức, có sự chướng ngại, cho nên biến thành hai. Chỉ vì bạn chưa minh bạch đạo lý trong Kinh, cho nên chưa trừ khử được tâm cống cao ngạo mạn.

Từ câu chuyện này về sau, hy vọng bất cứ vị nào có công đức gì, đều đừng sinh tâm kiêu ngạo và tự mãn. Nên nhớ ! Người học phật pháp, nhất định phải khiêm cung hòa

kính, đừng kiêu ngạo với bất cứ người nào, điểm này rất là quan trọng, hy vọng mọi người để vào tai những gì tôi nói.

Đề Kinh của bốn Kinh này là : Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, diệu pháp rộng lớn vô cùng, chẳng cách chi nói hết được. Ở trên đã giải thích đại khái, bây giờ giảng tiếp về hai chữ Liên Hoa (hoa sen).

Hoa sen là một thứ hoa hy hữu nhất. Thứ hoa này, thuộc về : hoa quả cùng lúc ; hoa nở thì sen hiện, hoa rụng thì sen thành. Rễ của hoa sen ở dưới bùn, cọng thì ở trong nước, còn hoa thì vượt lên khỏi mặt nước. Rễ ở trong bùn là biểu thị phàm phu, cọng ở trong nước là biểu thị hàng nhị thừa. Phàm phu chấp về có, ở trong bùn là ví dụ có ; nhị thừa thì chấp không, cọng hoa ở trong nước là biểu thị không. Hoa sen ở trên mặt nước là vượt ra không, có ; là biểu thị trung đạo và liễu nghĩa. Tức chẳng rơi về không, cũng chẳng rơi về có. Không, có gọi là hai bên, chẳng chấp vào hai bên, là trung đạo liễu nghĩa.

Sao lại nói hoa sen là biểu thị sự trung đạo liễu nghĩa, đại giáo viên đốn ? Vì một khi hoa sen nở, thì có sen, đó gọi là biểu thị nhân quả không hai ; nhân là quả, quả cũng là nhân, như trồng nhân Phật thì kết quả Phật. Mà hoa quả cùng lúc, cũng là biểu thị khai quyền hiển thật. Hoa sen nở thì biểu thị khai quyền, pháp quyền xảo phương tiện, sen hiện ra là biểu thị thật pháp ; là chân thật không hư, dùng pháp thật tướng làm thể.



Trong bốn Kinh này có nói, Phật vì đại sự nhân duyên mà xuất hiện ra đời. Đại sự gì ? Là vấn đề sinh tử của chúng sinh. Phật dạy tất cả chúng sinh giác ngộ, liễu sinh thoát tử. Có người nói : "Sinh tử ai ai cũng có, sao gọi là đại sự ?" Không sai, ai ai cũng sinh, ai ai cũng chết. Song, sinh rồi lại chết, chết rồi lại sinh, cứu kính là vì sao ? Trang Tử có nói mấy câu này rất là chí lý : "Sinh mạng của tôi thì có hạn, mà sự hiểu biết thì vô hạn, lấy cái có hạn học cái vô hạn". Nghĩa là, sinh mạng thì có hạn định, có lúc kết thúc, song, sự hiểu biết thì chẳng có bờ mé. Chúng ta dùng sinh mạng có hạn định, để học sự hiểu biết vô hạn, đó thì chẳng cách chi truy cứu được ! Nhưng ông ta chỉ biết một nửa, chưa biết hết toàn thể, tại sao nói như thế ? Vì ông ta chỉ biết sinh mạng có lúc kết thúc, mà chẳng biết kết thúc rồi sẽ có bắt đầu nữa.

Sinh mạng của chúng ta, chẳng phải đi rồi thì không trở lại. Nếu bạn biết vấn đề sinh tử như thế nào, thì cũng chỉ giải quyết được một nửa ; nếu chẳng biết vấn đề sinh tử như thế nào thì chẳng minh bạch. Do đó, đến cũng hồ đồ, đi cũng hồ đồ. Về vấn đề sinh tử, Tử Lộ từng hỏi đức Khổng Tử : "Thầy ! Con phải dùng phương pháp gì để cung phụng quỷ thần ?" Khổng Tử đáp : "Chưa biết lo cho người, sao cung phụng được quỷ ?" Tử Lộ lại hỏi : "Dám hỏi về cái chết, con cả gan hỏi về chết như thế nào ? Chết từ vị nó như thế nào ? Tình hình chết như thế nào?" Khổng Tử đáp : "Chưa biết sinh, làm sao biết chết?" Nghĩa là chưa biết sống như thế nào, lại làm sao biết chết ? Túc

cũng là, sinh như thế nào thì chết như thế ấy. Vậy cứu kính sinh như thế nào ? Đó là nói đến vấn đề căn bản, mọi người nên chú ý chỗ này một chút, sinh tử là một đại sự.

Người là do tình dục mà sinh, cho nên cũng do tình dục mà chết. Nếu chẳng có tình dục thì chẳng có sinh, cũng chẳng có chết. Vấn đề sinh tử là do tâm tham dục, nếu đoạn trừ được tâm tham dục, thì cũng biết rõ về sinh tử. Phật là vì muốn chấm dứt vấn đề sinh tử của tất cả chúng sinh, mà đến thế giới này, cho nên vấn đề sinh tử rất là quan trọng.

Có câu chuyện về vấn đề sinh tử : Xưa kia có một đại phú ông cưới một cô vợ rất đẹp, sinh được ba người con. Đại phú ông ngoài tiền bạc ra, ông ta chẳng biết gì hết. Tiền là người bạn tốt nhất trong cuộc đời của ông ta, như cốt nhục chí thân, cho nên ông ta sửa đổi một đoạn "Trung Dung" của bậc Thánh nhân trước tác. Sửa là :

"Thiên mạng chi vị tiền,  
Suất tính chi vị tiền,  
Tu đạo chi vị tiền.  
Tiền dã giả, bất khả tu du lìa dã".

Tiền thì không phút giây nào xa rời nó. Do đó, ông ta đặt tên cho thằng con trai cả tên là Vàng, đứa kế là Bạc, vì vàng bạc đều có, đứa thứ ba thì đặt tên rất là kỳ quái, gọi là Nghiệp Chướng.

Khi ba đứa con của ông ta trưởng thành, thì ông ta cũng già nua, lại còn mắc bệnh tê liệt, mắc phải bệnh này ông chẳng đi đâu được, suốt ngày nằm trên giường, nhà tuy giàu có, song chẳng ai hầu hạ ông ta. Vợ đẹp của ông ta cũng xa lìa ông ta, đứa con thông minh của ông ta cũng chẳng đến thăm ông ta. Ông ta cắn răng muốn chết sớm một chút, song ông ta lại nghĩ : Một mình xuống âm phủ quá cô đơn, do đó ông ta thương lượng với bà vợ nói : "Tôi bị bệnh đã lâu, coi bộ chẳng qua khỏi, bằng chi chết sớm một chút cho yên thân. Bà có thể đi với tôi nhé ?" Bà vợ đẹp của ông ta đáp : "Sao ông lại có thể kêu tôi đi với ông ? Chết thì ai cũng không thể thế cho ai, ông bị bệnh thần kinh chẳng ?" Ông ta thấy vợ chẳng chịu đi theo, ông ta bèn gọi đứa con trai cả nói : "Vàng ! Khi con vừa sinh ra thì ta thương con nhất, con có biết chẳng ?" Con trai cả đáp : "Đương nhiên con biết". Ông ta lại nói : "Bây giờ ta sắp chết, con đi với ta nhé ?" Con trai cả nghe vậy đáp lại : "Ông thật là hồ đồ ! Tuổi của ông đã lớn, là đáng chết, con còn trẻ sao có thể chết được ? Nếu như cha thương con thì đừng kêu con chết đi". Do đó, đứa con cả chạy đi. Ông ta lại kêu đứa thứ nhì nói : "Bạc ! Hiện ta sắp chết, con đi với ta nhé ?" Con trai thứ nhì nói : "Ông này lộn xộn ! Muốn chết thì chết, sao lại kêu ta đi theo với ông ?" Vợ của ông ta và hai đứa con lớn, chẳng chịu đi theo ông ta. Cuối cùng ông ta kêu đứa thứ ba đến nói : "Nghiep Chưởng ! Con tuổi trẻ nhất, ta cũng thương con nhất, ta muốn chết, nhưng bỏ con chẳng đặng, con tính làm sao

đây ?" Thằng út thông minh lanh lợi nói : "Đừng lo, cha thương con nhất thì con sẽ chết theo cha" ! Ông ta nghe vậy rất vui mừng, vì chỉ có đứa con út Nghiệp Chương chịu đi với ông ta vào địa ngục, cho nên ông ta nói :

"Mọi thứ chẳng mang theo được,  
Chỉ có nghiệp theo mình".

Tất cả vàng, bạc, châu báu, đều mang đi chẳng đặng, chỉ có nghiệp thiện, hoặc nghiệp ác, mà bạn tạo ra, thì mới theo bạn như bóng theo hình. "*Đản niệm A Di Đà, vãng sinh cực lạc quốc*". Tất nhiên là nghiệp theo mình thì phải chuyên tâm niệm "Nam Mô A Di Đà Phật", thì sẽ được vãng sinh về thế giới Cực Lạc, sẽ không đọa lạc vào biển khổ sáu nẻo luân hồi. Trong Kinh A Di Đà có nói : Cõi nước Cực Lạc dùng vàng làm đất, vàng làm đất thì nhiều vô số, có thể nói là giàu sang đến cực điểm.

Chúng ta sống ở đời, phải kịp thời làm thiện, còn chút hơi thở, chút sức lực, thì phải làm thiện tích đức, đừng có chỉ mượn phước đã tích tập trong kiếp trước, mà hưởng thụ hết trong đời này.

Hoa có nhiều loại khác nhau, có loại "hoa đại không có quả", chỉ có hoa mà chẳng có quả, là ví dụ những người buông lung, cứ nói dối, chỉ nói mà không làm, cũng là ví dụ cho ngoại đạo. Vì những bần môn tả đạo, mặt ngoài trông có vẻ rất là thần thánh, họ cũng rất dụng công tu hành, tu đủ thứ sự khổ hạnh, nhưng

chẳng kết quả, cuối cùng chẳng thành công, đó cũng như hoa dại chẳng có quả.

Có thứ "hoa có rất nhiều quả", đó là ví dụ phàm phu cúng dường cho cha mẹ, sư trưởng, đủ thứ hành vi hiếu thuận. Vì cúng dường cha mẹ, cho nên được rất nhiều công. Những công này, tương lai cũng sẽ kết rất nhiều quả, hoặc là sinh về cõi trời, hoặc là sinh vào cõi người làm người giàu có, đó thật là một hoa có nhiều quả.

Lại có, "một hoa kết một quả", đó là biểu thị Duyên Giác. Duyên Giác tu hạnh viển ly, tu pháp môn này, thì vào trong rừng sâu núi thẳm, cũng chỉ đắc được quả vị Duyên Giác.

Lại có, "trước quả sau hoa", như Tu Đà Hoàn, họ đã chứng quả Tu Đà Hoàn, nhưng về sau họ vẫn cần tiếp tục tu hành.

Lại có, "trước hoa sau quả", đây là biểu thị Bồ Tát thừa, Bồ Tát thì trước phải tu hành, về sau mới đắc được quả vị Bồ Tát. Song, những thứ hoa đã nói ở trên, không thể ví dụ với diệu pháp được, cũng không thể sánh với diệu pháp, chỉ có hoa sen mới thật sự có thể ví dụ cho diệu pháp, vì hoa sen là hoa quả cùng lúc, biểu thị tức quyền tức thật.

Hoa quả cùng lúc vừa nói ở trên, mới biểu thị khai quyền hiển thật, vừa có hoa lại có quả, quyền là hoa, thật là quả, song, duy thật thì quyền, sao lại có hoa ? Hoa là vì chấp quả mà có. Khi Phật nói Kinh Hoa Nghiem, A Hàm,

Phương Đẳng, Bát Nhã đều vì nói Kinh Pháp Hoa, mới nói những Kinh điển đó. Pháp được nói ra trước là quyền pháp (pháp phương tiện), chứ chẳng phải là thật pháp, đến hội Pháp Hoa mới là thật pháp, thật giáo. Dem quyền giáo triển khai, để hiện thị ra nhất thừa thật pháp, đó tức là : hoa nở sen hiện, cũng gọi là khai quyền hiển thật. Hoa rụng sen thành, tức gọi là bỏ quyền lợi thật, xả bỏ quyền pháp, tuyên lưu ra diệu pháp chân thật. Thật giáo thượng thừa tức là viên đốn nhất thừa.

Pháp của Phật nói gồm có : bản, tích (gốc, vết tích) hai môn. Bản môn là gì ? Bản là căn bản, tích là vết tích. Bản là gì ? Bây giờ đưa ra một ví dụ : Mặt trăng ở trong hồ không là bản (gốc), mặt trăng trong nước là tích, gốc chỉ có một, mà tích thì có vô lượng vô biên. Do gốc mà có tích, nhờ có gốc mới hiển thật tích. Khai tích hiển gốc. Tích là tông tích, như bóng, có cái bóng hoặc là sự tích. Đó đều là do thật mà thí quyền, khai quyền hiển thật, giống như đạo lý bỏ quyền lợi thật.

Ở trong Kinh văn nói : Mười sáu vị Vương tử phát tâm xuất gia tu đạo là gốc, mà ở trước đó chẳng biết lâu xa bao nhiêu, cho nên mười sáu vị Vương tử xuất gia cũng không kể là gốc. Hiện tại Đức Phật Thích Ca, thị hiện thân Phật đến thế giới này, vì chúng sinh mà thuyết pháp là tích. Kỳ thật, Phật Thích Ca chẳng phải mới ở thế giới này tu đạo thành Phật, mà trong vô lượng kiếp lâu xa về trước đã thành Phật rồi. Trong Kinh Phạm Võng có nói

:"Ta đến thế giới Ta Bà này đã tám ngàn lần". Thế giới Ta Bà hiện tại của chúng ta đây, là một thế giới Ta Bà mới, là thế giới Ta Bà trẻ trung, còn có thế giới già, bổn lai thế giới đó mới gọi là gốc, thế giới hiện tại gọi là tích. Nếu dùng Phật pháp theo sự hiểu biết của chúng ta, thì chẳng cách chi đo lường được, là vô cùng vô tận, vô lượng vô biên, cho nên gọi là diệu pháp.

Hoa sen là tượng trưng cho diệu pháp. Diệu Pháp Liên Hoa là ví dụ cho bộ Kinh này, là biệt danh của bộ Kinh này. Biệt tức là riêng biệt, tại sao lại riêng biệt ? Vì chữ Kinh là tên chung. Tất cả Kinh đều gọi là Kinh ; giống như tất cả mọi người đều gọi là người. Song, mỗi người còn có tên của họ. Diệu Pháp Liên Hoa là tên riêng, Kinh là tên chung. Đây là dùng : riêng, chung hai pháp để phán đoán tên của bộ Kinh này.

Diệu Pháp là diễn nói vô tận. Nếu nói ý nghĩa rộng, thì thật không biết nói đến bao giờ mới hết, dù có nhiều thời gian cũng giảng chẳng xong. Hiện tại đã giải thích sơ lược về tên Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

**Kinh**, mọi người hầu như đều biết rành chữ Kinh, song, cứu kính có thật hiểu về chữ Kinh chẳng ? Nguồn gốc Kinh có năm lối giải thích áo diệu, cho nên gọi là ngũ trùng huyền nghĩa, tức là :

1. Thích danh.
2. Biện thể.

3. Minh tông.
4. Luận dụng,
5. Phán giáo.

Ngoài ra chữ Kinh còn bao hàm nhiều ý nghĩa khác.

Kinh nghĩa là "con đường", là con đường từ phàm phu đến quả vị Phật, đó là ý nghĩa thứ nhất. Thứ hai gọi là pháp bản, tức là pháp căn bản, là phương pháp trở về nguồn cội (thành Phật). Thứ ba là suối vọt, nghĩa là trào ra không ngừng, hoặc nghĩa là dây mực, tức là một thứ quy cụ, do đó "Không dùng quy cụ, sao thành vuông tròn". Nghĩa là cần có compas, thước, mới vẽ họa đồ được. Còn có một ý nghĩa là kết man. Kết là kết lại với nhau, man là tràng hoa, nghĩa là sâu kết tất cả các pháp lại với nhau. Cho nên mới nói Kinh là quán nhiếp thường pháp. Đem tất cả đạo lý trước sau, sâu lại với nhau, khiến cho đừng rời lạc chương tiết, cũng giống như làm văn, phải có mở đề, thân bài và kết luận. Kinh văn tựa như dùng một sợi chỉ khâu kết ý nghĩa lại. Nhiếp là nhiếp trì tất cả chúng sinh căn cơ hóa độ được ; bất cứ bạn thích hợp pháp môn nào, thì ở trong Kinh đều bao hàm hết thảy. Ví như : tham thiền, tĩnh tọa, thuyết pháp, giảng Kinh, trì luật, hoặc niệm danh hiệu Phật, trì Chú, học mật .v.v., bất cứ pháp môn nào, cũng đều có đủ trong Kinh điển.



Kinh, lại hàm có ý nghĩa là trường (dài). Trường tức là vĩnh viễn không đổi, từ khi đức Phật nói, rồi đến kết tập Kinh điển, cho đến hiện tại chưa từng biến đổi, một chữ cũng không thể bớt, cũng không thể thêm ; do đó không tăng không giảm, tức là ý nghĩa của Kinh vẫn hằng thường như vậy.

Tu Đa La là tiếng Phạn, dịch là "khế Kinh". Khế nghĩa là hợp ; trên thì thông với tâm của chư Phật, dưới thì hợp với tâm của chúng sinh ; đều tâm tâm khế hợp, niệm niệm như như. Như trong Kinh Hoa Nghiêm có nói : "*Tâm, Phật, chúng sinh, cả ba chẳng khác nhau*". Cho nên Kinh là tâm pháp, là chúng sinh pháp, tức là Phật pháp. Ba thứ pháp này, chẳng có sự phân biệt, đó là hiểu nghĩa Kinh hàng đầu trong sự "thích danh" (giải thích đề Kinh).

Biện thể là nhận thức bốn thể của Kinh này. Vậy bộ Kinh này lấy gì làm thể ? Bốn Kinh này lấy thật tướng làm thể. "Thật tướng vô tướng, vô sở bất tướng". Tất cả tướng, đều từ thật tướng mà sinh ra, không những các tướng đều do thật tướng sinh ra, mà tất cả chư Phật, tất cả các Bồ Tát, tất cả Duyên Giác, Thanh Văn cũng đều từ thật tướng huyễn sinh ra. Vậy thật tướng do ai tạo ? Chẳng có ai tạo, là bản lai có đủ. Sao lại có ? Gốc thật tướng có trước tất cả chư Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, cho đến tất cả chúng sinh, cũng đều từ bốn Kinh sinh ra. Vì chúng ta trải qua thời gian quá lâu, đã quên

mất ngôi nhà thật sự của mình, quên mất nguồn gốc mẫu thể. Bây giờ mọi người phát tâm nghe bộ Kinh này, có thể nói là tìm lối tắt trở về nhà.

Đã biết tên và thể của bốn Kinh này rồi. Vậy lấy gì làm tông ? Lấy nhất thừa : Nhân quả thực tế làm tông. Nhất thừa là một Phật thừa, chẳng có thừa nào khác. Người tu học từng phân ra : Thanh Văn thừa, mà bộ Kinh này, chỉ hướng về một thừa, tức là Phật thừa. Phật thừa chẳng nằm ở trong năm thừa. Thừa này dùng nhân quả chân thật làm tông. Bốn Kinh dùng hoa sen làm dụ, nghĩa là : tức nhân tức quả, tức quả tức nhân. Hoa sen nở tức là Phật nhân, đồng thời kết thành sen, tức là Phật quả. Cho nên nói, dùng nhất thừa nhân quả làm tông cho bốn Kinh này.

Đã biết tông của Kinh này rồi, bây giờ hãy nghiên cứu về dụng đồ. Dụng đồ của bộ Kinh này, là muốn chúng ta đoạn trừ nghi hoặc mà sinh tín tâm, Ngài Trí Giả Đại Sư đọc tụng Kinh Pháp Hoa mà khai ngộ, đắc được Đà La Ni, do đó sáng lập ra tông Thiên Thai. Chúng ta tuyệt đối đừng xem thường bộ Kinh này. Nên biết tất cả chư Phật, chư Bồ Tát, tất cả Tổ Sư, đều từ hoa quả trong bộ Kinh này mà sinh ra.

Giáo tướng của bộ Kinh này là gì ? Giáo tướng của Kinh này là đề hồ, trong năm thời tám giáo, tướng của Kinh Pháp Hoa và Kinh Niết Bàn đều thuộc đề hồ. Đề hồ là từ sữa bò, do sữa sinh ra lạc, do lạc sinh ra tô, từ tô

sống ra tô chín, từ tô chín ra đề hồ. Cho nên, đề hồ là vị ngon thơm hạng nhất, đó chỉ là một ví dụ. Mọi người nghe được bộ Kinh này, thì đồng như nếm được pháp vị diệu nhất, ngon nhất, trên hết thầy, vì toàn Kinh chữ đều bao hàm diệu nghĩa vô cùng, phải nhất tâm thọ trì làm chủ thì sẽ đắc được lợi ích vô tận.

Bộ Kinh này, do Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập, dịch vào thời Diêu Tần. Diêu Tần là thời kỳ Đông Tấn tại Trung Quốc, lúc ban đầu do Phù Kiên thống trị. Từ Hán Cao Tổ diệt Tần về sau, đến nhà Tấn có những người còn hoài niệm về nhà Tần. Cho nên Phù Kiên (người sau của Tần Thủy Hoàng) tổ chức một bang phái gọi là Tần Bang. Lập một nước ở tại Trường An gọi là Phù Tần. Lúc đó Khâm Thiên Giám (nhà thiên văn học) thấy ở trên bầu trời Ấn Độ có vì sao trí. Do đó, mới nói với Phù Kiên rằng, đương thời ở Tây vực (Ấn Độ) có bậc đại trí huệ, tương lai sẽ đến Trung Quốc, sẽ ủng hộ cho Trung Quốc. Phù Kiên nói : "Ta biết người này nhất định là Cưu Ma La Thập, chúng ta hãy đem binh đi bắt Ngài đem về !" Do đó, phái đại tướng quân Lữ Quang, dẫn bảy vạn nhân mã đánh nước Quy Từ Tây Vực (nay là một khu vực nhỏ cạnh bên Tân Cương của Trung Quốc), phải bắt lấy Pháp Sư Cưu Ma La Thập đem về. Khi Lữ Quang chưa đến nước Quy Từ, thì Pháp Sư Cưu Ma La Thập nói với vua nước Quy Từ rằng : "Hiện nay Trung Quốc xuất binh đánh chúng ta, mục đích chẳng phải tranh đất đai,

Ngài nên giảng hòa với Trung Quốc, bất cứ điều kiện gì đều đáp ứng họ". Song, vua nước Quy Từ chẳng nghe lời của Ngài Cừ Ma La Thập. Khi quân đội của Lữ Quang đến, thì ông ta đốt lửa đánh nhau với. Quân đội của Trung Quốc hùng mạnh, đánh thắng nước Quy Từ nhờ yếu này rất dễ dàng, giết chết vua nước Quy Từ. Bỏ lại vua nước Quy Từ rất là hạnh phúc, nhưng tại sao ông ta bị quân đội Trung Quốc giết chết ? Vì tiền kiếp nghiệp sát của ông ta quá nặng, cho nên định nghiệp không thể chuyển, không cách chi trốn tránh nghiệp báo xảy đến.

Diệt được nước Quy Từ rồi, Lữ Quang đem Ngài Cừ Ma La Thập về ở tạm tại Tây Lương, thì nghe nói trong nước phát sinh biến cố. Phù Kiên đã bị Diêu Trường giết chết. Diêu Trường lên làm Diêu Tần Hoàng Đế (vì ông ta họ Diêu, cho nên cải đổi triều đại Phù Tần thành Diêu Tần). Lữ Quang bèn ở tại đất Lương hạ trại tại chỗ trũng. Ngài Cừ Ma La Thập nói với Lữ Quang rằng : "Tuyệt đối đừng hạ trại ở chỗ này, chỗ này chủ nguy hiểm lắm. Khi nước lớn xuống thì sẽ ngập chìm hết toàn quân". Lữ Quang nói : "Ngài là người xuất gia, hiểu biết gì về việc bày binh bố trận ? Hạ trại tại chỗ này sao lại bị ngập chìm chết ? Ngài đừng lo lắng !" Vì anh ta chẳng nghe lời Ngài Cừ Ma La Thập, quả nhiên nửa đêm nước lũ từ trên núi tràn xuống, thế nước dữ dội làm chết hết năm sáu ngàn binh lính. Sáng ngày sau, anh ta mới biết Ngài Cừ Ma La Thập là người có thần thông. Từ đó anh ta rất khâm phục, rất tin tưởng Ngài Cừ Ma La Thập. Vì

Lữ Quang nghe nói Diêu Trường đã giết Phù Kiên, do đó anh ta án binh bất động tại Tây Lương, qua hai năm Diêu Trường chết, con là Diêu Hưng lên kế vị. Diêu Hưng biết trước kia Phù Kiên phái Lữ Quang đi bắt Ngài Cừ Ma La Thập về kinh, nhưng Lữ Quang không chịu, do đó Diêu Hưng phát binh đánh Lữ Quang, vừa lúc đó Lữ Quang qua đời, con là Lữ Long lên thay. Hai bên đánh với nhau, quân đội Lữ Long bị thua. Lúc đó, mới thỉnh Ngài Cừ Ma La Thập về Trường An, làm công tác phiên dịch Kinh điển. Công tác phiên dịch Kinh điển rất to tác khó khăn. Tại sao Phù Kiên muốn Lữ Quang đi bắt Cừ Ma La Thập đem về ? Tại sao Diêu Hưng lại phát binh đi tiếp Ngài Cừ Ma La Thập ? Vì lúc đó, Ngài Cừ Ma La Thập đức cao vọng trọng, ai ai cũng đều khâm phục kính ngưỡng Ngài. Ngài còn là nhân tài phiên dịch Kinh điển hay nhất, cho nên Diêu Hưng bắt Ngài đến Trung Quốc để phiên dịch Kinh điển. Đó là nguyên nhân Ngài Cừ Ma La Thập đến Trung Quốc.

Nhân duyên bản thân của Ngài Cừ Ma La Thập cũng rất kỳ diệu. Phụ thân của Ngài là Cừ Ma La Viêm, là con của thừa tướng một nước ở Trung Ấn Độ, bản lai Cừ Ma La Viêm có thể kế thừa chức thừa tướng, nhưng ông ta không muốn làm quan, mà muốn xuất gia tu đạo. Do đó, đi các nơi du học, đi khắp các nơi tìm minh sư. Vì phụ thân của ông ta là thừa tướng, cho nên đến đâu thì mọi người đều hoan nghênh, khi ông ta đi đến nước Quy

Từ, thì không những vua nước Quy Từ ra ngoài xa đón, mà còn mời ông ta dùng yến tiệc ở trong cung. Vua có người em gái tên là Kì Bà, khi thấy Cừ Ma La Viêm thì không nỡ rời xa. Kì Bà rất thông minh, kinh thường đàn ông của nước mình, cho rằng họ đều xấu chẳng hợp với cô ta, nhưng lần này thấy Cừ Ma La Viêm bèn động tâm. Tuy nhiên, cô ta chẳng nói với anh của cô ta, nhưng vua nước Quy Từ cũng là người thông minh, vua biết em gái mình, rất có hảo cảm đối với Cừ Ma La Viêm, do đó, gả Kì Bà cho Cừ Ma La Viêm. Chẳng bao lâu thì Kì Bà thọ thai, thì chuyện kỳ lạ cũng phát sinh. Kì Bà vốn không hiểu ngôn ngữ Ấn Độ, nhưng khi mang thai Ngài Cừ Ma La Thập, thì không những nghe được mà còn nói được tiếng Phạn, còn có tài năng biện tài vô ngại. Đương thời có vị A La Hán nói với mọi người rằng : "Đứa trẻ ở trong bụng của bà này, nhất định chẳng phải tầm thường, là người có đại trí huệ. Trước kia, đệ tử của đức Phật là Ngài Xá Lợi Phất ở trong bụng mẹ, thì mẹ của Ngài cũng có trí huệ biện tài vô ngại, đại khái đứa trẻ này cũng như Xá Lợi Phất". Đó là lúc Ngài Cừ Ma La Thập ở trong bụng mẹ, giúp cho mẹ của Ngài tăng thêm trí huệ.

Mẹ của Ngài sinh Ngài ra rồi, qua ba năm sau lại sinh một người con nữa. Từ đó trở đi, mẹ của Ngài luôn luôn đến Chùa nghe Kinh, vì căn cơ của bà ta sâu dày, nghe Pháp Sư thuyết pháp : Người ở trên thế gian đều là khổ, không, vô thường, vô ngã thì bà ta phát tâm muốn xuất gia. Nhưng phụ thân của Ngài Cừ Ma La Thập

không cho xuất gia vì tham luyện vợ đẹp, tài sản và địa vị, không những mình chẳng muốn xuất gia trở lại, mà cũng chẳng cho vợ xuất gia. Nhưng Kì Bà đã quyết tâm muốn xuất gia, bà ta phát nguyện nói : "Nếu không được xuất gia thì tôi sẽ nhịn đói mà chết". Do đó, bà ta chẳng ăn uống gì, ban đầu bà ta không ăn thì Cừu Ma La Viêm nghĩ chẳng hề gì, nhưng đến ngày thứ sáu thì thấy sự việc chẳng xong, nếu không cho bà ta xuất gia, thì không nỡ để bà ta chết đói, cho nên bèn nói với bà ta : "Tôi cho bà đi xuất gia, nhưng bà trước phải ăn uống đã !" Song, bà ta nói : "Ông đã cho phép tôi xuất gia thì trước phải xuống tóc cho tôi, sau đó tôi mới ăn. Nếu không xuống tóc, đợi tôi ăn xong thì ông không cho tôi xuất gia, lúc đó biết làm sao ?" Cừu Ma La Viêm thấy tình hình như vậy, bất đắc dĩ mới đi thỉnh Hòa Thượng trụ trì ở Chùa gần đó đến xuống tóc cho bà ta. Xuống tóc rồi bà ta mới ăn uống, chính thức bắt đầu đời sống của người xuất gia, học tập Phật pháp. Học tập Phật pháp nhất định phải có tâm chân thành; nếu chẳng có tâm thành, thì dù học bao lâu cũng chẳng thành tựu. Vì bà ta quá thành tâm, dù chết cũng muốn xuất gia, xem thường sống chết, buông xả tất cả mọi thứ, cho nên "tĩnh cực quang thông đạt", linh quang của bà ta hiện thông, mà chứng được sơ quả.

Kì Bà chứng được sơ quả rồi, thì dẫn Ngài Cừu Ma La Thập đến Chùa lễ Phật. Ngài Cừu Ma La Thập lúc đó, là cậu bé chỉ mới bảy tuổi. Khi vào Chùa thấy họ lạy Phật, Ngài cũng lạy Phật, thấy họ thắp hương, cũng thắp

hương; lại thấy ở trước bàn Phật có lư hương thật lớn, nhẹ nhất nặng cũng khoảng hơn trăm lạng, nhưng Ngài chẳng phí chút sức lực, bèn bưng lư hương lớn đó để lên đầu, rồi nghĩ : "Ta chỉ là cậu bé bảy tuổi, sao lại có thể bưng nổi lư hương lớn nặng như thế này ?" Trong tâm Ngài vừa mới sinh tâm suy lường phân biệt, thì cảm thấy lư hương đó nặng như ngàn cân, chẳng chịu nổi được nữa, bèn buông lư hương rớt xuống đất. Do đó, Ngài Cưu Ma La Thập ngộ được tất cả trên thế gian đều do tâm tạo. Trước khi Ngài chưa sinh tâm suy lường phân biệt, thì lư hương nặng mà chẳng cảm thấy nặng, nhưng khi sinh tâm phân biệt rồi, thì không nặng cũng nặng trở lại. Ngài ngộ được "tất cả do tâm tạo ". Sau đó, Ngài theo mẹ đi xuất gia, lạy Bàn Đồ Bồ Đạt Đa làm thầy, tu học theo tiểu thừa, mỗi lần đọc tụng một ngàn bài kệ, mỗi bài kệ có ba mươi sáu chữ, cho nên mỗi ngày học ba vạn sáu ngàn chữ (số mục này gấp hơn ba mươi lần Chú Lăng Nghiêm). Ngài mới bảy tuổi, mà mỗi ngày học ba vạn sáu ngàn chữ, sự thông minh trí huệ này, chẳng phải người thường có thể sánh được. Vì Ngài học nhanh như thế, chẳng bao lâu thì học hết toàn bộ Kinh điển tiểu thừa, không những như thế mà Ngài còn học pháp thế gian như : y dược, chiêm tinh, bói quẻ .v.v.. Học hết pháp tiểu thừa và học vấn thế gian rồi, Ngài đến Ấn Độ học pháp đại thừa. Khi học pháp tiểu thừa, thì Ngài cảm thấy Kinh điển tiểu thừa rất vi diệu. Về sau học pháp đại thừa, mới biết pháp đại thừa là diệu trong diệu, không thể nghĩ bàn. Ngài rất thông minh, lại



siêng tu, do đó sở học Kinh điển và học vấn vừa nhiều vừa nhanh chóng. Đó là giai đoạn Ngài Cưu Ma La Thập học Phật pháp.

Khi Ngài học Kinh điển đại thừa viên mãn rồi, Ngài trở về nước Quy Từ hoàng pháp, giáo hóa chúng sinh. Vì Ngài khác lạ hơn người, cho nên mọi người đều biết, đó là một vị Pháp sư lỗi lạc. Đương thời, có vị luận sư cho rằng, trên thế gian này chẳng có ai biện luận thắng được ông ta. Một ngày nọ, ông ta thách thức ra thông cáo nói : "Nếu bất cứ người nào biện luận thắng ta, thì ta sẽ cắt đầu của ta xuống để tạ ơn người đó". Lúc đó, Ngài Cưu Ma La Thập đi ngang qua đó, nghe luận sư nói như thế, thì hỏi ông ta hai vấn đề, song vị luận sư này bí lối, nói chẳng ra lời. Đáng lẽ ông ta phải chém đầu để đa tạ, nhưng lúc đó xả chẳng dặng chém đầu, do đó lạy Ngài Cưu Ma La Thập làm thầy, học tập Phật pháp.

Không lâu Ngài Cưu Ma La Thập trở về nước cậu của Ngài (nước Quy Từ). Cậu của Ngài rất cung kính Ngài, dùng vàng tạo tòa sư tử thỉnh Ngài Cưu Ma La Thập, dâng đàn giảng Kinh thuyết pháp. Nhưng lúc đó, Ngài Cưu Ma La Thập có ý định chuẩn bị đi độ thầy tiểu thừa của Ngài (Bàn Đà Đồ Đạt Đa). Vì có rất nhiều người tín ngưỡng thầy tiểu thừa của Ngài, nếu độ được ông ta, thì cũng có thể độ được rất nhiều người đến học pháp đại thừa. Cho nên cậu của Ngài vì Ngài tạo tòa sư tử bằng vàng, mà Ngài có ý định muốn ra đi đến độ thầy của

Ngài. Do đó, cậu của Ngài định sẽ khởi ấn tượng chẳng tốt đối với Ngài. Định sẽ nghĩ thế này : "Ngài là cháu ngoại tộc, chẳng có chút tình cảm nào, ta rất cung kính đối với Ngài, còn vì Ngài tạo tòa bằng vàng, mà cuối cùng chẳng giữ Ngài lại được". Nhưng vừa đúng lúc đó, Ngài Bàn Đà Bồ Đạt Đa đến nước Quy Từ, cho nên Ngài Cừ Ma La Thập và vua đều đi ra ngoài xa đón rước.

Vua hỏi Ngài Bàn Đà Bồ Đạt Đa rằng : "Tại sao xa xôi mà Ngài đến nước của ta ?" Ngài Bàn Đà Bồ Đạt Đa nói : "Thứ nhất, tôi nghe nói vua rất tin Phật pháp, cung kính Tam Bảo, cho nên tôi đến để gặp bệ hạ. Thứ hai, tôi nghe nói Cừ Ma La Thập, pháp sư bây giờ pháp duyên thịnh đại, cho nên tôi đến thăm". Do đó, vua thỉnh Ngài Bàn Đà Bồ Đạt Đa vào cung ở với Ngài Cừ Ma La Thập. Ngài Cừ Ma La Thập thấy thầy của Ngài đã đến, bèn vì ông ta giảng "Kinh Đức Nữ Sở Vấn" (Đức Nữ Sở Vấn đại thừa Phật giáo đạo lý). Giảng xong thì thầy của Ngài nói : "Ông cảm thấy giáo lý đại thừa có chỗ nào cao siêu ? có chỗ nào đặc biệt ? Ông bỏ tiểu thừa mà học đại thừa, giáo lý đại thừa là nói về không, không tức là gì cũng chẳng có, ông học nó có ích gì ? Không, vốn là không, sao ông lại đi học ?" Ngài Cừ Ma La Thập nói : "Trong (cái) không lại có (cái) có ; trong chân không mới có diệu hữu, trong diệu hữu tức cũng là chân không. Pháp đại thừa mới là pháp cứu kính triệt để, chẳng giống như tiểu thừa, có quá nhiều danh tướng, quá câu thúc, chẳng đắc được giải thoát".

Sư phụ của Ngài đáp : "Bây giờ ta đưa ví dụ ra để bác đạo lý của ông nói. Ví như : có người cuồng nhờ một người thợ dệt để dệt cho y, dệt xong một tấm lụa mịn vô cùng đưa cho người cuồng xem, nhưng người cuồng còn chê là thô nói : "Dệt chưa được khéo lắm". Lúc đó người thợ dệt gạt người cuồng nói : "Anh nói tấm này thô, bất quá bây giờ tôi còn có một tấm lụa mịn đẹp ở trong hủ không". Thợ dệt lấy tay chỉ vào hủ không kêu người cuồng xem, người cuồng nhìn chẳng thấy bèn nói : "Chẳng có ! Trong hủ không chẳng có tơ lụa gì hết !" Người thợ dệt đáp : "Tấm lụa đó ở trong hủ không, mịn tinh vi lắm, dù tôi là thợ dệt cũng nhìn chẳng thấy, huống gì anh chẳng phải là thợ dệt, thì làm sao nhìn thấy được !" Người cuồng nghe nói cho rằng rất có lý, do đó thưởng cho người thợ dệt một số vàng. Về sau, rất nhiều thợ dệt cũng như thế, đến gạt người cuồng nói : "Sự dệt lụa của tôi ở trong hủ không rất tinh vi, mịn nhuyễn vô cùng, chẳng có ai có thể sánh được". Người cuồng nghe nói thì cũng cho họ rất nhiều tiền. Pháp đại thừa mà ông nói tức là không, trong không mới có diệu hữu, mà nhìn chẳng thấy, giống như ví dụ vừa rồi".

Ngài Cửu Ma La Thập nói chẳng phải, do đó lại vì thầy của Ngài giảng rất nhiều diệu pháp đại thừa, và biện luận hơn một tháng mới thuyết phục được thầy tiểu thừa của Ngài. Lúc đó, Ngài Bàn Đà Bồ Đạt Đa hiểu đạo lý chân không diệu hữu của đại thừa rồi, nói với Ngài Cửu

Ma La Thập : "Bây giờ ta phải lạy ông làm thầy". Ngài Cưu Ma La Thập nói : "Đó thì không được, trước kia tôi lạy thầy làm thầy, bây giờ sao thầy lại lạy tôi làm thầy ?" Ngài Bàn Đà Bồ Đạt Đa nói : "Tôi là thầy tiểu thừa của ông, ông là thầy đại thừa của tôi, ai nấy đều có thầy của thừa đó, đó chẳng có gì quan hệ". Ông ta nói như thế thì Ngài Cưu Ma La Thập thu thầy của Ngài làm đệ tử. Từ câu chuyện Ngài Bàn Đà Bồ Đạt Đa trở lại lạy đệ tử làm thầy, chúng ta có thể biết người xưa chẳng có "ngã tướng" (cái ta), mà là lấy đạo làm thầy, chỉ cần đạo đức của bạn cao hơn tôi, thì tôi lạy bạn làm thầy mà chẳng có quan niệm về ngã tướng (tướng ta).

Khi Ngài Cưu Ma La Thập ở nước Quy Từ, thì có một lần thời tiết hạn hán, không mưa, lúc đó Ngài hiển thần thông cầu mưa, Ngài bày pháp đàn rồi, tiên đoán nội trong ba ngày, chắc chắn sẽ có mưa, quả nhiên đến ngày thứ ba thì mưa xuống, cho nên phần đông nhân dân càng thêm cung kính tín ngưỡng Ngài Cưu Ma La Thập. Từ đó, có nhiều vị quốc vương thỉnh mời Ngài Cưu Ma La Thập dâng đàn giảng Kinh thuyết pháp, dùng thân làm tòa ngồi ; tức là ông vua dùng thân thể của mình làm tòa, để cho Ngài Cưu Ma La Thập ngồi lên giảng Kinh thuyết pháp. Đó là biểu thị sự cung kính, sùng bái nhất đối với Phật pháp. Ngài Cưu Ma La Thập đi khắp nơi xứ Ấn Độ giảng Kinh thuyết pháp, hoàng dương Phật pháp, giáo hóa chúng sinh. Lúc thiếu thời, Ngài theo mẹ đi các nơi tham

phương, thì gặp một vị La Hán. Vị La Hán này nói với mẹ của Ngài : "Bà phải bảo hộ chú tiểu Sa Di này, chú tiểu Sa Di này chẳng phải người thường. Nếu chú tiểu này đến ba mươi tuổi mà không phá giới, chuyên cần giữ gìn giới luật, thì sẽ giáo hoá độ được rất nhiều người, như tổ thứ tư Ưu Ba Cúc Đa". Ngài Cưu Ma La Thập rất tin lời của vị La Hán nói với mẹ của Ngài. Mẹ của Ngài chứng đến tam quả A La Hán rồi, quán sát biết được tương lai nhân duyên con của mình, cho nên nói với Ngài : "Tương lai con sẽ độ chúng sinh ở đông độ (Trung Quốc), nhưng đối với thân con bất lợi vô cùng". Ngài Cưu Ma La Thập nói : "Chỉ cần con lưu truyền hoàng dương Phật pháp đến đông độ, thì bất cứ gian nan khốn khổ cách mấy con cũng phải thực hành. Vì Bồ Tát phát tâm không vì mình, chỉ vì chúng sinh". Đó là lúc đó Ngài Cưu Ma La Thập đã phát đại bồ đề tâm, muốn hoàng dương Phật pháp đến Trung Quốc.

Bây giờ, nói về tình hình khi Lữ Quang bắt Ngài Cưu Ma La Thập đưa về Tây Lương. Lúc đó, Lữ Quang có một cận thần tên là Trương Tri bị bệnh nặng, có một vị Bà La Môn gạt nói y có thể trị lành bệnh cho Trương Tri, nhưng Ngài Cưu Ma La Thập biết người này lường gạt, bèn nói với Lữ Quang rằng : "Dù ông bỏ ra bao nhiêu tiền cũng không thể trị lành bệnh cho Trương Tri, tôi có thể chứng minh cho ông xem. Bây giờ tôi đốt sợi chỉ ngũ sắc thành tro, sau đó bỏ vào trong nước. Nếu tro biến trở lại chỉ ngũ sắc, thì bệnh của Trương Tri không thể chữa

khỏi, còn nếu tro trong nước vẫn là tro, thì Trương Tri sẽ hết bệnh". Khi thử xem thì tro chưa vào trong nước đã biến trở lại thành chỉ ngũ sắc. Không lâu quả nhiên Trương Tri qua đời, mà Lữ Quang cũng tốn một số vàng vẫn chẳng ích gì. Đó là cảnh giới thần thông của Ngài Cừ Ma La Thập, chẳng phải một số phàm phu dò biết được.

Sau khi Lữ Quang qua đời, con là Lữ Toàn lên thay thế. Khi Lữ Toàn đương triều năm thứ hai, thì có con heo ba đầu sinh ra, và còn có người thấy một con rồng từ phương đông thẳng lên, cuộn tròn chiếm cứ ở trước cung điện, cho đến tối mới ẩn mất, Lữ Toàn cho rằng đó là điềm tốt, cho nên đặt tên cho hoàng cung là "Bàn Long" (rồng cuộn tròn). Lại có người nhìn thấy một con rồng đen ở ngoài cửa thành ngự phòng, Lữ Toàn lại đem tên "Cửu Cung áp" đổi lại là "Thăng Long áp". Nhưng Ngài Cừ Ma La Thập nói với Lữ Toàn rằng : "Những con rồng này thị hiện là điềm xấu vô cùng, những thú rồng này xuất hiện thì cho biết trong nước sẽ có tai nạn. Nếu lập tức tu bồi công đức thì sẽ hóa giải tai hại". Nhưng Lữ Toàn quyết chí đương đầu chẳng biết sợ gì cả. Một ngày nọ, Lữ Toàn đánh cờ với Ngài Cừ Ma La Thập, Lữ Toàn ăn con cờ (con chốt) của Ngài và nói : "Tôi chém đầu Hồ Nô". Ngài Cừ Ma La Thập ăn con ngựa và nói : "Anh không thể chém đầu Hồ Nô mà Hồ Nô sẽ chém đầu nhà ngươi ". Ngài Cừ Ma La Thập nói lời đó là để cảnh tỉnh Lữ Toàn, nhưng anh ta thủy chung chẳng ngộ. Lữ

Quang có người em tên là Lữ Bảo, có con tên là Lữ Siêu, lúc nhỏ tên là Hồ Nô, Lữ Siêu lúc đó đang âm mưu muốn ám sát Lữ Toản. Chẳng bao lâu, Lữ Siêu quả nhiên giết chết Lữ Toản, lập anh là Lữ Long lên làm hoàng đế. Lúc đó, mới có người biết sự tiên đoán của Ngài Cừ Ma La Thập là đúng. Lữ Long lên ngôi tại Kinh Châu rồi, Diêu Hưng phát binh đến đánh, rước Ngài Cừ Ma La Thập trở về Trung Quốc.

Ngài Cừ Ma La Thập đến được Trường An, thì được tôn làm Quốc Sư. Ngài đứng đầu về trung tâm phiên dịch Kinh, gồm hơn tám trăm vị Tăng và các vị học giả. Ngài dịch được hơn ba trăm quyển Kinh. Chúng ta có thể chứng minh Kinh của Ngài dịch rất chính xác vô cùng. Khi Ngài Cừ Ma La Thập sắp viên tịch, Ngài yêu cầu trà tỳ (hoả thiêu) và nói : "Trong cuộc đời của tôi đã dịch rất nhiều Kinh điển, nhưng chính tôi cũng không biết trong lời Kinh có chính xác hay chẳng ? Nếu chính xác thì khi thiêu thân của tôi, lưỡi không bị cháy, còn nếu sai lầm thì lưỡi cũng cháy luôn". Quả nhiên thiêu xong thì thân thể cháy thành tro, duy chỉ cái lưỡi vẫn an nhiên như sống không hủy hoại. Vào đời Đường, Ngài Đạo Tuyên Luật Sư (giữ giới trong sạch, được cảm ứng chư Thiên thường đem cơm cúng dàng), có một lần Ngài hỏi chư Thiên : "Tại sao người đời thích đọc Kinh điển, do Ngài Cừ Ma La Thập dịch ?" Chư Thiên đáp : "Ngài Cừ Ma La Thập đời đời đều phát nguyện : Mỗi khi Phật

xuất hiện ra đời, Ngài đều lãnh trách nhiệm phiên dịch Kinh điển. Bảy vị Phật trong quá khứ cho đến hiện tại, Kinh điển đều do Ngài phiên dịch ra, rất tuyệt đối chính xác".

Ngài Cưu Ma La Thập tinh thông Tam Tạng : Kinh, luật, luận, cho nên xưng là "Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập". "Cưu Ma La Thập" là tiếng Phạn dịch là "đồng thọ". Ngài tuy là đồng tử, nhưng có đủ phong độ của bậc trưởng giả : về đức hạnh, trí huệ và phẩm học. Cho nên, Diêu Tần Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập, tức là người dịch Kinh Diệu Pháp Liên Hoa từ tiếng Phạn ra tiếng Hán.





## GIẢI THÍCH KINH VĂN

### QUYỂN 1

## PHẨM TỰA THỨ NHẤT

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa có hai mươi tám phẩm, thứ nhất là phẩm tựa ; tường thuật nhân duyên của Kinh văn. Bốn lai tất cả Kinh văn, phẩm đầu tiên không gọi là phẩm tựa, nhưng chỉ có bộ Kinh Pháp Hoa này, dùng phẩm thứ nhất làm phẩm tựa.

### **Tôi nghe như vậy.**

"Tôi nghe" là nghe (văn) thành tựu, "tôi" là ai ? Tôi gồm có cái tôi giả, và thần ngã của ngoại đạo. Cái "tôi" này là tôi giả, chẳng phải tôi thật. Sao lại nói "tôi nghe" mà không nói "tai nghe" ? Vì lỗ tai chỉ là một bộ phận của thân thể, chẳng phải gọi chung cho toàn thân thể. Cho nên Ngài A Nan nói "Tôi nghe".

"Như vậy" là tin thành tựu. Pháp như vậy mới có thể tin, chẳng phải pháp như vậy, thì không thể tin. "Tôi nghe như vậy" có nhiều ý nghĩa :

1. Dứt lòng nghi của đại chúng : Khi Ngài A Nan kết tập Kinh điển, ban đầu lên pháp tòa, tướng tốt trang nghiêm như đức Phật, do đó đại chúng khởi lên ba điều nghi.

Điều nghi thứ nhất là : Các vị đại A La Hán trong pháp hội, cho rằng Đức Phật chưa vào Niết Bàn, còn đến giảng Kinh thuyết pháp.

Điều nghi thứ hai là : Đại chúng cho rằng, vị Phật này từ phương khác đến.

Điều nghi thứ ba là : Đại chúng nghi ngờ cho rằng Ngài A Nan đã thành Phật, nếu không sao Ngài lại có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp của đức Phật, nhưng khi Ngài A Nan lên pháp tòa, nói "Tôi nghe như vậy", thì lập tức cả đại chúng chẳng còn hoài nghi gì nữa. Tất cả đại chúng đều biết Ngài A Nan đang nói : "Pháp như vậy là tôi A Nan thân tự nghe được những gì Đức Phật nói, chứ chẳng phải tôi tự tạo ra".

2. Tôn trọng sự phó chúc của Phật. Khi Đức Phật vào Niết Bàn, thì phó chúc cho Ngài A Nan : "Khi bắt đầu tất cả Kinh điển đều nên dùng "Tôi nghe như vậy". Vì tôn trọng sự chỉ thị của đức Phật, cho nên khi kết tập Kinh điển, thì Ngài A Nan trước hết nói "Tôi nghe như vậy", bốn chữ.

3. Dứt tranh luận. Ngài A Nan là đệ tử trẻ của đức Phật. Nếu Ngài không nói rõ bộ Kinh này, do Ngài nghe Đức Phật nói chứ chẳng phải mình nói, thì trong đại chúng nhất định sẽ khởi tranh luận : "Ngài có thể nói, tôi

cũng có thể nói !" Mọi người nhất định sẽ khởi sự luận nghị, song, khi Ngài A Nan nói bộ Kinh này do Đức Phật nói, thì lập tức đại chúng dứt tranh luận và sự bất bình.

4. Khác với ngoại đạo. Ngoại đạo dùng hai chữ "A Ưu" để bắt đầu Kinh điển của họ, "A" là không, "Ưu" là có. Vì ngoại đạo nói tất cả vạn pháp chẳng phải có thì là không, chẳng phải không tức là có. Kinh điển của Phật nói, dùng : "Tôi nghe như vậy", để bắt đầu Kinh điển, để khác với ngoại đạo.

Khi Đức Phật sắp vào Niết Bàn, thì Ngài A Nan hỏi Đức Phật bốn việc : Sau khi Đức Phật nhập diệt thì :

- a. Khi kết tập Kinh điển dùng chữ gì bắt đầu Kinh điển, để khiến cho mọi người đều tin là Phật nói ?
- b. Sau này về phương pháp tu hành y theo pháp gì mà trụ ?
- c. Sau này chúng con nương ai làm thầy ?
- d. Những Tỳ Kheo ác tính, chúng con đối xử với họ ra sao ?

Đức Phật trả lời :

Thứ nhất : Khi kết tập Kinh điển, thì trước hết Kinh bắt đầu câu : "Tôi nghe như vậy".

Thứ hai : Y theo tứ niệm xứ mà trụ. Tứ niệm xứ là thân, thọ, tâm, pháp.

1. **Quán thân bất tịnh** : Thân thể của chúng ta dù tắm rửa rất sạch sẽ, cũng có mồ hôi chảy ra, nếu không

tắm thì thối không chịu nổi ! Trên thân có chín lỗ thường tiết ra thứ bất tịnh : Ghèn, nước mắt, nước mũi, cứt ráy, đàm, đại tiện, tiểu tiện .v.v., luôn luôn tiết ra chất dơ bẩn. Cho nên phải quán thân bất tịnh. Người nhiều tham dục thì hãy dùng quán bất tịnh để đối trị, quán nam nữ dù đẹp cũng là dơ bẩn không sạch, tức nhiên không sạch, lại có gì để tham luyến ? Biết không sạch thì sẽ chẳng tham trước, chẳng còn tâm dâm dục.

**2. Quán thọ là khổ :** Thọ là lãnh thọ, bất cứ cảnh giới thiện ác, thuận nghịch gì hiện tiền, bạn lãnh thọ thì tâm của bạn sẽ giao động. Có giao động thì là khổ. Tất cả sự tiếp thọ, chịu đựng mọi cảnh giới đều là khổ. Nếu bạn biết nó là khổ, thì chẳng tham hưởng thụ, cầu dục lạc, như thế thì sẽ đoạn diệt khổ.

**3. Quán tâm vô thường.** Tâm của chúng ta như sóng trong biển, niệm trước diệt, niệm sau sinh, niệm niệm biến đổi, sinh sinh không ngừng, nhưng mỗi một niệm đều là vô thường hư vọng.

**4. Quán pháp vô ngã.** Pháp có : sắc pháp, tâm pháp. Trong Bách Pháp Minh Môn Luận có nói : "Sắc pháp có mười một, tâm pháp có tám, tâm sở pháp có năm mươi một, bất tương ưng pháp có hai mươi bốn, vô vi pháp có sáu, tổng cộng thành một trăm pháp". Tuy nhiên có nhiều pháp như thế, nhưng đều vô ngã, cho nên đừng chấp trước pháp. Trong Kinh Kim Cang có nói : "Pháp còn phải xả bỏ, hà huống là phi pháp". Tu hành, tu đến cực điểm thì người và pháp chẳng còn nữa. Trước kia, khi

chưa minh bạch Phật pháp, thì chấp cái ta rất sâu nặng, tất cả đều thuộc về ta, gì cũng đều là của ta. Nhưng khi minh bạch Phật pháp rồi, thì chấp trước vào pháp, biến thành pháp chấp, có sự chấp trước thì có quái ngại, có quái ngại thì khởi điên đảo, khởi điên đảo thì sinh mộng tưởng. Nếu quán cái ta chẳng còn nữa, vậy còn pháp thì sao ? Cho nên phải quán pháp vô ngã. Từ quán thân bất tịnh rồi thì quán tâm, thọ, pháp, cũng đều bất tịnh. Quán thọ là khổ rồi thì quán thân, tâm, pháp, cũng đều là vô thường. Quán pháp vô ngã rồi thì quán thân, thọ tâm cũng đều vô ngã. Cho nên, tuy nói là bốn Niệm Xứ, nhưng chúng có mối quan hệ với nhau. Sau khi Phật vào Niết Bàn rồi, mỗi vị Tỳ Kheo đều nên y theo bốn Niệm Xứ mà trụ, không thể lơ hào xa lìa.

Thứ ba : Phải lấy giới làm thầy. Tất cả những người xuất gia, phải y theo giới luật tu hành, nếu không y theo giới luật tu hành, thì Phật pháp sẽ diệt vong. Nếu y theo giới luật tu hành, thì Phật pháp sẽ tồn tại lâu dài trên thế gian. Có một người y theo giới luật tu hành, thì Phật giáo có một phần quang minh, có mười người thì có mười phần quang minh, có trăm người, ngàn người, vạn người, cho đến ai ai cũng đều y theo giới luật tu hành, mà không hủy phạm, thì Phật giáo có vô lượng vô biên quang minh, chiếu phá tiêu diệt tất cả sự đen tối trên thế gian. Cho nên giữ giới trong sạch, y theo giới luật tu hành, là lời dạy cuối cùng, quan trọng nhất của Đức Phật. Giới là thầy hiện tại của Tỳ Kheo tu hành.

Thú Tư : Không nói năng gì với Tỳ Kheo ác tính. Không đếm xỉa gì đến họ, lấy sự yên lặng đối đãi với họ. Tỳ Kheo ác tính chẳng cứ đạo lý, cho nên dùng đả động gì đến họ, để họ tự sinh hổ thẹn, do đó sẽ làm ảnh hưởng đến họ, khiến cho họ hồi tâm trở lại giữ quy cụ, đó là biện pháp tốt nhất.

Ngài A Nan hỏi Phật bốn câu hỏi ; Phật đều trả lời phó chúc, cho nên tất cả Kinh điển, trước hết đều bắt đầu bằng câu : "Tôi nghe như vậy". "Tôi nghe" là Ngài A Nan nói : "Pháp như vậy là tôi A Nan thân tự nghe Đức Phật nói, chứ chẳng phải tôi tự bày vẽ tạo ra". "Như vậy" là từ chỉ pháp, tức là nói bộ Kinh này, gọi là tin thành tựu, bạn tin tức là như vậy, không tin thì chẳng phải như vậy. "Như " là bất biến (không thay đổi), tùy duyên là "vậy". "Như vậy" tức là tùy duyên không thay đổi, không thay đổi mà tùy duyên, tức cũng là như như bất động, liễu liễu thường minh. Và "như vậy" là một sự ẩn khả, tức là nếu bạn làm đúng khế hợp với tâm của Phật tức là như vậy. Nếu trái với tâm của Phật thì chẳng như vậy.

Ngài A Nan ít tuổi hơn đức Phật rất nhiều, khi đức Phật ba mươi tuổi thành đạo, thì cũng lúc ấy Ngài A Nan ra đời. Ngài A Nan hai mươi lăm tuổi mới xuất gia, vậy hai mươi lăm năm về trước, Kinh điển của Phật nói, Ngài cũng chẳng nghe qua, sao Ngài lại đi kết tập Kinh điển ? Ngài A Nan là em bà con chú bác với Đức Phật, tuy hai mươi lăm tuổi mới xuất gia, nhưng Ngài thỉnh cầu đức

Phật nói lại hết những Kinh điển đã nói lúc trước. Do đó, Phật dùng sức thần thông, nói lại hết những Kinh điển đã nói lúc trước cho Ngài A Nan nghe. Sức trí nhớ của Ngài A Nan tốt vô cùng, một khi lọt vào tai thì vĩnh viễn không bao giờ quên. Cho nên nói : "Phật pháp như biển cả, chảy vào tâm A Nan". Hơn nữa Ngài A Nan cũng là đại quyền thị hiện, vì trong quá khứ tất cả chư Phật nói Kinh điển, cũng đều do Ngài A Nan kết tập, hơn nữa mỗi vị Phật thuyết pháp cũng đều như nhau, cho nên Ngài A Nan khai ngộ rồi, đều nhớ lại tất cả pháp tạng của tất cả Chư Phật đã nói trong quá khứ.

**Một thời, Đức Phật ở tại thành Vương Xá, trên núi Kỳ Xà Quật, cùng với đại chúng Tỳ Kheo, một vạn hai ngàn người tụ tập.**

"Một thời" là thời thành tựu. Cho nên không nói rõ ngày tháng chính xác, là vì muốn tránh nhà lịch sử học, truy tìm khảo chứng gốc rễ không có ý nghĩa. Một thời này, tức là lúc Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói Kinh Pháp Hoa, tức là vào lúc đó.

"Đức Phật" là chủ thành tựu. "Phật" là nửa tiếng Phạn, nói đầy đủ là Phật Đà Gia". Phật dịch là "giác". Giác thì có :

1. Bốn giác,
2. Thủy giác,
3. Cửu Kinh giác.

1. **Bốn giác** : Tức là giác ngộ Phật tánh vốn có sẵn, không cần phải trải qua sự tu hành, mà vẫn đầy đủ sự giác ngộ.

2. **Thủy giác** : Mới bắt đầu giác ngộ. Chúng ta phát tâm muốn học Phật pháp, nghiên cứu Kinh điển giáo lý, đó gọi là thủy giác.

3. **Cửu Kinh giác** : Bắt đầu giác ngộ rồi, thì ngày càng tinh tấn, ngộ hiểu Phật pháp, cho đến khi hoàn toàn minh bạch Phật pháp thành Phật, đó gọi là cửu kính giác. Lại có lối nói khác :

1. **Tự giác** : Tự giác ngộ chân lý. Như hàng nhị thừa (Thanh Văn, Duyên Giác) chỉ tự giác, mà không thể giác tha, cho nên gọi là người tiểu thừa.

2. **Giác tha** : Mình giác ngộ rồi, cũng phải đem chân lý phát dương quang đại, giáo hóa chúng sinh, khiến cho tất cả mọi người cũng đều giác ngộ. Bồ Tát thì tự độ độ tha, tự lợi lợi tha. Người tiểu thừa chỉ biết lợi mình mà không biết lợi người, chỉ muốn làm tự liễu hán. Cho nên, Phật trách người tiểu thừa là tiêu nhục bại chủng, không thể hoàng dương Phật pháp quảng đại.

3. **Giác hạnh viên mãn** : Đó là sự viên mãn của Phật. Đức Phật thì ba giác tròn vẹn đầy đủ. Vị Phật này là chỉ ai ? Tức là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, sinh ra tại



Ấn Độ, thái tử của vua Tịnh Phạn, tên là Tất Đạt Đa, mười chín tuổi xuất gia, ba mươi tuổi thành đạo, thuyết pháp bốn mươi chín năm, giảng Kinh hơn ba trăm hội.

"Ở tại thành Vương Xá, trên núi Kỳ Xà Quật". Thành Vương Xá tức là kinh đô nước Ma Kiệt Đà, là thành của vua Tần Bà Sa La ở, bốn phía thành có năm dãy núi lớn bao bọc, núi hướng đông bắc là núi Linh Sơn. Núi Kỳ Xà Quật tức cũng là núi Linh Thú (Linh Sơn), vì núi hình giống như con chim Thú, cho nên gọi là núi "Linh Thú". "Thành Vương Xá núi Kỳ Xà Quật" là xứ thành tựu.

"Cùng với chúng Đại Tỳ Kheo một vạn hai ngàn người tụ tập", là chúng thành tựu. Những Kinh điển khác đa số đều nói là hai trăm năm mươi người tụ tập, nhưng đặc biệt người trong hội Pháp Hoa nhiều hơn, tới một vạn hai ngàn người tụ tập. Đại Tỳ Kheo tức là Tỳ Kheo đã chứng quả A La Hán. Tỳ Kheo là tiếng Phạn có ba nghĩa :

1. **Khất sĩ** : Tỳ Kheo chẳng nấu nướng, mỗi ngày đến giờ ăn, thì ôm bát đi vào trong thành, hoặc làng quê khất thực hóa trai, làm như thế không những thân an đạo tồn, mà còn phước lợi cho thí chủ. Phật chế Tỳ Kheo ngày ăn một bữa, quá Ngọ không ăn, đó là hành hạnh đầu đà (khổ hạnh).

2. **Bố ma** : Người xuất gia, khi thọ giới Tỳ Kheo thì tam sư thất chúng hỏi rằng : "Con có phải là đại trưởng phu chăng ?" Đáp : "là đại trưởng phu". Hỏi : "Con đã phát

tâm bồ đề chưa ?" Đáp : " Đã phát tâm bồ đề". Trong lúc Yết Ma vấn đáp, bạn đáp nói đã phát tâm bồ đề, thì lúc đó có địa hành Dạ Xoa truyền lời cho không hành Dạ Xoa, không hành Dạ Xoa truyền lời cho thiên ma lục dục thiên nghe, nói rằng : "Ở nhân gian lại có thêm người xuất gia, quyến thuộc của Phật lại tăng thêm, còn quyến thuộc của chúng ta lại giảm bớt". Ma vương nghe lời nói đó, thì sinh tâm đố kỵ và sợ hãi, cho nên gọi là bố ma.

3. **Phá ác** : Phá ác gì ? Tức là phá phiền não ác, vô minh ác và tham sân si ba ác độc.

Trước mỗi bộ Kinh đều có sáu thành tựu, đó là : Tin thành tựu, nghe thành tựu, thời thành tựu, chủ thành tựu, xứ thành tựu, và chúng thành tựu. Có sáu thứ thành tựu này, đức Phật mới nói pháp. Nếu thiếu một trong sáu thứ không thành tựu, thì không thể nói pháp.

**Đều là A La Hán, các lậu đã hết, chẳng còn phiền não. Sớm được lợi mình, hết những sự ràng buộc trong các cõi, tâm được tự tại.**

"Đều là A la hán", đây là khen ngợi công đức của bậc A la hán. A la hán là tiếng Phạn, cũng có ba ý nghĩa như Tỳ Kheo. Tỳ Kheo tức là nhân của A la hán, A la hán tức là quả của Tỳ Kheo.

1. **Ứng cúng** : Lúc tại nhân địa thì Tỳ Kheo là khát sĩ. Tại quả địa thì A la hán là ứng cúng, tức là xứng đáng thọ nhận sự cúng dường của trời người. Cũng gọi là "cúng ứng", tức là đi cúng dường những Tỳ Kheo khác. Lúc đức Phật còn ở đời, thì tất cả Tỳ kheo đều cúng dường đức Phật, nhưng có một lần nọ, đức Phật biến thành một đạo nhân, chuyển sự cúng dường đến tất cả các vị Tỳ kheo, cho nên gọi là "cúng ứng".

2. **Sát tặc** : Giết tặc vô minh, tặc phiền não, tặc mắt tai mũi lưỡi thân ý sáu tên tặc. A la hán hoàn toàn tiêu diệt, giết sạch hết những tên tặc này. Chẳng những giết "tặc", mà cũng giết "chẳng phải tặc". Thế nào là "chẳng phải tặc" cũng giết ? Vì những thứ đó hàng tiểu thừa nhận rằng chẳng phải tặc, nhưng tại Phật và Bồ Tát nhìn lại, thì cũng đều là tặc, cho nên "chẳng phải tặc" cũng phải giết.

3. **Vô sinh** : Chúng được tứ quả A la hán, thì ngộ vô sinh pháp nhẫn. Ở trong ba ngàn đại thiên thế giới, chẳng thấy có chút pháp sinh, cũng chẳng thấy có chút pháp diệt. Cảnh giới này nói chẳng ra, giảng chẳng được, nhưng chỉ có thể nhẫn thọ nơi tâm, cho nên gọi là vô sinh pháp nhẫn.

A la hán có bốn bậc :

Sơ quả,  
Nhị quả,  
Tam quả và

## Tứ quả.

Sơ quả A la hán còn gọi là quả Tu đà hoàn, là bước đầu tiên của A la hán. Chúng được sơ quả A la hán, thì sinh tử vẫn chưa dứt. Cho nên gọi là "kiến đạo vị" (bậc thấy đạo). Tu đà hoàn là tiếng Phạn, dịch là "nhập lưu", nhập vào dòng Thánh nhân pháp tính, ngược dòng phàm phu sáu trần. Sáu trần tức là : sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Sắc trần : Người chúng được sơ quả chẳng nhập vào sáu trần, bậc ấy có một thứ định lực, bất cứ sắc đẹp nào ở trước mắt, cũng chẳng động tâm.

Thanh trần : Một số người thích nghe tiếng âm nhạc ca khúc êm tai. Nhưng người chúng được sơ quả, bất cứ tiếng hay dở tốt xấu thị phi, cũng đều chẳng lay động, chẳng bị thanh trần lay chuyển, mà chuyển được thanh trần.

Hương trần : Con người thích ngửi hương thơm, nhưng mùi hôi thối thì khởi tâm chán ghét, có tâm hoan hỉ và chán ghét, thì có tâm thích ghét, khởi tâm thích ghét thì bị hương trần lay chuyển.

Vị trần : Bình thường con người ăn vật ngon, thì ham ăn nhiều, nhưng khi ăn đến vật không ngon thì không thích ăn, đó lại bị vị trần lay chuyển.

Xúc trần : Người bình phàm tham trước xúc giác, cho đến tham luyến tình ái giữa nam nữ không xả bỏ, tham trước xúc chạm vàng bạc báu vật mỹ lệ nhỏ nhắn.

Đó đều là nhìn chẳng xuyên thấu, không chuyển được xúc trần.

Pháp trần : Chấp trước vào đủ thứ pháp, đó tức là pháp trần. Sơ quả A la hán chẳng bị sáu trần ở trên lay chuyển, bậc ấy đạt đến cảnh giới này.

Nếu có người nói họ tự chứng quả, hoặc đắc đạo khai ngộ, phải chứng nghiệm họ có chân thật chẳng, thì hãy làm cho họ một phần thức ăn ngon thượng hạng, và một phần thức ăn khó ăn nhất. Xem thử họ chọn món nào ? Nhưng đừng cho họ biết bạn đang thử họ, nếu họ biết được, thì họ sẽ chuyên ăn món thức ăn khó ăn, cũng là bị hương vị trần lay chuyển. Đây tức là tạo tác, đeo mặt giả để lừa gạt người. Vì chẳng bị vị trần lay chuyển, thì dù một chút phân biệt lựa chọn cũng chẳng có, ngon dở đều ăn, đó mới có thể chứng minh, người tu hành có một chút công phu. Cho nên, chúng được sơ quả Thánh nhân, thì phải có chứng cứ, chẳng phải ai cũng có thể nói mình đã chứng quả khai ngộ.

Nhị quả A la hán, còn gọi là quả Tư đà hàm, Tư đà hàm là tiếng Phạn, dịch là "Nhất lai", nếu như không hướng về trước tu hành, thì vẫn còn phải một lần sinh lên cõi trời, một lần sinh xuống nhân gian, cho nên nhị quả là quả nhất lai. Sơ quả thì còn bảy lần thọ sinh tử.

Tam quả A la hán, gọi là quả A na hàm, cũng là tiếng Phạn, dịch là "Bất lai", chẳng còn thọ sinh tử trong cõi dục nữa. Sơ quả là "bậc thấy đạo", nhị quả và tam quả

là "bậc tu đạo", tứ quả là "bậc vô học", không cần học nữa, đã chấm dứt sinh tử. Nhưng tứ quả chỉ đoạn được "phần đoạn sinh tử", còn "biến dịch sinh tử" vẫn chưa đoạn trừ được. Bây giờ giải thích sơ lược về hai loại sinh tử :

1. Phần đoạn sinh tử : Mỗi người đều có một phần thân hình của mình, thân hình đó đều có sự phân biệt, mạng sống đều có sự giới hạn.

2. Biến dịch sinh tử : Ở trong tâm, niệm trước diệt, thì niệm sau sinh, niệm sau diệt, thì niệm sau nữa lại sinh, niệm niệm sinh diệt biến đổi không ngừng. Bồ Tát đã đoạn trừ được biến dịch sinh tử.

Người chứng được tứ quả A la hán, thì có thần thông biến hoá không thể nghĩ bàn, cảnh giới vi diệu khó tả. Ngài có ngũ nhãn lục thông, lại có thể vọt thân lên hư không mà đi. Ngài có thể trên thân phun ra lửa, dưới thân phun ra nước; trên thân phun ra nước, dưới thân phun ra lửa. Tóm lại, ở trong hư không Ngài có mười tám thần thông biến hoá. Vì tứ quả A la hán có thần thông, cho nên liệt vào một trong bốn bậc Thánh trong Phật giáo : Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn.

Trước kia, có một vị A la hán dẫn theo một vị đệ tử mới thu nhận, cùng đi du hành, vị đệ tử đó mang hành lý đi trên đường bèn nghĩ : "Hành Bồ Tát đạo là tối vô thượng, ta nhất định phải phát tâm tu Bồ Tát đạo, để độ tất cả chúng sinh". Vị đệ tử nghĩ như thế, thì vị A la hán

lập tức biết được. Bèn nghĩ : "Vị đệ tử hiện tại phát tâm bồ đề, mà ta chỉ là A la hán, ta phải mang hành lý". Do đó, bèn lấy hành lý từ vị đệ tử và mang trên vai. Đi được một đoạn đường, vị đệ tử lại nghĩ : "Ngài Xá Lợi Phất vừa mới hành Bồ Tát đạo, thì có người đến xin Ngài con mắt, móc ra con mắt trái cho, thì người đó không muốn, còn nói không phải, nói là muốn con mắt bên phải. Ôi ! Bồ Tát đạo thật là khó hành khó nhẫn. Hay là ta không nên tu Bồ Tát đạo, mà tu pháp A la hán, làm tự liễu hán cho xong". Vị Thầy A la hán lập tức biết được tâm niệm của đệ tử, từ lớn lùi xuống nhỏ, cho nên đưa hành lý lại cho vị đệ tử mang. Vị đệ tử mang hành lý chưa được bao lâu, lại phát khởi lại tâm Bồ Tát, vị A la hán biết, lại mang hành lý thế cho vị đệ tử. Cứ đưa qua lấy lại như vậy mấy lần, khiến cho vị đệ tử nghĩ rất là kỳ lạ, bèn hỏi : "Sư phụ ! Một lúc thì Thầy mang hành lý, một lúc lại đưa cho con, bây giờ Thầy lại mang, đó chẳng phải là làm phiền chăng, con thật không hiểu". Vị La hán đáp : "Trên đường đi, có lúc con phát tâm Bồ Tát, hồi tiểu hướng đại, cho nên hành lý phải đưa cho ta người hành pháp A la hán mang. Đi được một đoạn đường, con lại hồi đại hướng tiểu, chẳng muốn tu Bồ Tát đạo mà muốn tu pháp A la hán, cho nên hành lý phải đưa cho con mang. Hiện tại con lại phát khởi tâm lớn, thì hành lý phải đưa cho ta mang". Vị đệ tử nghe xong, mới biết sư phụ của mình thật sự có lai lịch, do đó vị đệ tử phát tâm đại bồ đề, hành Bồ Tát đạo.

Khi kết tập Kinh điển Tôn Giả A Nan chưa chứng được tứ quả, chưa đắc được lậu tận thông. Lúc kết tập tạng Kinh, mọi người tuyên bố rõ, chỉ có những người chứng được tứ quả A la hán, mới có thể tham gia. Mà Tôn Giả A Nan chỉ chứng được tam quả, cho nên mọi người chẳng cho Ngài A Nan vào. Ngài đứng ở ngoài cửa lo lắng vạ phần, nghĩ : "Biết làm sao ? Hết thầy Kinh điển của Phật nói, ta đều nhớ hết. Nhưng bây giờ, chỉ vì ta chưa chứng được tứ quả A la hán, nên không thể tham gia pháp hội kết tập tạng Kinh, làm thế nào bây giờ ?" Trong lúc cấp bách như thế, thì Ngài lập tức chứng được tứ quả A la hán. Do đó, Ngài nói : "Hiện tại tôi đã chứng được tứ quả A la hán rồi, các Ngài hãy mở cửa cho tôi vào đi !" Các vị đại A la hán ở bên trong nói : "Nếu ông chứng được tứ quả, thì cần gì phải mở cửa để vào ? Ông hãy vào lỗ ổ khoá cửa đi !" Ngài A Nan nghe, nghĩ : "Đúng đó ! Hà tất phải mở cửa ?" Do đó, Ngài bèn vận dụng thần thông đi vào lỗ ổ khoá cửa. Cho nên người chứng được quả A la hán, ra vào không cần phải mở cửa. Nếu có người nói đã chứng quả, nhưng phải mở cửa mới có thể ra vào, thì biết người đó đại vọng ngữ, nói lời giả dối.

Chứng được tứ quả A la hán, mới có thể sạch hết các lậu, phiền não tức là lậu, có tám vạ bốn ngàn thứ phiền não, thì có tám vạ bốn ngàn thứ lậu. Sinh ra phiền não tức là lậu đi xuống, gọi là hữu lậu, rớt (lậu) xuống cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc. Hết thầy tất cả mao bệnh, tâm



dục niệm, tham luyến mỹ vị, tiếng hay, nhà tốt, xe cộ .v.v., đều gọi là lậu. Những gì bạn ưa thích tham muốn, hoặc buông bỏ chẳng được, đều gọi là lậu. Hết thủy tập khí ác ma bệnh quái lạ, như thích hút thuốc, uống rượu, bài bạc, tìm người nữ, đó đều gọi là lậu. Người nữ thích tìm người nam cũng là lậu, người nữ mỗi tháng đều có kinh nguyệt, cho nên người nữ càng nhiều lậu. Người nam chẳng buông bỏ được tâm dâm dục, đây gọi là lậu lớn nhất. Thân thể của chúng ta gọi là thân hữu lậu, mắt, tai, mũi, miệng, nơi đại tiểu tiện đều gọi là lậu. Nói rõ ra là trong tâm của bạn khởi vọng tưởng, giữ gìn chẳng được tinh khí thần của chính mình, đây gọi là lậu. Những thứ lậu này cũng giống như dưới đáy bình có lỗ hổng, có bao nhiêu nước trong bình đều rỉ ra hết bấy nhiêu, làm được bao nhiêu công đức thì lậu ra hết bấy nhiêu. Lậu có quá nhiều, đếm cũng đếm không hết, kỳ thật chẳng phải chỉ có tám vạn bốn ngàn thứ. Song, bậc A la hán đã hết các lậu, "Đã hết" chẳng phải nói là đã lậu hết ; mà là đã hoàn toàn chẳng còn lậu nữa. Chẳng phải nói lậu ra hết, thì gọi là hết ; mà là vốn đã chẳng còn lậu nữa, vốn chẳng lậu nữa, đây mới gọi là "hết lậu". Cho nên mọi người xem Kinh phải đặc biệt hiểu rõ ý nghĩa này. Lậu tận thông tức là các lậu đã hết, phải chứng được tứ quả A la hán mới đắc được. Hiện tại một vạn hai ngàn vị đại A la hán, các lậu đều đã hết, bậc Thánh nhân chẳng còn chút tập khí ma bệnh nào.

Những vị đại A La Hán này, vì đều đã đắc được lậu tận thông, cho nên chẳng còn phiền não. "Chẳng còn" nghĩa là chẳng có nữa. Những gì cần làm các Ngài đã làm xong, chẳng còn thọ thân sau nữa. Sinh tử đã dứt, cho nên chẳng có phiền não. Phiền não cứu kính có bao nhiêu ? Có tám vạn bốn ngàn, nhưng tổng quát lại thì tức là vô minh. Vô minh sinh ra tất cả phiền não, phân ra thành ba loại, tức là tham, sân, si, ba độc. Ba độc này che lấp Phật tánh của mọi người. Chúng ta từ vô thủy cho đến hiện tại, chưa thành Phật là vì có ba thứ phiền não này. Ba thứ độc này, độc hại con người sinh ra trong cơn say, chết đi trong ảo mộng, khiến cho không thể trở về nguồn cội, khôi phục lại bộ mặt thật của thuở nào. Nhưng nếu tu ba học vô lậu : Giới, định, huệ thì có thể diệt trừ ba độc này, khôi phục lại thanh tịnh.

**Giới** : Tức là chấm dứt làm các điều ác, phòng ngừa việc quấy, đối trị với tâm tham. Tâm tham tức là tham mà không chán, không biết đủ. Người nhiếp chánh có dã tâm lớn, đều muốn nuốt chiếm đoạt đất đai tài sản của nước khác. Người tham lam luôn luôn muốn tất cả vật chất của thế giới quy thuộc về mình. Có tâm tham thì sẽ sinh ra niệm tà, tham tài vật không thể có được. Vì sao sinh ra tham ? Là vì không hiểu về giới. Giới thì chấm dứt làm các điều ác, phòng ngừa việc quấy, kêu bạn nên biết đủ, đừng tham lam. Bạn giữ được giới luật thì có thể chiến thắng lòng tham của bạn.

**Định** : Tức là có định lực, chẳng có định lực thì sẽ nổi giận, thấy người thấy việc đều cảm thấy không vừa mắt. Nếu chẳng có ai, mình thấy không vừa mắt thì sẽ nổi giận. Có người không những chính mình nổi giận mà còn đánh mình nữa, cho một bạt tai vào má trái, lại sợ má phải "ăn dấm" cho nên lại bồi cho một bạt tai.

"Ăn dấm" là một câu chuyện vào thời xưa của Trung Quốc. Vào đời Đường, có một ông quan đại thần là thuộc hạ của vua, ông ta rất sợ vợ vô cùng. Ông quan này, nếu mỗi lần về nhà trễ, thì vợ của ông ta bắt ông ta quỳ ở trước giường, cho đến khi bà ta bảo thôi, thì ông ta mới dám đứng lên. Ông quan này, ban ngày thấy hoàng đế thì phải lạy, ban đêm về nhà trễ thì phải quỳ vợ. Ông quan này rất thân với hoàng đế, do đó đem tình hình trên nói với hoàng đế, hoàng đế lập tức nói có biện pháp. Sang ngày sau, hạ thánh chỉ gọi vợ của ông quan vào cung, hoàng đế nói với bà ta : "Chồng của bà chẳng làm bậy với người nữ, cũng chẳng làm việc sai quấy, chỉ về nhà trễ mà thôi, sao bà lại bắt ông ta phạt quỳ trước giường ? Đó thật là chẳng đúng, nếu về sau bà không tái phạm nữa, thì trăm tha thứ bà vô tội, còn nếu về sau cũng như thế thì trăm bắt người chết, bà phải uống thuốc độc dưới tay của trăm". Bà ta nói : "Tốt ! Tôi chịu uống thuốc độc, dù tôi có chết cũng phải nghiêm trị ông ta". Do đó, bèn bưng bát thuốc độc uống một hơi cạn sạch. Nhưng uống xong rồi vẫn không chết, chỉ cảm thấy bụng chua chua. Nguyên do, chẳng phải là thuốc độc mà là một chén dấm. Hoàng

để cố ý nói dấm là thuốc độc để thử bà ta có dám uống chẳng, không ngờ bà ta có chí khí sắt đá, dù bà ta có thể uống thuốc độc chết, cũng phải nghiêm trị chồng, cho nên từ đó về sau, Trung Quốc lưu truyền về chuyện "uống dấm" này, nghĩa là vợ rất là nghiêm nghị đối với chồng.

Vậy người rất nóng giận sao lại phải đánh mình ? Vì y chẳng có định lực, do đó thấy người, thấy việc, thấy mình, đều cảm thấy chẳng vừa mắt. Cho nên, phải tu định, khi có định lực thì không nổi tâm sân hận, mà hàng phục được con ma sân hận.

**Huệ :** Vì sao ngu si ? vì chẳng có trí huệ, suốt ngày đến tối khởi vọng tưởng, làm chi phối tâm không được nghỉ ngơi, đều vì chẳng có trí huệ, cho nên đối với bất cứ việc gì, đều nhận thức không rõ ràng, hồ đồ điên đảo. Người có trí huệ thì : "việc đến thì ứng, việc đi thì lặng". Việc gì đến thì ứng phó nó, đều đón nhận mà giải quyết ; việc đi rồi thì để tâm nghỉ ngơi, không bắt tâm phải làm nô lệ cho thân thể. Bây giờ tôi nói với bạn một câu sự thật : "Ngu si là gì ? tức là trí huệ". Bạn sẽ nói : "Thầy lại nói hồ đồ rồi, nếu như ngu si là trí huệ, trí huệ là ngu si, thì sao lại còn phải học trí huệ mà vứt bỏ ngu si ?"

Bạn đừng cho rằng tôi nói pháp lộn xộn, tôi nói ngu si này, bản thể của nó, có thể biến thành trí huệ, chẳng phải nói lìa khỏi ngu si mà đi tìm trí huệ riêng ngoài. Trí huệ vốn ở trong ngu si, song, bạn không biết dùng nó, nếu bạn dùng nó được thì nó tức là trí huệ, không dùng được nó tức là ngu si. Ví như định tức cũng là sân, sân cũng tức là định. Bạn

muốn đắc được định lực, thì hãy biến cái sân hận thành định lực. Bạn thật muốn trì giới thì trong sự tham biến thành giới, chú chẳng phải đi tìm bên ngoài. Tất cả những thứ này đều nằm ở trong tự tánh của bạn. Bạn dùng được nó tức là giới định huệ, không dùng được tức là tham sân si. Diệu lý là tại chỗ này, bạn không minh bạch cũng tại chỗ này.

Những vị A La Hán này vì các lậu đã sạch, chẳng còn phiền não, cho nên những gì cần làm đã làm xong. Tại sao chúng ta tự mình không đắc được lợi ích ? Vì lúc được, lúc mất, lúc có, lúc không. Thế nào mới gọi là chân chánh đắc được lợi ích cho chính mình ? Tức là hiểu biết thật sự, đắc được trí huệ chân thật, chúng được quả A La Hán, mình giác ngộ rồi lại lợi ích chính mình.

"Dứt sự ràng buộc trong các cõi". Gì gọi là sự ràng buộc trong các cõi ? Tức là nghiệp và chướng, tức là dục giới, sắc giới và vô sắc giới, còn gọi là tam hữu (ba cõi). Tam hữu phân ra thì có hai mươi lăm cõi. Dục giới có mười bốn cõi : Tức là :

▣ Bốn đại châu (Đông Thắng Thần châu, Nam Thiệm Bộ châu, Tây Ngưu Hóa châu, Bắc Câu Lưu châu),

▣ Bốn đường ác (A tu la, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục),

▣ Sáu cõi trời dục giới (Tứ Thiên Vương, Trời Đao Lợi, Trời Dạ Ma, Trời Đâu Xuất, Trời Hóa Lạc, Trời Tha Hóa Tự Tại).

Sắc giới có bảy cõi : Tức là :

☐ Trời Tứ Thiên (Trời Sơ Thiên, Trời Nhị Thiên, Trời Tam Thiên, Trời Tứ Thiên),

☐ Trời Đại Phạm,

☐ Trời Vô Tướng,

☐ Trời Ngũ Bất Hoàn.

Vô sắc giới có bốn cõi : Tức là :

☐ Trời Tứ Không Xú (Trời Không Vô Biên Xú, Trời Thức Vô Biên Xú, Trời Vô Sở Hữu Xú, Trời Phi Tướng Phi Phi Tướng Xú).

Dứt sự ràng buộc trong các cõi, tức là vượt ra khỏi ba cõi, không còn ở trong cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc. Do đó : "Vượt ra khỏi ba cõi, không ở trong ngũ hành", như thế mới thật sự chấm dứt sinh tử.

Có những người chẳng minh bạch về Phật pháp, cho rằng tu đến Trời Tứ Thiên là cao siêu nhất rồi. Kỳ thật, đó vẫn còn ở trong tam giới hai mươi lăm cõi, căn bản họ chẳng biết gì là tốt, trong sự tu hành có thể nói là xa lại càng xa, song, những người đó hồ đồ, nói với mọi người rằng đã đạt tới cảnh giới cao nhất. Giống như Tỳ Kheo Vô Văn, lấy tứ thiên làm tứ quả, đến được cảnh giới tứ thiên, cho rằng đã chứng tứ quả, khi ông ta bị đọa lạc thì phỉ báng Phật rằng : "Phật nói chúng được tứ quả thì dứt sinh tử, sao tôi bây giờ còn đọa lạc ?" Phỉ báng Phật

thì càng đọa lạc vào ba đường ác, vĩnh viễn không ra khỏi, không những chỉ một mình Tỳ Kheo Vô Văn đọa vào địa ngục, mà bao nhiêu đồ đệ theo ông ta cũng đi theo vào địa ngục. Do đó có câu :

"U mê truyền cho u mê,  
Một truyền hai chẳng hiểu,  
Ông thầy đọa địa ngục,  
Đệ tử cũng theo vào".

"Tâm được tự tại". Những vị A La Hán này, trong tâm khoái lạc vô biên, tiêu giao tự tại, giống như Bồ Tát Quán Tự Tại, suốt ngày đến tối ngồi tham thiền, rất khoái lạc vô ngần, chẳng có tư hào phiền não, tâm thật sự đắc được tự tại, trí huệ. Sự khoái lạc ở đây, bên trong thật sự tự tại, chứ chẳng phải bên ngoài cố ý tạo tác la lên om sòm. Bạn đừng cho rằng suốt ngày đến tối la lối, tức là khoái lạc, ngược lại, đó là phiền não điên đảo ! Tại sao ? Bạn thấy được việc của bạn thích thì bị nó chuyển, chính mình còn chẳng có định lực, mà còn la lối cười điên lên, đó thật sự có gì khoái lạc ? Chẳng có gì cả !

**Tên của các Ngài là : A Nhã Kiều  
Trần Như, Ma Ha Ca Diếp, Ưu Lâu Tần  
Loa Ca Diếp, Già Da Ca Diếp, Na Đề Ca  
Diếp, Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên,  
Ma Ha Ca Chiên Diên, A Nậu Lô Đà,**

**Kiếp Tân Na, Kiều Phạm Ba Đề, Ly Bà Đa, Tất Lăng Già Bà Tha, Bạt Câu La, Ma Ha Câu Hi La, Nan Đà, Tôn Đà La Nan Đà, Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử, Tu Bồ Đề, A Nan, La Hầu La.**

Những tên vừa cử ra ở trên là đại chúng, hai mươi mốt vị đại Thanh Văn đệ tử của đức Phật, ở trong một vạn hai ngàn người của đại hội Pháp Hoa.

### **1. "A Nhã Kiều Trần Như".**

Ngài là một trong năm vị đầu tiên, được đức Phật độ trước nhất. Đức Phật ở dưới cội bồ đề thấy sao mai mọc mà ngộ đạo, do đó Phật thốt lên ba lần lành thay : "Hết thầy chúng sinh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật". Đức Phật chỉ nói hết thầy chúng sinh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật, chứ chẳng phải nói tất cả chúng sinh tức là Phật, song, có những đệ tử của Phật sau này hoặc là Phật giáo đồ nói : "Ai ai cũng đều là Phật, người và Phật chẳng có khác biệt ". Đó tức là kẻ dui dẫn người mù, muốn lòa mắt thiên hạ.

Đức Phật thốt lên ba lần lành thay, rồi dùng Diệu quán sát trí quán sát, biết trước hết phải đến vườn Lộc Uyển độ năm anh em Kiều Trần Như. Vì sao ? Vì trong quá khứ năm vị này chuyên môn phá hoại và phỉ báng



Đức Phật. Trong vô lượng kiếp về trước, tuy nhiên sáu người cùng phát tâm tu đạo, nhưng năm người họ liên kết với nhau khinh khi Phật, có khi đánh Ngài, mắng Ngài, ăn thịt Ngài hoặc uống máu của Ngài, song, đức Phật không những không khởi tâm oán giận họ, mà ngược lại Ngài phát nguyện nói : "Các vị thật trợ giúp cho ta tu hành ! Nếu ta tương lai có thể thành Phật, thì nhất định phải độ các vị trước hết. Hiện tại các vị đối với ta không tốt, nhưng ta chẳng phiền não oán giận chút nào, ngược lại ta càng đối xử tốt với các vị ". Đức Phật nhẫn nhục được như thế thật là quá vĩ đại, chúng ta mỗi người tu đạo hãy học theo gương tốt ấy.

Lại có câu chuyện về vua Ca Lợi và Tiên Ông nhẫn nhục. Thuở xưa, Đức Phật tu hành thì chuyên tu pháp môn nhẫn nhục, cho nên gọi là Tiên Ông nhẫn nhục. Một ngày nọ, vua Ca Lợi (tiền thân của Kiều Trần Như) đem một số cung phi mỹ nữ vào rừng săn bắn, trong sự vô ý các cung phi mỹ nữ thấy Tiên Ông nhẫn nhục đang ngồi thiền, do đó bèn quây quần ông ta để hỏi đạo. Vua Ca Lợi cho rằng Tiên Ông nhẫn nhục dụ dỗ phi tần của vua, bèn sinh tâm đố kỵ, do đó bèn chặt tay chân tứ chi của Tiên Ông nhẫn nhục. Mỗi khi vua chặt một chi thì hỏi : "Trong tâm ông có oán giận tôi chăng ?" Tiên Ông nhẫn nhục đáp : "Tôi chẳng giận ông, nếu tôi không sân hận thì tứ chi của tôi hoàn lại như cũ, nếu có tâm sân hận thì tứ chi của tôi không thể hoàn lại như cũ". Vừa nói xong thì quả nhiên

tay chân tứ chi hoàn lại như cũ, lúc đó tất cả Hộ Pháp thiện thần phần nộ vua Ca Lợi, bèn mưa đá xuống chỗ của vua Ca Lợi để trừng phạt vua Ca Lợi. Nhưng Đức Phật cầu thỉnh với các vị thiện thần : "Đừng trách ông ta, ông ta đến khảo nghiệm tôi, để tôi thành tựu đạo nghiệp. Tương lai khi tôi thành Phật, thì trước hết tôi sẽ độ ông ta". Tuy nhiên Ngài A Nhã Kiều Trần Như đối xử rất thậm tệ với Phật, nhưng Đức Phật thành Phật rồi thì độ ông ta trước nhất. "A Nhã" nghĩa là "giải bốn tế" cũng gọi là khai ngộ đầu tiên.

## **2. "Ma Ha Ca Diếp".**

Ma Ha nghĩa là "lớn" (đại), do đó Ma Ha Ca Diếp tức là Đại Ca Diếp. Ca Diếp dịch là "ấm quang", còn gọi là "Đại quy thị". Đại Quy Thị là họ của Ngài, vì khi tổ tiên của Ngài tu đạo, thì thấy một con rùa lớn cỡ trên lưng một họa đồ, cho nên lấy đó mà làm họ.

Tên của Ngài Đại Ca Diếp là Tí Bát La. Tí Bát La là tên cây, vì cha mẹ của Ngài cầu nguyện với cây này mà sinh ra Ngài, cho nên lấy Tí Bát La làm tên, và trên thân của Ngài có quang minh, che lấp hết các quang minh khác, giống như uống (ấm) hết tất cả quang minh khác. Sao Ngài lại có quang minh ? Có câu chuyện như vậy : Vợ của Ngài (Tỳ Kheo Ni Tử Kim Quang) trong quá khứ là một người nữ rất nghèo nàn. Sau khi Đức Phật Tì Bà Thi diệt độ, có người làm tháp thờ Phật và tạo tượng Phật, trải qua thời gian lâu thì tháp cũng hư hoại mà tượng cũng

hu. Do đó, người nữ này thấy vậy bèn phát bồ đề tâm muốn sơn sửa lại tượng Phật ở trong Chùa, cho nên cô ta đi các nơi xin tiền, mỗi ngày tiền xin được thì mua vàng, khổ nhọc trải qua mười chín năm, số vàng tích tụ cũng không ít, cô ta mời một thợ đúc vàng đến để thếp vàng tượng Phật. Khi thợ đúc vàng biết cô ta cực khổ như thế, khiến cho ông ta rất cảm động, ông ta bèn đi quyên mọi người thêm để tu bổ tượng Phật, cho nên ông ta cũng phát tâm muốn giúp đỡ cô ta làm. Hai người cùng nhau trùng tu Chùa và tượng Phật lại đẹp đẽ rồi, ông thợ vàng xin cầu hôn với người nữ nghèo đó, người nữ nghèo cũng vui vẻ đáp ứng. Hai người kết hôn rồi thì phát nguyện : đời đời kiếp kiếp đều muốn làm vợ chồng. Vì thếp vàng tượng Phật, cho nên hai người thân thể đều phóng kim quang, do đó khi Ngài Ca Diếp ra đời thì trên thân có kim quang (áng sáng vàng). Sau khi Ngài lớn lên, cha mẹ của Ngài muốn Ngài cưới vợ, Ngài nói : "Thân của con phóng kim quang, thì phải tìm người nữ trên thân cũng có kim quang, thì con mới cưới cô ta, nếu không thì con sẽ sống độc thân". Thời gian sau tìm được một người nữ trên thân cũng phóng kim quang, cho nên hai người kết hôn với nhau. Hai người kết hôn rồi đều cùng xuất gia tu đạo, chứng được quả vị A La Hán rồi, mới biết trong quá khứ đã từng phát nguyện, đời đời kiếp kiếp đều muốn làm vợ chồng.

Bạn đừng lầm rằng họ phát nguyện đời đời kiếp kiếp làm vợ chồng mà nói rằng : "Tương lai tôi gặp người

nam (người nữ), tôi cũng muốn y phát nguyện như thế, đòi đòi kiếp kiếp đều làm vợ chồng". Tuyệt đối đừng như thế, họ phát nguyện đòi đòi kiếp kiếp làm vợ chồng là muốn tu đạo, đều phải quy y Tam Bảo, xuất gia tu đạo, bạn đừng phát nguyện đòi đòi kiếp kiếp làm vợ chồng, vì càng làm càng đọa vào địa ngục, phải xuất gia tu đạo mới có thể, cho nên Ngài Ca Diếp và vợ của Ngài xuất gia đều chứng quả.

Ngài Ma Ha Ca Diếp là vị Tổ thứ nhất. Bạn có muốn gặp vị Tôn Giả này chăng ! Bây giờ Ngài vẫn còn ở trong thế giới này, Ngài đang ngồi thiền nhập định trong núi Kê Túc ở Tỉnh Vân Nam Trung Quốc. Ngài đợi đến khi Bồ Tát Di Lặc ra đời thành Phật, thì đem y bát của Phật Thích Ca giao cho Đức Phật Di Lặc. Bây giờ Ngài vẫn chưa viên tịch. Nếu các bạn ai thành tâm đến núi Kê Túc lạy Ngài Ma Ha Ca Diếp, thì có thể sẽ thấy được Ngài. Tại núi Kê Túc thường có ba thứ quang minh : Quang minh của Phật, quang minh màu vàng và quang minh màu bạc. Nếu ai có thành tâm, không những có thể thấy quang minh, mà còn có thể nghe tiếng chuông. Tiếng chuông đó dù ở ngoài mấy trăm dặm cũng có thể nghe được.

Ngài Ca Diếp là người lớn tuổi nhất trong số đệ tử của Đức Phật, cũng là người tu khổ hạnh bậc nhất. Nhưng Ngài càng già thì càng có tinh thần sức lực. Cha mẹ của Ngài, người ở nước Ma Kiệt Đà, giàu có vô cùng, có thể

nói "Phú khả địch quốc", mà vua nước Ma Kiệt Đà cũng từng lạy Ngài làm thầy, nhưng từ khi Ngài theo Phật xuất gia tu đạo, thì không những đem tài sản ra bố thí mà còn chuyên môn hành đầu đà khổ hạnh, chịu khổ chịu cực. Một ngày nọ, khi Đức Phật thuyết pháp thì đức Phật chia cho Ngài nửa tòa ngồi, kêu Ngài Ca Diếp cùng ngồi. Lúc đó Ngài Ca Diếp đã già lắm, khoảng một trăm bốn mươi lăm tuổi. Đức Phật nói với Ngài Ca Diếp : "Ông tuổi đã quá lớn rồi, tinh thần chắc chắn không được sung túc, ông hành đầu đà khổ hạnh sợ chịu không được. Ông đừng hành khổ hạnh nữa, thay đổi ăn uống ngon một chút, mặc tốt hơn một chút, ở chỗ thích hợp hơn một chút !" Nhưng Ngài cũng nghe lời của Đức Phật, Ngài vẫn cứ hành khổ hạnh. Do đó, Ngài được Đức Phật khen ngợi : "Phật pháp của ta trụ thế lâu dài, là có quan hệ rất lớn với sự tu hành đầu đà khổ hạnh của Đại Ca Diếp. Nếu cứ tu hành đầu đà khổ hạnh như thế, thì Phật pháp của ta nhất định trụ thế lâu dài". Cho nên, Tổ Sư Ma Ha Ca Diếp là người tu hành đầu đà khổ hạnh bậc nhất.

Một lần nọ, đức Phật đang muốn thuyết pháp, thì có một vị trời Đại Phạm Thiên, lấy cành hoa Kim Ba La đến cúng dường Đức Phật. Vị trời đó nằm dưới đất thỉnh Đức Phật ngồi lên thân của ông để thuyết pháp. Đức Phật ngồi lên trên thân vị trời đó, tay cầm cành hoa dơ lên trước đại chúng trời người trăm vạn người và mở nụ cười, khi Đức Phật cười thì Ngài Ca Diếp cũng cười. Cho nên đó gọi là : "Niêm hoa vi tiếu, truyền Phật tâm ấn". Đức

Phật bèn nói : "Ta có chánh pháp nhãn tạng, Niết Bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, giáo ngoại biệt truyền, lấy tâm ấn tâm, đã phó chúc cho Ma Ha Ca Diếp". Do đó, Ngài Ma Ha Ca Diếp trở thành vị Tổ thứ nhất. Đức Phật chỉ truyền cho Ngài Ca Diếp, Ngài Ca Diếp lại truyền cho Tổ thứ hai Ngài A Nan, Ngài A Nan lại truyền cho Tổ thứ ba Thương Na Hòa Tu, Ngài Thương Na Hòa Tu lại truyền cho Tổ thứ tư Ưu Ba Cúc Đa .v.v., một đời truyền xuống một đời đều dùng tâm ấn tâm. Từ sơ Tổ truyền đến Tổ thứ hai mươi tám Bồ Đề Đạt Ma. Tổ Bồ Đề Đạt Ma đem tâm ấn của Phật mang đến Trung Quốc, truyền cho Tổ thứ hai là Huệ Khả. Ngài Huệ Khả lại truyền cho Tổ thứ ba là Tăng Xán .v.v., cho đến Lục Tổ Huệ Năng. Về sau thì một hoa nở năm cánh, phân ra : Tông Lâm Tế, Tông Pháp Nhãn, Tông Tào Động, Tông Quy Ngưỡng và Tông Vân Môn. Cho đến hiện tại Phật pháp lại truyền đến tây phương, đó là sơ lược về Tổ sư tương truyền.

"Mười hai hạnh đầu đà khổ hạnh". Nay giảng sơ lược về hạnh đầu đà khổ hạnh vừa mới đề cập đến ở trên. "Đầu đà" là tiếng Phạn, dịch là "phấn chấn", nghĩa là phấn chấn tinh thần ; như khi đả thiền thất thì thường nói phấn chấn tinh thần, không sợ khổ, càng khổ thì càng nỗ lực. Giống như Ngài Ca Diếp già như thế, mà cũng hành hạnh đầu đà, phấn chấn tinh thần hành mười hai hạnh đầu đà.

1. **Mặc y bá nạp.** Y bá nạp còn gọi là y phần tảo, tức là tấm y vốn có trăm ngàn lỗ rách, nhưng mỗi khi rách thì vá lại, chẳng biết vá bao nhiêu lần mà nói. Tấm y này người khác chẳng ai muốn mặc. Người xuất gia nhặt vãi vụn ở trong đồng rác, rồi giặt sạch mà may vá thành y để mặc. Mặc y này tốt ở chỗ nào ? Nếu nói ra thì nhiều lắm. Ví như bạn mặc y này lên, thì chẳng còn tâm tham, cũng diệt trừ tâm tham của người khác. Những Tỳ Kheo khác thấy bạn mặc y lam lũ mà không mặc y tốt, họ cũng phát khởi đạo tâm để tu đạo. Hơn nữa, bạn mặc y rách nát lam lũ, thì trộm cướp nhất định không trộm cướp của bạn. Vào năm 1948, tôi ở tại chùa Nam Hoa thì có bọn cướp đến cướp Chùa. Chúng phá cửa xông vào, lập tức kêu tôi đưa tiền ra, tôi bèn nói : "Các anh xem, tôi mặc y như thế này, có giống người có tiền chăng ?" (Lúc đó tôi mặc y như lúc tôi mặc y thủ hiếu bên cạnh mộ của mẹ tôi, thủ hiếu xong rồi, tôi vẫn luôn luôn mặc nó để làm kỷ niệm mẹ của tôi. Vì tấm y đó đã rách nát, cho nên khi ở tại Đông Bắc (Trung Quốc), ai quy y với tôi thì vá cho tôi một miếng vào cái y đó, do đó tấm y đó có rất nhiều lỗ vá). Tuy nhiên, tôi nói với bọn cướp trong phòng có báu vật, kêu chúng có thể đi vào mà lấy, song, những tên cướp thấy tôi mặc y như thế, cũng chẳng vào phòng cướp lấy gì cả, bèn bỏ đi hết. (Thật tế, trong phòng thật có hai báu vật sống, đó là hai chú Sa Di sợ hãi nằm dưới gầm giường).

Hơn nữa, bạn mặc y phần tảo thì người giàu cũng xa lìa bạn, như thế thì ít bị quấy nhiễu, còn có điểm tốt

quan trọng nhất là người nữ cũng xa lìa bạn. Tu đạo, nếu mặc y như thế thì lâu dần sẽ có một hương vị rất kỳ đặc, nhưng hương vị này đối với người nữ mà nói thì đó là mùi thối, cho nên mặc y phấn tảo có rất nhiều chỗ tốt nói không hết được.

**2. Chỉ có ba cái y.** Tỳ Kheo hành hạnh đầu đà chỉ có ba tấm y, do đó : "Ngoài thân chẳng vật gì khác, cũng chẳng có phiền não gì phát sinh". Ba y tức là :

Thứ nhất là Tổ y, còn gọi là đại y, tiếng Phạn gọi là y Tăng già lê, dịch là "y hai mươi lăm điều". Y hai mươi lăm điều, bốn dài một ngắn, cộng thành một trăm hai mươi lăm ô, đó là biểu thị hình tướng của ruộng phước, cho nên còn gọi là y phước điền. Y này nếu vào cung vua, tụ lạc khát thực, thuyết pháp thì mới mặc.

Thứ hai là y bảy điều, y bảy điều hai dài một ngắn, cộng thành hai mươi một ô, tiếng Phạn gọi là y Uất Đa La Tăng, dịch là "y nhập chúng". Khi lễ bái, tụng Kinh, nghe pháp, hội họp với đại chúng .v.v., thì mặc y này.

Thứ ba là y năm điều, y năm điều một dài một ngắn, cộng thành mười ô, tiếng Phạn gọi là y An Đà Hội dịch là "y chấp tác", khi làm việc chấp tác mọi nơi đều mặc y này. Nếu Tỳ Kheo hành hạnh đầu đà, thì chỉ có ba y này và bình bát với tọa cụ. Bình bát là cái bát của Tỳ Kheo dùng để ăn cơm, tọa cụ dùng để trải lễ Phật ở trong chánh điện.



3. **Khất thực** : Mỗi ngày khi đến giờ ăn thì vào thành, vào làng khất thực, chú mình chẳng nấu nướng gì cả.

4. **Khất thực có thú tự** : Nghĩa là khi đi khất thực, thì không lựa nhà giàu hoặc nhà nghèo, mục đích là tiêu diệt tâm phân biệt mà hành bình đẳng, đó là hành vi đại công vô tư.

5. **Ngày ăn một bữa**, tức là sáng cũng không ăn, chỉ ăn một bữa trưa. Ăn một bữa trưa rất tốt nhưng đáng tiếc không dễ gì làm được. Tại sao ? Vì đói một chút thì muốn ăn, cho nên đa số nhiều người chịu không được sự khổ hạnh ngày ăn một bữa. Song, công đức ngày ăn một bữa nói không hết được. Tóm lại, bạn bớt ăn một chút thì bớt một chút phiền não, ăn nhiều một chút thì phiền não cũng nhiều một chút. Ngoài ra, khi Tỳ Kheo ăn cơm thì phải có ba quán niệm và năm điều quán tưởng.

Ba quán niệm : Thứ nhất : Nguyện dứt tất cả điều ác. Thứ hai : Nguyện tu tất cả điều lành. Thứ ba : Thệ độ tất cả chúng sinh.

Năm điều quán tưởng :

**Thứ nhất** : "Kế công đa thiếu, lượng bỉ lai xú". Nghĩa là : hãy tính xem vật ăn phải tốn bao nhiêu công nhân mới làm thành. Ví như sự hình thành một hạt gạo, phải trải qua gieo giống, tưới nước, bón phân, nhổ cỏ .v.v., bao nhiêu là sự khổ cực, cho nên làm được hạt gạo

rất khó khăn vô cùng, đến nơi cũng không dễ. Cho nên có câu :

"Giữa nắng trưa gay gắt,  
Nông dân nhọc nhằn cuốc,  
Mồ hôi đổ trên lúa,  
Bưng bát cơm ai biết,  
Mỗi hạt bao đắng cay".

Do đó, chúng ta mỗi người nên thương tiếc vật chất, tiết kiệm, đừng tùy tiện lãng phí, mà hãy nghĩ đến nó, đến nơi không dễ dàng. Tại sao trên thế giới này có những nước thiếu lương thực, nhân dân chẳng có cơm ăn ? Vì lãng phí vật chất quá nhiều, cho nên chẳng có cơm ăn. Chúng ta là người tin Phật, nhất là đối với nhân quả phải cẩn thận, vật chất, ẩm thực, tài vật, bạn dùng được thì dùng, không dùng được thì cho người khác dùng, nhưng dùng có tùy tiện vứt đi, do đó :

"Trong bếp có cơm dư,  
Ngoài đường có kẻ đói".

Cho nên trong nhà nếu còn cơm dư, thì hãy bố thí cho người không có cơm ăn, đừng vứt đi.

**Thú hai** : "Thôn kỹ đức hạnh, toàn khuyết ứng cúng". Nghĩa là : hãy nghĩ xem mình có công đức gì, đáng thọ thập phương cúng dường, độ lượng đức hạnh của mình có đủ chăng ? là đủ hay thiếu ? đáng thọ lãnh của

thí chủ cúng dường chẳng ? nếu đức hạnh không đủ thì hãy mau dụng công tu đạo.

**Thú ba** : "Phòng tâm ly quá, tham đặng vi tông. Nghĩa là : phòng ngừa tâm của mình, lìa khỏi mọi lỗi lầm. Lìa khỏi lỗi lầm gì ? Tức là lìa khỏi tham sân si ba độc. Ăn vật ăn thì đừng phân biệt vật ngon hay dở, đừng nên vật ngon thì ăn nhiều, vật dở thì không ăn, như thế thì không đúng.

**Thú tư** : "Chánh sự lương dục, vi liệu hình khô". Khi Tỳ Kheo ăn cơm thì nghĩ rằng vật ăn vào dùng làm thuốc, để cho thân thể khỏi khô héo, nếu không ăn thì không thể sinh tồn.

**Thú năm** : "Vi thành đạo nghiệp, ưng thọ thử thực". "Tại sao tôi phải ăn cơm ? Vì muốn dụng công tu đạo, nếu tôi không ăn cơm thì đứng không vững, ngồi không yên. Vì tôi muốn tu đạo, cho nên không thể không ăn".

**6. Ăn có tiết lượng.** Tức là phải có sự tiết chế đối với thức ăn uống, ăn có số lượng. Không thể cảm thấy vật ăn ngon, ăn xong rồi lại muốn ăn nữa, luôn luôn nghĩ nhớ không quên, như thế thì chẳng có tiết lượng. Bất cứ thấy vật gì ngon, nếu mỗi bữa ăn hai bát, thì nhất định ăn hai bát. Không thể nói vật này không ngon thì tôi ăn một bát, khi vật ăn ngon thì ăn ba bát, mà chẳng tiết chế chút nào. Người hành hạnh đầu đà thì vốn ăn hai bát mới no, nhưng

chỉ ăn một bát rưỡi, tiết lượng bát ăn một chút, đó là ăn có tiết lượng.

**7. Quá giờ ngộ không uống nước có chất bổ.** Không uống sữa, nước trái cây, cà phê, trà hoặc mật ong, mà chỉ uống nước lạnh. Song, điều này rất khó hành, vì ngay cả trà cũng liệt vào chất bổ, không được uống, cho nên không dễ gì hành được. Đó là năm điều khổ hạnh về ăn uống, dưới đây nói về khổ hạnh chỗ ở.

**8. Ở nơi A Lan Nhã.** A Lan Nhã là tiếng Phạn, dịch là "nơi vắng lặng". Vắng lặng tức là nơi không ồn ào, chẳng có bất cứ âm thanh gì. Nơi đây là ở trong rừng núi, trong thâm cốc, hoặc là nơi xa thành thị, là nơi tu hành tốt nhất cho người tu hành.

**9. Ở dưới gốc cây.** Người hành hạnh đầu đà thì ở dưới gốc cây. Tại sao? Vì người tu đạo lấy trời đất làm nhà, đi khắp nơi đều ở được, nhưng không ở quá mỗi gốc cây ba đêm, vì người tu đạo chân chánh thì rất thanh cao, vì tránh cho người biết họ để đến cúng dường, cho nên ở dưới gốc cây chừng hai đêm thì bỏ đi, để tránh có người muốn đến cúng dường, đó là không cầu bất cứ ai cúng dường.

**10. Ở ngoài trời.** Người tu đạo ở ngoài trời, thật là lấy trời đất làm phòng, tức có ánh sáng của trăng sao, đời sống như thế, sao mà quá tự tại tiêu dao, do đó có câu :

"Nguyệt đáo thiên tâm xứ,  
Phong lai thủy bất thức,

Nhất cổ thanh dị vị,  
Lược đắc thiểu nhân tri".

Đời sống thiên nhiên như thế, rất ít người lãnh hội được những chỗ áo diệu của nó.

11. **Ở ngoài nghĩa địa**, tức là ở với người chết, làm bạn với ma quỷ. Tại sao ? Vì ngồi ở trong mồ mả thì mình có thể tu quán về vô thường, thấy rõ đời người là vô thường, bất cứ sớm tối trước sau gì cũng sẽ chết, chết rồi thì chôn cất vào mộ, hóa thành đống xương trắng. Ngồi trong mộ tu đạo, thì có thể giác ngộ tất cả đều là vô thường, do đó sẽ không sinh ra đủ thứ tâm tham sân si, mà cũng chẳng có chấp trước.

12. **Lưng không chạm đất**. Ở Ấn Độ, có vị Hiệp Tôn Giả, suốt đời không bao giờ nằm, mà luôn luôn ngồi không nằm. Nếu ngủ nằm thì càng ngủ càng muốn ngủ mà chẳng muốn dậy. Song, nếu thường ngồi không nằm thì ngủ một giấc sẽ tỉnh dậy, tỉnh dậy rất dễ dàng dụng công tu hành tham thiền. Cho nên thường ngồi không nằm về phương diện tu hành giúp ích không ít.

Nếu hành được một hoặc hai hạnh đầu đà vẫn tốt như thường, tùy theo khả năng của mình. Ngài Ca Diếp tuy rất già nua, nhưng Ngài vẫn hành mười hai hạnh đầu đà, cho nên Ngài là người hành đầu đà đệ nhất.

**3. Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp**

**4. Già Gia Ca Diếp**

**5. Na Đề Ca Diếp**

Ba anh em này trước khi quy y với đức Phật, thì đều thờ thần lửa ngoại đạo. Các vị này cho rằng lửa là thần thánh cao nhất, là mẹ của vạn vật, cho nên chuyên môn cung kính lửa, lạy lửa. Bạn nói họ có ngu si chẳng ? Lạy lửa lại có ích gì ?

"Ưu Lâu Tần Loa" là tiếng Phạn dịch là "rừng mọc qua", Ngài hoan hỉ nhất là tu đạo trong rừng mọc qua. Ngài và năm trăm đệ tử của Ngài ở bên bờ sông Ni Lạc Ca. Hai người em cùng ở chung với Ngài. "Già Gia" dịch là "thành", hoặc là "núi đầu voi", vị này có ba trăm vị đệ tử. "Na Đề" dịch là "sông", vị này có hai trăm vị đệ tử, cho nên anh em Ca Diếp cộng lại được một ngàn vị đệ tử.

Đức Phật ngộ đạo rồi, bèn đi đến Vườn Nai độ năm vị Tỳ Kheo Kiều Trần Như. Độ xong rồi, Ngài quán sát người kế tiếp phải độ là ba anh em Ca Diếp, do đó đức Phật tìm đến Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp, Phật biết nếu độ được vị này, thì hai người em kia và tất cả các đệ tử cũng đều độ được, song, Phật không thể nói toạc ra ý nghĩ đó, cho nên dùng phương tiện khéo léo nói : "Trời đã tối rồi ! Tôi không thể tiếp tục đi nữa, có thể nào cho tôi tá túc trong động của ông một đêm được chẳng ?" Ưu Lâu Tần Loa nói : "Có một con rồng lửa hung ác ở trong động đó, nó nhất định thiêu chết ông". Nhưng Đức Phật nói : "Chẳng có vấn đề gì, nó không thể làm thương hại đến tôi". Do đó, Ưu Lâu Tần Loa mời Đức Phật vào trong sơn

động đó ở. Quả nhiên nửa đêm, con rồng lửa thật lớn, miệng phun ra lửa muốn thiêu chết Đức Phật. Song, Đức Phật đã nhập định hỏa quang tam muội, chẳng bị tổn thương chút nào. Lúc đó, Đức Phật dùng thần lực nhiếp rồng bỏ vào trong bình bát, sau đó nói pháp cho nó nghe, rồng chịu quy y với Phật.

Ưu Lâu Tần Loa Ca Diếp quá đổi kinh ngạc. Tuy nhiên, Ngài cho rằng mình là người tu hành có công phu, nhưng không thể bị được cảnh giới và thần lực của đức Phật, cho nên đem năm trăm đệ tử cùng quy y với đức Phật. Khi hai người em nghe tin Ngài đã xuất gia theo Phật, cũng phát tâm muốn xuất gia và đem hết các đệ tử gia nhập vào trong Tăng đoàn. Xuất gia chẳng bao lâu, ba anh em đều chứng quả A La Hán.

## **6. Xá Lợi Phất**

Khi Xá Lợi Phất chưa ra đời, thì mẹ của Ngài thường biện luận với cậu của Ngài (Ma Ha Câu Hi La), nhưng đều bị thua. Song, từ khi mang thai Ngài Xá Lợi Phất thì rất là kỳ lạ, tức là mẹ của Ngài biện luận với cậu của Ngài thì ngược lại cậu của Ngài đều bị thua. Cho nên, Ma Ha Câu Hi La biết được cậu bé ở trong thai của chị mình, nhất định là người có đại trí huệ. Tại sao ? Vì ông ta biết trước kia chị của mình đâu có thông minh như thế, mà bây giờ lại thông minh lanh lợi, chắc chắn đứa bé trí huệ đó giúp cho bà ta. Ma Ha Câu Hi La cảm thấy bản

lãnh của mình không đủ, nếu tương lai biện luận với cháu của mình mà thua thì mất mặt, do đó ông ta đi về phía nam Ấn Độ tìm thầy học pháp. Ngày đêm chỉ lo chuyên tâm học, chẳng có thời gian để cắt tóc, cạo râu, cắt móng tay, mà để móng tay dài ra, cho nên đa số đều gọi Ngài là "Trường Trảo Phạm Chí" (Ông Phạm Chí móng tay dài).

Khi Ngài học y, bói, xem tướng, chiêm tinh, biện luận .v.v. , xong hết rồi, thì trở về nhà gặp chị của Ngài, tìm Xá Lợi Phất. Song, chị ông ta nói Xá Lợi Phất đã theo Phật xuất gia rồi, ông ta tức khắc sinh tâm kiêu ngạo nói : "Cháu ngoại của ta mới tám tuổi đã đăng tòa thuyết pháp, danh đồn khắp nơi, mấy trăm luận sư đều bị cậu ta luận bại, là cậu bé thông minh như thế, sao lại có thể theo vị Sa Môn xuất gia ? thật là đáng tiếc ! Tôi phải đi gặp vị Sa Môn đó, xem thử ông ta có bản lãnh gì ?" Do đó, Ma Ha Câu Hi La đi gặp Đức Phật, ông ta gặp Đức Phật đem hết phương pháp sở học ra, cũng chẳng cách chi biện luận thắng được Đức Phật, cuối cùng ông ta lập tông với Phật. Phật hỏi ông ta : "Ông lấy gì làm tông ?" Ông ta đáp : "Tôi lấy không thọ làm tông, bất cứ Ngài giảng đạo lý gì, tôi cũng chẳng lý tới, cũng chẳng tiếp thọ, xem thử Ngài có biện pháp gì ?" Phật nói : "Tốt ! Ông lấy không thọ làm tông, vậy ông đã thọ chấp kiến không thọ của ông hay chưa ?" Phật hỏi như vậy, đúng là hỏi ngược lại ông ta ! Nếu nói thọ thì vốn chẳng có tông này, càng trái ngược với mình. Trước khi biện luận, ông ta đánh cá với Phật



:"Nếu tôi biện luận thua thì hãy cắt đầu của tôi xuống, nếu Ngài thua thì phải trả lại đứa cháu của tôi". Nhưng khi luận thua thì ông ta bỏ chạy, không muốn cắt đầu, chạy chẳng bao xa thì nghĩ lại : "Minh là nam tử hán đại trượng phu, nói ra thì phải giữ lời, sao lại nuốt lời ? Thôi hãy trở lại chịu cắt đầu !" Do đó chạy lại chỗ Đức Phật muốn lấy đao cắt đầu, nhưng Phật nói : "Ở trong Phật pháp của ta chẳng có phương pháp này, ông biện luận thua là người thua cuộc, hà tất phải cắt đầu". Sau đó Phật thuyết pháp cho ông ta nghe, ông ta lập tức khai mở pháp nhãn, đắc được pháp nhãn thanh tịnh, biết Phật pháp áo diệu vô cùng, mà pháp của mình học là pháp ngoại đạo, chẳng bằng một trong vạn phần của Phật pháp. Cho nên, ông ta không những không đòi cháu về, ngược lại cũng theo Phật xuất gia, đó là một đoạn nhân duyên của Ngài Xá Lợi Phất và cậu của Ngài Ma Ha Câu Hi La.

Xá Lợi Phất là tiếng Phạn, dịch là "phu tử", lại gọi là "châu tử" hoặc "phân tử". Vì mẹ của Ngài gọi là "Thu", có cặp mắt rất xinh đẹp như chim Thu, cho nên gọi là Thu. Và mắt mẹ của Ngài cũng giống như hạt châu, cho nên gọi là châu. "Phất" nghĩa là con.

Xá Lợi Phất trí huệ đệ nhất, đồng thời thần thông cũng lớn vô cùng. Có một lần, Ngài Mục Kiền Liên và Ngài so sánh thần thông. Khi Đức Phật đi đến đâu thuyết pháp, thì tất cả các đệ tử đều theo đi nghe pháp. Chỉ có lần đó Ngài Xá Lợi Phất đang vá y, Ngài Mục Kiền Liên

bèn giục hối Ngài đi, nhưng giục hối cách nào Ngài cũng khẳng định vá tẩm y xong rồi mới đi, do đó Ngài Mục Kiền Liên dùng thần thông khiến cho tẩm y xếp lại, Ngài Xá Lợi Phất để tẩm y bên phải nói : "Nếu bạn giở nổi tẩm y lên, thì tôi sẽ đi với bạn". Ai biết, dùng hết tất cả thần thông, không những không thể giở tẩm y lên được, mà tẩm y cũng chẳng nhúc nhích tí nào. Bạn thấy trí huệ của Ngài Xá Lợi Phất lớn hơn so với thần thông ! Bỏn lai Mục Kiền Liên là thần thông đệ nhất, nhưng so sánh với trí huệ của Ngài Xá Lợi Phất thì đâu không qua Ngài được, đủ thấy trí huệ quan trọng hơn hết, thần thông là thứ yếu.

### **7. Đại Mục Kiền Liên.**

Mục Kiền Liên là tiếng Phạn, dịch là "lai bạc căn" hoặc là "thái thúc thị", tên của Ngài là Tí Lợi Bát (tên một thứ cây), vì cha mẹ của Ngài cầu nguyện với cây Tí Lợi Bát mà sinh ra Ngài, cho nên lấy tên này làm tên, nhân duyên giống như Ngài Ca Diếp.

Tuy nhiên mẹ của Ngài Mục Kiền Liên cầu thần, nhưng không tin Phật, Pháp, Tăng, cũng chẳng cung kính Tam Bảo, mà phỉ báng phá hoại Tam Bảo. Do đó, bà ta chết rồi bị đọa vào địa ngục. Khi Ngài Mục Kiền Liên chứng đắc ngũ nhãn lục thông rồi, bèn quán sát khắp thế giới tìm mẹ của Ngài, thì thấy mẹ của Ngài ở trong địa ngục làm nạ quý, chịu vô lượng thống khổ. Ngài Mục Kiền Liên thương xót buồn rầu, mới mang một bát cơm

đến cho mẹ ăn, nhưng cơm vừa tới miệng thì hóa thành lửa than. Tại sao ? Vì mẹ của Ngài tội lỗi sâu nặng, cho nên bất cứ ăn vật gì vào đến miệng của bà ta đều hóa thành lửa, mà ăn chẳng được.

Mục Kiên Liên tuy là thần thông đệ nhất, mà cũng chẳng cách chi cứu được mẹ của Ngài, do đó mới đi tìm Đức Phật, khóc lóc nói : "Mẹ của con đọa vào địa ngục làm ngạ quỷ, con mang cơm đến cho bà ăn, nhưng khi cơm đến miệng thì biến thành lửa than, nay con cầu Đức Thế Tôn từ bi thương xót, cứu mẹ của con". Đức Phật nói : "Vì mẹ của con phỉ báng Tam Bảo, tội nghiệp quá nặng, sức của một mình con chẳng thể cứu đặng, nếu muốn cứu mẹ của con thì vào ngày rằm tháng bảy, cũng là ngày Phật hoan hỷ, lúc chư Tăng tụng niệm, thiết lễ Vu Lan Bồn để cúng dường mười phương Phật Pháp Tăng, ngày đó, nếu con cúng dường Tam Bảo, thì mẹ của con sẽ lìa khổ được vui". Ngài Mục Kiên Liên nghe rồi, y theo phương pháp của Phật, thiết lễ Vu Lan Bồn để cúng dường Tam Bảo, khiến cho mẹ của Ngài lìa khỏi cảnh khổ trong địa ngục, mà sinh về cõi trời hưởng sự sung sướng.

Cho nên mỗi năm đến ngày rằm tháng bảy, mỗi Chùa đều làm lễ Vu Lan, siêu độ cha mẹ bảy đời và cha mẹ hiện tiền. Có người hỏi : "Nhưng cha mẹ của tôi chưa chết ? Vậy tôi làm thế nào ?" Cha mẹ của bạn chưa chết thì bạn siêu độ cha mẹ bảy đời quá khứ, cha mẹ còn sống cũng được lợi ích thêm phúc sống lâu.

Thần thông của Ngài Mục Kiền Liên rộng lớn, là đệ tử Phật có thần thông đệ nhất. Một lần nọ, Đức Phật lên cung trời Đao Lợi thuyết pháp, đi ngang qua núi Tu Di, gặp một con rồng độc. Con rồng độc này rất đố kỵ Đức Phật, muốn cản trở đức Phật lên trời thuyết pháp, do đó miệng phun ra cát độc muốn hại chết đức Phật. Nhưng Ngài Mục Kiền Liên dùng thần thông, biến cát độc thành bông tơ mềm mại, làm cho rồng độc tức mình, do đó rồng độc lại hiện thân to lớn, cuộn tròn ba vòng núi Tu Di, Ngài Mục Kiền Liên cũng hiện thân lớn hơn rồng độc, quấn núi Tu Di chín vòng. Rồng độc thấy Ngài Mục Kiền Liên lợi hại hơn nó, nhưng nó vẫn chưa chịu thua. Do đó, Ngài Mục Kiền Liên bèn biến thành con trùng nhỏ, chui vào trong bụng rồng độc cắn ruột dạ dày của nó đau đớn vô cùng, chịu hết nổi, rồng độc cũng chẳng còn thần thông gì khác để chống chọi, cho nên chịu thuận phục quy y Phật, do đó, đủ thấy thần thông của Ngài Mục Kiền Liên rộng lớn vô cùng.

Ngài Mục Kiền Liên tức cũng là Bồ Tát Địa Tạng Vương, vì thấy mẹ của Ngài thọ khổ, mà không nỡ thấy tất cả chúng sinh thọ khổ, do đó Ngài phát nguyện muốn làm Bồ Tát Địa Tạng Vương, vào địa ngục cứu giúp chúng sinh thọ khổ, lia khổ được vui, Ngài phát nguyện rằng :

"Địa ngục chưa trống không,  
Thề không thành Phật.  
Chúng sinh độ hết, mới chúng bồ đề".

## **8. Ma Ha Ca Chiên Diên.**

Ma Ha nghĩa là "lớn". Ca Chiên Diên dịch là "văn súc". Văn chương của Ngài rất sinh động, xuất sắc vô cùng. Ngài còn có tên là Phiến Thăng (sợi dây), vì khi Ngài được sinh ra chẳng bao lâu, thì cha của Ngài qua đời, do đó mẹ của Ngài muốn cải giá, nhưng có cậu bé Ca Chiên Diên này giống như sợi dây trời buộc bà ta, nên không thể tùy ý cải giá. Ngài còn gọi là Hảo Kiên, vì hai bắp vai của Ngài nhìn trông rất đẹp. Lại có cái tên nữa là Tư Thắng vì tư tưởng của Ngài nhạy bén hơn người.

Ngài Ca Chiên Diên khéo về thuyết pháp, bất cứ giảng về đạo lý gì, Ngài cũng đều đưa ra rất nhiều đạo lý, khiến cho người nghe tâm vui mừng kính phục, cho nên trong mười đệ tử lớn của đức Phật, Ngài là người luận nghị đệ nhất.

Một lần nọ, có một vị ngoại đạo chuyên nói về đoạn kiến, gặp được Tôn Giả hỏi rằng : "Phật giáo các Ngài nói : người chết rồi còn có đời sau, nhưng đạo của tôi nói : người chết rồi chẳng có đời sau, tôi có lý do để bác Ngài. Ngài nói người chết rồi lại có đời sau, còn đi thọ khổ, nhưng theo chỗ tôi biết thì những người chết rồi, vốn chẳng có ai về nói họ thọ khổ gì, như vậy làm sao có đời sau ? Cho nên tôi nói người chết như đèn tắt, nhất định chẳng có đời sau".

Ngài Ca Chiên Diên đáp : "Người không trở về, giống như người phạm tội bị người ta bắt đi nhốt vào

ngục tù, họ còn có thể về nhà chăng ? Những người đọa vào địa ngục cũng như thế !"

Vị ngoại đạo lại nói : "Nhưng những người sinh lên cõi trời, tôi cũng chẳng thấy có người nào trở lại, ở trong địa ngục không được tự do, thì không thể trở về, đó còn có lý do để nói, chứ đấng này sinh lên cõi trời là tự do, sao cũng chẳng thấy họ trở về ?"

Ngài Ca Chiên Diên nói : "Người được sinh lên cõi trời, giống như người từ hầm phân bò lên, dùng nước tắm rửa sạch sẽ rồi, họ còn muốn bò xuống hầm phân nữa chăng ?"

Vị ngoại đạo lúc đó bí lối cảm mồm chẳng nói được gì. Ngài Ca Chiên Diên lại nói tiếp : "Một ngày một đêm trên trời Đạo Lợi, là một trăm năm ở nhân gian của chúng ta. Ông hãy nghĩ xem, những người sinh về cõi trời ít nhất họ cũng phải nghỉ ngơi, dọn dẹp đâu đó cho gọn gàng mọi việc, cũng phải mất vài ba ngày, tức là nhân gian khoảng hai ba trăm năm. Lúc đó, thì ông đã chết mất, xương cốt chẳng còn, thì ông còn biết họ trở lại chăng ?" Đến đây vị ngoại đạo chẳng còn gì để nói. Cho nên, Ngài Ca Chiên Diên là người luận nghị đệ nhất. Bất cứ đạo lý gì đều có thể giảng, đầu đầu thì đạo, thao thao bất tuyệt, khiến cho người nghe thấm nhuần vị đạo.

## **9. A Nậu Lâu Đà.**

Vị Tôn Giả này tức là Tôn Giả Không Nghèo, còn gọi là A Na Luật. Trong vô lượng kiếp về trước, Ngài

tùng cúng dường cho một vị Bích Chi Phật, nhưng lúc cúng dường Ngài không biết vị đó là Bích Chi Phật. Nguyên lực của vị Bích Chi Phật đó là : bảy ngày mới xuống núi một lần, hóa duyên bảy nhà, nếu bảy nhà không có ai cúng dường, thì Ngài chẳng hóa duyên nữa mà trở về núi. Vốn bảy ngày vừa qua, Ngài chẳng khát thực được gì, mà lần này cũng như thế, do đó vị Bích Chi Phật lại phải ôm bát không trở về núi, vì đời sống của người dân lúc đó rất khó khăn khổ sở, đâu có thức ăn dư mà bố thí cho người xuất gia. Ngài A Nậu Lô Đà lúc đó là người nông dân nghèo, mỗi ngày làm ngoài đồng rất vất vả mà ăn cơm rất đạm bạc. Buổi trưa hôm ấy, Ngài thấy vị Tỳ Kheo già chẳng khát thực được gì, bèn sinh tâm cảm động nói : "Ngài là người xuất gia tu đạo gặp lúc thất mùa đói khát, chẳng có cơm ăn, thật là đáng thương. Ngài không hiềm cơm canh đạm bạc thì con dâng cúng cho Ngài".

Vị Bích Chi Phật nói : "Ông chịu bố thí cho tôi thật là tốt, tôi sẵn sàng nhận sự cúng dường của ông, nhưng ông lấy gì để ăn ?" A Nậu Lô Đà nói : "Hôm nay con không ăn cũng không sao". Do đó, vị Bích Chi Phật thọ trai xong rồi, bèn hiển thần thông hiện mười tám thứ biến hoá, nói : "Ta đã thọ sự cúng dường của ông, sau này đời đời kiếp kiếp ông sẽ chẳng còn nghèo khổ nữa". Vị Tỳ Kheo hồi hướng cho ông rồi, Ngài A Nậu Lô Đà tiếp tục làm việc, chẳng bao lâu trong rẫy chạy ra một con thỏ. Con thỏ rất kỳ lạ, nhảy nhót đùa giỡn chung quanh rồi

chạy lên vai Ngài A Nậu Lô Đà không chịu xuống. Ngài A Nậu Lô Đà lấy xuống mà không cách chi gỡ xuống được, mới trở về nhà, kêu vợ của ông ta cầm con thỏ xuống. Cầm xuống thì con thỏ sống đã biến thành con thỏ bằng vàng óng ánh sáng chói, do đó ông ta bèn chặt cái chân trước để đi bán lấy tiền, nhưng cái chân bị chặt chẳng bao lâu lại mọc ra như cũ. Cho nên, từ đó về sau Ngài A Nậu Lô Đà không những đời này trở thành phú ông giàu có, mà cho đến chín mươi kiếp cũng đều vinh hoa phú quý.

Đó là A Nậu Lô Đà cúng dường cho vị Bích Chi Phật mà đắc được quả báo không nghèo.

A Nậu Lô Đà thích nhất là ngủ, có một lần đức Phật đang giảng Kinh thuyết pháp mà Ngài ngủ gục, bị Phật quở trách, Ngài A Nậu Lô Đà hổ thẹn vô cùng, mới phát tâm tinh tấn dưng mãnh không ngủ. Bảy ngày bảy đêm không ngủ, mắt bị lòa. Đức Phật thương xót mới dạy Ngài tu Tam muội Kim Cang Chiếu Minh. Không lâu, Ngài đắc được thiên nhãn thông, thấy rõ ba ngàn đại thiên thế giới, như thấy trái Am Ma La trong lòng bàn tay. Trong số đệ tử của đức Phật Ngài A Nậu Lô Đà là người có thiên nhãn đệ nhất.

## **10. Kiếp Tân Na.**

Cha mẹ của Ngài Kiếp Tân Na đã bốn năm mươi tuổi mà chưa có con, do đó mới đến miếu thờ vì sao thứ tư trong Nhị Thập Bát Tú để cầu con. Tâm thành sở chí, cảm



úng linh nghiệm, chẳng bao lâu hạ sinh một đứa con, do nhân duyên đó cho nên đặt tên là "Phòng Tú". Tôn giả Kiếp Tân Na tức là vì sao thứ tư đó. Trong số đệ tử của Phật, Ngài là người tinh thuật học (giỏi về chiêm tinh) đệ nhất.

### **11. Kiêu Phạm Ba Đề.**

Vị Tôn giả này có động tác rất là kỳ quái, tức là mỗi khi ăn cơm xong, thì giống như bò gặm cỏ, trong mồm cứ nhai nuốt không ngừng, cho nên gọi là Ngưu Từ Tôn Giả, lại gọi là Ngưu Vương. Vì Ngài có tập khí này, cho nên Đức Phật sợ người đời thấy Ngài mà sinh hủy báng, sẽ bị đọa lạc, do đó mới kêu Ngài lên sống ở trên cõi trời, thọ nhận chư thiên cúng dường. Tại sao Ngài có tập khí này ? Vì quả báo ác khẩu (chửi mắng). Vô lượng kiếp về trước, khi Ngài còn là chú tiểu Sa Di, đã từng khinh mạn chửi mắng một vị Bích Chi Phật già, ăn cơm như bò gặm cỏ, tuy vị Bích Chi Phật khuyên Ngài lập tức sám hối, song, Ngài chẳng hổ thẹn chút nào, ngược lại còn bô bác nói : "Sám hối cái gì ? Tôi đâu có giống ông như thế !" Do chửi mắng khinh khi như thế, cho nên chết rồi đọa làm bò năm trăm đời, về sau được chuyển làm thân người, nhưng không tránh khỏi hình tướng tập khí làm bò, ăn rồi vẫn giống như bò gặm cỏ. Đó là vì quá khứ đã phỉ báng vị Bích Chi Phật. Do đó, cử chỉ hành động gì chúng ta đều phải cẩn thận, kiểm thảo phản tỉnh chính

mình, đừng tùy tiện phỉ báng khinh khi phá hoại người khác.

## **12. Ly Bà Đa.**

Ly Bà Đa là tiếng Phạn, là vì sao thứ bảy trong Nhị Thập Bát Tú, cha mẹ của Ngài cũng cầu sao mà được con. Ngài còn có tên là "Giả Hòa Hợp", trước khi chưa xuất gia, Ngài nghèo khổ vô cùng, có lần đến ngủ ở trong miếu hoang. Ban đêm có hai con quỷ, một lớn một nhỏ đến kéo theo một cây người chết. Hai con quỷ gặp Ngài hỏi rằng : "Ê ! Người muốn chúng ta ăn cây chết này, hay là ăn người !" Ngài Ly Bà Đa chẳng đếm xỉa gì đến bọn chúng, do đó hai con quỷ thương lượng, con quỷ lớn thì ăn cây chết, con quỷ nhỏ thì xé từng bộ phận của Ngài Ly Bà Đa đắp vào cây chết. Chẳng bao lâu, con quỷ lớn ăn hết cây chết, đầu mắt tay chân đều bị con quỷ nhỏ đem ráp vào cây chết. Lúc đó, Ngài kinh hãi vạn phần : "Toàn thân của tôi đã bị quỷ xé rách ra, bây giờ tôi chẳng còn thân thể nữa, làm sao đây ?"

Ngài lập tức chạy về xóm làng, thấy người bèn hỏi : "Tôi có thân thể chẳng ? Xin nói cho tôi biết !" Nhưng ai cũng đều cho rằng Ngài bị điên. Lát sau, Ngài gặp một nhóm hoà thượng lại hỏi rằng : "Các vị có thấy tôi có thân hay không ?" Trong số hoà thượng đó có vị đã chứng quả A La Hán, biết có thể độ Ngài xuất gia mới nói : "Thân người vốn là giả mà chẳng tự có, nếu ông tu hành chứng quả, đắc được tự tính quang minh, thì đó mới là chân thật

không giả, ông có hay không có nhục thân này lại có quan hệ gì ?" Ngài nghe như vậy rồi bèn theo vị Hoà Thượng đó xuất gia, chẳng bao lâu thì Ngài khai ngộ. Vì Ngài bị quỷ xé thân ăn, ngộ được lý thân người giả hợp, cho nên có tên là "Giả Hoà Hợp".

### **13. Tất Lăng Già Bà Tha.**

Tất Lăng Già Bà Tha dịch là "Dư Tập", vì Ngài chưa trừ khử sạch hết tập khí nhiễm ô nhiều đời nhiều kiếp. Có một lần, Ngài đi qua sông thì kêu thần sông ngừng nước lại đừng chảy, vị thần sông này là người nữ, do đó Ngài nói : "Tiểu tì, ngừng chảy." Vì Ngài đã chứng quả A La Hán có thần thông. Tuy nhiên nói như thế, nhưng thần sông cũng không dám không nghe chỉ thị của Ngài, song, trong tâm rất bực bội, nhưng chẳng dám nói ra. Tình hình như thế xảy ra nhiều lần, nữ thần sông không còn nhẫn nhịn được nữa bèn đi lên gặp Đức Phật nói : "Đức Thế Tôn ! Ngài có vị đệ tử hiệu là Tất Lăng Già Bà Tha, vị đó chẳng tôn trọng con chút nào, mỗi lần đến bờ sông của con thì nói : "Tiểu tì, ngừng chảy. " Nói lời như thế thật là vô lễ, thật chẳng có lễ độ đối với người." Đức Phật nói đợi vị ấy về thì sẽ bảo vị ấy xin lỗi với thần sông. Chẳng bao lâu, Tôn Giả trở về, đức Phật nói với Tôn Giả : "Con qua sông Hằng thì tại sao gọi thần sông : "Tiểu tì, ngừng chảy." Đó thật là vô lễ, phải mau xuống xin lỗi với vị thần ấy." Do đó, Ngài Tất Lăng Già Bà Tha đến bờ sông, chấp tay lại cười hì hì

nói : "Ê ! Tiểu tì, đừng giận !" Nói như vậy càng làm cho thần sông bực mình. Thần sông bèn nói với Đức Phật : "Ngài thấy đó ! Đang ở trước mặt Ngài mà Tôn Giả này vẫn còn kêu con như thế." Đức Phật nói : "Con không biết đâu ! Năm trăm đời về trước, con là tôi tớ của Tôn Giả Tất Lăng Già Bà Tha, Tôn Giả kêu con "tiểu tì" đã quen rồi, bây giờ tuy con làm thần sông, nhưng tập khí của Tôn Giả vẫn chưa thay đổi. Vì các con có quan hệ chủ tớ như thế, cho nên Tôn Giả bây giờ vẫn cứ gọi con là tiểu tì." Thần sông nghe Đức Phật nói như thế thì mới vỡ lẽ. Cho nên Tôn Giả Tất Lăng Già Bà Tha tập khí nhiều đời nhiều kiếp vẫn còn, cho nên gọi là "dư tập".

#### **14. Bạc Câu La.**

Tên của Tôn Giả này dịch là "Thiện Dung", đó là vì tướng mạo của Tôn Giả đoan nghiêm trang trọng. Tôn Giả trong vô lượng kiếp về trước, chuyên tu giới không sát sinh. Ngài chuyên môn tu giới này, không những biểu hiện bên ngoài chẳng phạm giới, mà nội tâm bên trong cũng thanh tịnh trong sạch, chẳng khởi ý niệm giết hại. Vì giữ gìn cẩn thận, cho nên cảm ứng được năm thứ quả báo hại không chết.

Khi Ngài vừa mới sinh ra thì đã biết nói, vui vẻ tươi cười nói : "Cha mẹ, cha mẹ." Rất kháu khỉnh dễ thương, nhưng cha mẹ sợ hãi hoảng hốt, cho rằng Ngài là yêu ma quỷ quái chuyển thế. Do đó, mẹ của Ngài sinh tâm độc ác đem bỏ Ngài vào lò nấu muốn nấu chín Ngài. Nhưng nấu

mãi mà không chết, mà còn cười cho rằng là trò chơi. Mẹ của Ngài nói : "Thằng này là yêu quái chẳng sợ lửa, nhưng chắc chắn sẽ sợ nước." Do đó, đem bỏ Ngài xuống sông cũng không chết.

### **15. Ma Ha Câu Hi La.**

Tên của Tôn Giả này dịch là "Đại tất" (đầu gối to), vì đầu gối của Ngài rất lớn. Ngài là cậu của Ngài Xá Lợi Phất, trước khi xuất gia Ngài biện luận với Đức Phật, đánh cuộc rằng : "Nếu ta thua thì hãy chém đầu ta, nếu ta thắng thì ta sẽ dẫn cháu về." Cuối cùng Ngài biện luận thua, nhưng Phật không cần chém đầu Ngài mà thuyết pháp độ cho Ngài xuất gia. Ngài Ma Ha Câu Hi La biện tài vô ngại, là người biện tài đệ nhất. Ngài với Tôn Giả Bạc Câu La đều là thường tùy chúng của Đức Phật (Chúng luôn luôn đi theo Đức Phật).

### **16. Nan Đà.**

Đức Phật có ba đệ tử đều gọi là Nan Đà : Nan Đà, A Nan Đà, Tôn Đà La Nan Đà. Vị Nan Đà này là chỉ vị Phóng Ngưu Nan Đà (Nan Đà chăn bò), dịch là "Thiện Hoan Hỉ". Vì Ngài hỏi đức Phật mười một việc chăn bò, biết đức Phật đầy đủ Nhất Thiết Trí mới theo Phật xuất gia, chứng được quả A La Hán. Ngài rất thông minh, có âm thanh tuyệt vời.

### **17. Tôn Đà La Nan Đà.**

Tên của Tôn Giả này lấy theo tên vợ của Ngài (Tôn Đà La) mà làm tên, vì Ngài thương mến lưu luyến vợ của Ngài. Tôn Đà La dịch là "hảo ái" hoặc là "đoan chánh", tướng mạo của vợ Ngài là tuyệt thế giai nhân, là người đẹp nhất trong xứ Ấn Độ. Do đó, Ngài Tôn Đà La Nan Đà rất thương yêu vợ vô cùng. Khi đức Phật thấy Ngài nhân duyên đã chín mùi, muốn độ Ngài xuất gia (Ngài là em cùng cha khác mẹ với Đức Phật). Nhưng Ngài chẳng bỏ được người vợ xinh đẹp, cho nên chẳng muốn xuất gia. Do đó, đức Phật dùng phương tiện pháp môn. Một ngày nọ, đức Phật vào vương cung khát thực, muốn Ngài ôm bình bát của đức Phật về Tinh xá Kỳ Hoàn, nhưng Ngài bước từng bước mà không muốn rời xa vợ, song chẳng dám từ chối mệnh lệnh của anh mình (đức Phật), do đó giải thích với vợ nguyên nhân phải ra đi. Tôn Đà La nhỏ nước bọt trong lòng bàn tay nàng, hạn định Tôn Giả Nan Đà phải trở về trước khi nước bọt khô, nếu không thì cô ta sẽ không mở cửa cho Tôn Giả Nan Đà vào.

Tôn Giả hứa sẽ trở về liền, không ngờ đến Tinh xá Kỳ Hoàn rồi, Phật không cho Tôn Giả về mà muốn Tôn Giả xuất gia, do đó xuống tóc cho Tôn Giả. Tuy nhiên đã xuất gia nhưng hằng ngày Tôn Giả đều muốn tìm cơ hội trốn về nhà, vì Tôn Giả chưa xả bỏ đặng nàng Tôn Đà La !

Đức Phật thấy Tôn Giả luôn luôn buồn rầu không vui, mới đưa Tôn Giả lên núi đi du ngoạn. Đến trên núi thấy bày khí đùa giỡn, đức Phật bèn hỏi : "Con hãy so

sánh bày khỉ này với nàng Tôn Đà La ai đẹp hơn ? " Tôn Giả nói : "Đương nhiên nàng Tôn Đà La đẹp hơn, bày khỉ xấu xí làm sao sánh với nàng Tôn Đà La." Đức Phật nói : "Con thật là thông minh, biết phân biệt đẹp xấu, được rồi, chúng ta trở về." Trở về, Tôn Giả nhớ vợ không nguôi, tuy nhiên luôn luôn muốn trốn đi nhưng chẳng có cơ hội.

Phật thấy Tôn Giả buồn bã không vui, lần này Phật đưa Tôn Giả lên các cõi trời du ngoạn, thấy thiên cung thật đẹp đẽ trang nghiêm, lại có một thiên cung, bên trong có rất nhiều tiên nữ xinh đẹp tuyệt trần. Đức Phật hỏi Tôn Giả : "Con thấy những vị tiên nữ này đẹp hay là nàng Tôn Đà La đẹp hơn ?" Tôn Giả nói : "Đương nhiên là tiên nữ đẹp hơn, nàng Tôn Đà La sánh với tiên nữ cũng giống như khỉ sánh với nàng Tôn Đà La, nàng Tôn Đà La sao có thể sánh với tiên nữ được !" Tôn Giả thấy những tiên nữ đẹp mà chẳng thấy chủ nhân, do đó mới hỏi tiên nữ : "Ai là chủ nhân của các vị ?" Tiên nữ đáp : "Chủ nhân của chúng tôi là em của đức Phật, là Tôn Giả Tôn Đà La Nan Đà. Bây giờ anh ấy đang theo đức Phật tu đạo, đời sau anh ấy sẽ sinh về cung trời này, chúng tôi sẽ hầu hạ anh ấy." Tôn Giả nghe như vậy tâm mừng rỡ vô cùng, nghĩ rằng : "Có những tiên nữ xinh đẹp như thế sẽ hầu hạ mình, mình nhất định phải dụng công tu hành."

Lần này trở về, Tôn Giả đã hoàn toàn quên nàng Tôn Đà La, mà chỉ nhớ đến các tiên nữ. Cho nên Tôn Giả thay đổi thái độ trước kia, ngược lại rất tinh tấn dụng công

tu hành, nhưng đức Phật biết Tôn Giả chỉ muốn tu để sinh về cõi trời làm chủ nhân của các tiên nữ. Do đó, một ngày nọ, đức Phật đưa Tôn Giả đi xuống địa ngục xem cho biết. Đến địa ngục thấy cảnh trạng thật thê thảm hãi hùng, nào là : núi đao, chảo dầu sôi, hầm lửa, đủ các thứ địa ngục, khiến cho người thấy toát mồ hôi, toàn thân run sợ ! Cuối cùng đến địa ngục nọ, thấy có hai con quỷ giũ chảo dầu sôi mà chẳng thấy có ai ở trong đó, bèn hỏi quỷ rằng : "Sao trong chảo dầu sôi này chẳng thấy có ai ?" Quỷ đáp : "Anh không biết đâu, chảo dầu sôi này để dành cho em của đức Phật tức là Tôn Giả Tôn Đà La Nan Đà, bây giờ đã theo Phật xuất gia tu đạo, nhưng chỉ muốn tu để hưởng phước cõi trời, sau khi hưởng thụ hết phước cõi trời thì Tôn Giả sẽ đọa vào địa ngục, đợi Tôn Giả sẽ vào chảo dầu sôi này." Tôn Giả nghe rồi thì toàn thân toát ra mồ hôi run lập cập nghĩ : "Không xong rồi, nguyên lai chảo dầu này chuẩn bị dành riêng cho ta, biết làm sao ?" Sau đó, Phật đưa Tôn Giả trở về nhân gian, vì Tôn Giả mà nói về pháp môn : Khổ, không, vô thường, vô ngã. Lúc đó Tôn Giả tinh tấn dụng công tu hành chẳng bao lâu chứng được quả A La Hán.

Tuy nhiên ban đầu Tôn Giả rất thương nhớ vợ, nhưng từ khi thấy các vị tiên nữ quá xinh đẹp hơn vợ, thì Tôn Giả chẳng còn nhớ vợ nữa. Một khi biết được khổ ở địa ngục thì mới chân chánh phát tâm tu hành. Nếu không



biết khổ ở địa ngục, thì Tôn Giả chưa chịu phát tâm tu hành.

### **18. Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử.**

Phú Lô Na dịch là "Mãn", là tên cha của Ngài. Di Đa La Ni dịch là "Tử", là tên mẹ của Ngài. Nghĩa của tên là Mãn Tử Tử. Khi Ngài vừa ra đời, thì chư thiên cõi trời mưa châu báu xuống nhà của Ngài đó là điamond cát tường. Ngài là vị A La Hán thuyết pháp đệ nhất trong số đệ tử của đức Phật.

### **19. Tu Bồ Đề.**

Khi Ngài sinh ra thì châu báu trong nhà đều không (biến mất hết), cho nên gọi là Không Sinh. Cha mẹ của Ngài tìm thầy bói tướng xem tử, thì đoán rằng đó là cát tường trong sự cát tường, do đó lại có tên là Thiện Cát, qua bảy ngày sau, châu báu trong nhà đều xuất hiện trở lại, cho nên Ngài lại có tên nữa là Thiện Hiện. Trong số đệ tử của Phật, Ngài là người giải không đệ nhất.

### **20. A Nan.**

A Nan là vị Tôn Giả kết tập Kinh điển, là thị giả của Đức Phật. A Nan dịch là "Khánh Hỉ", vì ngày Đức Phật thành đạo là ngày Ngài ra đời, cho nên cha mẹ của Ngài quá đỗi vui mừng, do đó đặt tên là Khánh Hỉ.

### **21. La Hầu La.**

Là con của đức Phật. Khi La Hầu La chào đời thì xảy ra việc thị phi phiền não rất nghiêm trọng. Đức Phật đã xuất gia sáu năm, mà Da Du Đà La vợ của Ngài mới sinh ra một đứa con, cho nên quyến thuộc của đức Phật giận dữ vô cùng, cho rằng công chúa không giữ đạo làm vợ, do đó có người muốn trừng phạt công chúa, nhục mạ công chúa, tiếng xấu đồn lan tràn khắp nơi : "Đức Phật đã xuất gia sáu năm mà vợ của Phật mới mang bầu !" Tuy nhiên người trong cung nói với phụ vương của đức Phật là bảo đảm công chúa chẳng làm chuyện đó, đứa con này chắc chắn là con của đức Phật, nhưng chẳng có ai tin. Thật tế thì La Hầu La ở trong thai mẹ sáu năm. Nhưng duyên bên ngoài bức bách quá, do đó nàng Gia Du Đà La mới phát nguyện rằng : "Nếu tôi không giữ đạo làm vợ thì nhảy vào hầm lửa, lửa sẽ thiêu chết mẹ con tôi, nếu tôi trong sạch thì thiên thần hãy bảo hộ tôi khiến cho mẹ con tôi không bị lửa thiêu chết", mới làm một hầm lửa. Công chúa Gia Du Đà La bỗng Ngài La Hầu La nhảy vào hầm lửa, nhưng lạ thay hầm lửa biến thành hồ sen, có đóa hoa sen lớn đỡ mẹ con hai người. Từ đó về sau mọi người đều biết là Công Chúa Gia Du Đà La bị oan, ai ai cũng hiểu rõ sự việc này chẳng phải là việc tầm thường, cũng chẳng còn ai phỉ báng công chúa nữa.

Tên của Ngài La Hầu La dịch là "Phú Chướng" (chướng che đậy), vì trong quá khứ Ngài La Hầu La từng bít miệng hang chuột trong vòng sáu ngày, cho nên đời

này Ngài phải ở trong thai mẹ sáu năm, đó là quả báo. Cho nên quả báo tuần hoàn thật là đáng sợ ! La Hầu La là con của đức Phật cũng không tránh khỏi ác nghiệp mình đã tạo ra trong quá khứ, mà phải ở trong thai mẹ sáu năm, cho nên gọi là Phú Chướng, vì mang thai La Hầu La mà sinh rất nhiều phiền não chướng ngại.

Cứu kính con của đức Phật ra sao. Có phải con của Phật chẳng ? Phải. Vậy có phải Phật quan hệ hành vi vợ chồng như người bình thường chẳng ? Không phải. Vì công chúa Gia Du Đà La muốn có con, do đó Đức Phật dùng tay chỉ vào bụng thì nàng mang thai, đó là một cảnh giới không thể nghĩ bàn, nếu bạn muốn khảo chứng thì hiện tại tôi chẳng có chi làm cho bạn hiểu đặng, chỉ có cách bạn dụng công tu hành, tu đến cảnh giới đó thì sẽ thấy rõ cảnh giới của Phật vi diệu khó nghĩ bàn.

## **Đó là những vị đại A La Hán, hàng tri thức trong chúng.**

Tức là chỉ hai mươi một vị đại A La Hán ở trên. Trong tâm của đại chúng minh bạch là tri, mắt thấy là thức ; tâm, mắt đều minh bạch tức là tri thức. Tri thức là đối với người ngu si mà nói. Người ngu si thì bất tri bất thức (chẳng hiểu biết), người trí huệ là tri thức. Nhưng đạo lý phải nói hai bên, nếu bạn thật bất tri bất thức, đó mới là chân chính trí huệ. Chân chính bất tri bất thức mới chân chính trí huệ. Chân chính bất tri bất thức mới chân

chính vô tư vô lự (không suy nghĩ). Được vô tư vô lự thì trí huệ của mình mới hiển hiện được, đó mới là chân chính tri thức trí huệ.

Đại A La Hán thì thọ nhận sự cúng dường của trời người. Nghĩa của A La Hán là : Ứng cúng, sát tặc, vô sinh. A La Hán không những sát tặc (giết kẻ tặc), mà cho đến bất tặc (chẳng phải tặc) cũng giết. Vì cảnh giới của A La Hán thì cho rằng chẳng phải tặc, nhưng cảnh giới của Bồ Tát thì đó là tặc. Cho nên, nếu hồi tiểu hướng đại thì chẳng phải tặc cũng phải giết.

## **Lại có hai nghìn người hữu học và vô học.**

Trong bốn quả Thánh, thì ba quả trước là bậc hữu học, chúng được tứ quả A La Hán mới là bậc vô học. Trong hội Pháp Hoa, bậc hữu học và vô học cộng lại có hai ngàn người. Hai ngàn người này lại biểu thị "thập như thị". Mười pháp giới, từ pháp giới địa ngục cho đến pháp giới của Phật, mỗi pháp giới đều có đủ pháp nhân quả thập như thị. Đó là : Như thị tướng (tướng như vậy), như thị tánh, như thị thể, như thị lực, như thị tác, như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị báo, như thị bản mặt (gốc ngọn) cứu kính. Mỗi như thị, lại biến thành mười, mười lại biến thành trăm, trăm lại biến thành ngàn, đó là biểu thị hữu học vô học hai ngàn người.

**Tỳ Kheo Ni Ma Ha Ba Xà Ba Đề, cùng với quyến thuộc sáu ngàn người tu hội. Mẹ của La Hầu La là Tỳ Kheo Ni Gia Du Đà La, cũng cùng với quyến thuộc tu hội.**

Ma Ha là lớn. Ba Xà Ba Đề dịch là "Ái Đạo". Vị Đại Ái Đạo Tỳ Kheo Ni này, không những chỉ là dì của Đức Phật mà mỗi vị Phật ra đời, bà ta đều làm dì của Đức Phật, nuôi dưỡng chăm sóc các Ngài trưởng thành. Quyến thuộc kể cả lục thân, bạn bè. Đại Ái Đạo Tỳ Kheo Ni với quyến thuộc sáu ngàn người, thân nhân bạn bè đều ở trong hội Pháp Hoa.

Mẹ của La Hầu La là Gia Du Đà La cũng xuất gia theo Phật, làm đệ tử của Phật, trở thành Tỳ Kheo Ni. Tỳ Kheo Ni cũng có ba nghĩa như Tỳ Kheo là khát sĩ, bố ma, phá ác. Tỳ Kheo Ni Gia Du Đà La cũng cùng với quyến thuộc ở trong hội Pháp Hoa.

**Bậc đại Bồ Tát gồm tám vạn người, đều không thối chuyển nơi đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác, đều đắc được Đà La Ni nhạo thuyết biện tài, chuyển bánh xe pháp bất thối chuyển, đã từng cúng dường**

**vô lượng trăm ngàn các Đức Phật, ở chỗ các Đức Phật gieo trồng các gốc công đức. Thường được chư Phật ngợi khen, dùng từ để tu thân, khéo vào huệ của Phật, thông đạt đại trí huệ, đến nơi bờ kia, danh đồn khắp vô lượng thế giới, có thể độ được vô số trăm ngàn chúng sinh.**

Bồ Tát là tiếng Phạn, nói đủ là Bồ Đề Tát Đỏa. Bồ Đề là giác, Tát Đỏa là hữu tình. Một vị Bồ Tát giác ngộ hữu tình, tức cũng là trong hữu tình Bồ Tát là một vị giác ngộ. Ngài dùng phương pháp đạo lý giác ngộ, đi giác ngộ những hữu tình khác. Ngoài ra, còn có hai tên gọi khác là chúng sinh đại đạo tâm, hoặc là Khai Sĩ. Bậc đại Bồ Tát có đầy đủ bảy đại.

**1. Đủ đại căn cơ :** Căn cơ của Bồ Tát sâu rộng vô cùng. Ngài gieo trồng gốc công đức, từ nhiều đời nhiều kiếp đến nay, đã trồng xuống căn lành sâu rộng quảng đại, căn lành này gọi là gốc công đức. Căn lành Ngài trồng xuống nhiều vô lượng vô biên, cho nên nói là gieo trồng các gốc công đức. Hơn nữa chẳng phải chỉ trồng căn lành ở nơi một vị Phật, hai vị Phật, ba, bốn, năm vị Phật, mà là giống như trong Kinh Kim Cang có nói : "Ở nơi vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức vị Phật, nhiều như số cát sông Hằng, đều đã từng gieo trồng các căn lành." Ở

trước vô lượng vô biên trăm ngàn vạn ức vị Phật, nhiều như số cát sông Hằng, đều đã từng gieo trồng các căn lành.

**2. Đủ đại trí huệ** : Ngài phát đại Bồ đề tâm rộng độ tất cả chúng sinh, tuy độ khắp tất cả chúng sinh, nhưng chẳng chấp tướng độ chúng sinh, đó tức là đại trí huệ. Trong Kinh Kim Cang có nói : "Loài sinh bằng trứng, bằng thai, bằng ẩm ướt, bằng biến hóa, loài có sắc, không sắc, có tướng, không tướng, chẳng có tướng, chẳng không tướng, ta đều khiến cho vào Vô Dư Niết Bàn mà diệt độ. Diệt độ như vậy vô lượng vô số vô biên chúng sinh, mà thật chẳng có chúng sinh nào được diệt độ." Chẳng có một chúng sinh nào là Phật độ, mà chúng sinh đều tự độ vậy. Nghĩa là : tuy nhiên độ chúng sinh mà chẳng chấp tướng độ sinh. Chẳng giống như chúng ta làm được một việc gì tốt thì tuyên dương : "Tôi độ được bao nhiêu người xuất gia, tôi độ được bao nhiêu người phát tâm tin Phật, hoặc là người nào đó là do tôi độ, người nào đó là do tôi giới thiệu để tin Phật." Đó là chấp trước tướng. Vì sao chấp tướng ? Vì ngu si. Người có đại trí huệ thì chẳng chấp tướng. Bồ Tát thì lìa tất cả tướng, tức là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Nếu không lìa tướng thì chẳng phải là Bồ Tát.

**3. Tin đại pháp** : Đại pháp tức là pháp đại thừa. Bạn phải tin sâu pháp môn đại thừa thật tướng, tin sâu nhân quả, tin sâu trí huệ Bát Nhã. Phật pháp như biển cả, chỉ có niềm tin mới vào được. Nếu bạn thiếu niềm tin, thì

dù Phật pháp rộng lớn, cũng không thể độ bạn được. Trong Kinh Hoa Nghiem có nói :

"Tin là nguồn gốc mẹ công đức,  
Nuôi lớn tất cả các căn lành."

Căn lành từ đâu đến ? Từ niềm tin đến, từ niềm tin sinh ra, cho nên tin là mẹ của tất cả công đức. Đại Bồ Tát tin sâu tất cả đại pháp, diệu pháp vô thượng, nhất là đối với bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này, Ngài đặc biệt tin sâu coi trọng.

Chúng ta có đại tín tâm chân chánh đối với Phật pháp, thì chúng ta cũng là đại Bồ Tát. Trong Kinh Kim Cang có nói :*"Cho đến trong một niệm sinh niềm tin thanh tịnh, thì phước đức ấy thắng hơn dùng bảy báu bố thí ba ngàn đại thiên thế giới."* Công đức của một niệm tin thanh tịnh của bạn, đồng như dùng bảy báu để bố thí cho tất cả thế giới, mà Đức Như Lai hoàn toàn biết tâm niệm này của bạn, không thể khiến cho luống qua. Cho nên chúng ta là người học Phật pháp, đều phải đem niềm tin chân chánh ra, mới có thể đắc được sự tương ứng.

**4. Hiểu đại lý :** Trong Kinh Hoa Nghiem có nói : Tin, hiểu, hành, chứng. Do đó, hiểu đại lý thì phải y chiếu tín tâm, trước hết phải tin, sau mới hiểu, rồi thực hành, cuối cùng sẽ chứng đắc. Đại lý là gì ? Tức là minh bạch tất cả chúng sinh vốn là Phật, tức cũng là :*"lý tức Phật"* ở trong *"sáu tức Phật"*. Nói theo lý, thì mỗi chúng sinh đều là Phật, nhưng phải tu hành mới thành Phật



được. Nếu không tu hành mà cứ nói mình là Phật thì chẳng ích gì. Ví như bạn tự phong làm vua, suốt ngày tự hô : Ta là hoàng đế ! Ta là hoàng đế ! Nhưng chẳng có văn võ bá quan đến bảo hộ bạn, chẳng có nhân dân để chi trì, nếu chẳng có, bạn chỉ là hoàng đế trống rỗng, có ích gì ? Cho nên, theo lý mà nói thì tất cả chúng sinh vốn là Phật, nhưng phải tu hành mới trở về nguồn cội được, nhận thức bộ mặt thật vốn có của mình. Tại sao phải minh bạch chúng sinh vốn là Phật ? Vì trí huệ thật tướng không lìa tâm chúng sinh, đều đầy đủ trong mỗi tự tính của chúng sinh, cho nên phải hiểu đại lý.

**5. Tu đại hạnh** : Đại Bồ Tát siêng tu lục độ vạn hạnh : Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ.

**A. Bố thí** : Gồm bố thí tài, bố thí pháp, bố thí không sợ hãi.

a. Bố thí tài, lại có : nội tài (đầu, mắt, tủy, não), và ngoại tài (ngai vàng, vợ con). Hành Bồ Tát đạo là chẳng có tướng ta, chẳng có tướng người, cho nên Bồ Tát xả bỏ tất cả, bố thí cho mọi người.

b. Bố thí pháp, tức là thuyết pháp lợi sinh, vì Chúng sinh mà thuyết giảng Phật pháp. Cho nên người học Phật pháp, đều phải học tập giảng Kinh thuyết pháp, để thuyết giảng cho mọi người nghe. Nếu biết chút ít thì nói chút ít, biết nhiều thì nói nhiều, tùy theo sự hiểu biết của mình, mà giảng giải cho người nghe, đó tức là bố thí pháp, dùng pháp để bố thí giáo hóa chúng sinh.

c. Bồ thí không sợ hãi, tức là nếu có người gặp hoàn cảnh bất như ý hoặc tai nạn, trong tâm sợ hãi âu lo, mà lúc đó bạn an ủi họ, khiến cho họ tiêu trừ hết tất cả sợ hãi lo âu, tâm được yên ổn.

**B. Trì giới** : Giới có : năm giới, tám giới, mười giới, mười giới trọng bốn mươi tám giới khinh, giới Tỳ Kheo, giới Tỳ Kheo Ni.

**C. Nhẫn nhục** : Là phương pháp hữu dụng nhất, nếu bạn nhẫn nhục được, thì giống như lượm được báu vật vậy. Có câu chuyện này tôi đã từng nói qua : Có vị tu hành, tu hạnh nhẫn nhục ghi câu "Tính của tôi như tro", dán lên ở trước cửa. Ý nghĩa câu đó là : tính của vị đó chẳng còn lửa, chưa bao giờ nóng giận. Vị tu hành này, ngày đêm tinh tấn dụng công, tính tình tu rất nhu hòa.

Lúc đó, có vị Bồ Tát đến khảo nghiệm đạo hạnh của vị đó. Bồ Tát đến trước cửa của vị đó hỏi : "Mấy chữ này là chữ gì ?" Đáp : "Tính như tro." lát sau, Bồ Tát trở lại hỏi nữa : "Tám đó biên cái gì vậy ? vì tôi chẳng nhớ rõ." Đáp : "Tính như tro." Cứ như thế trở lại hỏi mấy lần, cuối cùng vị tu hành nổi lửa sân lên, lớn tiếng la lớn : "Tính như tro ! Tính như tro ! Ông có nghe không ! Ông có nghe không ! Cứ đến nhiều loạn sự tu hành của tôi." Bồ Tát cười nói : "Té ra tro vẫn còn lửa." Nói xong vọt thân lên hư không biến mất. Bạn biết vị Bồ Tát này là ai chăng ? Đó là Bồ Tát Quán Thế Âm đến khảo nghiệm ông ta, kết quả tu mấy chục năm tính như tro nhưng vẫn còn lửa. Trước khi Bồ Tát Quán Âm đi có

nói : "Người hãy tiếp tục tu hành, hai mươi năm sau ta sẽ đến nữa." Do đó, đủ thấy nhẫn nhục là việc cực đoan chẳng dễ dàng, quan trọng nhất là chẳng còn nóng giận.

D. **Tinh tấn** : Gồm thân tinh tấn và tâm tinh tấn. Thân tinh tấn là : Lạy Phật, tụng Kinh, trì Chú .v.v., ngày đêm sáu thời đều tinh tấn dụng công, một phút một giây cũng không giải đãi phóng dật. Chân chánh dụng công chẳng phải cứ giả bề mặt bên ngoài, mà là tự mình chân thật dụng công, đừng ở trước mặt đại chúng tạo tác, giả vờ. Tâm tinh tấn là luôn luôn siêng tu giới, định, huệ, diệt trừ tham, sân, si.

E. **Thiền định** : Tham thiền đả tọa thì phải cần tinh tấn để trợ giúp, có tinh tấn thì tất có nhẫn nại ; có nhẫn nại tất tu được công đức, tham thiền đả tọa nhập định. Nếu chẳng tinh tấn, một nóng mười lạnh, tu một ngày, nghỉ mười ngày, thì vĩnh viễn cũng chẳng đắc được thiền định.

F. **Bát Nhã** : Bát Nhã là quan trọng nhất, người tu hành phải có trí huệ, thiếu trí huệ thì rất khó tu hành. Người có trí huệ thì bất cứ lúc nào cũng đều dụng công, thấy gì cũng đều là trí huệ, do đó : "Thúy trúc hoàng hoa vô phi Bát Nhã". Nghĩa là : Trúc xanh hoa vàng đâu chẳng phải là Bát Nhã trí huệ. Giống như tôi có một đệ tử nói với tôi : "Sư huynh nào đó khi nói chuyện với con thì mắng con". Mắng ai ? Đó chẳng phải là ngu si chẳng ! Nếu bạn có trí huệ thì y mắng bạn mà bạn không nhận sự mắng này, thì sự mắng này trở về y ! Ví

như có người ngửa mặt lên trời phun nước miếng, nước miếng chẳng bao lâu lại trở về mặt mình, hoặc là bạn có thể xem như người đó, vì mình mà ca hát, hoặc là nói tiếng ngoại quốc, như thế thì việc lớn sẽ hóa nhỏ, việc nhỏ chẳng còn nữa, đó mới là thật sự có trí huệ. Đừng trách cứ rằng : Y mắng chửi tôi. Cứu kính : Tôi lại là ai ? Bồ Tát chẳng có tướng tôi, chẳng có tướng người, chẳng có tướng chúng sinh, chẳng có tướng thọ mạng, như vậy còn cái tôi chằng. Người xuất gia phải sớm trừ khử cái tướng tôi, đừng để nó tồn tại sẽ có chướng ngại.

Bồ Tát còn phải quét sạch ba tâm : Tâm quá khứ, tâm hiện tại và tâm vị lai. Tâm quá khứ : quá khứ đã qua rồi, cho nên tâm quá khứ không thể đắc được. Tâm hiện tại : nếu bạn nói bây giờ là hiện tại, nhưng từng sát na trôi qua không ngừng, cho nên tâm hiện tại cũng không thể đắc được. Tâm vị lai : vị lai thì chưa đến, do đó tâm vị lai cũng không thể đắc được. Nếu bạn đã thấu rõ ba tâm không thể đắc được, thì còn có gì để chấp trước, không chấp trước tất cả, tức là đắc được giải thoát, được tự tại thật sự.

Bồ Tát lại có bốn pháp nhiếp : Bố thí, ái ngữ, lợi hành và đồng sự.

◎ **Bố thí** : Bồ Tát phải luôn luôn có tâm bố thí, bố thí khắp cho tất cả chúng sinh.

◎ **Ái ngữ** : Bồ Tát chẳng có tướng ta, cho nên đối với tất cả chúng sinh thường sinh tâm thương xót, xem

chúng sinh như chính mình, chẳng có chút phân biệt ta người. Bồ Tát tự độ độ tha, đối với bất cứ chúng sinh nào, cũng đều dùng lời dịu dàng ôn hòa để đối xử.

◎ **Lợi hành** : Tất cả chúng sinh đều thích sự lợi ích, cho nên Bồ Tát thường làm việc lợi ích cho chúng sinh.

◎ **Đồng sự** : Bồ Tát hóa thân trăm ngàn ức, thấy thân gì độ được họ, thì hiện ra thân đó để độ họ. Khi Đức Phật hành Bồ Tát đạo, thì vì muốn độ một bầy nai mà hóa thành thân nai để giáo hóa chúng, đó là một trong những đồng sự.

Hành Bồ Tát đạo thì khó hành mà hành được, khó xả mà xả được, khó nhẫn mà nhẫn được, khó nhường mà nhường được. Đó là những điều kiện tu hạnh Bồ Tát phải có.

6. **Trải qua đại kiếp**. Một kiếp tức là mười ba vạn chín ngàn sáu trăm năm. Một ngàn kiếp hợp lại làm một tiểu kiếp, hai mươi tiểu kiếp làm một trung kiếp, bốn trung kiếp làm một đại kiếp. Vậy Bồ Tát phải tu bao nhiêu kiếp ? Ba đại A Tăng Kỳ kiếp. A Tăng Kỳ là tiếng Phạn dịch là "vô lượng số". Cho nên làm Bồ Tát chẳng phải là việc dễ dàng, phải trải qua ba vô lượng số đại kiếp thời gian mới thành đại Bồ Tát.

7. **Cầu đại quả** : Bồ Tát cầu đại quả gì ? Ngài cầu quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác, tức là thành Phật.

Cho nên đại (Ma ha tát) đầy đủ bảy đại ý nghĩa này. Trong hội Pháp Hoa này có bao nhiêu vị đại Bồ Tát ? Có tám vạn người. Tám vạn người này đều đắc đại đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác, do đó con đường này chỉ tiến về trước, cho nên nói : Đều không thối chuyển nơi đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Có ba bất thối chuyển.

1. **Vị bất thối** : Bồ Tát đại thừa không thối lùi về quả vị nhị thừa.

2. **Niệm bất thối** : Đại Bồ Tát luôn luôn nghĩ nhớ hành Bồ Tát đạo, tu lục độ vạn hạnh, niệm niệm hướng về trước mà chẳng lui về sau, chưa từng nghĩ : Tôi không hành Bồ Tát đạo, mà làm tự liễu hán ! Bồ Tát không bao giờ khởi ý niệm như thế.

3. **Hành bất thối** : Bồ Tát tinh tấn không giải đãi, chỉ có tiến chứ chẳng có lùi.

"Đều đắc được Đà La Ni nhạo thuyết biện tài". Đà La Ni là tiếng Phạn, dịch là "tổng trì". Tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa. Còn gọi là "giá trị", hoặc là Chú. Đà La Ni là sinh thiện diệt ác, che (giá) ác, giữ (trì) thiện, nghĩa là : không làm các điều ác, làm các điều lành, và nghĩa là giới, đại đồng tiểu dị, bất quá giữ giới luật thì bạn tự mình giữ gìn, Đà La Ni thì trì tụng Chú, sức lực của Chú trợ giúp cho bạn dứt các điều ác, sinh các điều lành. Đà La Ni có rất nhiều thứ, Bồ Tát đều đắc được, và còn

đắc được nhạo thuyết biện tài, cũng có thể nói là đắc được Đà La Ni nhạo thuyết biện tài.

"Chuyển bánh xe pháp bất thối chuyển". Chuyển bánh xe pháp là gì ? Bồ Tát thường chuyển bánh xe pháp, tức là chuyển bánh xe pháp bất thối chuyển. Ví như hiện tại chúng ta giảng Kinh thuyết pháp, hoặc phiên dịch Kinh ra tiếng Anh, tiếng ngoại ngữ khác, hoặc giới thiệu Phật pháp cho mọi người đều biết, đó đều là chuyển bánh xe pháp. Tất cả những công việc hoằng pháp, đều gọi là chuyển bánh xe pháp. Cho nên, chúng ta là Phật giáo đồ, đều phải coi công việc chuyển bánh xe pháp là trách nhiệm của mình, đem hết khả năng ra làm. Hơn nữa, hiện tại là thời đại khoa học, có máy in, máy đánh chữ, chúng ta lợi dụng những công cụ này, lưu truyền rộng rãi những bản Kinh đã dịch ra tiếng ngoại quốc, khiến cho mỗi người đều có phần, đó tức là chuyển bánh xe pháp, khiến cho Phật pháp chảy mãi không ngừng, vĩnh viễn không dứt. Khi tôi còn thiếu thời tại Đông Bắc Trung Quốc, học Phật pháp chẳng bao lâu thì thích nhất là in Kinh Phật, in ra mấy trăm mấy ngàn bộ. Mỗi khi vào dịp lễ hoặc ngày sinh nhật của thân nhân bạn bè, thì tôi đều biếu cho họ làm quà, khiến cho họ sinh ra cảm hứng đối với Phật pháp, đó là tôi chuyển bánh xe pháp bất thối trước kia. Hy vọng mỗi người đều tận hết khả năng lưu truyền Phật pháp, khiến cho bánh xe pháp chuyển mãi không ngừng.

Đại Bồ Tát cúng dường vô lượng chư Phật, ở nơi các đạo tràng của chư Phật trải qua vô lượng kiếp, vun bồi

các gốc công đức lành. Bạn thường cúng dường Tam Bảo, tức là vun bồi gốc rễ đức hạnh của chính mình. Cho nên, tám vạn vị đại Bồ Tát này, thời khắc luôn luôn đều được chư Phật tán thán ca ngợi : "Thiện nam tử ! Ông hành Bồ Tát đạo bất thối chuyển, thật tốt thật không sai !"

Đại Bồ Tát dùng tâm từ bi giáo hóa chúng sinh, tu dưỡng thân mình. Các Ngài khéo đắc được trí huệ của Phật, thông đạt đắc được đại trí huệ, cho nên đến được bờ kia. Nếu đắc được đại trí huệ thì đến được bờ kia (Ba La Mật). Danh hiệu của tám vạn đại Bồ Tát này, vang khắp trong vô lượng thế giới, tất cả chúng sinh thường nghe thường niệm thường biết. Trong tất cả vô lượng vô biên thế giới, Bồ Tát độ giáo hóa vô số trăm ngàn chúng sinh.

**Tên của các Ngài là : Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi, Bồ Tát Quán Thế Âm, Bồ Tát Đại Thế, Bồ Tát Thường Tinh Tấn, Bồ Tát Bất Hưu Túc, Bồ Tát Bảo Chưởng, Bồ Tát Dược Vương, Bồ Tát Dũng Thí, Bồ Tát Bảo Nguyệt, Bồ Tát Nguyệt Quang, Bồ Tát Mãn Nguyệt, Bồ Tát Đại Lực, Bồ Tát Vô Lượng Lực, Bồ Tát Việt Tam Giới, Bồ Tát Bạt Đà Bà La. Bồ Tát Di Lạc, Bồ Tát Bảo Tích, Bồ Tát Đạo Sư .v.v., các vị đại**



## **Bồ Tát như vậy, gồm tám vạn người tụ hội.**

Tám vạn vị đại Bồ Tát có tám vạn danh hiệu, nếu kể ra hết thì bộ Kinh Pháp Hoa này sẽ quá dài, cho nên chỉ đề ra mấy vị đại Bồ Tát đứng đầu trong số đó làm đại biểu.

Bồ Tát đại biểu đứng đầu có **Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi**. Văn Thù Sư Lợi là tiếng Phạn, dịch là "Diệu Đức", "Diệu Cát Tường". Vị Bồ Tát này trí huệ rộng lớn vô cùng, tư cách cũng già nhất. Trong quá khứ, Ngài sớm đã thành Phật, hiệu là Long Chủ Thượng Tôn Vương Phật, thành Phật rồi Ngài ẩn lớn hiện nhỏ, hành Bồ Tát đạo giáo hóa chúng sinh, trợ giúp Phật hoàng dương giáo hóa. Bồ Tát Văn Thù, Bồ Tát Quán Âm, Bồ Tát Phổ Hiền, Bồ Tát Địa Tạng là bốn vị Đại Bồ Tát. Bồ Tát Văn Thù ở tại núi Ngũ Đài, là đạo tràng Ngài thường hiển hiện. Thần thông diệu dụng của Ngài thật không thể nghĩ bàn.

Lão Hoà Thượng Hư Vân đã từng phát nguyện đi ba bước lạy một lạy, từ Nam Hải núi Phổ Đà lạy đến núi Ngũ Đài cầu sự cảm ứng của Bồ Tát Văn Thù, khiến cho Ngài cũng đắc được đại trí. Lộ trình ba bước một lạy dài khoảng năm sáu ngàn dặm, bạn nói phải lạy bao lâu mới xong ? Là một đoạn thời gian rất dài, nếu muốn biết tỉ mỉ thì hãy xem quyển Hư Vân Lão Hoà Thượng Niên Phổ, hoặc là Họa Truỵện. Trong đó có một đoạn như thế

này : Tức là Ngài Hư Vân lạy đến sông Hoàng Hà, thì vào lúc mùa đông tuyết xuống quá nhiều, mới tá túc cạnh bờ sông trong một cái sạp để tránh tuyết rơi, trải qua mấy ngày tuyết từ từ bớt dần, Ngài cũng đói rã rượi, gần như sắp chết. Lúc đó có một vị ăn mày đến, lấy củi che chung quanh cái sạp, nổi lửa nấu cháo gạo vàng, dâng cho Hoà Thượng dùng. Ăn xong thì hồi phục sức lại, Ngài Hư Vân mới hỏi vị ăn mày tên họ và từ đâu đến. Vị ăn mày nói : "Họ Văn tên Cát, đến từ Ngũ Đài, ai cũng đều biết tôi." Sau đó vị ăn mày này mang hành lý cho Ngài Hư Vân, Ngài Hư Vân thì ba bước một lạy rất là thuận tiện.

Trên đường đi, có khi vào chùa tá túc, nhưng Hoà Thượng trong chùa chuyên môn khinh khi vị ăn mày này, lại mắng Ngài Hư Vân : "Ông lễ lạy thì lễ lạy, sao còn dẫn kẻ ăn mày đi theo !" Ngài Hư Vân bị người mắng chửi, còn vị ăn mày lại càng bị người mắng chửi, thậm chí không cho vị ăn mày ngủ ở trong chùa, bị đuổi ra khỏi chùa. Vị ăn mày nói với Ngài Hư Vân : "Từ đây còn cách núi Ngũ Đài chẳng bao xa, tôi đi về trước, ông từ từ đến, hành lý của ông chẳng bao lâu sẽ có người mang lên núi cho ông." Quả nhiên giữa đường, Ngài Hư Vân gặp một vị quan đánh xe ngựa, giúp Ngài mang hành lý đến núi Ngũ Đài, còn Ngài Hư Vân thì ba bước một lạy. Khi đến núi Ngũ Đài, mới hỏi các vị Hoà Thượng của núi Ngũ Đài, có biết một vị ăn mày tên là Văn Cát chẳng ! Nhưng chẳng có ai biết, sau đó mới kể cho một vị Tăng nghe, thì vị Tăng chấp tay lại nói : "Đó là hóa thân của

Bồ Tát Văn Thù !" (Văn là Văn Thù, Cát là Diệu Cát Tường).

Ngài Hu Vân lay Bồ Tát Văn Thù, được sự cảm ứng của Bồ Tát Văn Thù đến giúp đỡ Ngài. Ngài với Bồ Tát ở chung khá lâu nhưng cũng chẳng biết, kết quả sau này mới biết là Bồ Tát Văn Thù hiển thánh, thế mà chẳng nhận ra. Cho nên, chỗ diệu của Bồ Tát Văn Thù thật không thể nghĩ bàn. Vì chỗ diệu của Ngài, nên hóa thành một kẻ ăn mày. Nếu Ngài biến thành một ông trưởng giả giàu hoặc đánh xe ngựa đến giúp đỡ Hoà Thượng cũng có thể. Nhưng Ngài không làm như thế ! Ngài cũng nguyện theo Hoà Thượng chịu khổ. Cho nên, đó là đại trí đại huệ của Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi.

Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi là vị Bồ Tát rất đặc thù, khi Ngài ra đời thì có mười điều cát tường phát sinh, chẳng giống các vị Bồ Tát khác. Bồ Tát Văn Thù là bậc đại trí huệ, có bạn sẽ hỏi : "Vậy Tôn Giả Xá Lợi Phất cũng là bậc đại trí huệ, giữa Bồ Tát Văn Thù và Ngài Xá Lợi Phất có gì khác biệt ?" Trí huệ của Bồ Tát Văn Thù là thật trí, trí huệ đại thừa, còn trí huệ của Tôn Giả Xá Lợi Phất là quyền trí, trí huệ tiểu thừa. Sau đây là mười điều cát tường phát sinh khi Bồ Tát Văn Thù ra đời.

**1. Quang minh đầy phòng.** Quang minh này sáng hơn bất cứ ánh sáng đèn gì, đại biểu đại trí huệ của Bồ Tát.

2. **Cam lồ đầy sân.** Cam lồ là một thứ nước bất khả tư nghì, có thể trị lành đủ thứ bệnh, nếu ai uống được thì chẳng bị uy hiếp về khổ sinh, già, bệnh, chết.

3. **Đất vọt lên bảy báu.** Bảy báu là : vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xà cừ, xích châu, mã não. Tại sao bảy báu vọt lên ? Vì Bồ Tát Văn Thù đã tu lục độ vạn hạnh hết sức cứu kính viên mãn, cho nên Ngài đến đâu cũng đều cảm ứng châu báu từ dưới đất xuất hiện.

4. **Thần thông khai mở bảo tàng.** Sức đại thần thông của Bồ Tát Văn Thù, khiến cho đất nứt ra mà lộ ra bảo tàng ẩn náu ở dưới đất, đây chẳng giống đất vọt lên bảy báu, như điều thứ ba ở trên, ở đây đất nứt xé ra mà hiển lộ ra bảo tàng.

5. **Gà sinh phụng hoàng.** Điem này càng chẳng tầm thường so với điem vừa rồi ở trên. Kỳ thật, gà chỉ sinh gà, nhưng vì Bồ Tát Văn Thù ra đời là việc phi thường đặc thù, cho nên trứng gà nở ra phụng hoàng (phụng hoàng là thần của loài chim).

6. **Heo sinh rồng con.** Điem cát tường này, càng hi kỳ ít thấy hơn gà sinh phụng hoàng. Nếu bạn đã cảm thấy quá bất khả tư nghì, thì hãy xem mấy điem dưới đây nữa.

7. **Ngựa sinh kì lân.** Kì lân, thân nai đuôi bò, một sừng. Ngựa mà sinh kì lân là điều hiếm có trên đời.

8. **Bò sinh bạch trạch.** Bạch trạch là tên của loài thần thú, biết nói. Là mọi loài thần thú hiếm có vô cùng mà cát tường, chẳng giống bò cũng chẳng giống ngựa.

9. **Thóc biến thành vàng.** Các bạn nghĩ có kì dị chẳng ? Có những người cho rằng thật là quá kì dị, cho nên không tin. Nếu bạn không tin là vì bạn chẳng minh bạch. Nếu bạn minh bạch thì chẳng có nghi vấn gì, trước kia chắc chắn bạn chưa nghe qua những việc này, cho nên làm sao bạn tin được. Bất quá, thế giới này quá rộng lớn, mà những gì chúng ta thấy nghe đều có hạn, vì chúng ta chưa nghe qua những hiện tượng kì dị này, khi thóc chuyển biến thành thóc bằng vàng rồi, thì không thể làm vật ăn nữa, nhưng đó chỉ là số ít.

10. **Voi đủ sáu ngà.** Thông thường chúng ta chỉ biết voi có hai ngà. Nhưng khi Bồ Tát Văn Thù ra đời, thì voi đều mọc ra sáu cái ngà, bạn nói đó có kì dị chẳng ?

Có vị cư sĩ hỏi : "Tại sao voi đủ sáu ngà ?" Sáu ngà là tượng trưng cho sáu độ (lục độ), voi là đại biểu cho vạn hạnh.

Đó là mùi diêm cát tường hiển hiện khi Bồ Tát Văn Thù ra đời, đó cũng là biểu hiện Ngài thuyết pháp biện tài vô ngại. Bồ Tát Văn Thù trí huệ đệ nhất trong chúng Bồ Tát, đầy đủ dũng mãnh thật trí, thuyết pháp viên dung vô ngại. Nếu như các bạn nghe được Bồ Tát Văn Thù thuyết pháp, thì các bạn sẽ thấy sự giảng pháp của tôi còn thua Ngài xa lắm, vì chẳng cách chi so sánh được. Hoặc có bạn sẽ nói : "Chúng con rất thích Hoà Thượng giảng pháp, chúng con cảm thấy Hoà Thượng giảng rất là hay." Nhưng nếu quý vị nghe được sự giảng

pháp của Bồ Tát Văn Thù, thì sẽ biết không thể sánh với Ngài được.

**Bồ Tát Quán Thế Âm.** Danh hiệu của Ngài là Quán Tự Tại. Quán Thế Âm là quán sát âm thanh của thế gian. Chúng ta đều biết Ngài, vì Ngài từ bi nhất, như tình thương của người mẹ ban cho chúng sinh tất cả sự mong cầu. Do đó, tại Trung Quốc có câu liêu rằng : Nhà nhà Quán Âm, cửa cửa Di Đà Phật. Bồ Tát Quán Thế Âm là đệ tử lớn của Phật A Di Đà. Phật A Di Đà là giáo chủ cõi Tây phương thế giới Cực Lạc. Bên trái của Ngài là Bồ Tát Quán Thế Âm, bên phải của Ngài là Bồ Tát Đại Thế Chí. Đó là Tây phương Tam Thánh. Khi Phật A Di Đà hết làm giáo chủ, thì Bồ Tát Quán Thế Âm lên thay thế làm giáo chủ, sau đó khi Bồ Tát Quán Thế Âm hết làm giáo chủ, thì Bồ Tát Đại Thế Chí lên thay thế làm giáo chủ.

Vì Bồ Tát Quán Thế Âm, thường hóa hiện vô lượng số thân hình để cứu độ khổ nạn của chúng sinh, cho nên Ngài có danh hiệu là Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát. Ngài dùng ngàn con mắt chiếu soi chúng sinh trôi nổi trong biển khổ, cho nên dùng ngàn tay để cứu vớt chúng sinh lìa khỏi biển khổ, khiến cho họ đến nơi yên ổn an vui.

Phẩm thứ hai mươi lăm trong Kinh Pháp Hoa là Phẩm Phổ Môn Quán Thế Âm Bồ Tát, chuyên nói về thần lực không thể nghĩ bàn của vị Bồ Tát này, chúng ta sẽ nghiên cứu về phẩm này sau.

**Bồ Tát Đắc Đại Thế**, tức là Bồ Tát Đại Thế Chí. Mỗi khi vị Bồ Tát này cất bước đi, thì ba ngàn đại thiên thế giới đều phát sinh sáu thứ chấn động, đó là nguyên nhân Ngài được danh hiệu là Đắc Đại Thế Bồ Tát. Sáu thứ chấn động là gì. Tức là : Động, dừng, khởi, chấn, hồng, thanh. Sức mạnh của những sự chấn động này phát khởi, thì dù bom đạn mạnh hết sức của thời đại hiện nay, cũng không thể sánh bằng, bất quá những thứ chấn động ấy, chẳng phải như vũ khí tân thời sẽ phá hủy tiêu diệt tất cả vạn vật. Sáu thứ chấn động này chẳng tổn hại tơ hào đến bất cứ vật gì.

Bồ Tát Đắc Đại Thế, còn gọi là Bồ Tát Vô Biên Quang Sí Thân, vì ai thấy được quang minh một lỗ chân lông của vị Bồ Tát này, thì giống như thấy được quang minh thanh tịnh vi diệu của chư Phật Như Lai trong mười phương.

**Bồ Tát Thường Tinh Tấn**. Thường nghĩa là chưa từng thối lui. Tinh tấn gồm có thân tinh tấn và tâm tinh tấn. Vị Bồ Tát này tu hành tinh tấn chưa từng ngừng nghỉ. Ngài siêng tu vạn hạnh để giáo hóa chúng sinh, dùng mãnh tinh tấn phi thường. Ngài chẳng giống như chúng ta, vừa mới tiến hành một kế hoạch gì, nếu gặp khó khăn thì thối thất bỏ qua. Bồ Tát Thường Tinh Tấn chưa từng ngủ nghỉ, luôn luôn nỗ lực công việc. Ngài có thể trải qua thời gian dài vô lượng kiếp, thử đi giáo hóa một chúng sinh, trợ giúp cho họ phát đại bồ đề tâm. Ngài giáo hóa chúng sinh này, có thể dùng vô số pháp môn, đem hết khả

năng và thời gian, hoặc có khi cũng chẳng cách chi cứu độ họ. Tuy nhiên như thế, nhưng Bồ Tát Thường Tinh Tấn chưa từng mệt mỏi hoặc thối thất nghị lực. Cho nên chúng ta muốn cứu độ chúng sinh, nên học theo vị Bồ Tát này. Nếu một đời này độ không được người nào đó, thì chúng ta hãy phát tâm đời sau nhất định phải độ họ, hoặc là đời sau nữa, đời sau sau nữa cũng phát tâm như thế, cho đến khi thành công mới thôi.

Nói về phương diện khác, nếu bạn chú ý đến có người nào đó thường theo bạn, thủ đến giáo hóa hướng dẫn bạn, thì bạn hãy lập tức nghe lời sự dạy dỗ hướng dẫn của họ và sinh đại tín tâm. Người đó có khả năng tức là Bồ Tát Thường Tinh Tấn, không sợ phiền não nguyện lực mà trải qua đời đời kiếp kiếp thủ giáo hóa cứu độ bạn ! Bạn không nên không nghe lời sự khuyên dạy của họ !

Tâm tinh tấn nghĩa là tâm chưa từng sợ thối lùi, chưa bao giờ nghĩ : Khó quá ! Bạn cũng chẳng cảm thấy giáo hóa người khác là khổ. Thường tinh tấn tức là siêng năng chuyên cần không thối tâm.

**Bồ Tát Bất Hưu Túc.** Bạn sẽ nghĩ : "Thường tinh tấn và bất hưu túc có gì khác biệt ? Hai danh từ này chẳng phải là tương tự chăng ? Tại sao chúng ta cần tên khác nhau của hai vị Bồ Tát ?"

Trên thật tế thì chẳng biết có bao nhiêu vị Bồ Tát Thường Tinh Tấn, cũng chẳng cách chi đếm được có bao nhiêu vị Bồ Tát Bất Hưu Túc, các Ngài nhiều vô lượng vô



biên. Nói tóm lại, nếu bạn tu tập luôn luôn (dụng công không ngừng), thường tinh tấn thì chính bạn là Bồ Tát Thường Tinh Tấn. Nếu bạn truy cầu nghiên cứu Phật pháp chưa từng nghỉ ngơi, thì bạn cũng là Bồ Tát Bất Hưu Túc.

Vậy các Ngài cứu kính có gì khác nhau ? Tuy nhiên, trên căn bản thì các Ngài giống nhau, nếu như bạn muốn nói về sự khác nhau của các Ngài, thì vị Bồ Tát Thường Tinh Tấn vào dòng sinh tử tiếp tục không ngừng, để cứu độ Chúng sinh. Còn Bồ Tát Bất Hưu Túc, thì trải qua thời gian lâu dài rộng lớn, ở trong dòng sinh tử chưa từng mệt mỏi.

Không mệt mỏi, nghĩa là : Ngài không sợ gian lao khổ nhọc. Nếu lạy Phật hoặc tụng Kinh thì Ngài không vì một chút mệt nhọc mà đi nằm nghỉ. Bất cứ làm gì, Ngài cũng chưa từng nghỉ ngơi. Bồ Tát Bất Hưu Túc bận rộn vô cùng, nhưng Ngài tuyệt đối không than thở, hoặc chẳng có ai thấy Ngài làm việc thiện, Ngài cũng tinh tấn tiếp tục công việc không nghỉ ngơi. Ngài chưa từng rao bán công đức của mình.

Có một số cư sĩ thường đến đây quảng cáo công đức của họ, tuyên dương mình làm được bao nhiêu công đức, hoặc bỏ ra bao nhiêu tiền, những người này hoàn toàn trái ngược với Bồ Tát Bất Hưu Túc. Bồ Tát Bất Hưu Túc, trải qua nhiều đại kiếp như số cát sông Hằng, chưa từng nghỉ ngơi, giải đãi, nhiều ngày đầy tháng, nhiều

tháng đầy năm, nhiều năm thành trăm ngàn vạn ức kiếp mà Ngài không nghỉ ngơi.

**Bồ Tát Bảo Chuông.** Bảo là bảo bối, cũng là pháp bảo. Chuông là bàn tay. Bồ Tát có khi lấy hạnh môn của Ngài tu mà làm tên, có khi lấy đức hạnh để làm tên, có khi dùng nguyện lực để làm tên. Bàn tay của vị Bồ Tát Bảo Chuông này có đủ thứ pháp bảo. Pháp bảo thứ nhất trên tay của Ngài là Châu như ý, châu như ý này là toại tâm như ý, chẳng có sự mong cầu gì mà chẳng được. Tay thứ hai là Quyên tố thủ, tay thứ ba là Bảo bát thủ, thứ tư là Bảo kiếm thủ, thứ năm là Bạt triết thủ, thứ sáu là Kim cang xử thủ, thứ bảy là Thí vô úy thủ, thí vô úy thủ này của Ngài, chẳng sợ hãi bất cứ những gì. Vị Bồ Tát Bảo Chuông này, khi tại nhân địa thì tu ngàn tay ngàn mắt của Quán Thế Âm Bồ Tát và bốn mươi hai tay và mắt, cho nên đặc được bảo chuông. Vì trong bàn tay của Ngài đầy đủ tất cả pháp bảo cho nên gọi là Bồ Tát Bảo Chuông.

**Bồ Tát Dược Vương.** Trong Kinh Lăng Nghiêm, hai mươi lăm vị Thánh thuật lại sự chứng đắc của mình, trong đó có Bồ Tát Dược Vương và Bồ Tát Dược Thượng. Vị Bồ Tát này có một đoạn nhân duyên như vậy : Trong quá khứ có vị Chuyển luân thánh vương, có một ngàn vị vương tử. Một ngàn vị vương tử cùng phát tâm xuất gia, tức là một ngàn vị Phật của Hiền kiếp này. Đức Phật Thích Ca là vị Phật thứ tư trong Hiền kiếp. Vị Chuyển luân thánh vương có riêng một bà thiếp phi, sinh được hai

người con, người con lớn phát nguyện muốn hộ trì pháp của một ngàn người anh, khi mỗi một vị Phật ra đời, Ngài đều hộ pháp. Người con thứ hai thấy người anh phát nguyện làm hộ pháp, thì Ngài phát nguyện khi một ngàn người anh thành Phật, thì bất cứ vị nào thành Phật, Ngài đều muốn đến cúng dường Phật trước nhất. Khi Phật trụ thế thì Ngài luôn luôn đến cúng dường. Chẳng phải chỉ cúng dường một người anh, mà là một ngàn người anh thành Phật, thì Ngài đều đến cúng dường. Khi Phật nhập Niết Bàn rồi, đến thời kỳ mạt pháp thì Ngài lại phát nguyện cứu độ chúng sinh, dùng đủ thứ thuốc để chữa bệnh cho chúng sinh. Bất cứ nạn lửa, đao binh, nạn nước, nạn ôn dịch, Bồ Tát Dược Vương đều phát nguyện, đến cứu độ tất cả chúng sinh có những bệnh khổ tai nạn này. Đó là nhân duyên quá khứ của Bồ Tát Dược Vương.

Bồ Tát Dược Vương chuyên môn chữa bệnh cho chúng sinh, Ngài không những chữa thân bệnh, mà cũng chữa tâm bệnh cho chúng sinh. Thân tâm của chúng sinh bệnh đều chữa khỏi mới có thể tu hành.

**Bồ Tát Dũng Thí.** Dũng là dũng mãnh. Thí là bố thí. Bố thí phải có tâm dũng mãnh mới bố thí được, nếu chẳng có tâm dũng mãnh, thì chẳng bố thí được. Trong lục độ vạn hạnh, bố thí là hàng đầu, trong vạn hạnh, lấy lục độ làm chủ thể, lục độ lấy bố thí làm chủ thể. Cho nên, chúng ta hành bố thí, tức là bao quát lục độ vạn hạnh.

Bố thí phải có tâm dưng mãnh, công đức bố thí thật không thể nghĩ bàn. Vì khi bạn bố thí, thì dùng tinh thần không thể nghĩ bàn để bố thí, cho nên quả báo đắc được cũng không thể nghĩ bàn. Chúng ta hành bố thí thì tốt lắm, song, nếu nghĩ đến chính mình rằng : "Nếu mình đem tiền bố thí cho người khác thì còn đâu mà mua sắm ? Nếu đem quần áo ra bố thí thì mình lấy gì mặc ? Nếu đem nhà cửa bố thí thì mình lại ở đâu ?" Đó tức là chẳng có tâm dưng mãnh. Một khi mà nghĩ đến cái ta, thì chẳng bố thí đặng. "Nếu đem đồ ăn uống bố thí cho người ta thì mình lại ăn cái gì ?" Nếu nghĩ đến chính mình, thì tâm dưng mãnh tiêu tan mất, hơn nữa cũng chẳng còn tinh thần bố thí. Nhưng Bồ Tát Dưng Thí, khi Ngài bố thí thì chẳng suy nghĩ đắn đo gì cả. Ngài thấy người nào đó gặp khó khăn thì giúp đỡ họ, đem quần áo, đem thức ăn của mình bố thí được bao nhiêu thì hay bấy nhiêu, nghĩa là làm hết khả năng. Vì Bồ Tát Dưng Thí dưng mãnh nhất về bố thí, dưng mãnh về bố thí tài, bố thí pháp, bố thí vô úy, cho nên gọi là Bồ Tát Dưng Thí.

**Bồ Tát Bảo Nguyệt.** Bồ Tát này dùng bảo nguyệt làm danh hiệu.

**Bồ Tát Nguyệt Quang.** Vị Bồ Tát này dùng ánh sáng của mặt trăng làm danh hiệu. Ánh sáng của mặt trăng diệt trừ tất cả đen tối ban đêm.

**Bồ Tát Mãn Nguyệt.** Vị Bồ Tát này công đức như trăng rằm. Các vị Bồ Tát trên đây rất nghiêm trì giới luật,

do đó : "Nghiêm trì Tỳ ni, hoành phạm tam giới, năng ư quốc độ, thành tựu oai nghi". Tỳ ni tức là giới luật. Các Ngài nghiêm trì giới luật quang minh như bảo nguyệt, viên mãn, làm đại mô phạm cho tam giới, làm khuôn mẫu. Cho nên Bồ Tát Bảo Nguyệt, Bồ Tát Nguyệt Quang, Bồ Tát Mãn Nguyệt, trì giới tinh tấn như trăng rằm, thân miệng thanh tịnh không tì vết.

**Bồ Tát Đại Lực.** Vị Bồ Tát này sức lực mạnh vô cùng, không kém sức lực của Bồ Tát Đắc Đại Thế.

**Bồ Tát Vô Lượng Lực. Bồ Tát Việt Tam Giới.** Hai vị Bồ Tát này, siêu việt khỏi dục giới, sắc giới, vô sắc giới (tam giới). Làm thế nào siêu việt ? Vì có đại lực, có vô lượng lực. Ba vị Bồ Tát Đại Lực, Vô Lượng Lực, Việt Tam Giới, đều tu cùng một hạnh môn, đó là hạnh môn tinh tấn Ba La Mật, dũng mãnh tinh tấn tiến về trước, cho nên ba danh hiệu đều như nhau. Đại Lực tức là Vô Lượng Lực, Vô Lượng Lực cũng tức là Việt Tam Giới. Nếu các Ngài chẳng có đại lực, vô lượng lực thì cũng không thể siêu việt khỏi tam giới. Tại sao tu tinh tấn Ba La Mật ? Vì đều đắc được đại lực, vô lượng lực, đắc được dũng mãnh siêu việt tam giới. Cho nên các Ngài luôn luôn tinh tấn chẳng giải đãi, đều tiến về trước, đó là nguyên do danh hiệu của ba vị Bồ Tát này.

**Bồ Tát Bạt Đà Bà La.** Bạt Đà Bà La dịch là "Hiền thủ", "Hiền hộ". Hiền Thủ : Vị Bồ Tát này đứng đầu trong hiền chúng, làm thượng tọa ở trong chúng Bồ Tát.

Ngài là đại Bồ Tát trong chúng Bồ Tát. Hiền Hộ : Ngài là một vị Bồ Tát hộ trì chúng sinh trong Thánh hiền.

**Bồ Tát Di Lạc.** Ngài còn gọi là Bồ Tát A Dật Đa.

Di Lạc dịch là "Tù Thị". A Dật Đa dịch là "Vô Năng Thắng", chẳng có thiên ma ngoại đạo nào thắng qua Ngài được. Ngài hiện nay ở nội viện cung trời Đâu Suất. Ngài tu từ tâm tam muội, tức cũng là tu nhẫn nhục tam muội, đối với tất cả chúng sinh đều có tâm từ bi, cho nên mỗi chúng sinh nào thấy Ngài đều phát sinh tâm từ bi.

Tương lai Bồ Tát Di Lạc sẽ thay thế Đức Phật, làm giáo chủ cõi Ta Bà này. Tương lai khi nào sẽ thay thế ? Có một số ngoại đạo nói : Bồ Tát Di Lạc đã ra đời. Đó là nói lời mộng mị ! Đức Phật Thích Ca nói rất rõ ràng, tại thế giới này (Hiền kiếp), mỗi một trăm năm thì thân người giảm xuống một tấc, tuổi thọ cũng giảm xuống một tuổi, giảm đến tuổi thọ của con người chỉ còn mười tuổi thì ngừng. Lúc đó lại bắt đầu tăng lên, cũng trải qua một trăm năm thì thân người cao thêm một tấc, tuổi thọ cũng tăng thêm một tuổi, đến khi tuổi thọ của con người tám vạn bốn ngàn tuổi thì lại bắt đầu giảm xuống, giảm đến tuổi thọ còn tám vạn tuổi thì Bồ Tát Di Lạc mới xuất hiện ra đời, giáo hóa chúng sinh. Lúc đó, tức cũng là Long Hoa tam hội. Cho nên, hiện tại ngoại đạo chẳng hiểu Phật pháp nói cường nói bại.

Hiện tại tuổi thọ của con người khoảng sáu, bảy mươi tuổi, vậy khi tuổi thọ con người giảm xuống còn

mười tuổi, thì bạn tính xem thời gian còn dài bao lâu ? Sau đó mới tăng đến tám vạn bốn ngàn tuổi, lại dài bao lâu ? Sau đó giảm xuống còn tám vạn tuổi thì Bồ Tát Di Lạc mới ra đời. Cho nên những tà môn ngoại đạo cứ nói lời mộng mị.

**Bồ Tát Bảo Tích.** Vị Bồ Tát này tích lũy rất nhiều bảo vật, tích lũy vô lượng vô biên công đức. Công đức cũng như bảo vật, như pháp bảo.

**Bồ Tát Đạo Sư.** Đạo Sư là gì ? Là thầy dẫn đường. Ngài làm đạo sư dẫn đường chúng sinh, tiếp dẫn chúng sinh, tức là hướng dẫn người trở về con đường chánh, trở về Phật đạo. Hướng dẫn ai ? hướng dẫn người bị đọa địa ngục. Người đọa địa ngục chịu vô lượng sự khổ, chẳng biết phát bồ đề tâm, cũng chẳng biết sám hối. Cho nên, Bồ Tát Đạo Sư dùng đủ thứ phương tiện pháp môn, để dẫn đường chỉ lối cho họ, dạy họ phát bồ đề tâm, đi trên đường giác ngộ.

"Các vị đại Bồ Tát như vậy tám vạn người tụ hội". Những vị đại Bồ Tát như ở trên đã nói có tám vạn người tụ hội.

**Lúc đó, Thích Đề Hoàn Nhân và quyến thuộc hai vạn Thiên Tử đều tụ hội. Lại có Thiên Tử Minh Nguyệt, Thiên Tử Phổ Hưởng, Thiên Tử Bảo Quang. Bốn vị Đại Thiên Vương và quyến thuộc một vạn**

## **Thiên Tử đều tụ hội. Thiên Tử Tụ Tại, Thiên Tử Đại Tụ Tại và quyền thuộc ba vạn Thiên Tử đều tụ hội.**

Lúc đó là lúc đương thời, tức là lúc Đức Phật nói bộ Kinh Pháp Hoa này. Đương lúc đó, có tám vạn Bồ Tát cùng đến pháp hội đạo tràng. Tám vạn vị Bồ Tát này đều là đại Bồ Tát, đều là con của Phật. Đức Phật là Đấng Pháp Vương, Bồ Tát là Pháp Vương tử nghĩa là con của đấng Pháp Vương. Cho nên trong Kinh A Di Đà có nói : Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử .v.v. Những vị đại Bồ Tát ở trong Kinh Pháp Hoa này đều là Pháp Vương Tử.

Đức Phật có ba hạng con :

1. **Chân tử** : Tức là Bồ Tát Pháp Vương Tử. Các Ngài là quyền thuộc bên ngoài của Phật, hộ trì Phật ở bên ngoài.

2. **Nội tử** : Tất cả Tỳ Kheo và A La Hán đều là nội tử của đức Phật.

3. **Ngoại tử** : Tất cả phàm phu chúng sinh, cũng đều là con của Phật, bất quá là ngoại tử của Phật, ở bên ngoài Phật pháp, chưa học tập Phật pháp ; tuy nhiên họ học tập Phật pháp, nhưng chưa chứng quả, vẫn ở địa vị phàm phu, chưa đạt đến địa vị Thánh Hiền, cho nên gọi là ngoại tử. Ba hạng con của Phật bao quát : Bồ Tát, A La Hán và lục đạo chúng sinh. Ba cõi Thánh và sáu cõi phàm hợp lại là chín pháp giới chúng sinh.



**Thích Đề Hoàn Nhân** : Là tiếng Phạn, dịch là "Năng tác". Năng là cái gì ? được làm Chúa trời. Thích Đề Hoàn Nhân tức là Chúa trời mà một số người sùng bái. Thích Đề Hoàn Nhân ở trong Chú Lăng Nghiêm tức là Nhân Đà La Gia, Nam mô Nhân Đà La Gia. Nhân Đà La Gia tức cũng là Thích Đề Hoàn Nhân, làm chủ chư thiên cõi trời Tam Thập Tam (trời Đao Lợi), tức cũng là Ngọc Hoàng Đại Đế, mà một số người cung kính. Tuy nhiên ông ta làm Hoàng Đế trên cõi trời, nhưng còn ở trong pháp giới của sáu cõi phàm, chẳng phải là Thánh Hiền. Cho nên, Thích Đề Hoàn Nhân là hộ pháp ở trong Phật giáo.

Thích Đề Hoàn Nhân và quyến thuộc hai vạn người đều cùng đến hội Pháp Hoa. Còn có Thiên Tử Minh Nguyệt, vị Thiên Tử này như trăng sáng, khiến cho người thấy được thì tâm rất thanh lương. Lại có Thiên Tử Phổ Hương, Thiên Tử này thích mùi hương, trên thân thường thường tỏa ra hương thơm, huân khắp pháp giới. Lại có Thiên Tử Bảo Quang, vị Thiên Tử này thích bảo vật, trên thân có quang minh báu. Thiên Tử Phổ Hương biết tất cả chúng sinh cũng đều thích hương thơm, do đó phóng ra một mùi hương khắp thế giới để trừ khử mùi hôi thối. Nếu chẳng phải vị Thiên Tử này phóng ra hương thơm, thì chúng ta ở thế giới này hôi thối không thể tả. Thiên Tử Bảo Quang cũng biết tất cả chúng sinh đều có tâm tham, thích bảo vật quý giá, cho nên vị này phóng ra bảo quang,

làm thỏa mãn nguyện vọng của chúng sinh. Thỏa mãn nguyện vọng thì phát bồ đề tâm. Hai vị Thiên Tử này, chẳng phải chỉ có mình thích hương thơm và bảo vật, mà là vì tất cả chúng sinh cũng đều thích hương thơm và bảo vật, cho nên hai vị này phóng ra hương thơm và bảo quang, làm mãn nguyện tâm nguyện của chúng sinh, cũng khiến cho chúng sinh trên thế gian đều thức tỉnh, gặp cảnh giới không thể nghĩ bàn này, mà phát tâm bồ đề vô thượng. Hương là trì giới thanh tịnh, bảo là bố thí vô tướng.

Lại có Tứ Đại Thiên Vương. Phương đông Trì Quốc Thiên Vương, phương nam Tăng Trưởng Thiên Vương, phương tây Đa Văn Thiên Vương, phương bắc Quảng Mục Thiên Vương. Tứ đại Thiên Vương ở giữa núi Tu Di, các vị Thiên Vương này đều bảo hộ tất cả chúng sinh ở thế giới này, cho nên gọi là hộ thế Tứ Vương, bốn ông vua giúp đời. Bốn vị Thiên Vương này cùng với quyến thuộc một vạn người đều đến hội Pháp Hoa.

Lại có Thiên Tử Tụ Tại, vị Thiên Tử này tụ tại vô cùng, ở trên cõi trời Hóa Lạc. Sự khoái lạc ở cõi trời Hóa Lạc do biến hóa mà có, sự khoái lạc ở cõi trời khác, họ có thể biến hóa ra ở cõi trời của họ để hưởng thụ. Thiên Tử Đại Tụ Tại, tức là Thiên Tử Tha Hóa Tụ Tại. Sự khoái lạc của họ chẳng phải ở cõi trời của họ, mà là do các cõi trời khác rồi họ biến hóa ra. Vị Thiên Tử này, cùng với quyến thuộc ba vạn Thiên Tử đều cùng nhau đến pháp hội Pháp Hoa.

## **Chủ Thế giới Ta Bà : Phạm Thiên Vương, Thi Khí Đại Phạm, Quang Minh Đại Phạm và quyến thuộc một vạn hai ngàn Thiên Tử đều tụ hội.**

"Thế giới Ta Bà" : Ta Bà là tiếng Phạn. Thế giới Ta Bà là thế giới như thế nào ? Là thế giới vui sướng, thế giới vui nhất. Có người nói : "Hoà Thượng ! Con nghe Hoà Thượng giảng Kinh đã lâu rồi, cũng chưa nghe Hoà Thượng giảng sai, nhưng chỗ này lại giảng sai ! Con thấy chữ Ta Bà dịch là khổ nhất, sao Hoà Thượng nói là vui ?"

Vậy bạn biết là khổ thì đừng lưu luyến ! Tại sao bạn không buông xả đặng thế giới này ? Tại sao tôi nói thế giới này là vui ? Vì tôi thấy bạn xả chẳng đặng thế giới này, do đó chắc chắn là vui ! Nếu khổ thì bạn sớm đã bỏ nó rồi !

Hoà Thượng giảng như thế thì con cũng chẳng có gì để nói.

Bạn chẳng có gì để nói, còn ta thì có lời để nói. Lời gì ? Thế giới này chẳng khổ cũng chẳng vui, mà là một thế giới chẳng có vị đạo. Tuy nhiên chẳng có vị đạo gì, nhưng phiền não thì quá nhiều, rất nhiều sự thống khổ. Cho nên Ta Bà dịch là "kham nhẫn", kham nhẫn chịu

đụng mọi hoàn cảnh khổ. Hoàn cảnh khổ có ba sự khổ, tám sự khổ, vô lượng sự khổ.

Ba sự khổ :

1. **Khổ khổ** : Khổ trong sự khổ, là khổ của người nghèo, chẳng có cơm ăn, chẳng có áo mặc, lại không nhà để ở, bạn nói đó có khổ chẳng ?

2. **Hoại khổ** : Hoặc có người giàu, không những có nhà ở, còn ở nhà cao cửa rộng. Không những có áo mặc, mà còn mặc tơ lụa áo gấm tân thời. Không những có cơm ăn, mà còn ăn những thức ăn sơn trân hải vị, hưởng tận vị ngon của thiên hạ. Nhưng bất hạnh thay đột nhiên bị tai nạn cháy nhà, hoặc bị trộm cướp, bị đụng xe .v.v. Tất cả tài sản, sự sung sướng đều bị phá sạch, đó tức là hoại khổ.

3. **Hành khổ** : Chẳng phải khổ khổ của người nghèo, cũng chẳng phải hoại khổ của người giàu, đó là từ bé lớn lên, trưởng thành rồi già nua, mắc bệnh ngặt nghèo rồi chết đi. Niệm niệm biến đổi không ngừng, sinh diệt liên tục không gián đoạn, đó là hành khổ.

Tám sự khổ :

1. Sinh khổ.

2. Già khổ.

3. Bệnh khổ.

4. Chết khổ.

5. Thương mà xa lìa là khổ : bạn thương yêu người nào đó, nhưng hoàn cảnh bắt buộc phải xa lìa, bạn nói có đau khổ chẳng ?

6. Ghét mà gặp nhau là khổ : Bạn ghét người nào đó không muốn gặp họ, nhưng tình linh gặp người đó ở một nơi nào đó, bạn nói có khổ chăng ?

7. Cầu không được là khổ : Bạn mong cầu điều gì đó mà không được, có khổ chăng ?

8. Năm ấm thiêu đốt là khổ : Khổ này rất lợi hại. Năm ấm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) thường theo bạn, không rời nửa bước, đi đứng nằm ngồi đều cùng với bạn, như lửa thiêu đốt, đó cũng là khổ.

Có nhiều sự khổ như thế mà đều kham chịu được. Một số người đều cho rằng thế giới này như trái Tần-bà, ngon ngọt. Kỳ thật, ăn rồi mới biết còn đắng hơn trái huỳnh liên. Vậy biết được thế giới này là khổ, nếu tu đạo chịu đựng nhiều sự khổ thì nhất định sẽ thành Phật.

Trước kia tôi có vị đệ tử Quả Thuấn, thời kỳ kháng chiến bị Nhật bắt đi làm lao công, ăn chẳng no, mặc chẳng ấm, ngủ chẳng đủ. Nếu người tu đạo chịu khổ được một nửa của người lao công, thì nhất định sẽ thành Phật. Cho nên khi y xuất gia rồi, ngày ăn một bữa, ngủ ngồi không nằm, tu hạnh đầu đà. Trong số đệ tử của tôi, y là người tu đầu đà đệ nhất.

Về sau, y không muốn lưu lại thế giới này nữa, cho nên dùng lửa tự thiêu. Thiêu xong rồi thân thể vẫn ngồi yên. Khi có người đến xem dùng tay sờ thân thể của y, thì ngã xuống thành tro. Đó là chứng minh y có định lực. Nếu chẳng có công phu nhập định, thì người bình thường

như chúng ta, dùng lửa thiêu thân thể sẽ nhảy lên. Cho nên, bất cứ người nào nói mình có định lực, thường nhập đĩnh, thì bạn có thể thử nghiệm họ, dùng lửa thiêu họ, nếu họ không nhảy lên thì thật có định lực. Như Quả Thuần tự thiêu thành tro, vẫn ngồi yên tại đó, đó mới là thật có định lực. Chẳng có định lực như vậy, thì đừng khoe khoang rằng có định lực. Cho nên tôi chẳng dám nói tôi có định lực, bằng không thì phải chịu thử nghiệm.

"Chủ Phạm Thiên Vương". Chủ là làm chủ. Phạm là Đại Phạm Thiên Vương.

"Thi Khí Đại Phạm". Thi Khí là tiếng Phạn, dịch là "nhục kế".

"Quang Minh Đại Phạm". Lại có vị Thiên Vương Quang Minh Đại Phạm và các Thiên Vương khác một vạn hai ngàn Thiên Tử đều đến đại hội Pháp Hoa.

**Có tám vị Long Vương. Đó là : Long Vương Nan Đà. Long Vương Bạt Nan Đà. Long Vương Sa Già La. Long Vương Hòa Tu Cát. Long Vương Đức Xoa Ca. Long Vương A Na Bà Đạt Đa. Long Vương Ma Na Tư. Long Vương Ưu Bát La. Mỗi vị có bao nhiêu trăm ngàn quyến thuộc đều tụ hội.**

Trước kia rồng rất nhiều, ai ai cũng đều có thể thấy. Ngày nay thì rồng chẳng xuất hiện. Tại sao bây giờ rồng chẳng xuất hiện ? Vì hiện tại người quá nhiều, khiến cho rồng chẳng dám xuất hiện.

Rồng thuộc về loài súc sinh, nhưng chẳng giống với các loài khác ; rồng có thần thông biến hóa, có thể biến lớn biến nhỏ, lúc ẩn lúc hiện. Rồng tại sao phải làm rồng ? Kiếp trước của rồng là người tu đạo. Vì khi tu đạo thì "thừa cấp giới hoãn", cho nên đọa làm thân rồng. Bây giờ giải thích thừa cấp giới hoãn.

Thừa cấp giới hoãn : Thừa là đại thừa tiểu thừa, giới là giới luật. Người này tu đạo tuy rất cấp tẩn, nhưng chẳng giữ giới luật, dục niệm không đoạn trừ, nhất là dâm dục chưa dứt được, đối với giới luật cầu thả lơ là, cho nên đọa làm thân rồng. Vì tu pháp đại thừa rất tinh tấn dũng mãnh, cho nên có thần thông.

Giới cấp thừa hoãn : Tuy giữ gìn giới luật, nhưng chẳng tinh tấn về pháp đại thừa. Người tu đạo kiểu này kiếp sau cũng làm người, được làm người giàu sang, nhưng chẳng thông minh lắm. Vì tu giữ giới luật rất cẩn thận, cho nên làm người giàu sang, nhưng chẳng đọc tụng Kinh điển đại thừa, chẳng nghiên cứu Phật pháp, cho nên chẳng có trí huệ, chẳng được thông minh lắm.

Thừa giới câu cấp : Không những đối với pháp đại thừa rất tinh tấn tu hành tiến về trước, mà giới luật cũng giữ gìn rất tinh nghiêm. Người tu đạo như thế này có thể

sớm khai ngộ chúng quả. Nếu không thể chúng quả cũng sẽ sinh về cõi trời hưởng thọ phước báu.

Thừa giới câu hoãn : Loại người này không tu pháp đại thừa cũng chẳng giữ giới luật, suốt ngày đến tối giải đãi, sáng ngủ đến mười giờ mới dậy, tối thì đi nghỉ sớm, do đó :

"Nhật cao tam can thân vị khởi,  
Toán lai danh lợi bất như hàn."

Nghĩa là : Mặt trời mọc cao hơn mười trượng, nhưng người tu hành này vẫn chưa dậy, những người cầu danh cầu lợi chẳng thanh nhàn như ta, gì cũng chẳng làm. Người thừa giới câu hoãn, chẳng giữ giới luật cũng chẳng nghiên cứu Phật pháp. Tuy nhiên, mang danh là xuất gia, nhưng thật tế thì chẳng tu hành, chẳng dụng công, thích ăn không ngời rồi, việc gì cũng chẳng làm, cứ thối lui về sau. Nhưng có vật gì ngon thì lén ăn trước. Thường thì thích ăn mà lười biếng làm, tương lai sẽ đọa địa ngục, suốt ngày đến tối phải ăn toàn sắt nóng. Bạn thích ăn thì mời bạn xơi cái đó, thích không làm việc, không thích nghiên cứu Phật pháp, thì đến nơi đó chẳng cần bạn làm chi cả, chỉ kêu bạn thọ tội, trên thì núi đao, dưới thì chảo dầu sôi .v.v., khiến cho bạn thưởng thức mùi vị, xem bạn còn lười nữa chẳng ?

Trong hội Pháp Hoa này có tám vị Long Vương, ngoài ra còn có vô số quyến thuộc của loài rồng. Giảng đến đây, tôi nhớ lại lúc còn ở Đông Bắc (Trung Quốc), thì



Quả Thuần dùng cỏ tranh làm một cái am, thỉnh tôi đến khai quang. Tôi dẫn theo Quả Năng, Quả Thị, Quả Hữu, một số đệ tử tôi đi. Đêm đó, tá túc lại lều tranh của y. Do đó, có mười con rồng đến muốn quy y Tam Bảo. Lúc đó, thời tiết hạn hán chẳng mưa, tôi bèn hỏi mười con rồng : "Rồng thì lo về mưa, tại sao các vị không mưa xuống ?" Rồng đáp : "Mưa xuống phải có lệnh của Trời Đế Thích, có lệnh của Trời Đế Thích mới có thể mưa xuống, nếu không chúng tôi không dám tùy tiện mưa xuống." Tôi nói : "Các vị hãy thế tôi, đến thỉnh cầu Trời Đế Thích mưa xuống chung quanh chỗ tôi khoảng bốn mươi dặm. Nếu ngày mai các vị thỉnh Trời Đế Thích mưa xuống, thì ngày một ta sẽ quy y cho các vị, thu các vị làm đệ tử vào của Phật." Quả nhiên, ngày thứ hai trời mưa xuống, mà chỉ mưa chung quanh bốn mươi dặm, cho nên sang ngày sau tôi quy y cho mười con rồng đó. Quy y rồi mấy con rồng đều phát tâm tu hành.

Tôi cho mười vị Long Vương này cùng một pháp danh gọi là "Cấp Tu Khoái Độ", nghĩa là tu mau lên để sớm cứu độ tất cả loài rồng. Cho nên, nhiệm vụ của chúng hiện tại là giáo hóa rồng ! Nói ra chuyện này có vẻ là thần thoại, nhưng thật tế thì chẳng phải thần thoại, đó là sự thật hiện đời của tôi.

Rồng có thần thông biến hóa, tuy nhiên người nhìn chẳng thấy, nhưng rồng vẫn tồn tại. Hiện tại có tám vị Long Vương trong hội Pháp Hoa :

1. Long Vương Nan Đà.

2. Long Vương Bạt Nan Đà : Nan Đà là tiếng Phạn, dịch là "hoan hỉ". Bạt Nan Đà dịch là "thiện hoan hỉ". Hai vị Long Vương này là hai anh em. Trước kia chúng chẳng giữ quy cụ, nhưng từ khi Ngài Mục Kiền Liên hàng phục được chúng, thì họ trở thành hộ pháp trong Phật giáo, cho nên đến tham dự hội Pháp Hoa. Hai anh em Long Vương này, ủng hộ nước Ma Kiệt Đà, khiến cho phong điều vũ thuận, mưa gió điều hòa thì ngũ cốc dồi dào. Do đó hai vị Long Vương này rất có ích lợi cho con người.

3. Long Vương Sa Già La : Sa Già La dịch là "biển mặn". Vị Long Vương này ở trong biển mặn.

4. Long Vương Hòa Tu Cát : Hòa Tu Cát dịch là "nhiều đầu". Vị Long Vương này có bảy đầu, hoặc chín đầu, hoặc mười hai đầu, hoặc mười lăm đầu. Vị Long Vương này là vị Long Vương nhiều đầu.

5. Long Vương Đúc Xoa Ca : Đúc Xoa Ca dịch là "hiện độc". Vị Long Vương này hiện ra nhiều chất độc, ai bị chất độc này thì sẽ chết.

6. Long Vương A Na Bà Đạt Đa : A Na Bà Đạt Đa dịch là "không nhiệt não", chẳng có nhiệt phiền não.

7. Long Vương Ma Na Tư : Ma Na Tư dịch là "thân lớn". Vị Long Vương này thân thể to lớn, gọi là đại thân Long Vương.

8. Long Vương Ưu Bát La : Ưu Bát La dịch là "thanh liên hoa". Vị Long Vương này gọi là Long Vương Thanh Liên Hoa.

Các vị Long Vương này, mỗi vị đều mang quyến thuộc, trăm ngàn rồng con rồng cháu, đến hội Pháp Hoa để nghe Phật giảng Kinh.

**Có bốn vị Khẩn Na La Vương. Đó là :  
Pháp Khẩn Na La Vương, Diệu Pháp  
Khẩn Na La Vương, Đại Pháp Khẩn Na  
La Vương, Trì Pháp Khẩn Na La Vương.  
Mỗi vị có bao nhiêu trăm ngàn quyến  
thuộc đều tụ hội.**

Không những có rồng mà cũng có Khẩn na la, cũng là một trong Thiên Long bát bộ. Khẩn na la dịch là "nghỉ thần", vì Khẩn na la giống như người, nhưng trên đầu có một cái sừng. Khẩn na la là thần tấu nhạc cho Trời Đế Thích.

1. Pháp Khẩn Na La Vương : Vị này có nhiều phương pháp để tấu âm nhạc.

2. Diệu Pháp Khẩn Na La Vương : Vị này không những có pháp mà còn diệu phi thường. Âm nhạc tấu lên hay vô cùng, khiến cho người nghe đều hoan hỉ.

3. Đại Pháp Khẩn Na La Vương : Âm nhạc của vị này tấu lớn phi thường, pháp cũng lớn, tiếng cũng lớn.

4. Trì Pháp Khẩn Na La Vương : Âm nhạc của vị này tấu lên, khiến cho người sinh tâm hoan hỷ, y pháp tu hành.

**Có bốn vị Càn Thát Bà Vương. Đó là : Nhạc Càn Thát Bà Vương, Nhạc Âm Càn Thát Bà Vương, Mỹ Càn Thát Bà Vương, Mỹ Âm Càn Thát Bà Vương. Mỗi vị có bao nhiêu trăm ngàn quyến thuộc đều tụ hội.**

Càn Thát Bà Vương cũng là thần tấu âm nhạc cho Trời Đế Thích.

1. Nhạc Càn Thát Bà Vương : Âm nhạc của vị này tấu rất hay vô cùng.

2. Nhạc Âm Càn Thát Bà Vương : Âm nhạc của vị này tấu lên, còn hay hơn so với vị Nhạc Càn Thát Bà Vương.

3. Mỹ Càn Thát Bà Vương : Âm nhạc của vị này tấu lên mỹ diệu êm tai vô cùng.

4. Mỹ Âm Càn Thát Bà Vương : Âm nhạc của vị này tấu lên hay không thể tả, vi diệu nhất, êm tai nhất.

Các vị này thích nhất là ngửi mùi hương, dùng hương làm thức ăn. Cho nên, khi Đế Thích muốn nghe âm nhạc, thì chỉ cần đốt lên hương chiên đàn, thì họ sẽ đến tấu âm nhạc.

Trong bộ Kinh này, có nói về các chúng Thần tấu nhiều loại âm nhạc hay vô cùng, song, họ vốn chẳng phải sở hữu của Phật giáo, mà là thuộc về sự quản lý của Trời Đế Thích. Trời Đế Thích quy y với Phật rồi, thì Trời Đế Thích và quyền thuộc bộ hạ đều trở thành Thiên Long hộ pháp.

**Có bốn vị A Tu La Vương. Đó là : Bà Trĩ A Tu La Vương, Khử La Khiên Đà A Tu La Vương, Tỳ Ma Chất Đa La A Tu La Vương, La Hầu A Tu La Vương. Mỗi vị với bao nhiêu trăm ngàn quyền thuộc đều tụ hội.**

A Tu La Vương lại gọi là vô đoan chánh, cũng gọi là vô tửu, vì chúng có phước trời, mà chẳng có quyền lực trời. Diện mạo của người nam rất xấu xí, nhưng người nữ rất đẹp. Chúng thích nhất là đấu tranh.

1. Bà Trĩ A Tu La Vương : Bà Trĩ nghĩa là "bị trói", bị ai trói ? Bị binh trời tướng trời trói, hoặc dịch là "tối thắng", thắng hết tất cả mọi cảnh tình dục.

2. Khử La Khiên Đà A Tu La Vương : Dịch là "bấp vai lớn", dùng để gánh vác pháp.

3. Tỳ Ma Chất Đa La A Tu La Vương : Tỳ Ma Chất Đa La, nghĩa là "âm thanh sóng biển", hoặc dịch là "tịnh tâm", vị này là nhạc phụ của Trời Đế Thích.

4. La Hầu A Tu La Vương : Nghĩa là "chướng trì", thân của vị này cao và to lớn, tay có thể sờ mặt trời mặt trăng, che lấp ánh sáng. Tóm lại, vị này luôn luôn vì phiền não làm chướng ngại, do đó suốt ngày bức bối nóng giận.

Bốn vị A tu la này, với quyền thuộc của họ đều đến nghe Phật pháp.

**Có bốn vị Ca Lô La Vương. Đó là : Đại Oai Đức Ca Lô La Vương, Đại Thân Ca Lô La Vương, Đại Mãn Ca Lô La Vương, Như Ý Ca Lô La Vương. Mỗi vị với bao nhiêu trăm ngàn quyền thuộc đều tụ hội.**

Ca Lô La Vương là đại bàng kim sí điều, là chim lông cánh sắc vàng.

1. Đại Oai Đức Ca Lô La Vương : Oai đức của vị này lớn vô cùng, hơn các Ca Lô La Vương khác, có thể che trời phủ đất.

2. Đại Thân Ca Lô La Vương : Vị này ở trên núi Kim cang đại thụ, hai cánh dãn ra rộng dài khoảng ba trăm ba mươi sáu do tuần.

3. Đại Mãn Ca Lô La Vương : Chim này chỉ cần quạt cánh một cái, thì nước biển rẽ làm đôi, bắt rồng ăn mà lấy làm thỏa mãn.

4. Như Ý Ca Lô La Vương : Chim này trên cổ có hạt châu như ý. Chỉ cần nghĩ đến ăn rồng, thì rồng tự động vào trong miệng. Vì loài chim cánh vàng này có bản lãnh ăn rồng, gần như muốn tuyền nôi, vì muốn bảo hộ rồng tồn tại, cho nên Long Vương đến cầu cứu với Đức Phật. Đức Phật đem tám y Cà sa cũ cho Long Vương, kêu Long Vương phân ra từng sợi chỉ, và cột vào mỗi con rồng, thì chim đại bàng cánh vàng không dám ăn nữa. Quả nhiên, chim đại bàng cánh vàng chẳng có gì để ăn, mới đến khiếu nại Đức Phật. Phật thuyết pháp khuyên nói đừng ăn rồng nữa. Từ đó về sau mỗi khi chư Tăng dùng cơm trưa, thì thí cho nó ít cơm. Đó là nguyên nhân chim đại bàng cánh vàng quy y với Đức Phật. Hiện tại chúng mang tất cả quyền thuộc đến pháp hội để nghe pháp.

**Vua A Xà Thế con của bà Vi Đề Hi, và bao nhiêu trăm ngàn quyền thuộc đều tỵ hội. Hết thấy đều lễ dưới chân Đức Phật, rồi lui về ngôi một bên.**

Vua A Xà Thế là con của Bà Vi Đề Hi và Vua Tần Bà Sa La, cũng là ông vua hung ác nhất trong các ông vua. Vì ông phạm tội ngũ nghịch : Giết cha, giết mẹ,

giết A La Hán, làm thân Phật chảy máu, và phá hòa hợp Tăng chúng. Ông ta đại nghịch bất đạo như thế đều do Đề Bà Đạt Đa (em chú bác với Đức Phật) xúi giục. Vì Đề Bà Đạt Đa sớm đã muốn chiếm đoạt thay thế Đức Phật, cho nên xúi A Xà Thế giết cha, giết mẹ để đối phó với Đức Phật. Vua A Xà Thế chẳng còn tính người, bắt Vua cha giam vào ngục bảy lớp tường, để bỏ đói cho đến chết, chẳng cho ai vào thăm. Bà mẹ là Vi Đề Hi chỉ có cách lén lấy nước nhỏ, đổ vào trong hột chuỗi mang vào cho vua Tần Bà Sa La dùng. Hai người khóc lóc với nhau, nỗi đau đớn chẳng còn muốn sống nữa, trong hoàn cảnh đau thương như thế, mới nghĩ nhớ đến Đức Phật, cầu Đức Phật giúp đỡ. Tâm vừa nghĩ như thế thì Đức Phật biết ngay, do đó Đức Phật phái Ngài Mục Kiền Liên vào trong ngục, vì họ nói Kinh Thập Lục Quán, khiến cho họ y pháp tu hành, sau đó họ được vãng sinh về thế giới Cực Lạc.

Vi Đề Hi nghĩa là "suy nghĩ". A Xà Thế nghĩa là "sinh oán" (chưa sinh ra đã chẳng cát tường), hoặc nghĩa là "đoạn chỉ" (đứt ngón tay), khi ông ta sinh ra rồi, mẹ của ông ta rất chán ghét, mới cắn đứt ngón tay của ông ta, do đó mới gọi là "đứt ngón tay".

Tội của Vua A Xà Thế không thể tha thứ, đáng đọa vào địa ngục vô gián, nhưng về sau ông ta thật sự ăn năn hối cải, phát lồ sám hối, cải ác hướng thiện, quy y với Đức Phật, mang tất cả quyền thuộc đến pháp hội nghe



Phật pháp, đánh lễ Đức Phật rồi lui về một phía ngồi xuống.

## **Bấy giờ, tất cả bốn chúng đều vây quanh đức Thế Tôn, cung kính cúng dường tôn trọng tán thán ca ngợi.**

Lúc này, tất cả Thiên Long bát bộ đều hướng về Đức Phật đánh lễ, mỗi người đều ngồi theo vị trí của mình. Bốn chúng là : Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ. Ngoài ra, bốn chúng còn có ý nghĩa là : Phát khởi chúng, đương cơ chúng, ảnh hưởng chúng và kết duyên chúng.

Phát khởi chúng : Biết cơ duyên của chúng sinh thành thực mà hướng về Đức Phật phát ra vấn đề, có trí huệ phương tiện thiện xảo.

Đương cơ chúng : Là nghe pháp từ Đức Phật, đặc đạo được thọ ký, như Kinh Kim Cang đương cơ chúng là Ngài Tu Bồ Đề. Trong Kinh Lăng Nghiêm đương cơ chúng là Ngài A Na và hai mươi lăm vị Thánh. Đương cơ chúng trong Kinh A Di Đà là Ngài Xá Lợi Phất và các đại A La Hán, Bồ Tát, .v.v..

Ảnh hưởng chúng : Là các đại Bồ Tát, từ trước đã từng nghe nhiều Đức Phật thuyết pháp, đã hiểu rõ, nhưng vì muốn làm ảnh hưởng đến người khác, sinh tín tâm và

tâm thành đối với pháp, cho nên cũng đến ủng hộ đạo tràng, khiến cho họ im lặng chú ý cung kính nghe pháp.

Kết duyên chúng : Số còn lại tuy là dự nghe, tâm chưa thấu hiểu, nhưng kết nhân lâu xa, đó là kết duyên chúng, hoặc họ cũng dùng phẩm vật hoặc thức ăn đến cúng dường Tam Bảo và kết duyên với đại chúng ở trong pháp hội.

Lúc đó, bốn chúng đệ tử vây quanh đi nhiễu đức Phật ba vòng, từ bên phải nhiễu vòng bên trái. Sau khi nhiễu xong thì cung kính đánh lễ đức Phật, cúng dường đức Phật, tán thán ca ngợi đức Phật. Trong bài xướng của chúng ta có câu :

"A Di Đà Phật thân kim sắc,  
Tướng hảo quang minh vô đẳng luân."

Hoặc là :

"Thiên thượng thiên hạ vô như Phật,  
Thập phương thế giới diệc vô tỉ,  
Thế gian sở hữu ngã tận kiến,  
Nhất thiết vô hữu như Phật giả."

Đó đều là kệ tán khi lễ Phật.

Bây giờ nói về tầm quan trọng của sự kết duyên. Nếu chẳng có duyên, thì dù bạn đối với họ tốt thế nào, họ đối với bạn cũng chẳng vừa ý. Trước kia, có một vị pháp sư biện tài vô ngại, người trời đều đến nghe vị này thuyết pháp, chỉ là chẳng có duyên với ai, cho nên không có ai

đến nghe vị này thuyết pháp. Vị này hiểu rõ về nhân quả, cho nên đi mua rất nhiều gạo, đem vào rừng bố thí cho chim, lại niệm chú Đại Bi và chú Lăng Nghiêm gia trì vào gạo không ngừng, quán tưởng tất cả bầy chim ăn gạo rồi, sẽ có thể thoát khỏi thân phi cầm, mà chuyển làm thân người. Hai chục năm sau, vị pháp sư này vẫn còn là người xuất gia, diễn nói pháp thì tự nhiên có rất nhiều người, mà đều là người trẻ đến nghe pháp, đều cung kính năm thế sát đất. Những người trẻ này, quá khứ đều là chim, đặc được pháp thí cho nên mới sinh làm người. Vì bái ân đức mà đến ủng hộ đạo tràng. Cho nên, phải thường kết duyên lành với người, đừng lấy tâm sân đối đãi với người, nếu không thì chẳng có duyên với người, ai ai cũng đều lánh xa.

Cúng dường thì phải dùng tâm thành khẩn và chân thật để cúng dường. Tâm chân thật tức là tâm xả đặng, xả bỏ những gì tâm còn ái chấp. Tâm thành khẩn tức là chẳng có tâm tạp loạn, làm việc phải thật lòng, chuyên tâm nhất chí.

Trước kia có vị ăn mày, vì thấy người cúng dường Tam Bảo tu công đức, mà khiến cho ông ta cũng phát tâm cúng dường, nhưng vì tiền chỉ đủ mua bình dầu đến cúng dường Tam Bảo. Lúc đó, vị Hòa Thượng trụ trì trong chùa (có thiên nhân thông) ra nghinh tiếp ông ta, và mời ông ta dùng cơm. Trong lúc ấy, lại có một người nhà giàu, cũng mang đến một phi dầu để cúng dường Tam Bảo, nhưng Hòa Thượng trụ trì không đích thân ra tiếp, chỉ kêu

vị Tăng tri khách ra tiếp. Nhiều vị Tăng trong chùa không hiểu tại sao Hòa Thượng trụ trì hậu đãi người nghèo đó, dù chỉ cúng Tam Bảo có một bình dầu, còn người giàu kia cúng một phi dầu, mà Hòa Thượng lại lạnh nhạt. Khi mọi người bàn tán thì Hòa Thượng đến giải thích nói : "Một người giàu có mua hai ba trăm lít dầu chẳng khó khăn gì, song một người ăn mày nghèo xơ, chỉ có mấy đồng tiền mà đem hết ra để mua dầu cúng Tam Bảo, dù chỉ một bình nhỏ, nhưng công đức thật vô lượng hơn người giàu kia. Đó gọi là khó xả mà xả được, ông ta mới là người dùng chân tâm để cúng dường Tam Bảo, ông ta là một vị đại hộ pháp ! Người trong hoàn cảnh khốn khó mà còn nghĩ đến cúng dường Tam Bảo, công đức đó thật là vĩ đại ! Một người đời này giàu có cũng vì trong quá khứ, họ tu tích tập phước báu khó xả mà xả được, khó hành mà hành được."

Nghe những lời này rồi đồ chúng mới minh bạch, cúng dường Tam Bảo cần có chân tâm và thành tâm.

**Vì các Bồ Tát nói Kinh đại thừa tên là Vô Lượng Nghĩa, pháp giáo hóa Bồ Tát, được Phật hộ niệm.**

Khi Đúc Phật thuyết pháp thí có sáu điều lành :

1. Điều lành về thuyết pháp.
2. Điều lành về nhập định.

3. Điềm lành về mưa hoa.
4. Điềm lành về đất chấn động.
5. Điềm lành về chúng hoan hỉ.
6. Điềm lành về phóng quang.

Lần này, Đức Phật thuyết pháp chẳng giống trước kia, vì lần này thì thuyết pháp trước, sau mới nhập định. Đức Phật vì tất cả Bồ Tát ở trong đại hội Pháp Hoa nói Kinh điển đại thừa tên là Vô Lượng Nghĩa. Kinh đại thừa có bảy nghĩa :

1. **Pháp đại** : Tức là bao quát tất cả Tam Tạng mười hai bộ Kinh, cũng bao quát tất cả pháp tiểu thừa.

2. **Phát đại bồ đề tâm** : Từ phạm phu, tu cho đến khi thành Phật, tâm này vĩnh viễn không thối chuyển.

3. **Hiếu đại Tạng** : Minh bạch giáo pháp đại tạng, y giáo phụng hành.

4. **Tịnh đại** : Thấy được đạo thì tịnh tâm đại.

5. **Trang nghiêm đại** : Tức là phước trí đại.

6. **Thời đại** : Đức Phật trải qua ba đại A Tăng Kỳ kiếp để tu trì, là thời gian lâu dài, cũng có thể gọi là nhân đại.

7. **Cụ túc đại** : Là lục độ vạn hạnh đều viên mãn, dùng tướng tốt tự trang nghiêm, mà đắc được quả Bồ Tát, cũng có thể gọi là quả đại.

Vì có bảy ý nghĩa này cho nên gọi là đại tạng, Ma Ha Tát có bảy thứ đại nhưng chẳng giống như ở trên vừa nói.

"Nói Kinh đại thừa", trên thì khế với Kinh của Phật, dưới thì hợp với căn cơ của chúng sinh, cho nên gọi là khế Kinh. Trước khi nói Kinh Pháp Hoa, thì Đức Phật nói Kinh Vô Lượng Nghĩa. Vô Lượng Nghĩa tức là nghĩa vô số lượng. Vô lượng là từ hữu lượng mà ra, hữu lượng là từ một mà ra, một từ vô tướng mà ra, vô tướng từ thật tướng mà ra, cho nên vô lượng nghĩa cũng là Kinh thật tướng nghĩa. Do đó, thật tướng vô tướng, tướng vô sinh tử, vô vô tướng, vô Niết Bàn tướng, mà vô sở bất tướng. Vô lượng làm một, một làm vô lượng, tức cũng là thật tướng. Thậm chí, một cũng chẳng có, chỉ là người đầu lại thêm đầu, bày vẽ ra một, đó là tự tìm phiền não mà thôi.

"Kinh Vô Lượng Nghĩa" là phương pháp giáo hóa Bồ Tát đại thừa, được Phật hộ niệm, Kinh Vô Lượng Nghĩa là chỗ Phật tự chứng đắc, đoạn văn dưới đây nói rằng : Phật tự trụ đại thừa vậy, tuy muốn khai thị mà căn tính của chúng sinh chậm chạp, yên lặng lâu là cốt yếu đó, chẳng cần nói mau, cho nên gọi là hộ niệm.

**Đức Phật nói Kinh này rồi, bèn ngồi kiết già, nhập Tam muội Vô lượng nghĩa xứ, thân tâm đều bất động.**

Đức Phật nói Kinh Vô Lượng Nghĩa xong rồi, thì ngồi kiết già, cũng gọi là ngồi theo tư thế hoa sen, tư thế kim cang. Ngồi kiết già trợ giúp rất nhiều cho việc tu đạo,

không khiến cho người hôn trầm ngủ gục, mà dễ sinh ra định lực, có định thì tự nhiên sẽ phát huệ. Ai ngồi thẳng ngay ngắn được, thì giới thể vốn có sẽ hiện tiền, tất cả Thiên Long bát bộ đều đến ủng hộ, còn yêu ma quỷ quái tự nhiên sẽ xa lánh, cho nên ngồi kiết già là một pháp ngồi tu đạo viên mãn nhất. Bây giờ, lấy một công án để chứng minh tầm quan trọng của sự ngồi kiết già.

Quan Trung Hỷ là bạn của tôi. Vị này là người tu đạo có ba ngàn người đồ chúng, nhưng vị này hiểu rõ chính mình chẳng có đạo nghiệp, chưa được liễu sinh thoát tử, do đó vị này cấp tốc cầu chánh đạo, đi khắp nơi tìm minh nhãn thiện tri thức, nhưng ba năm trôi qua cũng chưa tìm được.

Một đêm nọ, cháu của vị này là Quan Chiêm Hải, chưa từng gặp tôi, mà ở trong mộng thấy tôi và còn cầu đạo nơi tôi, mà tôi dùng tay từ trên đầu của y lột xuống một tấm da heo, và nói tấm da nghiệp này khử sạch rồi thì có thể tu đạo. Ngày thứ hai, tôi đi thăm chú của y thì Quan Chiêm Hải nói một cái thì nhận ra tôi, chú của y nhắc lại việc tôi thủ hiếu ba năm ở mộ phần mẹ của tôi, hai người mừng rỡ vạn phần, cho rằng đưa đạo vào cửa, lập tức hai chú cháu cùng quỳ xuống hướng tôi cầu đạo. Nhưng tôi nói tôi chẳng có đạo hạnh, không thể thu nhận họ làm đệ tử, song tôi sẽ mang họ đi tìm danh sư. Cuối cùng, vì Quan Trung Hỷ chẳng tìm được vị thầy vừa ý, do đó Quan Trung Hỷ trở lại cầu đạo với tôi. Tôi nói tôi

chẳng có đạo, bất quá có thể dạy cho ông ta một phương pháp tu hành, nhưng ông ta trước hết phải học ngồi tư thế kiết già. Quả nhiên, ông ta y pháp tu hành, nhưng hai đầu gối của ông ta quá lớn kì lạ, muốn học ngồi kiết già thật là khó khăn vô cùng, bất cứ ngồi thế nào cũng chẳng được, song ông ta cũng chẳng sợ đau đớn khó khăn, vẫn kiên quyết tập ngồi cho bằng được, tập lên tập xuống thì hai đầu gối của ông ta sưng đỏ lên. Bảy mươi ngày trôi qua, tôi thấy ông ta vẫn đi chưa được ! Tôi khuyên ông ta đừng tập nữa, phương pháp ngồi kiết già rất khó khăn với ông ta, nhưng ông ta kiên quyết nói trừ khi tôi chết, bằng không tôi nhất định phải tập cho tốt. Nếu tập ngồi kiết già mà tập không xong thì còn nói gì về việc tu đạo ?

Qua một trăm ngày sau, tôi lại đến thăm ông ta thì đầu gối của ông ta hết sưng cũng hết đau, chẳng những thế mà ông ta ngồi rất là đoan nghiêm, thật là có chí thì việc tất thành. Ông ta ngồi kiết già thành công rồi, tôi bèn chỉ ông ta phương pháp ngồi thiền.

Cháu của ông ta là Quan Chiêm Hải, cũng như người chú, tìm thầy năm năm trời, cũng chẳng tìm được thầy vừa ý. Cuối cùng cũng phải trở về tìm tôi quỳ xuống. Tôi hỏi y : "Anh làm gì thế ?" Y nói : "Con đi tìm minh sư đã nhiều năm, nay mới phát giác thầy mới là vị thầy chân thật nhất, mong thầy nhận con làm đệ tử !" Thấy y cầm tay áo của tôi giựt giựt, tôi giả dạng nóng giận, phất tay áo bỏ đi khoảng hơn nửa dặm đường thì



quay lại xem, thấy y vẫn còn quỳ ở đó ! Tôi nói : "Anh còn làm gì ở đây ?" Y nói : "Nếu Ngài không nhận con làm đệ tử, thì con sẽ quỳ cho đến chết ở tại đây !" Vì muốn thử tâm thành của y, tôi lại phát tay áo bỏ đi, lần này đi hơn một dặm đường, quay đầu lại nhìn vẫn thấy y quỳ bất động ở đó, đủ thấy y thành tâm, do đó tôi thu nhận y làm đệ tử. Y là đệ tử đầu tiên của tôi tại Đông Bắc Trung Quốc.

Quan Trung Hỷ y theo pháp tu hành được năm năm, thì có sở thành tựu, nghĩ muốn gặp tôi để nói lời cảm kích, vì ông ta biết trước ngày vãng sinh. Song, việc này ông ta chẳng được mãn nguyện, vì từ đầu đến cuối, tôi với anh ta mất liên lạc. Quả nhiên, như chính ông ta đã dự liệu ngày đó, ông ta ngồi ngay ngắn mà vãng sinh, ngày đó có rất nhiều người hành xóm, đều mộng thấy có hai vị đồng tử mặc y màu xanh, dẫn ông ta về Tây phương ! Cho nên ngồi kiết già trợ giúp không ít cho việc tu đạo.

Đức Phật nói xong Kinh Vô Lượng Nghĩa rồi, bèn ngồi kiết già, nhập Tam muội Vô lượng nghĩa xứ, tức cũng là nhập thật tướng định. Thân tâm đều bất động. Thân không động thì tâm chẳng động, tâm chẳng động thì thân không động, đó là chân tâm vốn không động. Đây là điềm lành sự nhập định của Đức Phật.

**Lúc đó, trời mưa hoa Mạn đà la, hoa Ma ha mạn đà la, hoa Mạn thù sa, hoa**

## **Ma ha mạn thù sa, rải ở trên Đúc Phật và các đại chúng.**

Đoạn văn này nói về mưa hoa. Khi đức Phật nhập định, thân tâm đều chẳng động, thì hoa trời từ trên trời mưa xuống. Hoa Mạn đà la là hoa trắng nhỏ. Hoa Ma ha mạn đà la là hoa trắng lớn. Hoa Mạn thù sa là hoa đỏ nhỏ. Hoa Ma ha mạn thù sa là hoa đỏ lớn. Bốn thứ hoa này đều rải cúng dường ở trên thân của Đúc Phật, và tất cả đại chúng trong pháp hội. Bốn thứ hoa này đại biểu cho bốn vị trí là : Thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng và thập địa, tức cũng là bốn tấn độ của Bồ Tát đạo, là giai đoạn tu hành phải trải qua.

## **Khắp hết thủy thế giới của chư Phật, đều có sáu thứ chấn động.**

Đây là diềm lành về chấn động. Đúc Phật vì biểu thị sự quan trọng của Kinh Pháp Hoa, mà hiện ra đủ thứ diềm tốt lành. Khắp hết thủy cội Phật trong mười phương ba đời, đều có sáu thứ chấn động : Chấn, hống, kích (về âm thanh), động, dũng, khởi (về hình tượng). Sáu thứ chấn động này dụ cho sáu căn : Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Nếu nói rộng ra, thì trong sự chấn động, mỗi thứ lại phân ra ba thứ, cộng thành mười tám thứ, tức cũng dụ cho mười tám giới. Thế nào là một thứ phân ra làm ba thứ ?

Ví như : Động, biến động, đấng biến động. Chấn, biến chấn, đấng biến chấn. Hống, biến hống, đấng biến hống. Kích, biến kích, đấng biến kích. Dũng, biến dũng, đấng biến dũng. Khởi, biến khởi, đấng biến khởi.

Động, chỉ là một nơi chấn động. Biến động, là một bốn thiên hạ (Nam Thiệm Bộ Châu, Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngưu Hóa Châu và Bắc Câu Lưu Châu), đều chấn động. Đấng biến động, tức ba ngàn đại thiên thế giới đều chấn động.

Sáu thứ chấn động đại biểu cho : Thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, đấng giác và diệu giác. Tức cũng biểu thị muốn phá vô minh, thì trước hết phải trải qua sáu giai đoạn biến động. Người tu tập thiền định, đều thân tự thể nghiệm qua những giai đoạn này. Đối với người chẳng tu thiền mà nói, đó chỉ là chấn động của sáu căn mà thôi.

Dũng, từ bên đông vọt ra thì bên tây lạng. Đông vọt thì tây chìm. Phương đông là mộc tức cũng là màu xanh ; màu xanh dụ cho gan thuộc về nhãn căn (mắt). Phương nam là màu đỏ cũng là lửa, dụ cho tim, thuộc về thiệt căn (lưỡi). Phương tây là màu trắng, thuộc về kim, chỉ cho phổi, thuộc tĩ căn (mũi). Đây là biểu thị công đức của mắt sinh, thì phiền não của mũi diệt. Phiền não của mắt diệt, thì công đức của mũi sinh. Sáu căn này đều có công đức của nó, công đức sinh thì phiền não diệt ; phiền não sinh thì công đức diệt, tức cũng là sáu thứ chấn động. Phương bắc là màu đen, thuộc thủy, dụ cho thận,

thuộc về nhĩ căn (tai), cũng hỗ tương giao lưu công đức và phiền não với năm căn kia. Thân thuộc về bốn phương (mắt, tai, mũi, lưỡi đều ở trong đó). Ý có công năng phân duyên với bốn phương này. Cho nên, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa, Đẳng giác và Diệu giác là chấn động bên ngoài, còn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý là chấn động bên trong.

Sáu thứ chấn động này, là điềm lành về chấn động, biểu thị sáu căn chấn động. Sáu căn này hỗ tương trợ giúp, kết thành một đảng, dựa nhau làm bầy, có thể làm thiện, cũng có thể làm ác. Tạo điều ác thì sẽ khiến cho pháp thân đọa lạc vào ba đường ác. Song, người thành Phật cũng nương vào sự trợ giúp lẫn nhau của sáu căn này. Như công đức của lỗ mũi sinh ra, thì phiền não của con mắt diệt đi. Phiền não của con mắt là gì ? Công đức của con mắt là gì ? Khi mắt thấy sắc (vật chất) cái mà mình yêu thích, nhưng không đắc được thì sẽ sinh phiền não, theo đó mà khởi tâm tham, tức cũng là nguồn gốc của phiền não. Sau đó, mắt cũng sẽ mang lại công đức không ít, nó giúp người xem Kinh điển, nghiên cứu Phật pháp, thâm nhập Kinh tạng. Hoặc thấy tượng Phật thì sinh tâm cung kính lễ bái. Do đó, sáu căn này đều có công năng trợ giúp hoặc phá hoại, hãy xem chúng ta vận dụng nó như thế nào ! Dùng làm thiện thì có công đức, dùng làm ác thì đọa lạc, chẳng nghĩ ngờ gì hết. Cho nên Kinh Lăng Nghiêm nói rằng : "Thành Phật hoặc đọa địa ngục, đều do sáu căn này." Cho nên nói ngu si tức là trí huệ, đó

là đạo lý sáu căn vận dụng một dạng với nhau. Nếu chúng ta khéo vận dụng nhĩ căn (căn tai) để nghe pháp, nghe Phật pháp nhiều rồi mà thông được một, thì tất cả đều thông, hiểu một thì tất cả đều hiểu, biết một thì tất cả đều biết, giác một thì tất cả đều giác.

"Tự tánh như hư không,  
Chân vọng đều ở trong,  
Ngộ triệt bốn lai thể,  
Một thông tất cả thông."

Đồng đạo lý này, có thể đưa ra ví dụ về ăn, mặc, ở và hành động. Tại sao con người phải ăn cơm ? Vì để nuôi thân thể, mặc áo là để che lạnh. Cho nên ăn cơm, mặc áo, ngủ nghỉ, là những thứ cần thiết cho sinh mạng không thể thiếu, mà tự tánh của chúng ta rất cần Phật pháp để nuôi dưỡng, nếu không thì xảy ra vấn đề. Do đó, lợi dụng sáu căn để thành vô thượng đạo, đây là sáu căn chấn động vậy. Người đã từng tập ngồi thiền, thì sẽ có kinh nghiệm sự chấn động này, hoặc tay, hoặc mắt, hoặc tai, mũi, lưỡi, thân, tình huống chấn động của sáu căn. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói rằng : Tỉnh cực quang thông đạt, đó là công phu tu thiền đạt đến cực điểm, thì hiện ra một thứ cảnh giới, nếu không khởi tâm chấp trước, tức là cảnh giới tốt.

Trong pháp hội Lăng Nghiêm mùa hè đó, có người ngồi thiền thì tay hay tự động, đó là sự biến hóa của thân

thể, động tác biến, biến tác hóa. Tự động của thân thể là người tu thiền đã từng trải qua một phen hạ thủ công phu, mới phát sinh hiện tượng này, nhưng phải qua sự chỉ điểm của mình nhân thiện tri thức, mới không lầm đi vào đường tà, hoặc sinh tâm kinh hãi, hoặc do đó mà bỏ tu thiền. Thật ra, sự kinh hãi này là dư nhiều, tự động này không ngoài một trong sáu thứ chấn động. Đạo lý nói ở trong Kinh Phật tất định với tự tánh thân thể của chúng ta đều tương hợp, chẳng phải vì chúng ta tìm một con đường tương ứng, mà con đường này là tự tánh của chúng ta vốn đầy đủ. Tám vạn bốn ngàn pháp môn là dùng để đối trị tám vạn bốn ngàn tập khí xấu, bệnh tật của chúng ta. Rõ là người có đủ thứ tập khí ma bệnh mà chẳng tự biết được, cho nên suốt ngày đều bị trần lao lay chuyển, lấy khổ làm vui, càng ngày càng đọa đi xuống, mà vẫn không tỉnh. Do đó, trong Kinh này, Phật dùng sáu thứ chấn động làm dụ, để đối trị sáu căn, làm phương pháp tiêu trừ tập khí ác. Chấn động tức là phá trừ vô minh : Phá vô minh sơ quả, nhị quả, tam quả và tứ quả ; sau đó lại phá vô minh Thập địa và Đẳng giác, đây là sáu giai đoạn thành Phật, tức cũng là sáu quả vị lần lượt thành Phật.

**Bấy giờ, trong pháp hội các chúng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cử sĩ nam, cử sĩ nữ, trời, rồng, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, người,**

**chẳng phải người, và các ông vua nhỏ, Chuyển luân thánh vương, các đại chúng, được chưa từng có, vui mừng chấp tay một lòng nhìn Đức phật.**

Đây là điềm lành chúng vui mừng.

Lúc đó, tức cũng là lúc sáu thứ chấn động, trong pháp hội có các chúng đại Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni .v.v. Tỳ Kheo có ba nghĩa :

1. Khất thực.
2. Bố ma.
3. Phá ác.

Tỳ Kheo ni, cũng giống như ở trên, đều có ba nghĩa, là nữ chúng xuất gia. Trước kia, có vị tu hành, vì xác định khai ngộ thật sự của mình mới đi gặp một vị cao Tăng đã khai ngộ nhân lục thông. Khi vị cao Tăng biết được ý của vị tu hành, thì bắt đầu khảo vị tu hành rằng : "Ông có sở đắc gì ?" Vị tu hành đáp : "Tôi chẳng có sở đắc gì." Cao Tăng lại hỏi : "Ông khai ngộ gì ?" Vị tu hành đáp : "Tôi biết Tỳ Kheo Ni là người nữ !" Vị cao Tăng nghe rồi, lập tức ấn chúng cho vị tu hành, nói vị tu hành đã thật sự khai ngộ. Tại sao nói vị đó đã khai ngộ ? Vì vị cao Tăng biết vị đó đến, chẳng có tư hào nói dối, vị đó rất khẳng định trả lời. Vậy nếu chúng ta cũng trả lời như thế, có phải cũng đã khai ngộ ? Chẳng phải vậy !

Khai ngộ chẳng phải lượm lặt những gì của người khác. Phàm là học theo người đã nói qua, đều chẳng phải thật khai ngộ, trừ khi tự mình ngộ ra, riêng có một lần gặp, mà câu này lại chưa có người nói qua.

Cư sĩ nam, cư sĩ nữ có hai nghĩa : 1. Cận sự nam hoặc cận sự nữ. 2. Cận trụ nam, cận trụ nữ. Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ là bốn chúng đệ tử. Ngoài ra có trời, rồng, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, người, chẳng phải người, các ông vua nhỏ, Chuyển luân thánh vương .v.v. Dạ xoa là tốc tạt quý, lại gọi là đũng kiện. Sức mạnh của quý thần này, có thể dời núi lấp biển, một tay đẩy quả núi ra ngoài một trăm dặm, một tay lại kéo quả núi trở về. Ma hầu la già là đại mãng xà. Chẳng phải người, là một trong tám bộ quý thần. Chuyển luân thánh vương có phước báu rất lớn, có ngàn vị vương tử, lại có bảy báu, trong đó có một báu là bảo châu như ý. Bảo châu này khiến cho chủ nhân tùy thời tùy lúc muốn gì có nấy, muốn bao nhiêu có bấy nhiêu, tùy tâm mãn nguyện. Ngoài ra, còn có xe kim luân, có thể trong nháy mắt thì đưa Chuyển luân thánh vương đi chu du tứ thiên hạ, lộ trình so với lên mặt trăng còn xa nhiều lắm. Có người sẽ thắc mắc : "Thời đại Đức Phật chẳng có Chuyển luân thánh vương, vậy Chuyển luân thánh vương đáo để từ đâu đến ?" Chuyển luân thánh vương từ phương khác đến, chẳng phải chúng ta có thể thấy hoặc nghe được. Người biết thì biết, không biết thì không biết. Đừng cho rằng những gì mình không thấy, thì



nói là chẳng có việc đó. Ngoài chỗ ở của mình, còn có lân cú, có thành thị, thị trấn .v.v., do đó phải nhìn xa hiểu rộng, đừng dùng tầm mắt một làng nhỏ bé để nhìn thành thị. Là các đại chúng, được chùa từng có. Vì chùa từng nghe qua pháp này, cho nên vui mừng chấp tay, một lòng nhìn Đức Phật.

**Bấy giờ, Đức Phật phóng ra luồng hào quang trắng ở giữa chân mày, chiếu soi hết thấy một vạn tám ngàn thế giới ở phương đông.**

Lúc đó, chúng sinh đều hoan hỉ chuyên tâm nhìn Đức Phật, đức Phật cũng hoan hỉ, cho nên giữa chân mày phóng ra luồng hào quang trắng. Đây là diễm lành về phóng quang. Bấy giờ, người tạo tượng Phật đều gắn ở giữa chân mày của Đức Phật một hạt châu hoặc đá quý để đại biểu luồng hào quang trắng. "Chiếu soi hết thấy một vạn tám ngàn thế giới ở phương đông." Phương đông thuộc mộc, tượng trưng cho mùa xuân, vạn vật đều sinh trưởng. Đây dụ cho chúng sinh huệ mạng của một vạn tám ngàn thế giới, đều đắc được quang minh của Phật chiếu mà tăng trưởng.

**Dưới thì chiếu đến địa ngục A Tỳ, trên thì chiếu đến cõi trời Sắc Cứu Kỉnh.**

## **Ở thế giới này, đều thấy hết thấy chúng sinh trong sáu nẻo của các cõi kia.**

Hiện tại diêm lành hiện ra là phương khác được độ. Đức Phật phóng quang minh, chẳng những diêm lành chiếu thấy thế giới này, mà thậm chí chiếu xuống đến địa ngục A Tỳ (địa ngục Vô Gian), địa ngục này một người rớt xuống thì chật, nhiều người rớt xuống cũng chật đầy, thời gian chịu khổ chẳng gián đoạn. Chỉ cần tội nghiệp sâu nặng, thì đọa vào đó, vạn kiếp khó mà ra khỏi. Trời Sắc cứu kính tức là tầng trời cao nhất của sắc giới. Từ phương đông của thế giới Ta Bà nhìn qua một vạn tám ngàn thế giới, đều thấy hết chúng sinh trong sáu đường của các cõi đó, đều thấy rõ quả báo của mỗi loài.

Sáu nẻo luân hồi là : Trời, A tu la, loài người, ba đường lành ; địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, ba đường ác. A tu la có khi liệt vào trong ba đường ác, thành bốn đường ác. Trời là do tu năm giới mười điều lành, mà được sinh về cõi trời. Làm người căn bản nhất là giữ gìn năm giới :

1. **Không sát sinh** : Người giữ được giới này thì đắc được tuổi thọ sống lâu, được quả báo trường thọ. Ngược lại, kẻ sát sinh sẽ bị quả báo tuổi thọ ngắn ngủi hoặc chết yếu. Đó cũng nói rõ, tại sao có người sống lâu có người chết yếu.

2. **Không trộm cắp** : Trộm là làm tổn hại đến tài vật và phước mạng của kẻ khác, cắp là chưa được sự chấp

thuận của người ta, mà mình tự lấy đồ vật hoặc tiền tài. Quả báo là trong đời này hoặc đời sau, tài sản của mình cũng sẽ bị người trộm cắp hoặc bị cướp đi. Nếu giữ được giới không trộm cắp, thì được giàu sang phú quý.

3. **Không tà dâm** : Ai dâm vợ con của người ta, thì tương lai quả báo bị người chơi lại, hoặc vợ mình chẳng trinh tiết, hôn nhân gặp nhiều sự trở ngại, gia đình ly tán, .v.v., đủ thứ chướng ngại phiền não.

4. **Không nói dối** : Tức là không nói láo gạt người. Có những người nói : tôi một đời đều thật thà, chưa từng lường gạt người, cũng chẳng hại người, tại sao tôi lại bị người gạt, bị người hại. Nên biết, quả báo này chẳng phải một đời tạo ra, mà là thông cả ba đời, quá khứ hiện tại và vị lai. Xưa kia đã tạo ra nghiệp nói dối, khi nhân duyên thành thực thì nghiệp báo sẽ hiện tiền, phải thọ quả báo bị gạt, bị hại. Trong Kinh có câu rằng :

Trải qua trăm ngàn kiếp,  
Nghiệp tạo ra chẳng mất,  
Khi nhân duyên chín mùi,  
Phải thọ lấy quả báo.

5. **Không uống rượu** : Cũng kể cả hút thuốc, hút cần sa, hút á phiện, ma túy, khiến cho người mất đi lý tính. Uống rượu sẽ khiến cho người càng uống càng uống nhiều, uống càng nhiều thì càng hồ đồ, làm cho nhiều loạn tính tình, mà làm ra đủ thứ tội lỗi thất thường, hồi đầu trở lại thì đã trăm năm. Hiện tại giới y học rất lạm

dụng đối với thuốc men, cho nên cũng liệt vào trong giới này. Vì sử dụng ma túy, hoặc thuốc kích thích quá độ khiến cho bệnh tình của bệnh nhân bỏ mạng, hoặc khiến cho tinh thần càng thêm hỗn loạn chẳng được yên.

Năm giới là gốc căn bản làm người, quan trọng là sửa đổi tập khí ác của : thân, khẩu, ý, ba nghiệp, tiến thêm một bước nữa thì chẳng khởi ý niệm : giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối và uống rượu. Phạm là chưa được sự hứa khả của người khác, mà tự trộm lấy đi sử dụng, là phạm giới trộm cắp. Ví như thấy người mua một bình rượu, trong tâm nghĩ : Ồ ! Rượu ngon, thôi thì uống trước một ly thử ! Khởi ý niệm như thế tức thì đã phạm giới trộm cắp và giới uống rượu. Có phải uống rượu của người thì không phạm giới uống rượu chăng ? Chẳng phải, tuy chẳng uống rượu của người, nhưng cũng uống sữa hoặc thức uống khác, nếu khởi ý niệm tham ái chấp trước cũng là phạm giới này. Ví như, thấy trong tủ lạnh có một chai sữa, bèn khởi lên một niệm tham cũng chẳng biết ba bảy hai mươi một, cầm lên uống, uống xong thì chẳng biết của ai mua. Sữa là việc nhỏ, nhưng chưa được sự đồng ý của người mà uống, tức cũng phạm giới ăn cắp. Nói đi cũng phải nói lại, người bị mất sữa cũng phải phản tỉnh, tại sao người ta lại ăn cắp đồ của tôi ? Ồ ! Đó là kiếp trước tôi đã từng ăn cắp tài vật của người, đó là nhân quả báo ứng. Lấy đó mà hồi quang phản chiếu, luôn luôn cảnh tỉnh mình, về sau đừng tái phạm nữa.

Song, người ăn cấp sữa cũng đừng nói : hiện tại tôi ăn cấp của anh, đợi kiếp sau tôi sẽ hoàn lại. Nên biết kiếp sau có thể chẳng có vật để hoàn trả lại cho người. Tóm lại, một cây kim, sợi chỉ, cọng cỏ, khúc gỗ, chẳng phải sở hữu của mình, nếu chưa được chủ nhân đồng ý mà lấy đi, tức phạm giới ăn cấp. Đạo lý những giới căn bản khác cũng như thế.

Phước báo của trời vô cùng vô tận, nhưng cao tột đỉnh cũng có ngày sẽ đọa lạc. Hưởng hết phước báo thì năm tướng suy hiện ra vẫn phải đọa lạc. Do đó, chỉ tu phước báu cõi trời mà không tu trí huệ, thì vĩnh viễn lưu chuyển ở trong sáu nẻo luân hồi. A tu la cũng tu năm giới mười điều lành, nhưng dở ở chỗ dùng tâm đấu tranh để làm công đức. Khi hành thiện bố thí thì đều thích nổi danh, tranh đệ nhất, ở trước mọi người thì tỏ thái độ nhà đại tửu thiện xuất hiện, bỏ ra nhất định phải nhiều hơn bất cứ ai. Dùng phương thức huyền diệu tự ngã để làm bố thí, nói thẳng đó chẳng qua là dùng tiền bạc để mua danh, vốn chẳng phải thật tâm hành thiện, cho nên công đức đắc được cũng là hữu lậu. Còn có những kẻ hư ngụy, mặt ngoài hành thiện một cách yên lặng, nhưng trong bóng tối lại cố ý để cho mọi người biết họ đang bố thí, hành động như thế tự mình tuyên truyền ngụy quân tử, so với công đức của những người ở trên tuyên truyền tự ngã càng âm hiểm đối trá, thuộc về âm tính A tu la. Nhân mà không thẳng thì quả cong vậy. Tại nhân địa mà tâm không

thắng, thì tương lai quả báo đắc được cũng sẽ biến thành quả ác. Nếu tâm của họ bất chánh, thích đấu tranh, tâm sân quá nặng, thì đời sau sẽ thành A tu la. Do đó, khi bố thí thì đừng sai nhân quả, nên dùng tâm chân thật và tâm vui thích để hành sự, mới được quả lành. Người cũng tu năm giới mười điều lành mà ra, thuộc về năm giới mười điều lành bậc hạ. A tu la là năm giới mười điều lành bậc trung, còn chư thiên thì năm giới mười điều lành bậc thượng, đó là ba đường lành.

Quả báo của ba đường ác, đều do khởi tâm tham, sân, si. Tham quá nhiều thì sẽ thành ngạ quỷ. Người còn sống quá tham ăn, thì kết quả chết rồi, vật gì cũng ăn chẳng được, chẳng có sở hữu gì hết. Người tâm sân quá nặng, thì khi chết rồi sẽ đọa vào địa ngục, chịu đủ thứ khổ hình, như vào trong chảo dầu sôi, lên núi đao, hoặc kiếm thụ .v.v. Do đó, người có tập khí sân hận phải sửa đổi, người chẳng có sự nóng giận, thì đừng làm cho phát sinh. Học Phật có thể khiến cho con người rõ thị phi, thấu rõ sự lý, minh bạch nhân quả rồi, thì chẳng có hành vi ngu si, mà đắc được Bát nhã trí huệ. Người quá nhiều ngu si, thì tùy theo quả báo và nghiệp lực của họ, mà đọa làm súc sinh. Lời nói hành vi của kẻ ngu si, là phỉ báng Tam Bảo, bác vô nhân quả, chính mình không những không tin Phật, mà còn xúi giục người khác cũng đừng tin Phật, tự cho rằng mình rất thông minh, ưỡn ngực nói học Phật là việc rất ngu rất mê tín, kết quả bị quả báo làm súc sinh.

Cho nên trong sáu nẻo luân hồi, trồng nhân lành thì được quả lành, trồng nhân ác thì được quả ác. Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu. Trồng nhân thành Phật thì sẽ thành Phật, nhưng nếu trồng xuống nhân địa ngục, thì sẽ rơi vào địa ngục. Do đó, muốn thăng đi lên hoặc muốn đọa đi xuống, đều do mình lựa chọn. Đủ thứ tướng mạo của chúng sinh trong sáu nẻo, đều hiện ra ở trong luồng hào quang trắng của Đức Phật. Đoạn này là sáu điềm lành của thế giới khác :

1. Điềm lành sáu nẻo.
2. Điềm lành thấy chư Phật.
3. Điềm lành nghe thuyết pháp.
4. Điềm lành thấy chúng đác đạo (điềm chứng quả).
5. Điềm lành thấy Bồ Tát hạnh.
6. Điềm lành thấy chư Phật vào Niết Bàn.

Hào quang trắng, là biểu thị trung đạo liễu nghĩa, chẳng lệch bên trái, chẳng lệch bên phải, mà ở chính giữa chân mày, cũng biểu thị đạo lý pháp môn viên đốn, trung đạo thật tướng của Kinh Pháp Hoa.

Luồng hào quang trắng có thể co giãn, gần có thể chiếu xa giống như lưu ly, quang minh chiếu khắp. Tình hình này, cũng giống như trong bóng tối đột nhiên bật đèn pin hoặc đèn pha, thì một luồng ánh sáng chiếu thẳng về trước phá tan bóng tối, có thể chiếu được xa. Mà luồng hào quang trắng này, chiếu khắp vũ trụ hư không, tùy ý chiếu phương nào cũng được, sở chiếu hiện tại là phương

đông một vạn tám ngàn cõi. Trước kia, Đức Phật chẳng thị hiện phóng luồng hào quang trắng ở giữa chân mây, chỉ có trong hội Pháp Hoa mới hiện tướng điềm lành này. Trong pháp hội Kinh Lăng Nghiêm, khi Đức Phật thuyết pháp, thì từ trong nhục kế vọt ra trăm luồng quang minh báu, trong quang minh vọt ra hoa sen báu ngàn cánh. Ý nghĩa của hai thứ quang minh này đều khác nhau. Người chỉ cần nghe được một câu, một bài kệ trong Kinh Pháp Hoa, thì đã trồng xuống nhân thành Phật. Song, phải bao lâu ? không nhất định. Người nghe được Kinh Pháp Hoa thì đều có căn lành nhân duyên. Cho nên Phật pháp và chúng ta có quan hệ trọng đại. Có những người nghi ngờ, còn nói tôi không tin tôi có thể sẽ thành Phật. Thật tế, Phật pháp là tận hư không khắp pháp giới, chẳng có gì mà không dung nạp. Chúng sinh khắp pháp giới đều bao hàm ở trong Phật giáo. Dù hiện tại họ không tin nhưng tương lai họ sẽ tin, cũng có thể thành Phật, đó là chỗ vi diệu của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

## **Lại thấy chư Phật đang ở các cõi đó.**

Đây là điềm lành thấy chư Phật, là Thánh và phàm tương đối. Thánh là Phật, phàm là người. Trong luồng hào quang trắng hiện ra cõi nước của chư Phật, và các Đức Phật đang giáo hóa chúng sinh. Dùng luồng hào quang trắng là có hai nghĩa :

1. Ứng cơ đầu giáo (theo căn cơ mà thuyết pháp).



2. Đoạn hoặc trừ nghi.

Giống như đức Phật A Di Đà, cũng có tướng luồng hào quang trắng, như bài kệ tán Phật A Di Đà rằng : "A Di Đà Phật thân kim sắc, tướng hảo quang minh vô đẳng luân." Biểu thị ba mươi hai tướng tốt, tám mươi hai vẻ đẹp, quang minh không thể sánh được. "Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di." Giữa chân mày phóng ra luồng hào quang trắng, chuyển động như rồng múa không ngừng, luồng quang minh rộng cỡ năm hòn núi Tu Di. "Hám mục trùng thanh tú đại hải." Mắt trong suốt sáng ngời như nước bốn biển. "Quang trung hóa Phật vô số ức." Trong luồng quang minh trắng của Phật A Di Đà lại có hóa Phật vô số ức. "Hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên." Có hóa Bồ Tát vô lượng vô biên. "Tứ thập bát nguyện độ chúng sinh." Mỗi lời nguyện đều khiến cho chúng sinh thành Phật. "Cửu phẩm hàm linh đẳng bỉ ngạn." Người có thể phân làm : thượng, trung và hạ phẩm, trong ba phẩm lại phân làm chín phẩm. Do đó, chín phẩm hoa sen tức là thượng thượng phẩm, thượng trung phẩm, thượng hạ phẩm ; trung thượng phẩm, trung trung phẩm, trung hạ phẩm ; hạ thượng phẩm, hạ trung phẩm và hạ hạ phẩm. Chín phẩm chúng sinh này, khi Đức Phật A Di Đà gia bị đều lên bờ Niết Bàn bên kia.

Luồng hào quang trắng của Phật Thích Ca, cũng lớn như năm hòn núi Tu Di. Ở trong Kinh Quán Phật Tam Muội Hải có nói rằng : Khi Đức Phật Thích Ca ra đời,

thì luồng hào quang trắng là năm thước, tu khổ hạnh thì mười bốn thước, thành Phật thì mười lăm thước. Ở trong không gian tướng luồng hào quang trắng, sắc trắng như lưu ly, biểu thị : thường, lạc, ngã, tịnh, tức là Niết Bàn bốn đức, trong không gian đại biểu trung đạo, cũng có nghĩa là thường, tướng nhu nhuyễn là biểu thị lạc, thư thái tự tại, tùy ý có thể dài hoặc ngắn là đại biểu chân ngã, màu trắng là thanh tịnh, cũng dụ cho Niết Bàn bốn đức : Thường đức, lạc đức, ngã đức, tịnh đức, là trung đạo bảo ẩn thật tướng, ở trong luồng hào quang trắng lại thấy chư Phật ở các cõi đó, mà Đức Phật Thích Ca từ khi đản sinh cho đến nhập Niết Bàn, tu tất cả khổ hạnh, đủ thứ tướng mạo và công đức cũng hiển ở trong đó.

**Và nghe chư Phật giảng Kinh thuyết pháp, cũng thấy các vị Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cử sĩ nam, cử sĩ nữ, các vị tu hành đặc đạo. Lại thấy các vị đại Bồ Tát, đủ thứ nhân duyên, đủ thứ tin hiểu, đủ thứ tướng mạo, hành Bồ Tát đạo. Lại thấy chư Phật vào Niết Bàn, sau khi chư Phật vào Niết Bàn, đều đem xá lợi của Phật, dựng thờ trong tháp bằng bảy báu.**

Đây là điềm lành nghe thuyết pháp. Chư Phật đều ở tại mỗi cõi thuyết pháp giáo hóa bốn chúng đệ tử (Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ), khiến cho họ y pháp tu hành mà chứng đắc A La Hán, hoặc thành Bồ Tát, hoặc đắc quả vị Phật. Đây là điềm lành về chúng quả, là người và pháp tương đối, tức cũng là điềm lành nghe pháp và chúng quả. "Lại thấy các vị đại Bồ Tát" : Lại thấy các vị Bồ Tát và đại Bồ Tát. "Đủ thú nhân duyên" : Dùng đủ thú nhân duyên để tu đủ thú pháp môn và giáo hóa đủ thú chúng sinh. "Đủ thú tin hiểu" : Là chỉ pháp bốn Diệu Đế, mười hai Nhân Duyên, lục độ Vạn Hạnh .v.v., đủ thú sự tin hiểu. "Đủ thú tướng mạo" : Dùng đủ thú hạnh môn tu đủ thú pháp. "Hành Bồ Tát đạo" : Luồng hào quang trắng của Đức Phật từ cõi này phóng đến cõi kia, là biểu thị tự giác, giác tha, tự lợi, lợi tha, tức hành Bồ Tát đạo.

"Lại thấy chư Phật nhập Niết Bàn", "sau khi chư Phật nhập Niết Bàn" : Niết Bàn là không sinh không diệt, nghĩa là viên tịch. Công viên đức tịnh, công đức viên mãn. Đó là thị hiện việc chư Phật giáo hóa chúng sinh đã hoàn mãn, thu vô lượng pháp trở về một pháp, thị hiện chấm dứt việc giáo hóa. Sau đó xây tháp mà làm Phật sự, là biểu thị ban đầu ra đời, cuối cùng là tượng pháp. "Đều đem Phật xá lợi mà dựng thờ trong tháp bằng bảy báu." Xá lợi là linh cốt, sau khi Phật vào Niết Bàn rồi, dùng lửa thiêu, nhặt được xá lợi rất nhiều, cho nên xây tháp mà cúng dường. Tháp có hai nghĩa : 1. Phương mộ. 2. Cao

hiển. Tháp bảy báu cúng dường xá lợi, là biểu thị pháp thân của Phật sở tại, đó là đìem Phật thị hiện Niết Bàn. Những gì ở trên vừa giảng đều là đìem cõi nước phương khác.

Niết Bàn có bốn :

1. Tự tính thanh tịnh Niết Bàn.
2. Hữu dư Niết Bàn.
3. Vô dư Niết Bàn.
4. Vô trụ xứ Niết Bàn.

**Bấy giờ, Bồ Tát Di Lạc khởi ý nghĩ như vậy : Nay Đức Thế Tôn hiện tướng thần thông biến hóa, vì nhân duyên gì mà hiện đìem lành này ? Nay Đức Phật Thế Tôn đang nhập tam muội, là việc ít có không thể nghĩ bàn. Bấy giờ nên hỏi ai, ai là người đáp được ? Lại nghĩ thế này : Ngài Văn Thù Sư Lợi là con của đấng Pháp Vương, đã từng gần gũi cúng dường vô lượng chư Phật trong quá khứ, chắc đã thấy tướng ít có này, nay tôi nên hỏi Ngài.**

Bồ Tát Di Lạc là Phật sẽ hạ sinh trong tương lai, là Bồ Tát bồ xứ. Di Lạc dịch là "Từ Thị", lại có tên là A Đạt

Đa, nghĩa là Vô Năng Thắng. Ngài dùng mắt từ bi bình đẳng trông tất cả chúng sinh, mà chẳng khởi tâm phân biệt. Hiện tại Ngài không minh bạch Đức Phật vì sao phải dùng tướng luồng hào quang trắng hiện tướng thần biến, do đó khiến cho Ngài khởi ba ý niệm. Tại sao Đức Phật phải hiện tướng sáu điềm lành ? Nay Đức Thế Tôn đang nhập tam muội, là việc ít có không thể nghĩ bàn, nên hỏi ai ? Có thể hỏi Bồ Tát Văn Thù, Ngài là con của Đấng Pháp Vương, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật trong quá khứ, tự nhiên sẽ biết rõ việc ít có điềm lành này, ta nên đi hỏi Ngài. Văn Thù Sư Lợi nghĩa là diệu cực hoặc diệu lạc. Vì sao Bồ Tát Di Lạc khởi nghi vấn ? Vì Bồ Tát sơ địa chẳng biết Bồ Tát nhị địa, Bồ Tát cửu địa chẳng biết Bồ Tát thập địa, thập địa Bồ Tát chẳng biết cảnh giới của đẳng giác Bồ Tát, hà huống là cảnh giới của Phật ? Do đó, người ngu chẳng biết người trí, người ngu si chẳng biết cảnh giới của người có trí huệ, chẳng phải quá thì bất cập ; người phóng tâm chẳng biết người định tâm. Tóm lại, tâm thần không yên, lo trước lo sau, tâm căn tán loạn, chẳng hiểu rõ cảnh giới nhập định, cho nên phàm phu chẳng biết Thánh nhân, tiểu thừa chẳng biết đại thừa. Xá Lợi Phất là bậc đại trí huệ ở trong tiểu thừa A La Hán, nhưng Xá Lợi Phất không hiểu rõ cảnh giới của Bồ Tát. Một số Bồ Tát cũng không hiểu cảnh giới của Bồ Tát bồ xứ. Bồ xứ là tương lai thay thế Phật vị của Đức Phật Thích Ca. Bồ Tát Di Lạc là Bồ Tát nhất sinh bồ xứ, mà

Bồ Tát bỏ xú lại không biết Phật quả , Bồ Tát tôn kính cùng cực, cho nên Ngài mới khởi ý niệm nghi vấn.

**Khi đó, các Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ và các vị trời, rồng, quỷ thần .v.v., đều khởi nghĩ như thế này :  
Tướng quang minh thần thông của Đức Phật, nay nên hỏi ai ?**

Không những Bồ Tát Di Lặc, mà cho đến bốn chúng và trời, rồng, quỷ thần .v.v., cũng khởi ý niệm hoài nghi, tại sao Đức Phật phải hiện tướng thần thông quang minh ? Kỳ thật, Bồ Tát Di Lặc chẳng phải không biết nhân duyên Đức Phật hiện điềm lành. Ngài cũng đã từng cúng dường vô số chư Phật trong quá khứ. Ngài chỉ là vì thính pháp, vì thế đại chúng giải mối nghi, mới hiện tướng hoài nghi mà hỏi Bồ Tát Văn Thù.

**Bấy giờ, Bồ Tát Di Lặc muốn giải quyết tâm nghi của mình, lại quán sát tâm của bốn chúng : Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ và các chúng hội trời, rồng, quỷ thần .v.v., mà hỏi Bồ Tát Văn Thù, vì nhân duyên gì mà có điềm lành này ?**

**Tướng thần thông phóng đại quang minh, chiếu phương đông một vạn tám ngàn cõi, đều thấy cõi nước của chư Phật đó trang nghiêm. Do đó, Bồ Tát Di Lạc muốn tuyên lại nghĩa này bèn dùng kệ để hỏi.**

Lúc đó, Bồ Tát Di Lạc muốn cầu khai thị nghi vấn, lại thấy bốn chúng đệ tử và trời, rồng, quỷ thần .v.v., sinh tâm nghi ngờ, do đó mới hỏi Bồ Tát Văn Thù.

Quỷ phân ra : nạ quỷ (quỷ đói) và bảo quỷ (quỷ no). Quỷ nghĩa là "quy", là trở về. Ai ai cũng có Phật tánh, đều có thể trở về cõi nguồn cứu kính thành Phật, nhưng vì vô minh phiền não mà tạo nghiệp, chết rồi do nghiệp lực dẫn vào địa ngục, đưa đẩy vào đường nạ quỷ. Vì lúc sống, chẳng biết lợi dụng thân người này để tu thiện, sau khi chết rồi mới biết dụng tâm sai lầm, đi sai đường, cho đến bỏ giác hợp trần, mà trôi nổi ở trong biển khổ, khổ không thể tả. Song, nếu kịp thời hồi đầu, biết mê trở về giác, thì Đức Phật cũng khiến cho lên bờ bên kia, cuối cùng sẽ thành Phật.

Thần nghĩa là "thiên tâm", có thần thông và cảm ứng tự nhiên. Bồ Tát Di Lạc nói với Bồ Tát Văn Thù : "Xin Ngài từ bi nói cho chúng tôi biết, vì nhân duyên gì mà đức Phật phải hiện tướng thần thông ít có này, phóng đại quang minh chiếu phương đông một vạn tám ngàn thế giới ? Đồng thời lại thấy vô số ức cõi nước chư Phật và

điền lành Phật diễn thuyết pháp." Hiện tại trước mắt giới khoa học phát triển tiến bộ nhất, cho rằng lên cung trăng hoặc phóng vệ tinh nhân tạo, đến tinh cầu khác là việc giỏi nhất, song, hai ngàn năm về trước, Đức Phật dùng tướng luồng hào quang trắng, sớm đã biết đã thấy tất cả bí mật ở trong vũ trụ không gian, hiển hiện ở trong tướng luồng hào quang trắng một vạn tám ngàn thế giới, thấy tất cả chúng sinh và chư Phật đều rõ ràng mỹ lệ lại trang nghiêm. Vì muốn cho chúng sinh minh bạch ý của Phật, cho nên Bồ Tát Di Lạc lại dùng kệ để hỏi.

**Ngài Văn Thù Sư Lợi !  
Đấng Đạo Sư cổ chi ?  
Phóng quang trắng giữa mây  
Quang minh chiếu hết thấy.  
Trời mưa hoa Mạn đà  
Và hoa Mạn thù sa  
Gió thơm hương chiên đàn  
Khiến vừa lòng đại chúng.  
Do nhân duyên như vậy  
Cõi nước đều nghiêm tịnh  
Mà ở thế giới này  
Có sáu thứ chấn động.**



**Lúc này bốn bộ chúng  
Thấy đều rất vui mừng  
Thân tâm đều an lạc  
Đắc được chưa từng có.**

Bồ Tát Văn Thù ! Đấng Đạo Sư của chúng ta, vì có gì phóng luồng hào quang trắng giữa chạng mây, chiếu khắp hết thấy ?

Đạo Sư tức là Đức Phật Thích Ca. Ngài dẫn đường chúng ta từ con đường đen tối đến con đường sáng, trở về ngôi nhà xưa, là ngôi nhà nào ? Là cõi Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Lúc đó, trời mưa xuống hoa Mạn đà la và hoa Mạn thù sa màu trắng và màu đỏ, không những xinh đẹp mềm mại, mà còn tỏa ra mùi hương chiên đàn, chu vi khoảng bốn mươi dặm. Cho nên chúng sinh đều hoan hỉ vui mừng, mặt đất đều trang nghiêm thanh tịnh. Ở thế giới này, lại phát sinh sáu thứ chấn động, bốn chúng đều vì thấy diễm lành, mà thân tâm đều sung sướng vui thích, đó là việc ít có từ trước chưa từng có.

**Quang minh giữa chân mây  
Chiếu thẳng về phương đông  
Một vạn tám ngàn cõi  
Thấy đều như sắc vàng.  
Dưới chiếu ngục A tỳ**

**Trên chiếu trời Hữu đỉnh  
Trong tất cả thế giới  
Các chúng sinh sáu đường.  
Sinh tử chỗ họ đến  
Nghiệp duyên thiện và ác  
Thọ báo tốt và xấu  
Thấy đều thấy rõ hết.**

Luồng hào quang trắng trung đạo của Đức Phật, trước hết chiếu phương đông, chiếu khắp một vạn tám ngàn cõi, cho đến khắp cả hư không đều thành màu hoàng kim. Dưới chiếu đến ngục A Tỳ, trên chiếu đến cõi trời Hữu Đỉnh, trong tất cả thế giới. Hữu là dục giới, sắc giới và vô sắc giới. Hữu đỉnh tức là trời Phi Tướng Phi Phi Tướng cao nhất trong tam giới. Cõi trời này thuộc về vô sắc giới, chẳng có hình sắc cho nên không thể thấy, nhưng ở trong luồng hào quang trắng, nương hào quang mà thấy được. Chúng sinh ở trong sáu nẻo luân hồi, sinh sinh tử tử, tử tử sinh sinh, chuyển đi chuyển lại, khó thoát ra được. Sinh tử, tức là sự trở lại của năm ấm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cũng là chỉ tinh thần và thân thể). "Nghiệp duyên thiện và ác" : Là nhân đến, tốt xấu là quả đến. Chính là hai con đường thiện và ác, tu thì tu, tạo thì tạo, xem bạn đi con đường nào mà thôi. Tu là tu nghiệp thiện, tạo là tạo nghiệp ác, muốn thăng đi lên hoặc

đọa lạc, hoàn toàn do mình nắm trong tay. Thân người khó được, nếu không sớm tu năm giới mười điều lành, mà làm điều ác, thì kiếp sau không dễ gì được làm người nữa.

"Thọ báo tốt và xấu, thấy đều thấy rõ hết." Đây là nói ở tại nhân địa, người tu thiện thì được quả báo tốt, nếu tạo ác thì được quả báo xấu. Tất cả đều thuận tâm tính, thuận nghiệp lực mà đến. Cho nên chúng sinh ở trong sáu nẻo hỗ tương tạo nghiệp, hỗ tương thọ báo, lưu chuyển trong luân hồi, chẳng có thời kỳ chấm dứt. Tất cả nghiệp duyên quả báo này, đều thấy hết ở trong luồng hào quang trắng.

**Lại thấy các đức Phật  
Đấng Thánh chúa sử tử  
Đang diễn nói Kinh điển  
Tối vi diệu bậc nhất.  
Âm thanh rất thanh tịnh  
Thốt ra lời êm diệu  
Giáo hóa các Bồ Tát  
Vô số ngàn ức vạn.  
Tiếng phạm âm thâm diệu  
Khiến người ưa thích nghe  
Đức Phật ở mỗi cõi  
Đều diễn nói chánh pháp.**

Lại thấy chư Phật. Phật là chúa trong bậc Thánh, như sư tử. Âm thanh của Phật rất thanh tịnh vô cùng, lời nói rất lưu loát viên mãn, giọng điệu rất êm dịu, ai cũng đều ưa thích nghe. Phật dùng âm thanh này để thuyết pháp, giáo hóa vô số ức vạn Bồ Tát. "Tiếng phạm âm thâm diệu." Thứ âm thanh thanh tịnh này thâm diệu vô cùng, khiến cho tất cả chúng sinh hoan hỷ tin thọ, mà tin sâu thắng trí của Phật. Đồng thời, mỗi vị Phật ở thế giới kia cũng đều đang diễn nói chánh pháp.

**Dùng đủ thứ nhân duyên  
Và vô lượng thí dụ  
Chiếu rõ các Phật pháp  
Để khai ngộ chúng sinh.  
Nếu người gặp sự khổ  
Chán sinh già bệnh chết  
Vì họ nói Niết bàn  
Dứt hết thấy các khổ.  
Nếu người có phước báo  
Tùng cúng dường chư Phật  
Chí cầu pháp thù thắng  
Vì họ nói Duyên Giác.**

**Nếu có những Phật tử  
Tu đủ thứ hạnh môn  
Để cầu huệ vô thượng  
Vì họ nói tịnh đạo.  
Này Bồ Tát Văn Thù !  
Tôi ở tại nơi đây  
Thấy nghe như vậy đó  
Và ngàn ức thứ việc.  
Như thế nhiều vô số  
Nay sẽ lược nói ra  
Tôi thấy cõi nước kia  
Có Hằng sa Bồ Tát.  
Tu đủ thứ nhân duyên  
Để cầu chứng Phật đạo  
Hoặc có vị bố thí  
Vàng bạc và san hô.  
Chân châu ngọc ma ni  
Sa cừ và mã não  
Kim cương đồ quý báu  
Tôi tổ và xe cộ.  
Trang sức và xe kiệu**

**Đều hoan hỉ bố thí  
Hồi hưởng quả vị Phật  
Nguyện đắc được thừa ấy  
Bạc nhất trong ba cõi  
Chữ Phật thưởng khen ngợi.**

"Dùng đủ thứ nhân duyên." : Vì người có đủ loại căn cơ và đủ thứ tập khí ma bệnh, cho nên phải dùng vô lượng thí dụ, để vì chúng sinh thuyết pháp, khiến cho họ hiểu thấu được Phật pháp chân chánh, y theo đó mà hành trì. "Chiếu rõ các Phật pháp." : Dùng trí huệ quang minh để thấu hiểu tất cả Phật pháp. "Đề khai ngộ chúng sinh." : Khiến cho trí huệ và bồ đề của chúng sinh tăng trưởng, y như mỏ vàng, nếu không khai quật, thì chẳng bao giờ được vàng thật, đây cũng là ví dụ. Con người vốn đầy đủ Phật tánh, nhưng đáng tiếc chẳng nhận thức mặt thật của mình. Song, nếu gặp bậc thiện tri thức chỉ điểm cho họ, theo đó mà làm theo thì được trở về cội nguồn. Do đó :

Phá vỡ tâm niệm một chút nghi,  
Mười phương nơi đâu chẳng gia trì,  
Phật nhãn tròn sáng thường chiếu nhau,  
Chỉ tại mỗi người không tự biết.

"Nếu người gặp sự khổ." : Phạm phu tuy thân tâm đều thọ khổ mà chẳng biết, ngược lại còn cho khổ là vui,

do đó khổ lại thêm khổ, càng thọ khổ thì càng muốn tạo khổ. Vô minh phiền não vốn là khổ, nhưng con người cứ chấp trước mà chẳng muốn xả bỏ, cho nên không thể thoát khỏi biển khổ, ngược lại đọa vào địa ngục, vĩnh viễn trầm luân thọ khổ mà không thể tự cứu. Ngoại đạo cũng vì muốn dứt khổ, mà tìm cầu lối thoát, song chẳng tìm được, cuối cùng quay lưng với đạo mà theo đuổi đọa vào trong đường ngạ quỷ.

Con người có thể trí biện thông, tuy nhiên có chút thông minh, cũng thông đạt pháp thế gian mà chẳng minh bạch pháp xuất thế gian. Do đó, khi khổ nạn xảy đến thì chẳng biết ứng phó như thế nào, muốn dứt khổ nhưng ngược lại tạo khổ. Khi người rơi vào nghịch cảnh nghèo cùng bệnh hoạn bức bách, nếu hiểu được thọ khổ tức hết khổ, biết được đây là những nghiệp đã tạo ra trong quá khứ nên chiêu lại quả báo, đời này phải an phận làm người. Nhưng nếu kháng cự nhân gây ra trong quá khứ chẳng chịu trả, tự tạo nghiệp mà mình chẳng thừa nhận, ngược lại còn oán trời trách người, thậm chí còn lợi dụng sự thông minh đi trộm cướp lường gạt. Thật là lên được tới núi lại gặp cọp. Mảnh khoé gạt người cuối cùng sẽ bị người bắt được. Khi mưu kế bại lộ thì bị cảnh sát bắt, đưa đến quả báo ngồi tù, hoặc lâu hoặc mau do tội nặng hay nhẹ mà quyết định. Thử quả báo này, chỉ thân thể thọ khổ mà thôi, quan trọng nhất là chẳng tránh khỏi ác nghiệp này, đưa đến tương lai sẽ đắc được quả báo súc sinh. Sở dĩ con người gặp sự khổ, đều vì chính mình đã tạo ra đủ thứ

ngiệp ác. Nếu còn không tỉnh ngộ thì sẽ không được làm người nữa mà đọa vào ba đường ác.

"Chán sinh, già, bệnh, chết." Khổ có ba thứ :

1. **Khổ khổ** : Khổ trong sự khổ.

2. **Hoại khổ** : Vốn chẳng có khổ, nhưng vì sung sướng rất ngắn ngủi, sự vui chẳng bao lâu, nên gọi là hoại khổ.

3. **Hành khổ** : Con người từ nhỏ lớn dần lên, trưởng thành rồi già, già rồi chết đi, niệm niệm sinh diệt không ngừng ; như sóng biển, sóng trước diệt, sóng sau lại sinh, sóng sau diệt, sóng sau nữa lại sinh, liên tục không ngừng. Do đó, hành khổ chẳng có ai tránh khỏi được.

Ngoài ra còn có tám thứ khổ :

1. **Sinh khổ** : Khi đứa bé mới lọt lòng mẹ thì khóc : Khổ a ! Khổ a ! Có thể thấy thế gian có lắm sự khổ, nhưng ở tại thế giới kham nhẫn này (thế giới Ta Bà) lâu rồi, lại lấy khổ làm vui, quên mất đường về. Ở trong thai mẹ, nếu người mẹ ăn đồ nóng, thì thai nhi cảm thấy như ở trong núi lửa. Nếu người mẹ ăn đồ ăn lạnh, thì thai nhi có cảm giác lạnh như ở trong địa ngục hàn băng. Trách sao được, khi thân ở trong thai mẹ chỉ phải chịu khổ mà không thể mở lời than oán. Lúc lọt lòng mẹ thì giống như hai quả núi đè ép, sinh ra rồi gặp gió thổi thì thân thể lại giống như bị dao cắt, đau thấu tim gan. Song, đối với sự khổ này, hầu hết mọi người quá ba tuổi thì cũng từ từ quên mất.



2. **Già khổ** : Lớn tuổi thì sức khoẻ cũng suy giảm, mắt mờ tai điếc, răng rụng, ngũ quan chẳng còn linh hoạt ; tóm lại chẳng có ai tránh khỏi sự già nua, đó chẳng phải là khổ chăng ?

3. **Bệnh khổ** : Sự khổ này càng chẳng ai tránh khỏi, dù bạn là ông vua, tổng thống, hoặc đại thần, .v.v., đều khuất phục dưới con ma bệnh, già, chết. Bệnh có nhiều thứ, bệnh hoạn mang đến sự khổ đau cũng đếm không xuể.

4. **Chết khổ** : Khổ nhất là khổ về chết và khổ về sinh. Khi sinh ra thì như rùa lột mu, chết thì như bò sống lột da. Vậy mục đích học Phật là gì ? Tức là chấm dứt sinh tử, thoát khỏi luân hồi.

5. **Thương lia nhau khổ** : Thế tục tham nhiều về tình ái, khó phân ly khó xả bỏ. Nhưng càng thương yêu bao nhiêu, đến lúc sinh ly tử biệt, thì càng đau khổ bấy nhiêu. Ái tình là nhân trầm luân trong biển khổ. Nếu khử trừ sạch tâm dâm dục, thì đoạn sạch mầm móng sinh tử, cũng chẳng còn thọ luân hồi, bằng không vẫn lưu chuyển ở trong biển khổ, không khi nào dứt được.

6. **Ghét gặp nhau khổ** : Người này tôi ghét nhất ! Tôi chẳng muốn thấy y ! Nhưng nếu đối với vợ của mình, cũng khởi tâm chán ghét, mà y thị luôn luôn quần quít không lìa, đó thật là ghét thấy nhau như chẳng thấy, hoặc là mình ghét người nào đó mà phải tránh né y, nhưng đôi khi lại gặp y ! Đó đều là khổ về ghét gặp nhau. Nếu tâm tự tại thì tất cả đều tự tại, tâm như ý thì tất

cả đều như ý. Nếu trong tâm có quá nhiều chán ghét oán hận, thì tất cả những gì thấy nghe cũng khiến cho mình chẳng được như ý. Đó là tự mình làm khổ mình.

**7. Cầu không được khổ** : Mong cầu chẳng được cũng khổ. Nếu muốn thăng quan phát tài, hoặc bạn trai muốn có người vợ đẹp, còn bạn gái muốn được người chồng tốt, nhưng đều chẳng thành công, thì phiền não sẽ phát sinh, đêm ngủ chẳng yên, ăn chẳng biết ngon, tinh thần hoảng hốt, tinh thần bất định, đó đều là khổ !

**8. Năm ấm thiêu đốt khổ** : Thân thể vốn là khổ, là vô thường. Cho nên, tám thứ khổ này luôn luôn bức bách chúng ta, chi phối chúng ta, cho nên Đức Phật mới nói pháp Niết Bàn. Niết là không sinh, Bàn là không diệt. Nếu chẳng chấp trước thân giả tạm này, mà cầu đạo vô thượng, thì sẽ được Niết Bàn, cũng là : thường, lạc, ngã, tịnh, bốn đức Niết Bàn. Do đó, dứt hết các sự khổ, tất cả mọi sự khổ đều dứt sạch.

Ai muốn chấm dứt đau khổ, thì phải rộng trồng ruộng phước, cung kính lễ bái và cúng dường Tam Bảo, đừng làm điều ác, hãy làm các điều lành, đủ thứ công đức. Nhưng đừng chấp trước mình từng bỏ ra bao nhiêu tiền, hãy dùng tâm chân thật để làm bố thí, tu phước đức và huệ đức, tức là phước huệ song tu. Làm công đức là tu phước, nghe Kinh và nghiên cứu Phật pháp thì sẽ khai mở trí huệ, đó gọi là tu huệ. Do đó, nếu người có phước báo, từng cúng dường chư Phật. "Chí cầu pháp thù thắng". Lập

chí muốn cầu pháp thù thắng. "Vi họ nói Duyên Giác". Pháp mười hai Nhân Duyên, khiến cho họ quán thể duyên, giác ngộ pháp tính. Mười hai Nhân Duyên là : Vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, lão tử. Đây là pháp của người nhị thừa tu. "Nếu có những Phật tử, tu đủ thứ hạnh môn, cầu chứng huệ vô thượng, vì họ nói tịnh đạo." Nếu có đệ tử của Phật muốn cầu đạo vô thượng, tu tập lục độ vạn hạnh, thì Đức Phật vì họ mà nói Phật đạo thanh tịnh, tức là lục độ Ba la mật. "Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi ! Tôi ở tại thế giới Ta Bà này. Thấy nghe như vậy đó", mắt thấy cảnh Phật, tai nghe tiếng của Phật, đều như vậy đó. "Và ngàn ức thứ việc" : Còn có rất nhiều thứ việc khác. "Như thế nhiều vô số" : Là chỉ sự thấy và nghe quá nhiều. Nay sẽ lược nói ra : Bây giờ tôi phải lược nói với Bồ Tát Văn Thù. "Tôi thấy cõi nước kia, có Hằng sa Bồ Tát, tu đủ thứ nhân duyên, mà cầu chứng Phật đạo" : Tôi thấy được cõi nước kia, Bồ Tát nhiều như số cát sông Hằng, dùng đủ thứ nhân duyên tu hành. Nếu ai muốn cầu Phật đạo thì phải làm công đức, tất sẽ đắc được trí huệ, còn phải hạ thủ một phen khổ công phu ! Bồ Tát nhiều như số cát sông Hằng còn phải dùng đủ thứ nhân duyên để tu phước huệ, để cầu quả vị Phật, hà huống là phàm phu ! "Hoặc có người bố thí." : Có người dùng bảy báu để bố thí, vì muốn cầu Phật đạo. Bảy báu là : vàng bạc và san hô, trong biển có báu do tụ khí kết thành, màu sắc nhuận đỏ, hình như cây gọi là san hô. "Chân châu ngọc ma ni" : Châu ma ni gọi

là châu như ý. "Xà cừ và mã não" : Con sò lớn ở trong biển, tức là ốc biển lớn. Mã não là tụ khí trong đá, màu sắc nhuận đỏ như não ngựa. "Kim cương đồ quý báu" : Kim cương tức là toàn thạch, là một thứ đá rất quý, rất cứng dùng để chạm ngọc và thủy tinh. "Tô tó và xe cộ" : Người này thậm chí đem tô tó, xe cộ ra bố thí. "Trang sức và xe kiệu" : Xe kiệu là một thứ xe nạm châu báu, thời xưa hoàng đế thường dùng xe kiệu này đi lại. Quân lính khiêng đi cho nên gọi là xe kiệu. "Đều hoan hỉ bố thí, hồi hướng quả vị Phật" : Đây là người rất vui thích dùng bảy báu làm bố thí. Ngược lại, nhân sĩ người thời nay chỉ bỏ ra vốn vẹn năm đồng, mười đồng thì cho rằng đã nhiều lắm rồi, mà còn ghi nhớ trong tâm, chẳng biết công đức chánh bố thí, ngoại trừ đem bảy báu ra bố thí nhưng tâm chẳng có tư hào hối tiếc và cũng dùng khởi tâm chấp trước mới khế hợp Phật đạo. "Nguyện đắc được thừa ấy" : Nguyện đắc được Phật thừa. "Bậc nhất trong tam giới" : Thành Phật ở trong dục giới, sắc giới và vô sắc giới, cho nên là bậc nhất trong tam giới. "Chư Phật thường khen ngợi" : Thành Phật rồi, được chư Phật trong mười phương tán thán ca ngợi.

**Hoặc có những Bồ Tát  
Dùng xe báu bốn ngựa  
Lan can và lọng hoa  
Trang sức đem bố thí.**

Lại thấy các Bồ Tát  
Đem thân thịt tay chân  
Và vợ con bố thí  
Để cầu vô thượng đạo.  
Lại thấy có Bồ Tát  
Dùng đầu mắt thân thể  
Vui thích đem bố thí  
Để cầu Phật trí huệ.  
Ngài Văn Thù Sư Lợi !  
Tôi thấy các ông vua  
Đều đi đến chốn Phật  
Hỏi pháp vô thượng đạo.  
Bèn vui vẻ bỏ nước  
Và cung điện thần thiếp  
Cạo bỏ râu và tóc  
Mà mặc y pháp phục.  
Hoặc thấy có Bồ Tát  
Xuất gia làm Tỳ kheo  
Một mình ở chỗ vắng  
Thích đọc tụng Kinh điển.  
Lại thấy có Bồ Tát

**Rất tinh tấn dũng mãnh  
Vào ổ trong rừng sâu  
Suy gẫm cầu Phật đạo.**

Bồ Tát Di Lạc nói với Ngài Văn Thù : Tôi thấy ở trong luồng hào quang trắng của Đức Thế Tôn có những vị Bồ Tát hành bố thí. "Ngài dùng xe báu tứ mã" : Xe ngựa bốn con, dùng các báu trang sức. "Lan can và lọng hoa" : Ngang gọi là lan, dọc gọi là can, là một loại xe báu trên đỉnh có trang trí lọng hoa. "Trang sức đem bố thí" : Dùng đồ trang nghiêm tối thắng này đem đi bố thí. "Lại thấy các Bồ Tát, đem thân thịt tay chân" : Lại thấy có những vị Bồ Tát, không những đem tất cả châu báu tài vật, mà còn đem thân thịt, tay chân, vợ con của họ ra bố thí. Đó chẳng phải là khó làm mà làm được chăng ? Đáng cười phàm phu chúng ta, làm được một chút việc thiện hoặc bố thí được chút ít thì đắc chí lắm, hí hửng mừng rỡ, cho rằng nhiều quá lắm rồi đó ! Một vị Bồ Tát vốn ôm ấp từ bi tinh thần cứu đời, không những xả bỏ tất cả vật ngoài thân, mà thậm chí thân thịt cho đến tay chân của mình hoặc vợ con, khi chúng sinh cần thì đều vui vẻ bố thí cho người. Bồ Tát bố thí thân thể như thế nào ? Ví như, có người gặp tai nạn xe cộ mất đi cánh tay, thì Bồ Tát chẳng do dự, đem cánh tay của mình bố thí, cho đến tim gan phổi thận, bố thí cho bệnh nhân cần, cứu bệnh khổ của tất cả chúng sinh, mà khiến cho họ thoát khỏi

kinh sợ và tai nạn, đó là bố thí nội tài. "Và vợ con bố thí" : Đây là bố thí ngoại tài. Nhân gian cũng có Bồ Tát, chỉ cần người nào đó phát được tâm đại từ bi, vì chúng sinh mà hành bố thí, khó xả bỏ mà xả bỏ được thì gọi là Bồ Tát. Vì trong thế gian, việc khó xả bỏ nhất là tình cảm vợ chồng, các Ngài buông xả được mọi tình cảm khó xả bỏ được, đủ thấy tâm của các Ngài kiên định và tự tại cho nên xưng là Bồ Tát.

Ở trong Thủy Kinh Hồi Thiên Lục có một đoạn ghi về Ngài Hòa Thượng Thường Nhân, trước khi chưa xuất gia, từng vì tu đạo mà bố thí vợ của mình cho người khác. Sau khi cha mẹ của Ngài qua đời, Ngài vì muốn báo hiếu cho cha mẹ mà thủ hiếu ở mộ ba năm. Do đó, vợ của Ngài chẳng khác nào là "thủ hoạt quả", vì không thể chịu đựng cảnh vắng vẻ, cho nên đôi ba phen khuyên Ngài trở về nhà sống với nhau, nhưng tâm tu đạo của Ngài đã kiên quyết. Rõ là người càng muốn hưởng thụ thì càng gặp ma thử thách. Do đó :

"Đạo cao một thước, ma cao một trượng,  
Đạo cao một trượng, ma ở trên đầu".

Đại Sư Thường Nhân càng muốn chuyên tâm tu đạo, thì càng bị vợ quấy nhiễu, cuối cùng dẫn lại một người đàn ông đến mộ để uy hiếp chồng, nếu Đại Sư không chịu trở về nhà, thì y thị sẽ kết hôn với người đàn ông này. Song, Đại Sư Thường Nhân chẳng có chút nóng

giận gì, ngược lại còn khoan hồng đại lượng tán thán sự sống chung của hai người, đủ thấy công phu tu hành của Ngài rất thâm sâu. Đó là :

Khó làm mà làm được,  
Khó xả bỏ mà xả bỏ đặng.

Tâm chẳng còn tham trước, thì không bị cảnh trần ô nhiễm lay chuyển ; đoạn được tâm dâm dục thì không còn tiếp tục sinh tử, mà ra khỏi được tam giới, cho nên chỉ có Bồ Tát mới đem vợ con bố thí, để cầu vô thượng đạo.

"Lại thấy các Bồ Tát, dùng đầu mắt thân thể." Những vị Bồ Tát này, không những xả bỏ được nội tài và ngoại tài, thậm chí đầu, mắt, thân thể, cũng đều vui vẻ bố thí. Đây là vô úy thí, Ngài dùng thân tâm tính mạng bố thí cho người, vì cầu vô thượng đạo, cho nên được liễu sinh thoát tử. Nếu người xan tham không xả bỏ, cũng chẳng bố thí, thì vĩnh viễn không thể chấm dứt sinh tử. Mà bố thí ở đây phải vui vẻ thí xả, hoàn toàn chẳng có ý đấu tranh. Có những người chẳng phải dùng chân tâm để bố thí, nếu thấy người bỏ ra một trăm ngàn, thì họ phải bỏ ra hai trăm ngàn, nếu người bỏ ra hai trăm ngàn, thì họ chẳng bỏ ra ba trăm ngàn thì không được, nhất định phải hơn người mới được, đó chẳng phải là bố thí như pháp, cũng chẳng hoàn toàn thành tâm hành thiện. Đoạn này nói về bố thí độ ở trong lục độ.



"Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi ! Tôi lại thấy các quốc vương, đều đi đến chốn Phật, hỏi pháp vô thượng đạo". Đến trước chư Phật thỉnh hỏi pháp vô thượng đạo, thì Phật khai thị đạo lý : khổ, không, vô thường, vô ngã, bốn niệm xứ .v.v. Có bài thơ Tây Giang Nguyệt, đồn rằng do Trang Tử sáng tác, cũng nói lên đạo lý : khổ, không, vô thường, vô ngã. Thơ rằng :

"Phú quý năm canh xuân mộng,  
Công danh một đám mây trôi,  
Trước mắt cốt nhục đã chẳng thật,  
Ân ái trở thành cừ hận,  
Đừng mang công vàng vào cổ,  
Chớ đeo vòng ngọc trói thân,  
Thanh tâm quả dục thoát hồng trần,  
Khoái lạc tiêu dao tự tại."

Các vị quốc vương nghe nói về bốn Niệm Xứ, bèn vui vẻ bỏ nước, chẳng có tư hào do dự, xả bỏ hết sự hưởng thụ năm dục, cũng đem cung điện thần thiếp xả bỏ, để cạo bỏ râu và tóc, mà mặc y pháp phục, mặc lên y Cà sa của người xuất gia. Đoạn văn này nói về giới độ ở trong lục độ.

"Hoặc thấy có Bồ Tát, xuất gia làm Tỳ Kheo, một mình ở chỗ vắng, thích tụng đọc Kinh điển." Đoạn này dụ cho nhân nhục Ba la mật.

Một vị Tỳ Kheo một mình ở trong động núi khó tránh khỏi người ác đánh chửi hoặc rắn độc thú dữ xâm

hại, nhưng họ đều nhẫn thọ mà chẳng sinh tâm kinh sợ, đó là sinh nhẫn, tự tiết thủ chí là khổ hạnh nhẫn, tụng Kinh cầu Phật là nhẫn đệ nhất nghĩa.

"Lại thấy có Bồ Tát, rất tinh tấn dũng mãnh, vào ở trong rừng sâu, tư duy cầu Phật đạo." Đây là độ thú tư trong lục độ Ba la mật. Đây là biểu hiện tinh thần quên ăn bỏ ngủ để cầu Phật đạo. Các vị ấy vào trong rừng sâu núi thẳm, tư duy cầu Phật đạo, chánh niệm tư duy sở hành của Phật tức là quán chiếu thiền.

**Lại thấy người lìa dục  
Thường ở chỗ thanh nhàn  
Chuyên tu tập thiền định  
Đắc được năm thần thông.  
Lại thấy có Bồ Tát  
Chấp tay trụ thiền định  
Dùng ngàn vạn bài kệ  
Khen ngợi các Pháp Vương.**

Bồ Tát Di Lạc lại nói : Tôi lại thấy người tu hành lìa dục, chẳng tham : tài, sắc, danh, ăn và ngủ. Ở chỗ thanh nhàn ngày đêm tu thiền, chẳng có gián đoạn. Nếu ai chân chánh tu hành thì phải nỗ lực, ngày ngày tu tập thiền định, chẳng có ngày giờ nào nghỉ. Nếu lười biếng giải đãi,

thì vĩnh viễn chẳng thành tựu. Tu thiền sẽ đắc được năm thần thông : Thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông và thần túc thông, nhưng chưa đắc được lậu tận thông. Chỉ có tứ quả A La Hán và bậc Bồ Tát trở lên mới có thần thông này. Ngoài tu thiền ra, nếu chuyên tâm niệm Phật hoặc tụng Kinh trì Chú, cũng sẽ đắc được năm thần thông. Như Ngài Trí Giả Đại Sư chuyên trì tụng Kinh Pháp Hoa mà khai ngộ. Khi Ngài tụng đến phẩm Dược Vương Bồ Tát Bốn Sự : "Đốt thân cúng Phật là chân tinh tấn, gọi là chân pháp cúng dường Như Lai", thì nhập vào cảnh giới tam muội. Ở trong định thấy pháp hội Linh Sơn vẫn còn chưa tan, thấy Đức Phật vẫn còn đang thuyết pháp. Cho nên trì tụng Kinh điển cũng có thể khai ngộ, nhưng phải chuyên tâm nhất chí, chứ chẳng phải khi thì niệm Phật, khi thì khởi vọng tưởng. Nếu đang niệm Phật, mà còn bàn tính chuyện làm sao để kiếm tiền, thì nhất định chẳng thể khai ngộ, vì đó là niệm tiền chứ chẳng phải niệm Phật.

Lại thấy có Bồ Tát, chấp tay an trụ trong thiền định, dùng ngàn vạn bài kệ để tán thán chư Phật.

**Lại thấy có Bồ Tát**  
**Trí sâu chí kiên cố**  
**Tham vấn các đức Phật**  
**Nghe rồi đều thọ trì.**  
**Lại thấy có Phật tử**

**Định huệ đều đầy đủ  
Dùng vô lượng thí dụ  
Vì chúng diễn nói pháp.  
Vui thích nói các pháp  
Giáo hóa các Bồ Tát  
Phá trừ chúng binh ma  
Mà đánh vang trống pháp.  
Lại thấy có Bồ Tát  
Yên lặng ngồi bất động  
Trời rông đều cung kính  
Chẳng vì thế vui mừng.  
Lại thấy có Bồ Tát  
Tại rừng phóng quang minh  
Cứu khổ dưới địa ngục  
Khiến họ vào Phật đạo.  
Lại thấy có Phật tử  
Chưa từng có ngu ngời  
Kinh hành ở trong rừng  
Siêng cầu chứng Phật đạo.  
Lại thấy bậc giới đức  
Oai nghi chẳng thiếu khuyết**

## **Thanh tịnh như châu báu Đề cầu chứng Phật đạo.**

Lại thấy có những vị Bồ Tát, có trí huệ thâm sâu và chí khí kiên cố. "Tham vấn các Đức Phật." : Khéo hỏi pháp. "Nghe rồi đều thọ trì." : Nghe pháp thì y theo pháp mà tu hành. "Lại thấy có Phật tử, định huệ đều đầy đủ". Định dùng để nhiếp giáo, huệ dùng để phá mê. Định huệ đều trì thì gọi là đầy đủ. Bồ Tát này dùng vô lượng phương tiện khéo léo, để ví dụ vì chúng sinh mà thuyết pháp. "Phá trừ chúng binh ma" : Chúng đều giả danh làm Phật tử, nhưng chẳng hành chánh đạo, mà còn dùng kẻ mù dẫn người đi, nên gọi là binh ma. Cho nên dùng chánh pháp nhãn phá trừ quân tà, nên gọi là phá ma vậy. Đoạn này là Bát nhã độ.

"Lại thấy có Bồ Tát, lặng yên ngồi bất động." Lại thấy có những Bồ Tát ngồi kiết già. Vì có công phu thiền định, cho nên trời rồng đều cung kính lễ bái, nhưng các Ngài chẳng vì thế mà sinh tâm vui mừng. Do định mà sinh huệ, cho nên tâm chẳng bị cảnh chuyển, cũng chẳng động niệm. Nếu chẳng có vọng niệm thì không sinh không diệt, không dơ không sạch, không tăng không giảm, cho nên chẳng trái chẳng phải, chẳng thiện chẳng ác, tức là tự tính thanh tịnh, đặc được chân như diệu tính. Nhưng chẳng thể nói tôi đã vô niệm (chẳng còn niệm gì nữa), vì nói vô niệm thì đã có niệm. Người biết vô niệm, thì hàng phục được tâm của họ, người biết mình vô niệm,

khi phá trừ chúng binh ma, thì dùng vô niệm là diệu nhất ! Nó bao hàm cả nhân nhục và sinh nhân, tức chẳng bị lời hay tiếng ngọt làm động, cũng không vì nghịch cảnh mà khởi tâm kinh sợ hoặc sân hận.

Trước khi Tổ Đạt Ma đến Trung Quốc, thì phái hai vị đệ tử Di Phật Đà và Già Xá đến Trung Quốc hoằng pháp trước. Sư đồ họ đều là người Ấn Độ. Hai vị khoái chí giảng về thiền, bất lập văn tự, kiến tánh thành Phật. Lúc đó, ở Trung Quốc cũng có một vị sư tiểu thừa từ Ấn Độ đến là Bồ Đề Lưu Chi, thấy hai vị thiền sư đại thừa mới đến, bèn liên hợp với tất cả những người xuất gia bôn nhộ họ, khiến cho họ từ Trường An phải chạy đến Lư Sơn. Hai vị sư Di Phật Đà và Già Xá thấy đại sư Viên Công, mới thuật lại tình hình trên cho đại sư nghe. Lúc đó, đại sư hỏi họ truyền pháp gì ? Hai vị duỗi cánh tay ra, sau đó lại co vào, bèn hỏi duỗi ra co vào có nhanh chẳng ? Đại sư đáp : "Phải." Hai vị thiền sư giải thích phiền não và bồ đề và sự biến hoá rất nhanh của nó cũng lại như thế. Ví như duỗi ra co vào đều cùng một cánh tay, mà có sự khác biệt về lòng bàn tay và mu bàn tay. Cũng thế ấy, phiền não tức bồ đề, bồ đề tức phiền não, cả hai thật chẳng lìa nhau, là hai mà chẳng hai, tức tâm tức Phật, minh tâm kiến tánh, cho nên sinh tử tức Niết Bàn, Niết Bàn tức sinh tử. Vô niệm tức Niết Bàn, có niệm tức có sinh tử. Duy có một niệm không sinh toàn thể hiện, Phật tính vốn có hiện tiền, thì dù ma quỷ cũng phải cung kính.

Nếu vô niệm thì sẽ trở về nguồn cội, đây là bản địa phong quang vậy. "Trời rỗng đều cung kính, chẳng vì thế vui mừng." Cho nên trời rỗng cung kính cũng là bản hữu, chẳng vì thế mà vui mừng, liền xả thiền.

"Lại thấy có Bồ Tát, tại rừng phóng quang minh, cứu khổ dưới địa ngục, khiến họ vào Phật đạo." Lại thấy có những vị Bồ Tát tu thiền ở trong rừng tức là tự lợi, đồng thời phóng ra quang minh thanh tịnh chiếu chúng sinh trong địa ngục, tức là lợi tha. Dùng tâm đại bi cứu vớt chúng sinh thọ khổ trong địa ngục, đây là bi thiền.

"Lại thấy có Bồ Tát, chưa từng có ngủ nghỉ, kinh hành ở trong rừng, siêng cầu chúng Phật đạo." Những vị này, ở trong rừng, hoặc ở trong nhà, tu khổ hạnh thường đi không ngồi, không nằm. Pháp môn này gọi là "bát chu tam muội", cũng là Phật lực tam muội, trong chín mươi ngày thường đi, không ngồi, không nằm, vì muốn trừ con ma ngủ mà siêng cầu Phật đạo.

"Thấy bậc đủ giới đức, oai nghi chẳng thiếu khuyết, thanh tịnh như châu báu, để cầu chúng Phật đạo." Lại thấy có những vị Bồ Tát thọ trì mười đại giới thanh tịnh như châu báu. Giới cấm thân, miệng gọi là oai nghi, tự tịnh tâm ý tức chẳng khuyết phạm.

1. **Giới chẳng khuyết** : Nghĩa là chẳng phạm trọng tội, nếu phạm thập ác, ngũ nghịch trọng tội, thì như túi nổi khuyết thất.

2. **Chẳng phá giới** : Nghĩa là chẳng phạm trọng tội, nếu phạm trọng tội thì như túi nổi tàn phá.

3. **Giới chẳng thủng** : Nghĩa là chẳng phạm tiểu tội, nếu phạm tiểu tội, thì như túi nổi thủng lỗ. Đó là nhiếp luật nghi.

4. **Giới chẳng tạp nhạp** : Nghĩa là chẳng khởi niệm ác, nếu khởi niệm ác, thì tuy thân miệng thanh tịnh, nhưng ý tạp nhạp phiền não, đây gọi là định cộng giới.

5. **Giới tùy đạo** : Như bậc sơ quả đi trên đất, thì cách côn trùng bốn tấc.

6. **Chẳng chấp trước giới** : Như A La Hán nơi tam quả lục trần, vĩnh viễn chẳng tham trước.

7. **Giới được bậc trí ca ngợi** : Nghĩa là dùng pháp quyền xảo phương tiện để hoằng pháp lợi sinh, cho nên được bậc trí tán thán.

8. **Giới tự tại** : Nghĩa là, du hí thần thông thị hiện nghịch thuận, nhưng chẳng phạm giới tính (nếu sinh một niệm tà tức phạm giới, đây là vô hình) và giá giới (thân miệng chẳng được phạm đây là hữu hình). Vì có tự tại thần thông, giả thị hiện dùng tạo tội và sát sinh để giáo hóa người, đó thì chẳng phạm tính và giá hai giới.

Ví như trong Kinh Lăng Nghiêm, Hộ Pháp đập nát đầu quỷ vương. Và nữa, khi Vua Lương Võ Đế còn làm vua, thì có một vị thiền sư Bảo Chí, mỗi bữa ăn đều ăn hai con chim bồ câu, ăn hết cả xương cả đầu cũng chẳng chừa. Một ngày nọ, người nấu bếp ăn lén cái cánh của một con bồ câu, cho rằng đã chặt vụn ra tưởng đầu có thể nói gạt đặng, không ngờ Ngài Chí Công nhìn qua rồi



nói : "Ông ăn lén bò câu." Người nấu bếp tuy kinh sợ, nhưng vẫn chối không nhận. Lúc đó, Ngài Chí Công cũng chẳng tranh biện làm chi, bèn ăn hết hai con bò câu. Chuyện kỳ lạ cũng phát sinh ! Ngài Chí Công ăn hết thịt chim bò câu rồi, thì lại phun ra hai con bò câu sống, trong đó có một con bò câu thiếu mất cái cánh. Cho nên Ngài Chí Công là một người không tầm thường. Nếu ai ăn bò câu chín mà phun ra bò câu sống, hoặc ăn thịt bò mà phun ra bò sống, thì mới tính là chẳng phạm giới sát sinh. Nếu chẳng có bản lãnh như thế, mà cứ tùy tiện ăn thịt chúng sinh, thì tương lai phải trả quả báo và đọa địa ngục. Giới này gọi là giới tục đế.

9. **Giới tùy định** : Đi, đứng, nằm, ngồi, cử chỉ, hành động, nói năng, đều ở trong định, đều có oai nghi.

10. **Giới cụ túc** : Nghĩa là giới Ba la mật tất kính viên mãn, lại gọi là đế giới trung đạo đệ nhất nghĩa.

**Lại thấy có Phật tử  
Trụ vào sức nhẫn nhục  
Bị kẻ tăng thượng mạn  
Mắng chửi và đánh đập.  
Thấy đều nhẫn thọ được  
Đề cầu chứng Phật đạo !  
Lại thấy có Bồ Tát  
Lìa bỏ sự giận cười.**

Và quyền thuộc ngu si  
Gần gũi bậc trí huệ  
Nhất tâm trừ tạp loạn  
Nhiếp niệm ở núi rừng.  
Trai ước ngàn vạn năm  
Đề cầu chứng Phật đạo !  
Hoặc thấy có Bồ Tát  
Đồ ăn uống thượng hạng.  
Và trăm thứ thuốc thang  
Đem cúng Phật và Tăng  
Y tốt quần áo đẹp  
Tri giá ngàn vạn tiền.  
Hoặc là y vô giá  
Đem cúng Phật và Tăng.  
Dùng ngàn vạn ước thứ  
Nhà báu bằng chiên đàn  
Các giường nệm tốt đẹp  
Dâng cúng Phật và Tăng.  
Vườn rừng rất thanh tịnh  
Hoa quả đều sum sê  
Có suối chảy ao tắm

**Cúng dường Phật và Tăng.  
Như thế đều bố thí  
Đủ thứ đồ tốt đẹp  
Vui vẻ chẳng nhàm chán  
Đề cầu vô thượng đạo.**

Lại thấy có đệ tử của Phật, chuyên tâm nhất chí tu pháp môn nhẫn nhục. Nhẫn nhục đối trị được sân hận, cho nên nhẫn thọ được tất cả chửi mắng đánh đập, cho đến quán tất cả cảnh thuận nghịch cũng đều an nhiên tự tại. Những người tu hành dùng tìm tội sự nhẫn nhục của người khác sâu hay cạn, mà phóng túng sự tu hành của mình.

"Bị kẻ tăng thượng mạn." Là chỉ những người kiêu ngạo trong tâm mắt chẳng thấy có ai. Kẻ kiêu ngạo không những sẽ bị bại, mà cũng là hành vi ngu si nhất. Vì sao ? Đức Phật là bậc Đại giác, Ngài dùng hiểu thuận, bình đẳng và từ bi, để đối đãi với tất cả chúng sinh, vì Ngài đều thấy đều biết tất cả chúng sinh, đều có thể thành Phật, đều làm cha mẹ của mình trong quá khứ.

Bậc đại giác ngộ còn chẳng kiêu ngạo, hà huống là phàm phu chúng ta ! Cho nên chỉ có người ngu mới khởi tâm kiêu mạn mà khinh khi người khác.

Lại thấy người chẳng cười nói câu thả, và xa lìa quyến thuộc ngu si : Tâm sân là vô minh chẳng hiểu nhân quả. Sự nóng giận có hại cho thân nhất, cũng khiến

cho người mất đi lý trí, mà phạm đủ thứ lỗi lầm, và rất nhiều tội ác phát sinh, cho đến giết người, đều do một niệm sân khởi lên, cho nên sân là đáng sợ nhất, khiến cho người tạo ra những hành vi ngu si, và mười điều ác, năm tội ngũ nghịch, đủ thứ tội mà gieo xuống nhân địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh. "Gần gũi bậc trí huệ." : Nếu cải ác hướng thiện, gần gũi thiện tri thức, thì từ từ sẽ thay đổi trong sự ẩn tàng, trừ khử tập khí ác, bỏ tà theo chánh, đó là gần mực thì đen, gần đèn thì sáng. Như hiện nay tại Vạn Phật Thành, mỗi ngày đều có pháp hội, đó tức là gần gũi bậc trí huệ, vì nghe nhiều Phật pháp, thì khiến cho trí huệ của con người tăng trưởng.

Nếu nhất tâm trừ loạn, thì trừ khử được tham cái. Không tham thì tự nhiên chẳng phạm ngũ giới thập thiện. Tham sẽ khiến cho người đụng việc thì hôn mê, ràng buộc tâm mà chướng ngại đạo nghiệp. Rõ là người thế gian nhiều tham dục, vì lợi mà quên mình, suốt ngày vì kiếm tiền mà bất chấp thủ đoạn, chẳng nhận lục thân quyến thuộc, tổn người lợi mình. Những nghiệp ác này chẳng những hại người, cũng thương hại đến tự tánh của chính mình, làm cho trí huệ vốn có bị che lấp, mà gây tạo ra biết bao tội lỗi. Cho nên, chỉ có đoạn trừ tâm tham dục, thì mới khiến cho tự tính quang minh hiển hiện.

"Nhiếp niệm ở núi rừng." : Mười pháp giới không lìa một tâm niệm. Thiên đường, địa ngục hoặc nhân gian, chẳng lìa niệm hiện tại này. Cho nên muốn thành Phật, Bồ Tát, A La Hán, đều do một niệm này sinh ra. Một

niệm của con người, tuy đạt được một vạn tám ngàn dặm, nhưng hoàn toàn chẳng có quang minh, chỉ có tướng luồng hào quang trắng của đức Phật, thông đạt được một vạn tám ngàn dặm, và còn thấy biết hết vạn sự vạn vật tận hư không viên dung vô ngại. Nhiếp niệm tức là thu hồi tâm tán loạn lại, mà an trụ tại một niệm, đó là pháp môn lấy độc trị độc. Buông xả vạn duyên, chỉ tồn tại một niệm, tốt nhất là đạt được cảnh giới vô niệm, thì đại giác Phật tính viên minh tự nhiên sẽ hiện tiền. Cho nên, nhiếp niệm ở núi rừng, là trừ khử thù cái (ngủ). Thù cái là chướng ngại cho người tu hành, vì ở trong mộng chẳng dễ gì trị giới, tự nhiên sẽ bị cảnh mộng lay chuyển, mà ma vương thích nhất là nhiễu loạn định lực của người tu hành ở trong mộng, khiến cho họ phạm giới mà khởi tâm niệm tham, sân, si, mà che lấp tự tánh. Do đó, Bồ Tát này xả bỏ được ba độc, và ngũ dục vô minh phiền não, mà yên tâm tu đạo, vĩnh viễn không thoái chuyển.

Lại thấy Bồ Tát dùng thức ăn thượng hạng, y áo, giường nệm và thuốc thang, hoặc nhà báu bằng gỗ chiên đàn, vườn rừng thanh tịnh, hoa quả sum sê, suối chảy ao tắm .v.v., hàng ngàn vạn thứ, đem bố thí cúng dường Phật Pháp Tăng.

**Lại thấy có Bồ Tát**  
**Đang nói pháp tịch diệt**  
**Đủ thứ sự giáo hóa**

**Độ vô số chúng sinh.  
Hoặc thấy có Bồ Tát  
Quán sát các pháp tánh  
Đều chẳng có hai tướng  
Giống như là hư không.  
Lại thấy có Phật tử  
Tâm chẳng có chấp trước  
Lấy đó làm diệu huệ  
Cầu chứng vô thượng đạo.**

Hoặc thấy Bồ Tát đang nói pháp tịch diệt. Pháp tịch diệt vốn không thể nói ra, nhưng vì lòng từ bi, dùng đủ thủ pháp phương tiện để giáo hóa vô số chúng sinh. Hoặc thấy có Bồ Tát, dùng trí huệ quán sát, thể tính của các pháp, không hình không tướng, chẳng dài ngắn vuông tròn, cũng chẳng xanh vàng đỏ trắng đen .v.v., giống như hư không, gì cũng chẳng có, nhưng tất cả hình tướng lại chẳng lìa khỏi hư không mà có. Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Nếu đào đất ra một thước, thì có một thước hư không, nếu đào một trượng thì có một trượng hư không. Nhưng trước khi chưa đào cũng có một thước hư không như thế, chưa từng có tăng giảm. Do đó, tuy có hình tướng nhưng hình tướng chẳng thể bao hàm

hư không, mà hư không bao hàm hết tất cả hình tướng. Do đó có câu :

"Tự tánh như hư không,  
Chân vọng đều trong đó."

Chân không chẳng ngại diêu hữu, diêu hữu chẳng ngại chân không. Trong Chúng Đạo Ca của Đại sư Vĩnh Gia có nói :

"Chân bất lập, vọng bốn không,  
Hữu vô câu di bất không không."

Các pháp vốn chẳng phân biệt thật giả, sự phân biệt này dựa trên danh tướng, chỉ bất quá tâm chúng sinh phân biệt đang tác quái. Cho nên tự tánh vốn không, tức cũng là thật tướng của các pháp. Song, nếu nói như thế thì có những người chẳng minh bạch ! Gì cũng đều chẳng có, vậy tôi chẳng phải là không chăng ? Gì cũng đều chẳng có mới là thật có. Nếu chẳng có quái ngại, chẳng chấp trước thì tất cả sơn hà đại địa, cho đến sâm la vạn tượng, chẳng có một vật nào mà chẳng bao hàm ở trong tự tánh của bạn. Nhưng nếu còn tồn tại một tơ hào chấp trước quái ngại, thì không thể thừa thọ pháp vi diệu thù thắng này, bằng không bạn sẽ là một pháp tài vĩ sĩ, tận hư không khắp pháp giới, đều bao hàm ở trong tự tánh. Cho nên, ngộ triệt bốn lai thể, một thông tất cả đều thông, ba thân, bốn trí, năm nhãn, sáu thông, đều là của báu trong nhà vốn có, hà tất tìm cầu bên ngoài ? Do đó, hiện tại tôi

nói pháp mà chẳng có một pháp để nói, mà bạn cũng chẳng có một pháp để nghe, đó mới là Bát nhã diệu huệ chân chánh !

Lại thấy có Phật tử, con của đấng Pháp Vương, tâm nơi các duyên mà chẳng chấp trước, cho nên trí huệ và tự tính quang minh hiển hiện. Nếu chẳng buông xả được bất cứ vật gì, xả bỏ chẳng sạch, thì đừng nói đến thành Phật, dù diệu huệ cũng chẳng có. Do đó, người tu hành chân chính, nhất là đệ tử xuất gia, nên đừng chấp trước vào bất cứ vật gì, tức là :

"Lạnh chết chẳng van xin,  
Đói chết chẳng cầu xin,  
Nghèo chết chẳng cầu cạnh,  
Tùy duyên chẳng thay đổi,  
Chẳng thay đổi mà tùy duyên,  
Xả thân làm Phật sự,  
Tạo mạng là việc chánh,  
Nuôi mạng chân chánh, làm việc Tăng,  
Thấu việc rõ lý, rõ lý thấu việc.

Dùng Bát nhã diệu huệ này, hoàng pháp lợi sinh, thấp nổi đèn sáng Phật pháp, đừng để cho mạng pháp tồn tại, chỉ để cho chánh pháp tồn tại lâu dài, bằng không thì người xuất gia chỉ làm những chuyện viển vông mà chẳng tu hành, chẳng làm việc Tăng, hoặc thân tâm nhiễm trước công danh lợi dưỡng. Trong Kinh Lăng Nghiêm có nói



ràng : "Thế nào là kẻ tặc, là kẻ giả y phục của ta, làm bại hoại Như Lai, tạo ra đủ thứ nghiệp, đều nói lời Phật pháp, mà chẳng phải xuất gia, đây đủ giới Tỳ Kheo, mà vì đạo tiểu thừa, là do nghi ngờ lầm lẫn, vô lượng chúng sinh, đọa vào ngục vô gián." Người xuất gia, nếu chẳng tinh tấn tu tập thiền định, tụng Kinh trì Chú, giữ gìn giới luật, mà nương vào Phật ăn cơm mặc áo, tất sẽ đọa vào tam đồ. Người xưa nói rằng :

"Hột gạo thí chủ cho,  
Nặng như núi Tu Di,  
Ăn xong chẳng tu đạo,  
Mang sừng đội lông trả."

Những người tu hành, phải quý trọng giới luật. Trong Kinh Phạm Võng nói rằng : "Nếu Phật tử tín tâm xuất gia, thọ chánh giới của Phật, nếu khởi tâm phạm giới, thì không được thọ tất cả sự cúng dường của tín thí, cũng chẳng được đi trên đất của quốc vương, chẳng được uống nước của quốc vương, năm ngàn đại quý thường che ở trước họ nói là đại tặc. Nếu vào trong phòng xá thành ấp, thì quý lại quét dấu chân của họ, tất cả người thế tục đều mắng rằng : ‘Tặc ở trong Phật pháp’ ! Tất cả chúng sinh đều chẳng muốn nhìn. Người phạm giới giống như súc sinh chẳng khác, như khúc gỗ chẳng khác. Nếu người cố ý phạm giới, thì phạm khinh cấu tội." Đoạn văn này nói về giới này, đủ mượn làm gương cho chúng ta.

Tông chỉ của tôi lập ra là :

Dù rét chết chẳng van xin,  
Dù đói chết chẳng cầu xin,  
Dù nghèo chết chẳng cầu cạnh.

Cho nên năm đầu tiên tôi đến Hương Cảng, do Quách Khoang Bồ giới thiệu ở trong động Quan Âm núi Phù Dung. Ở trong đó, ngoài bốn vách tường ra, chẳng có cái gì hết, mà còn rất ẩm ướt, tôi ngồi thiền ở trên mặt tấm đá bằng trơn. Ba ngày sau đôi chân bắt đầu tê dại, khó chịu đựng vô cùng, tưởng đâu sẽ thối tâm, nhưng nghĩ lại, thà tu hành mà chết, chứ chẳng trộm đồ của họ mà sống, hưởng gì họ có ý tốt giới thiệu, sao lại bỏ dở giữa chừng ? Do đó, nán ở lại nửa tháng nữa, đôi chân đã khô phục lại bình thường. Mỗi ngày đều xuống núi, đến Trúc Lâm Thiền Tự khát thực. Vì trong động đá quá ẩm ướt, trở ngại cho sự tu hành. Một năm sau tôi làm túp lều tranh nhỏ ở ngoài động, khiến cho vị sư ở gần đó đố kỵ. Ông ta cứ bóp méo sự thật, nói tôi có khả năng làm lều tranh, thì cũng có khả năng lo việc ăn uống. Do đó, ông ta xúi giục vị trụ trì Trúc Lâm Thiền Tự dùng cho tôi thức ăn nữa. Chẳng có cơm ăn càng tốt ! Tôi bế quan dụng công ngồi thiền cả mấy ngày chưa cảm thấy đói, thì có nữ cư sĩ Quỳnh Khoang Thắng, vì chân của bà ta bị chó dữ cắn bị thương, đã lâu mà chẳng lành, thuốc men đã hết cách, cầu đảo cũng chẳng linh. Trong lúc bàng hoàng lo lắng cả mấy ngày, thì một đêm nọ bà nằm mộng thấy Bồ

Tát Vi Đà nói với bà rằng : "Nếu muốn hết bệnh thì hãy cúng dường vị pháp sư An Từ ở tại động Quan Âm, và hiện tướng mạo ra cho ba ta thấy". Bà ta hoan hỉ vô cùng, bèn chuẩn bị đồ cúng dường mang đến động Quan Âm. Ai biết vị sư ở gần đó, thấy trai chủ họ đến thì đi trước ra nghinh tiếp, và tự xưng là trụ trì, muốn những đồ vật của thí chủ. Nhưng bà Quỳnh Khoan Thắng nói : "Chẳng phải là người mà bà ta gặp ở trong mộng, kiên quyết không cho". Do đó, hai người khởi sự tranh chấp ồn ào. Tôi bèn ra khỏi động, bà ta liền thấy tôi, thì lập tức nhận ra và nói vị này mới là pháp sư An Từ, rồi đem toàn bộ thực phẩm đưa cho tôi. Tôi bèn chia ra một nửa đưa cho vị sư kia, song ông ta chẳng vừa lòng, phần nộ nói với bà ta rằng : "Lần sau bà đến đây, thì phải đưa hết thực phẩm cúng dường cho tôi !" Bà Quỳnh Khoan Thắng chân bỗng nhiên hết bệnh, thì tin tức truyền đi, có rất nhiều trai chủ đến, mỗi lần tôi cũng đều chia một nửa cho vị sư kia, nhưng vẫn chẳng giảm bớt việc ông ta coi tôi như kẻ thù, và đủ thứ phá hoại phỉ báng tôi.

Chẳng bao lâu, tôi dọn đến vùng đất hoang ở hòn đảo Lan Tao, thành lập chùa Tây Lạc Viên rồi, thì bỗng nhiên có mạch nước tự đến, còn tự thành ao nước, chẳng bao giờ khô cạn. Và nghe nói mạch nước ở động Quan Âm mà tôi đã từng ở qua, đột nhiên khô cạn. Cho nên rất nhiều người cho rằng đó là chuyện lạ và còn cho rằng tôi dời mạch nước đó đi.

Người xuất gia nếu chẳng cầu danh văn lợi dưỡng, tùy duyên chẳng đổi, chẳng thay đổi mà tùy duyên, thọ trì giới Phật, thành tựu oai nghi, nghiêm tịnh Tỳ ni, hồng phạm tam giới, thì tự nhiên trời, rồng, loài người đều cung kính cúng dường, mười phương chư Phật Bồ Tát đều hộ trì, hoan hỉ tán thán, đó mới là hành vi đại trọng phu đầu đội trời chân đạp đất, chẳng mất bốn sắc của Tăng Bảo vậy.

**Ngài Văn Thù Sư Lợi !  
Lại thấy có Bồ Tát  
Khi Phật diệt độ rồi  
Cúng dường Phật xá lợi.  
Lại thấy có Phật tử  
Tạo dựng các chùa tháp  
Nhiều vô số Hằng sa  
Nghiêm sức khắp cõi nước.  
Bảo tháp rất cao đẹp  
Đến năm ngàn do tuần  
Bề ngang rộng đồng nhau  
Dài hai ngàn do tuần.  
Tại mỗi mỗi chùa tháp  
Đều có ngàn tràng phan**

**Màn châu xen thông xuống  
Linh báu đều hòa reo.  
Hết thấy trời rộng thân  
Người và chẳng phải người  
Hưởng hoa và âm nhạc  
Thưởng mang đến cúng dường.**

Ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, tôi lại thấy những vị Bồ Tát, sau khi Phật diệt độ rồi, cúng dường xá lợi của Phật. Cúng dường xá lợi cũng đồng như cúng dường Tam Bảo, đồng như cúng dường Phật không khác. Nhưng phải dùng chân tâm, chứ chẳng phải dùng tâm ô nhiễm để cúng dường. Tâm mà có sở cầu, có sự mong muốn thì tâm chẳng được thanh tịnh. Hãy coi sự cúng dường bố thí là trọng trách của mình, đó gọi là báo ân Phật Pháp Tăng Tam Bảo. Nếu chẳng có Tam Bảo thành trì chánh pháp tồn tại, thì ma vương sẽ hiện ra đời, tức cũng là ngày thế giới hủy diệt. Do đó, mỗi ngày trước khi ăn cơm hãy quán như thế này, nếu chẳng cúng dường Tam Bảo thì cơm ăn khó tiêu. Nói là pháp, tu là đạo, nên phước huệ song tu. Bây giờ chẳng cúng dường Tam Bảo, tương lai thành A La Hán rồi, cũng ôm bát không, chẳng có ai cúng dường. Cúng dường Tam Bảo là tu phước, ấn tống Kinh điển, tuyên dương Phật pháp là tu huệ.

Lại thấy có Phật tử tạo vô số chùa tháp nhiều như số cát sông Hằng nghiêm túc khắp cõi nước. Tháp để cúng dường xá lợi, chùa cúng dường tượng Phật.

Có câu chuyện này quan hệ tới bảo tháp : Khi Đức Phật còn tại thế, thì có một người tướng rất quái dị. Một số người cao khoảng hơn năm thước, vai thì rộng hai thước, nhưng ông ta thì ngược lại, thân cao hai thước rưỡi, mà vai rộng năm thước. Tuy ông ta thân hình quái dị như cái nồi đen, nhưng lại có giọng ca tiếng trong trẻo như tiếng khánh, tiếng đại hồng chung. Do người này quả báo đặc thù, đưa đến đồ chúng nghi hoặc mà thưa hỏi Đức Phật. Đức Phật bèn cười nói : người này trong quá khứ vô lượng kiếp về trước, đã từng làm đệ tử của Phật, thấy người muốn tạo bảo tháp cao đẹp, nên tâm có ý ghen mà phê bình nói : "Hà tất phải làm cao như thế ! Cao quá thì đỉnh tháp đâu có thấy được ! Bất quá, tôi có cái chuông nhỏ (cái linh) treo ở đỉnh tháp, thì tôi bố thí cái đó !" Chỉ vì tâm có ác ý nói một câu : "Đừng làm cao quá..." Do đó, ông ta đời đời kiếp kiếp đều cao chẳng quá ba thước. Nhưng vì ông ta có tâm thiện bố thí cái linh, cho nên được quả báo âm thanh như đại hồng chung. Do đó phiền não chỉ vì nói nhiều những lời vô ích.

Muốn biết đời trước mình làm gì, hãy xem đời này mình có được những gì, muốn biết đời sau ra sao, hãy xem đời này mình làm những gì. Trồng nhân gì thì kết quả đó. Nếu phát được đại Bồ đề tâm, tu bố thí công đức, thì tương lai phước đức cũng vô lượng vô biên.

Tạo dựng bảo tháp cao đẹp trang nghiêm cõi nước, mỗi bảo tháp treo ngàn tràng báu phan báu, dùng châu làm màn lưới bảo tháp. Gió thổi động linh báu vang ra âm thanh hoà nhã vi diệu, đều là đồ trang nghiêm cúng Phật tối thắng. Các vị trời, rồng, thần, người, chẳng phải người, thường mang hương hoa âm nhạc đến cúng dường.

**Ngài Văn Thù Sư Lợi !**

**Các vị Phật tử kia**

**Vì cúng dường xá lợi**

**Trang nghiêm đẹp chùa tháp.**

**Khắp cõi nước tự nhiên**

**Đẹp đẽ tốt lạ thường**

**Như cây Thiên thụ vương**

**Hoa nở khắp hết thảy.**

**Phật phóng luồng hào quang**

**Tôi và cả chúng hội**

**Thấy khắp cõi nước đó**

**Đủ thứ sự thù diệu.**

**Sức thần thông chư Phật**

**Trí huệ rất hi hữu**

**Phóng một luồng tịnh quang**

**Chiếu khắp vô lượng cõi.  
Chúng ta thấy như vậy  
Thật là chưa từng có  
Mong Phật tử Văn Thù  
Giải quyết nghi của chúng.  
Bốn chúng đều trông mong  
Nhìn Ngài và nhìn tôi  
Thế Tôn vì cớ gì ?  
Phóng luồng quang minh này !  
Phật tử hãy giải đáp  
Dứt nghi cho chúng mừng  
Có những lợi ích gì ?  
Về việc quang minh đó !  
Phật ngồi tại đạo tràng  
Đắc được pháp thâm diệu  
Vì muốn nói pháp đó  
Hay là sẽ thọ ký !  
Hiện bày các cõi Phật  
Các báu đều nghiêm tịnh  
Và thấy các đức Phật  
Đây chẳng phải duyên nhỏ.**



**Ngài Văn Thù nên biết !  
Bốn chúng trời, rồng, thần  
Thấy đều nhìn trông Ngài  
Vì sẽ nói những gì ?**

Ngài Bồ Tát Văn Thù, các vị Phật tử kia tạo chùa tháp để cúng dường xá lợi và tượng Phật, trang nghiêm xứ sở, khiến cho cảnh giới đẹp của nước này, tự nhiên trở thành thù thắng tốt đẹp. Cây Thiên thụ vương tức là cây Ba Lợi Chất Đa, mọc ở trong vườn của trời Đế Thích, nhánh lá che khắp năm mươi do tuần. Đây là dụ cho sự nghiêm sức tháp chùa, như hoa của cây này nở.

Đức Phật phóng ra luồng hào quang trắng, khiến cho chúng ta thấy được trí huệ và thần thông hi hữu của chư Phật, trong một vạn tám ngàn cõi. Cảnh giới thù thắng này, thật là ít thấy, do đó chắc có nhân duyên lớn, cho nên Đức Phật thị hiện tướng điềm tốt này, là muốn vì đại chúng nói diệu pháp vô thượng, hay là vì đại chúng thọ ký bồ đề ? Tôi và bốn chúng : Thiên Long bát bộ .v.v., đều mong cầu Bồ Tát Văn Thù vì chúng tôi mà giải trừ lòng nghi ngờ. Đại chúng đều nhìn Ngài và nhìn tôi đều muốn biết Phật sẽ nói những gì ?

**Bấy giờ, Ngài Văn Thù Sư Lợi nói với  
đại Bồ Tát Di Lạc và các Đại sĩ. Các thiện**

**nam tử ! Theo sự nghĩ của tôi, nay Đức Phật Thế Tôn muốn nói pháp lớn, đánh trống pháp lớn, diễn nói pháp nghĩa lớn.**

**Các thiện nam tử ! Tôi ở chỗ chư Phật trong quá khứ, đã từng thấy diêm lành này, sau khi đức Phật phóng quang minh rồi sẽ nói pháp lớn.**

Đương lúc đó, Bồ Tát Văn Thù nghe lời này xong, thì vì Bồ Tát Di Lạc và các đại chúng nói : Theo Kinh nghiệm của tôi trong quá khứ, phàm là Phật phóng thứ quang minh này, tức sẽ nói pháp đại thừa, như mưa lớn thấm nhuần chúng sinh, thổi pháp loa lớn, để hiệu triệu tất cả chúng sinh, đánh trống pháp lớn, để thức tỉnh mê mộng.

**Do đó, sẽ biết chắc hôm nay Đức Phật, hiện quang minh cũng lại như thế, muốn khiến cho chúng sinh đều được nghe biết pháp, mà tất cả thế gian rất khó tin, cho nên thị hiện tướng diêm lành.**

**Các thiện nam tử ! Vào thuở quá khứ vô lượng vô biên bất khả tư nghì A tăng**

**kỳ kiếp, lúc đó có đức Phật hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai, ứng cúng, chánh biến tri, minh hạnh túc, thiện thế thế gian giải, vô thượng sĩ, điều ngự trượng phu, thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn.**

Cho nên, hiện nay Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hiện ra quang minh cũng lại như thế. Đức Phật trước nói tam tạng giáo lý, Kinh điển tiểu thừa, nông cạn dễ hiểu, sau thị hiện tướng quang minh điamond lạnh, khiến cho chúng sinh thật hiểu biết pháp môn viên đốn mà tất cả thế gian, tam giới đều khó tin, sau đó mà vì đại chúng giải nói diệu nghĩa, khiến cho nhập vào trí huệ của Phật.

Các thiện nam tử ! ví như : Trong quá khứ bất khả tư nghì vô lượng kiếp, có một vị cổ Phật hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai. Nhật là biểu thị huệ quang phá đêm dài của trời, người, chiếu sáng sự tối tăm của vũ trụ. Nguyệt là biểu thị định lực. Đăng là biểu thị giới trí. Cho nên giới, định, huệ viên mãn đầy đủ.

Tất cả chư Phật đều có tên chung và tên riêng. Nhật Nguyệt Đăng Minh là tên riêng. Như Lai cho đến Thế Tôn mười danh hiệu này, là tên chung của chư Phật. Danh hiệu của mỗi một vị Phật vốn có một vạn, biểu thị vạn đức trang nghiêm, nhưng sức trí nhớ của con người hạn hẹp, căn cơ ám độn, cho nên bớt đi còn năm ngàn, rồi còn

một ngàn, một trăm, cuối cùng thì cố định mười danh hiệu, làm thông hiệu cho chư Phật, nay lược giải như sau.

**Như Lai** : Tức là Phật. Như là bất biến, tĩnh. Lai là tùy duyên, động. Động tĩnh nhất như, hổ tương vô ngại. Kinh Bát Nhã nói rằng : Chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, đây tức là pháp thân Như Lai không sinh không diệt. Trong Thành Thật Luận nói rằng : Thừa như thật đạo, lai thành chánh giác, đây tức có sinh có diệt, ứng thân Như Lai vậy.

**Ứng Cúng** : Như Lai Thế Tôn đây đủ vạn đức, đáng thọ nhận trời, người cúng dường.

**Chánh Biến Tri** : Biết một niệm hiện tiền, sinh ra vạn pháp, gọi là chánh tri. Biết vạn pháp chẳng lìa một tâm niệm là biến tri. Cho nên gọi là Chánh biến tri.

**Minh Hạnh Túc** : Phước đức, trí huệ cả hai đều đầy đủ.

**Thiện Thệ** : Đi đến chỗ tốt nhất, tức từ chỗ mê mà đến nơi trí địa.

**Thế Gian Giải** : Khéo hiểu pháp thế gian và xuất thế gian.

**Vô Thượng Sĩ** : Chư Bồ Tát chưa sạch vô minh thì còn có Phật ở trên, gọi là hữu thượng sĩ, chúng tột Như Lai gọi là Vô Thượng Sĩ.

**Điều Ngự Trượng Phu** : Điều là có uy đức cho nên chúng sinh cung kính mà điều phục được. Ngự là dùng pháp thiện xảo phương tiện nhiếp thọ tất cả chúng

sinh. Phật là đại trượng phu điều ngự được tất cả chúng sinh.

**Thiên Nhân Sư** : Đạo Sư của trời và người.

**Phật** : Nói đủ là Phật Đà Gia, nghĩa là tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn. Phàm phu bị vây hãm ở trong lò lửa tam giới, kham nhẫn biển khổ, chẳng muốn lìa khỏi, nên gọi là không giác. A La Hán biết được sự nóng bức, mà muốn thoát khỏi tam giới tự giác được, còn Bồ Tát không những tự giác mà cũng giác tha, độ thoát chúng sinh tội khổ nhưng chưa giác ngộ viên mãn, chỉ có Đức Phật đã tự giác, giác tha và giác hạnh cũng viên mãn. Cho nên Phật là bậc đại giác viên mãn nhất.

**Thế Tôn** : Là bậc được trời, người, Thánh Hiền của thế gian và xuất thế gian tôn kính.

**Diễn nói chánh pháp, ban đầu, giữa, sau cùng đều lành, nghĩa lý rất thâm sâu, lời lẽ khéo léo vi diệu, thuần nhất chẳng hỗn tạp, đầy đủ tướng phạm hạnh thanh tịnh.**

"Diễn nói chánh pháp" : Pháp quyền xảo phương tiện, vì người thí giáo, cho nên chẳng nhất định. Với người căn tính sâu dày, thì nói pháp tự tính bản thể ; vì người căn cơ bậc trung, thì nói pháp luân lý cho đến khoa học luân hồi ; còn đối với người chẳng hiểu biết, thì nói

pháp nghiệp lực luật nhân quả. Diễn nói Phật pháp ngoài sự kế cơ kế lý, cũng phải dung khai và hợp. Khai được mà chẳng hợp thì có bắt đầu chẳng có kết thúc ; hợp được mà chẳng khai được, thì có kết thúc chẳng có bắt đầu, cũng phải tùy cơ ứng biến.

Từ khi Đức Phật bắt đầu phát tâm, xuất gia tu đạo bồ đề gọi là sơ thiện (ban đầu lành), tu khổ hạnh, bố thí nội tài, bố thí ngoại tài ; ngoại tài là : ngôi vua, vợ con ; nội tài là : đầu, mắt, tủy, não, thậm chí vì chúng sinh mà xả bỏ tính mạng, tức gọi là trung thiện (giữ lành). Đức Phật thuyết pháp giáo hóa chúng sinh bốn mươi chín năm, giảng Kinh hơn ba trăm hội, cho đến nhập Niết Bàn, là hậu thiện (sau cùng lành). Đức Phật ở trong ba đại A Tăng Kỳ kiếp tu hành. Kiếp thứ nhất tu công đức là sơ thiện, kiếp thứ hai tu công đức là trung thiện, kiếp thứ ba tu công đức là hậu thiện. Sơ, trung, hậu, là quá trình tu hành, có bản có tế. Bản (gốc) tức là lúc ban đầu phát bồ đề tâm ; tế là thị hiện đủ thứ pháp môn sở tu. Nghĩa lý của pháp từ đầu đến cuối rất sâu xa, lời lẽ khéo léo vi diệu, thuần một pháp môn viên đốn, khiến cho người thích nghe, đầy đủ tướng thanh tịnh. Đầy đủ nghĩa là chẳng thiếu chẳng thừa. Thuần nhất chẳng hỗn tạp, là nhất thừa thuần tịnh, chẳng hai, chẳng ba.

**Vì người cầu Thanh Văn thì nói pháp  
bốn Diệu Đế, độ : sinh, già, bệnh, chết,**

## **đắc được cứu kính Niết Bàn. Vì người cầu Bích Chi Phật, thì nói pháp mười hai Nhân Duyên.**

Thanh Văn, Duyên Giác là pháp tiểu thừa, tức là bậc sơ học của Phật giáo. Thanh Văn tức là nghe âm thanh của Phật mà ngộ đạo. Sau khi Phật thành đạo rồi, đầu tiên độ năm vị Tỳ Kheo, nói về pháp bốn Thánh Đế thì có thể độ : sinh, già, bệnh, chết, đắc được cứu kính Niết Bàn, thường, lạc, ngã, tịnh, cứu kính thoát khỏi khổ quả trong tam giới. Đức Phật vì hàng Thanh Văn đệ tử nói pháp bốn Diệu Đế, Phương Đẳng cho đến Kinh Niết Bàn, từ cạn vào sâu, từ nhỏ đến lớn, thứ tự nhập vào pháp môn đại thừa diệu nghĩa.

Mười hai Nhân Duyên lại gọi là mười hai chi, tức cũng bao hàm nghĩa lý bốn Thánh Đế.

- ◇ Vô minh, hành là chi năng dẫn ;
- ◇ Thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ là chi sơ dẫn ;
- ◇ Ái, thủ, hữu là chi năng sinh ;
- ◇ Sinh, lão tử là chi sở sinh.
  
- ◇ Sở dẫn, sở sinh tức khổ đế,
- ◇ Năng dẫn, năng sinh tức tập đế,
  
- ◇ Vô minh diệt rồi, đến lão tử diệt là diệt đế,
- ◇ Quán nhân duyên trí thức là đạo đế.

Thanh Văn căn cơ chậm lụt, cho nên tổng tướng nói pháp bốn Đế, còn Bích Chi Phật căn cơ lanh lợi hơn, cho nên nói pháp Nhân Duyên. Người tu Bích Chi Phật sinh vào lúc có Đức Phật tại thế, thì gọi là Duyên Giác. Nếu người tu hành vào lúc chẳng có Phật tại thế, quán mười hai Nhân Duyên mà ngộ đạo gọi là Độc Giác. Do đó :

Vạn vật tinh quán giai tự đắc,  
Tú thời giai khánh dữ nhân đồng.

Những người này tu hành ở trong thâm sơn cùng cốc, tinh tâm quán sát, thấy mùa xuân vạn vật đều tươi tốt, biết thế sự vô thường, một ngày trôi qua mạng cũng giảm dần, cho nên càng tinh tấn, như cứu đầu lửa cháy. Do khéo tư duy pháp mười hai Nhân Duyên, khoát nhiên khai ngộ, biết thân thể này là chín lỗ thường chảy ra vật nhơ nhớp, cuối cùng quy về lão hủ, lúc đó ngộ :

Các hành vô thường,  
Là pháp sinh diệt,  
Sinh diệt rồi,  
Tịch diệt là vui !

**Vì các Bồ Tát thì nói sáu Ba la mật, khiến cho đắc được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thành Nhất thiết chủng trí.**



Hành Bồ Tát đạo tức tự lợi lợi tha, xả mình vì người. Vì cứu độ giáo hóa chúng sinh, mà nguyện vào địa ngục, khiến cho chúng sinh tội khổ, phát bồ đề tâm mà thoát khỏi tam đồ. Chúng sinh khó độ, cho nên Bồ Tát luôn luôn lặn lội bồn ba, không từ khổ nhọc ứng thân vô lượng, cứu độ tất cả chúng sinh khó điều khó phục, từ biển khổ sinh tử đến bờ bồ đề Niết Bàn. Hành lục độ hạnh môn này, lập công lập đức, như cứu tự tánh chúng sinh, do đó : "Chúng sinh độ tận mới chúng bồ đề". "Thành nhất thiết chủng trí" : Nói về trí có ba : Nhất thiết trí, là không trí vậy ; Đạo chủng trí, là giả trí vậy ; Nhất thiết chủng trí, là không giả chẳng hai, trung đạo liễu nghĩa, ba trí viên dung. Sáu Ba La Mật nghĩa là đến bờ kia, tức là tu : bố thí, trí giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ, sáu phạm hạnh.

**Lại có vị Phật cũng hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh. Lại có vị Phật nữa cũng hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh. Như thế gồm có hai vị Phật đều đồng hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh và đồng một họ là Phả La Đa.**

Vị Phật đầu tiên cho đến hai vị Phật đều đồng danh hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai, họ là Phả

La Đọa, nghĩa là "tiệp tập", "lợi căn" hoặc "mãn ngữ" ba nghĩa. 1. Tiệp tập : rất mau thành Phật. 2. Lợi căn : có đại trí huệ vì tu đủ thú hạnh môn, học tập Kinh điển, đọc tụng pháp đại thừa. 3. Mãn ngữ : pháp nói ra đều viên mãn vô ngại.

**Ngài Di Lặc nên biết ! Đức Phật đầu tiên, Đức Phật sau cùng đều đồng danh hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh, đầy đủ mười hiệu, pháp nói ra trước giữa sau đều lành. Vị Phật cuối cùng khi chưa xuất gia, có tám vị vương tử. Vị thứ nhất tên là Hữu Ý, vị thứ hai tên là Thiện Ý, vị thứ ba tên là Vô Lượng Ý, vị thứ tư tên là Bảo Ý, vị thứ năm tên là Tăng Ý, vị thứ sáu tên là Trừ Nghi Ý, vị thứ bảy tên là Tưởng Ý, vị thứ tám tên là Pháp Ý. Tám vị vương tử này đều có oai đức tự tại, mỗi vị đều thống lãnh bốn thiên hạ. Khi nghe vua cha xuất gia đắc được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thấy đều xả bỏ ngôi vua cũng theo xuất gia, phát tâm đại thừa, thường**

## **tu phạm hạnh, đều làm pháp sư, đều đã trông gốc căn lành nơi ngàn vạn vị Phật.**

Bồ Tát Văn Thù nói với Bồ Tát Vô Năng Thắng, hai vạn vị Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh này, diễn nói pháp trước giữa sau đều lành. Vị Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh cuối cùng khi chưa xuất gia đã từng làm vua, có tám vị vương tử. 1. Tên Hữu Ý : nghĩa là có tư tưởng đại thừa. 2. Tên Thiện Ý : khéo phát tâm bồ đề đại đạo. 3. Tên Vô Lượng Ý : có đại trí huệ, hiểu vô lượng nghĩa. 4. Tên Bảo Ý : thật phát tính minh, cầu của báu bên trong vốn có. 5. Tên Tăng Ý : tăng tu vô thượng bồ đề đại đạo. 6. Tên Trừ Nghi Ý : người tu đạo chớ nghi ngờ, nếu khởi tâm nghi ngờ thì sẽ mê đờ, do đó trừ nghi hoặc thì khiến cho trí huệ tăng thắng. 7. Tên Tướng Ý : tu pháp đại thừa biết pháp tính không, như không cốc dùng truyền thanh. 8. Tên Pháp Ý : hiểu pháp vi diệu thâm sâu vô thượng.

Tám vị vương tử này đều có oai nghi đức hạnh, mỗi vị thống lãnh bốn thiên hạ, khi nghe tin vua cha bỏ ngôi đi xuất gia, đắc được Vô thượng chánh đẳng chánh giác, thì cũng bỏ nước, bỏ vợ con xuất gia làm pháp sư đại thừa, phát bồ đề tâm, tu tập đủ thứ hạnh môn. Đây là nhân duyên căn lành đã từng cúng dường ngàn vạn vị Phật trong quá khứ. Phật thuở xưa có tám người con, hiện tại Phật Thích Ca có một người con, số tuy khác, nhưng đều

có con, một người con là biểu thị một đạo thanh tịnh, tám người con là biểu thị Bát Chánh Đạo vậy.

**Lúc đó, Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, nói Kinh đại thừa tên là Vô Lượng Nghĩa, pháp giáo hóa Bồ Tát, được Phật hộ niệm. Nói Kinh này rồi, liền ngồi kiết già, ở trong đại chúng nhập vào Tam muội Vô lượng nghĩa xứ, thân tâm đều bất động.**

**Lúc đó, trời mưa hoa Mạn đà la, hoa Ma ha mạn đà la, hoa Mạn thù sa, hoa Ma ha mạn thù sa, rải khắp ở trên đức Phật và các đại chúng. Khắp các thế giới của chư Phật đều có sáu thứ chấn động.**

**Lúc đó, ở trong chúng hội, hàng Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cử sĩ nam, cử sĩ nữ, trời, rồng, Dạ xoa, Càn thác bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, người, chẳng phải người, và các ông vua nhỏ, Chuyển luân thánh vương .v.v., các đại**

**chúng đều được chưa từng có, vui mừng  
chấp tay một lòng nhìn Phật.**

**Bấy giờ, đức Như Lai phóng tướng  
luồng hào quang trắng, giữa chặn mây  
chiếu khắp phương đông, một vạn tám  
ngàn cõi Phật, như những gì nay thấy là  
các cõi nước của chư Phật.**

Thuở xưa Phật cũng có bốn chúng, trời, rồng, tám  
bộ chúng, người, chẳng phải người, các ông vua nhỏ,  
Chuyển luân thánh vương .v.v., nói pháp đại thừa Bồ Tát  
vô lượng nghĩa. Nói Kinh xong rồi bèn ngồi kiết già, nhập  
vào Tam muội Vô lượng nghĩa xứ, hiện sáu tướng điềm  
lành nói pháp :

1. Điềm lành nói pháp.
2. Điềm lành nhập định.
3. Điềm lành mưa hoa.
4. Điềm lành chấn động.
5. Điềm lành chúng vui mừng.
6. Điềm lành phóng quang.

Đại Chúng thấy tướng điềm lành này đều đặc được  
chưa từng có, cho nên đều vui mừng, chấp tay lại một  
lòng chiêm ngưỡng Đức Phật.

**Ngài Di Lặc nên biết ! Lúc đó, trong chúng hội có hai mươi ức vị Bồ Tát thích muốn nghe pháp. Các vị Bồ Tát đó, thấy luồng quang minh chiếu khắp các cõi Phật, được chưa từng có, đều muốn biết quang minh đó, do nhân duyên gì, thì có vị Bồ Tát tên là Diệu Quang, có tám trăm vị đệ tử.**

**Lúc đó, Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh từ tam muội dậy, vì Bồ Tát Diệu Quang mà nói Kinh đại thừa tên là Diệu Pháp Liên Hoa, pháp giáo hóa Bồ Tát, được Phật hộ niệm.**

Bồ Tát Văn Thù nói với Bồ Tát Di Lặc : Vào thời Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, trong hội vô lượng nghĩa có hai mươi ức vị Bồ Tát, thấy luồng hào quang trắng của Phật cũng khởi nghi vấn, muốn biết nguyên nhân luồng quang minh này, cho nên cũng có vấn đáp, thì có Bồ Tát Diệu Quang, tức là tiền thân của Bồ Tát Văn Thù, có tám trăm vị đệ tử. Thuở xưa, Đức Phật xuất định rồi vì Bồ Tát Diệu Quang mà nói Kinh đại thừa tên là Diệu Pháp Liên Hoa, được Phật hộ niệm. Nay Đức Phật

xuất định rồi, pháp bất cô khởi. Khởi tất sẽ vì người, cho nên cũng vì Xá Lợi Phất mà nói Kinh này.

**Trải qua sáu mươi tiểu kiếp, không rời khỏi chỗ ngồi, những người ở trong hội nghe pháp cũng ngồi một chỗ, trải qua sáu mươi tiểu kiếp, thân tâm đều chẳng động, nghe Đức Phật nói pháp như bữa ăn trong chốc lát. Lúc đó, trong đại chúng chẳng có một người nào hoặc là thân hoặc là tâm sinh lười mỏi.**

Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, trải qua sáu mươi tiểu kiếp. Thuở xưa Phật nói pháp ở trong định, cho nên khiến cho người nghe cũng nhập định chuyên tâm, vì pháp mà chẳng cảm thấy thời gian dài, lúc đó sáu mươi tiểu kiếp tựa như thời gian khoảng một bữa ăn mà thôi. Sáu mươi tiểu kiếp dài bao lâu ? Nói dài mà chẳng dài, nói ngắn mà chẳng ngắn. Một kiếp là mười ba vạn chín ngàn sáu trăm năm. Một ngàn kiếp cộng lại làm một tiểu kiếp. Rõ là một niệm làm vạn kiếp, vạn kiếp tức là một niệm ; vạn kiếp không lia một niệm tâm, thời gian dài ngắn đều phân biệt tại tâm. Ở cõi trời Tứ Thiên Vương chỉ một ngày một đêm mà tại nhân gian là năm mươi năm ! Ở cõi trời Đao Lợi một

ngày một đêm thì ở nhân gian là một trăm năm. Đồng lý ấy ! Nếu người tu tập thiền định, chẳng khởi vọng tưởng, thì dù ngồi một ngày cũng chỉ cảm giác khoảng vài giây đồng hồ. Song, nếu người ngồi thiền mà cứ khởi vọng tưởng lẩn xẩn, thì dù ngồi mấy giây cũng cảm giác là đã lâu lắm, ở đó cứ khởi vọng tưởng. Cũng như người nghe Kinh, nếu chuyên tâm thì sẽ thâm nhập hiểu rõ nghĩa Kinh, được pháp hỷ sung mãn, còn có quan niệm về thời gian chẳng ? Ngược lại, nếu người không thể tạm thời buông xả công việc hoặc gia đình, để chuyên tâm nghe Kinh nghe pháp, thì chẳng đắc được pháp ích, do đó chuyên nhất thì linh, phân chia thì tán.

**Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh** trải qua hai mươi tiểu kiếp nói Kinh xong rồi, bèn ở trong đại chúng : Phạm, ma, Sa môn, Bà la môn và trời, người, A tu la, mà tuyên bố rằng : Vào nửa đêm nay Như Lai sẽ vào Vô Dư Niết Bàn.

Lúc đó, có vị Bồ Tát tên là **Đức Tạng**, được đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh thọ ký cho Ngài, nói với các Tỳ kheo rằng : Bồ Tát Đức Tạng kế tiếp sẽ thành Phật, hiệu là Tịnh Thân Như Lai, Ứng



**cúng, Chánh biến tri. Đức Phật thọ ký xong, vào lúc nửa đêm, bèn vào Vô dư niết bàn. Đức Phật diệt độ rồi, Bồ Tát Diệu Quang trì Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, trải qua hai mươi tiểu kiếp, mỗi vì mọi người mà diễn nói. Tám người con của đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, đều là đệ tử của Ngài Diệu Quang. Ngài Diệu Quang đều giáo hóa, khiến cho các vị đó kiên cố nói đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác.**

Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh dùng sáu mươi tiểu kiếp để nói Kinh Pháp Hoa, cả đại chúng đều yên lặng ngồi nghe. Nói Kinh xong rồi, thì ở trong đại chúng : Phạm (Phạm thiên vương), ma (ma vương), Sa Môn (người xuất gia) và trời, người, A tu la .v.v., mà tuyên bố rằng : Như Lai sẽ vào Vô Dư Niết Bàn. Ngoài bốn thứ Niết Bàn nói ở trong Duy Thức Luận, còn có ba thứ Niết Bàn, đó là :

1. **Tính Tịnh Niết Bàn** : Phạm Thánh bình đẳng, tức pháp thân đức, không sinh không diệt, không dơ không sạch, không tăng không giảm.

2. **Viên Tịnh Niết Bàn** : Xuất chúng viên minh, tức Bát nhã đức, đây là ba đức bí tàng của Như Lai.

**3. Phương Tiện Tịnh Niết Bàn** : Vì chúng sinh, từ không ra giả, chẳng sinh mà thị hiện sinh, chẳng diệt mà thị hiện diệt, tức là giải thoát đức.

Ở trong sáu nẻo chẳng nhiễm chút trần, xuất Niết Bàn mà thường lạc, chỗ làm đều là phương tiện Niết Bàn. Chư Phật đều sinh ra ban ngày (dương), nhập Niết Bàn ban đêm (âm). Ban ngày, là biểu thị quang minh, ban đêm là biểu thị đen tối. Ở trong Duy Thức Kinh có bốn Niết Bàn :

**1. Tự Tính Thanh Tịnh Niết Bàn** : Phật và chúng sinh bình đẳng đều có.

**2. Hữu Dư Y Niết Bàn** : Vì có sắc thân, dùng giả làm thật, nhận tặc làm con, hưởng ngoại truy cầu, khởi tham, sân, si, tâm ô nhiễm mà vướng mắc các phiền não nghiệp chướng, cho nên gọi là dư y khổ chưa diệt, chỉ khi nào đạt được ngã không pháp không, phá ngã pháp hai chấp thì mới được nhập vào Vô dư.

**3. Vô Dư Y Niết Bàn** : Nghĩa là phiền não đã hết sạch, khổ y cũng diệt, phạm hạnh đã lập, những gì cần làm đã làm xong, chẳng còn thọ thân sau nữa.

**4. Vô Trụ Xứ Niết Bàn** : Vào nơi tịch diệt, trong Kinh Đại Bi Bát Nhã có nói : chẳng trụ sinh tử, chẳng trụ Niết Bàn, suốt thuở vị lai, tịch mà thường chiếu, lợi ích chúng sinh.

Hợp ba thứ Niết Bàn ở trước và bốn Niết Bàn ở sau lại, có thể hiểu là tự tính thanh tịnh tức là tính tịnh, hữu dư

vô dư, xuất phiền não chướng. Vô trụ, xuất sở tri chướng tức là viên tịnh. Từ thể khởi dụng, thị hiện sinh, thị hiện diệt mà thật chẳng sinh chẳng diệt, tức phương tiện tịnh (phương tiện Niết Bàn). Tất cả chúng sinh vốn tính tịnh (Phật tính), nhị thừa vô học có đủ ba thứ Niết Bàn ở trước, duy chỉ có Đức Phật đã viên nhập bốn thứ Niết Bàn.

Lúc đó, đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh ở trong đại chúng Ty Kheo, và các đại chúng thọ ký cho Bồ Tát Đức Tạng, kể đây sẽ thành Phật hiệu là Tịnh Thân Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Phật vốn có đủ mười hiệu, đây chỉ lược nói ba. Phật thọ ký xong, lúc nửa đêm bèn nhập diệt. Bồ Tát Diệu Quang bèn thừa kế Phật vị, diễn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, trải qua tám mươi tiểu kiếp. Ngài cũng là thầy của tám vị vương tử, giáo hoá các vị vương tử kiên cố ở đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

**Các vị vương tử đó, cúng dường vô lượng trăm ngàn vạn ức đức Phật rồi, đều thành Phật đạo. Vị thành Phật cuối cùng hiệu là Nhiên Đăng.**

**Trong tám trăm vị đệ tử, có một người tên là Cầu Danh, tham trước danh lợi, tuy cũng đọc tụng Kinh điển, mà chẳng thuộc rành, phần nhiều quên mất,**

cho nên gọi là Cầu Danh. Do người này cũng có gieo trồng các căn lành, nên được gặp vô lượng trăm ngàn ức các đức Phật, cung kính cúng dường, tôn trọng tán thán.

Ngài Di Lặc nên biết ! Lúc đó Bồ Tát Diệu Quang đâu phải là người nào khác, chính là ta đây, còn Bồ Tát Cầu Danh chính là Ngài đấy. Nay thấy tướng điềm lành này, cùng với xưa kia không khác. Cho nên xét nghĩ, hôm nay đức Như Lai sẽ nói Kinh đại thừa tên là Diệu Pháp Liên Hoa, pháp giáo hóa Bồ Tát, được Phật hộ niệm.

Lúc đó, Ngài Văn Thù Sư Lợi ở trong đại chúng, muốn tuyên lại nghĩa này, bèn dùng kệ để nói.

Tám vị vương tử, từ vô lượng kiếp đến nay, đã từng cung kính cúng dường trăm ngàn vạn ức vị Phật, xuất gia rồi tu nhân Phật, cho nên đều thành Phật, vương tử Pháp Ý là vị vương tử thành Phật cuối cùng, trong số tám vị vương tử, hiệu là Nhiên Đăng. Phật Nhiên Đăng là thầy

của Phật Thích Ca Mâu Ni, mà Bồ Tát Văn Thù là thầy của Phật Nhiên Đăng. Nếu nói về vai vế thì Bồ Tát Văn Thù là sư tổ của Phật Thích Ca, nhưng Phật pháp bình đẳng, chẳng phân cao thấp, viên dung vô ngại. Chư Phật Bồ Tát vì cứu độ chúng sinh mà thị hiện sinh, thị hiện diệt, giống như hiện ra đủ thứ màn cảnh trên sân khấu, khi biểu diễn xong thì cũng trở về bản vị, mà nhập diệt.

Trong số tám trăm vị đệ tử của Bồ Tát Diệu Quang (Văn Thù), thì có một người tham trước danh văn lợi dưỡng, cho nên gọi là Cầu Danh. Vì thâm tâm của người này nhiễm trước trên danh lợi, cho nên không thể chuyên nhất đọc tụng Kinh điển, mà phần nhiều quỳen mất, trí huệ quang minh lâu mà chưa hiển hiện. Tuy nhiên huệ nghiệp chưa tu được viên mãn, nhưng phước đức đã trồng được vô lượng, vì Bồ Tát Cầu Danh đã từng ở trong trăm kiếp cúng dường cung kính tôn trọng tán thán trăm ngàn vạn ức các Đức Phật. Bồ Tát Văn Thù nói với Bồ Tát Di Lạc : "Ngài có biết vị Bồ Tát Diệu Quang đó là ai chăng ? Vị đó chính là tiền thân của tôi, còn Bồ Tát Cầu Danh là ai ? Chính là Ngài đấy !" Bồ Tát Văn Thù lại nói : "Bây giờ lại thấy tướng điềm lành này, tôi nghĩ chắc Đức Phật muốn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa."

Nếu người nào thành tâm đọc tụng Kinh điển, thì thường có trời người rải hoa, có hương thơm khác lạ tỏa khắp, quý thân cung kính cúng dường. Nếu vì tham cầu danh văn lợi dưỡng mà xuất gia thì quá ư sai lầm. Người tu đạo, không nên cầu cúng dường nhiều, càng không nên

vì cúng dường ít mà bực bội nơi tâm. Người chân chính tu đạo thì nhiều cũng ít, ít cũng nhiều, đều xem bình đẳng. Tôi có một đệ tử tại gia người ngoại quốc, thấy người dâng bìn thờ cúng cho tôi, y cũng làm theo, tôi mở ra xem thì chỉ một xu, tôi rất cao hứng vì đó là tâm chân thành nhất của y, ngày thứ hai y lại cúng dường nữa và y giải thích hôm qua y chẳng mang theo tiền. Cho nên, người có tâm thành thì ít cũng nhiều, nếu chẳng có tâm thành thì nhiều cũng ít.

**Tôi nhỏ đời quá khứ  
Vô lượng vô số kiếp  
Có Phật Nhân trung tôn  
Hiệu Nhật Nguyệt Đăng Minh.  
Thế Tôn diễn nói pháp  
Độ vô lượng chúng sinh  
Vô số ức Bồ Tát  
Khiến vào trí của Phật.  
Trước khi Phật xuất gia  
Cũng theo tu phạm hạnh.  
Phật nói Kinh đại thừa  
Tên là Vô Lượng Nghĩa  
Ở trong các đại chúng**

**Mà rộng vì phân biệt.  
Phật nói Kinh này rồi  
Bèn ở trên pháp tòa  
Ngồi kiết già nhập định  
Tên Vô lượng nghĩa xứ.**

Hiện sáu thứ điềm lành để nói pháp, trống trời trong hư không tự vang lên, Thiên Long bát bộ đều cung kính cúng dường đấng Nhân Trung Tôn, tức là Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh. Ở trong quang minh của Phật, thấy có sinh tử nghiệp báo và dùng lưu ly pha lê và các thứ báu để trang nghiêm cõi nước chư Phật.

**Và thấy các trời người  
Chúng rồng, thần, Dạ xoa  
Càn thát, Khẩn na la  
Đều cúng dường đức Phật.  
Lại thấy các Như Lai  
Tự nhiên thành Phật đạo  
Sắc thân như núi vàng  
Đoan nghiêm rất đẹp đẽ.  
Như trong lưu ly sạch  
Hiện ra tựa vàng thật**

**Thế Tôn trong đại chúng  
Diễn nói pháp thâm sâu.  
Mỗi mỗi các cõi Phật  
Vô số chúng Thanh Văn  
Vì Phật quang chiếu đến  
Nên thấy đại chúng kia.  
Hoặc thấy các Tỳ kheo  
Ở trong núi rừng núi  
Tinh tấn giữ tịnh giới  
Như giữ gìn minh châu.  
Trời mưa hoa Mạn đà  
Trông trời tự nhiên kêu  
Các trời, rồng, quỷ, thần  
Cúng dường Nhân trung tôn.  
Tất cả các cõi Phật  
Tức thời đều chấn động  
Phật phóng quang giữa mây  
Hiện nhiều việc hiếm có.  
Quang này chiếu phủ khắp đông  
Một vạn tám ngàn cõi  
Hiện sinh tử nghiệp báo**



**Của tất cả chúng sinh.  
Lại thấy các cõi Phật  
Dùng các báu trang nghiêm  
Màu lưu ly pha lê  
Đều do Phật quang chiếu.**

Trong quá khứ vô lượng kiếp, có một vị cổ Phật, hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh Thế Tôn, từng độ thoát vô lượng chúng sinh, thành tựu đạo nghiệp vô số các Bồ Tát. Trước khi Phật chưa xuất gia, có tám vị vương tử cũng theo cha tu phạm hạnh. Lúc đó, Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, vì các đại chúng rộng phân biệt diễn nói vô lượng nghĩa rồi bèn ngồi kiết già nhập định vô lượng nghĩa. Lúc đó, ở trong quang minh của Phật thấy có trời rồng tám bộ chúng, đều cúng dường Đức Phật ở nước của mình. Lại thấy các Như Lai diễn nói pháp, nghĩa lý rất sâu xa, trước, giữa, sau đều lành. Tự nhiên thành Phật đạo, pháp là như thế, vốn chẳng tạo tác, Phật đạo thanh tịnh, kế lý ngộ chân tức chúng chánh giác, cho nên gọi tự nhiên thành. Ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp của Phật, tử kim quang tự thân, thắng diệu tịnh minh, màu sắc như lưu ly trong sạch, trong ngoài đều trong suốt. Hiện ra tựa vàng thật : thân giống như vàng, tính như lưu ly. Sắc thân vi diệu, hiện ở trong tính.

Lại thấy chư Phật ở cõi nước kia, ở trong chúng hội vô số Thanh Văn diễn nói pháp vi diệu thâm sâu. Lại thấy

chúng Tỳ Kheo nhị thừa ở nơi thâm sơn cùng cốc, tinh tấn giữ giới thanh tịnh, như giữ gìn hạt minh châu. Họ ngày đêm sáu thời đều tự nghiêm giữ giới luật. Ban ngày, trước, giữa, sau, phân ra ba thời ; đêm, trước, giữa, sau phân ra ba thời. Giữ được một phần giới luật, thì có một phần quang minh, hà huống là giữ gìn giới luật thanh tịnh như thế, thì tự tính quang minh tự nhiên sẽ hiển hiện, cho đến sẽ thành Phật. Cho nên, trong giáo nghĩa của chư Phật lấy giới luật làm thầy, nhất là người xuất gia tâm phải ngay thẳng, chân thật, giữ giới thanh tịnh thì sẽ có định, huệ mới có thể thành tựu vô thượng bồ đề.

Năm giới mười điều lành là điều kiện căn bản làm người, giữ gìn luôn luôn thì sẽ tịnh hóa thân tâm. Làm bậc Sa Môn mỗi ngày nên niệm câu kệ này :

Giữ miệng, nhiếp thân, tâm chớ phạm,  
Đừng hại tất cả hữu tình,  
Khổ hạnh vô ích hãy xa lià,  
Như vậy hành giả đáng nhập thế.

Nghĩa là, người xuất gia cần phải tự giữ gìn giới luật, thân, khẩu, ý ba nghiệp thanh tịnh, muốn thành tựu tất cả chúng sinh, thì đừng chướng ngại kẻ khác, cho đến một con vật cũng đừng gây phiền não cho họ. Không những thân đừng phạm lỗi lầm, gây hại kẻ khác, dù ý niệm hại người cũng đừng khởi lên. Đã sinh khởi niệm ác

thì hãy diệt trừ, niệm thiện chưa sinh, thì khiến cho sinh ra, niệm thiện đã sinh thì khiến cho tăng trưởng.

**Lại thấy các Bồ Tát  
Bố thí và nhân nhục  
Số lượng như Hằng sa  
Đều do Phật quang chiếu.  
Lại thấy các Bồ Tát  
Vào sâu các thiên đình  
Thân tâm lặng chẳng động  
Để cầu vô thượng đạo.  
Lại thấy các Bồ Tát  
Biết pháp tướng tịch diệt  
Đều ở cõi nước kia  
Nói pháp cầu Phật đạo.  
Lúc đó bốn bộ chúng  
Thấy Phật Nhật Nguyệt Đăng  
Hiện sức đại thần thông  
Tâm họ đều vui mừng.  
Thầy đều tự hỏi nhau :  
Việc này nhân duyên gì ?**

**Thế Tôn của trời người  
Vừa mới ra khỏi định  
Khen Bồ Tát Diệu Quang  
Ông là mắt thế gian  
Nói tin của tất cả  
Phụng trì được pháp tạng.  
Như pháp của ta nói  
Chỉ ông chúng biết được  
Đức Thế Tôn khen ngợi  
Khiến Diệu Quang vui mừng.  
Bèn nói Kinh Pháp Hoa  
Trọn sáu mươi tiểu kiếp  
Chẳng rời khỏi toà ngồi  
Pháp nói ra thâm diệu.  
Ngài pháp sư Diệu Quang  
Thấy đều thọ trì được.**

Lại thấy Bồ Tát nhiều như số cát sông Hằng tu sáu độ, tức là : Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ. Bố thí có ba là : Tài thí, pháp thí và vô úy thí. Nhẫn nhục cũng có ba là : Sinh nhẫn, pháp nhẫn và vô sinh pháp nhẫn.

Lại thấy các Bồ Tát vào sâu các thiền định, ngày đêm sáu thời đều an trụ ở trong thiền định. Thân tâm lặng chẳng động, trong ngoài tĩnh lặng, thân tâm chẳng động vào sâu trong định để cầu vô thượng đạo.

Lại thấy các Bồ Tát, đã biết tướng tịch diệt của các pháp, mà ở tại nước của mình nói pháp cầu Phật đạo. Những gì thấy ở trong quang minh của Phật, đều khiến cho bốn chúng vui mừng mà háo kỳ, cùng nhau tự hỏi vì sao Phật hiện sức đại thần thông này ? Phật là đáng tôn kính nhất của trời người, Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh từ tam muội dậy, bèn tán thán Bồ Tát Diệu Quang là một vị minh nhân thiện tri thức, phụng trì được và chứng biết tạng pháp của Như Lai, là đạo sư nơi nương tựa tin cậy của tất cả trời người. Đức Thế Tôn khen ngợi, khiến cho Bồ Tát Diệu Quang vui mừng, sau đó bèn diễn nói Kinh Pháp Hoa, trải qua sáu mươi tiểu kiếp, chẳng lìa khỏi tòa ngời. Nói pháp vi diệu thâm sâu vô thượng, khiến cho pháp sư Diệu Quang tin hiểu thọ trì.

**Phật nói Kinh Pháp Hoa  
Khiến chúng vui mừng rồi.  
Tức cũng trong ngày đó  
Nói với chúng trời người  
Nghĩa thật tướng các pháp  
Đã vì các ông nói.**

**Ta nay trong đêm nay  
Sẽ vào cõi Niết bàn  
Các ông hãy tinh tấn  
Nên xa lìa phóng dật.  
Chữ Phật rất khó gặp  
Úc kiếp gặp một lần  
Hết thầy con của Phật  
Nghe Phật vào Niết bàn.  
Ai nấy đều buồn khổ  
Sao Phật diệt sớm thế ?  
Đấng Pháp Vương Thánh Chúa  
An ủi vô lượng chúng.  
Nếu lúc ta diệt độ  
Các ông chỗ lo sợ  
Vị Bồ Tát Đức Tạng  
Nói vô lậu thật tướng.  
Tâm đã vượt thông đạt  
Kế đây sẽ thành Phật  
Hiệu là Phật Tịnh Thân  
Cũng độ vô lượng chúng.  
Đêm nay Phật diệt độ**

**Như củi hết lửa tắt  
Phân chia các xá lợi  
Mà xây vô lượng tháp.  
Tỳ kheo Tỳ kheo ni  
Số đông như Hằng sa  
Lại càng thêm tinh tấn  
Để cầu vô thượng đạo.**

Phật nói Kinh Pháp Hoa này, khiến cho đại chúng hoan hỉ tin mà thọ trì, trong ngày đó vì trời, rồng, tám bộ quỷ thần khai thị diệu nghĩa thật tướng của các pháp. Các pháp tức tất cả pháp, tám vạn bốn ngàn pháp môn. Pháp môn tuy nhiều, chỉ cần hiểu biết một pháp môn, tức là biết một biết tất cả, rõ một rõ tất cả, nghe một biết mười, một tức vô lượng. Có người hỏi tôi, trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp môn nào là đệ nhất ? Đây là vấn đề nhưng cũng chẳng phải vấn đề, vì sao. Chẳng thấu rõ thì là vấn đề, minh bạch rồi thì chẳng thành vấn đề. Tôi đáp rằng : Tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là đệ nhất. Những pháp môn này đâu chẳng phải là dùng để đối trị tập khí ma bệnh của chúng ta, chỉ cần theo bệnh cho thuốc, kế hợp với căn cơ của chúng ta, tức là pháp môn vô thượng. Thật tướng, vô tướng, cũng vô sở bất tướng, nếu có tướng thì chẳng phải là thật tướng. Tất cả tướng đều do thật tướng sinh ra, nhưng bản thể của nó là vô

tướng, vì bốn thể là vô tướng, mới sinh ra tất cả tướng.  
Kinh Kim Cang nói rằng :

Phàm tất cả tướng đều không thật,  
Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng,  
Tức thấy Như Lai.

Cho nên các pháp là một pháp, Kinh Pháp Hoa tức là pháp thật tướng.

Đức Phật nói, ta đã vì các ông diễn nói các pháp thật tướng, vì thế trong đêm nay ta sẽ nhập diệt, từ nay về sau các ông hãy tự nỗ lực, nhất tâm tinh tấn, xa lìa giải đãi phóng dật. Phật thị hiện nhập Niết Bàn, cũng là phương pháp giáo hóa chúng sinh, ví nếu Phật sống mãi ở đời, thì chúng sinh sẽ sinh tâm ỷ lại và phóng dật. Người xuất gia chẳng tu hành, giống như suốt ngày đếm tiền bạc cho họ, mà mình chẳng có đồng xu nào, nơi pháp chẳng tu hành, lỗi mình cũng như thế. Nên biết Phật pháp khó nghe, Thánh Tăng khó cầu, Phật Bảo trải qua trăm ngàn vạn kiếp khó gặp được ! Như hiện tại tôi ngày ngày thuyết pháp, nhưng các bạn vì ỷ lại có thầy mà chẳng phát tâm nỗ lực, một khi ngày nào tôi lìa các bạn, thì ngược lại khiến cho các bạn sinh ra sức tự lập mà hăng hái vươn lên. Nên nhớ, người tu hành phải nương sức của mình, phấn chấn tinh thần, dũng mãnh tinh tấn.

Khi tám vị vương tử và các đại chúng nghe tin Phật muốn vào Niết Bàn, thì ai nấy cũng đều buồn rầu khổ



nào. Sư đồ tình như cha con, chẳng có ai mà không nói : sao đức Phật nhập diệt quá sớm ! Lúc đó, đấng Thánh Chúa, vua của các pháp, thấy đại chúng bi ai, thì thương xót an ủi đại chúng nói : "Các con đừng quá bi thương lo sợ, tuy ta bỏ các con mà đi, còn có Bồ Tát Đức Tạng, kể đây sẽ thành Phật hiệu là Tịnh Thân Như Lai. Vị đó đã thông đạt pháp vô lậu thật tướng, sẽ thay thế ta tiếp tục giáo hóa chúng sinh." Phật thọ ký truyền pháp rồi, trong đêm ấy vào Niết Bàn, như củi hết lửa tắt.

Di thể của Phật hỏa thiêu rồi, phân chia xá lợi, xây vô lượng bảo tháp để cúng dường. Phật nhập diệt rồi, thì hàng Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni đông như số cát sông Hằng đều tôn kính di chúc của Phật mà càng tinh tấn tu đạo. Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni có ba nghĩa :

1. Khất thực.
2. Bố ma.
3. Phá ác.

Phá vô minh phiền não thì trí huệ sẽ tăng trưởng. Khi một vị Sa Di thụ giới Cụ túc, thì có tam sư thất chúng, hợp lại là mười vị Tỳ Kheo, đại biểu chư Phật cho thọ giới. Khi đăng đàn truyền giới, thì đấng giới Hòa Thượng hỏi y : "Ông có phải đại tượng phu chăng ?" Đáp : "Phải". Lại hỏi : "Ông đã phát bồ đề tâm chưa ?" Đáp : "Đã phát bồ đề tâm !" Lời này vừa nói ra thì thiên ma ngoại đạo kinh hãi dựng lông, vì quyền

thuộc của ma vương bớt đi một người, còn đệ tử của Phật lại thêm một người.

**Vị pháp sư Diệu Quang  
Phụng trì tạng Phật pháp  
Trong tám mươi tiểu kiếp  
Rộng nói Kinh Pháp Hoa.  
Tám vị Vương tử đó  
Được Diệu Quang giáo hoá  
Kiên cố đạo vô thượng  
Thấy được vô số Phật.  
Cúng dường chừ Phật rồi  
Cũng theo tu đại đạo  
Liên tiếp đều thành Phật  
Thử tự mà thọ ký.  
Thiên Trung Thiên cuối cùng  
Hiệu là Phật Nhiên Đăng  
Là đạo sư trời người  
Độ thoát vô lượng chúng.  
Vị pháp sư Diệu Quang  
Có một vị đệ tử**

**Tâm thường hay giải đãi  
Tham trước về danh lợi.  
Cầu danh lợi không chán  
Thường đến nhà giàu sang  
Bỏ bê đọc tụng Kinh  
Quên mất chẳng thông thuộc.  
Vì bởi nhân duyên đó  
Nên gọi là Cầu Danh  
Cũng tu các nghiệp thiện  
Được thấy vô số Phật.  
Cúng dường các đức Phật  
Theo tu hành đại đạo  
Đủ sáu Ba la mật  
Nay gặp Phật Thích Ca.  
Sau này sẽ thành Phật  
Hiệu là Phật Di Lặc  
Rộng độ các chúng sinh  
Số đông nhiều vô lượng.**

Pháp sư Diệu Quang là đệ tử hộ pháp của Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh, trải qua tám mươi tiểu kiếp để diễn nói Kinh Pháp Hoa, phụng trì Pháp của Phật Nhật Nguyệt

Đăng Minh, và giáo hóa các vị vương tử kiên cố hành trì pháp đại thừa viên đốn, tức vô thượng đạo. Vì thấy được vô lượng chư Phật và cúng dường chư Phật, thuận theo chư Phật tu hành vô thượng đạo. Lại thứ tự tiếp tục thành Phật đạo, thứ lớp thọ ký nhau, trong tám vị vương tử, vị thành Phật cuối cùng hiệu là Phật Nhiên Đăng, là bậc đạo sư của trời người, độ thoát vô lượng chúng sinh. Phật là Thiên Trung Thiên, Thánh Trung Thánh.

Pháp sư Diệu Quang có một vị đệ tử, tham cầu danh lợi chẳng giữ giới luật, ít dụng công tu hành, thường đi đến nhà người tại gia giàu có, để mong cầu lợi dưỡng. Tuy Ngài tham cầu danh lợi, bỏ bê đạo nghiệp, nhưng bên cạnh đó Ngài tu căn lành rộng lớn, có cơ hội được gặp Phật và cúng dường chư Phật. Nối tiếp mà thuận theo chư Phật, trừ khử các các tập khí mao bệnh xấu mà tu bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và bát-nhã, sáu độ vạn hạnh. Do sự nghiêm tịnh tu trì trải qua vô lượng kiếp, tích tụ công đức đã thành tựu và phước huệ đều tròn đầy, cho nên hôm nay được gặp Phật Thích Ca Mâu Ni, mà được thọ ký tương lai sẽ thành Phật, thay thế Đức Phật Thích Ca hiệu là Phật Di Lạc. Phật Di Lạc sẽ ở dưới cội Long Hoa, thuyết pháp ba hội, độ vô lượng vô biên chúng sinh.

Kỳ thật, Bồ Tát Cầu Danh chẳng phải thật tham cầu danh lợi, chỉ vì chúng sinh điên đảo ngu si, mà Ngài dùng tâm đại từ bi, lợi dụng pháp quyền xảo phương tiện, giả bộ ở trong đời thế tục, tùy loại mà hóa độ tất cả chúng

sinh điên đảo mê các trần lao. Bồ Tát hiện tướng thuận nghịch để khai thị chúng sinh, đâu chẳng phải là phá sự tham trước và giải đãi của chúng sinh. Song, chúng sinh chẳng hiểu sự khổ tâm của Ngài, không ngại gian khổ để cứu độ chúng sinh, ngược lại vì hình tướng bề ngoài của Ngài, như kẻ ăn mày mà khinh khi Ngài, thậm chí còn mắng chửi và đánh đập Ngài. Nhưng đối với sự thành bại vinh nhục, Ngài đã hoàn toàn chẳng còn bận lòng. Trong Chúng Đạo Ca của Ngài Vĩnh Gia có nói :

"Bao lần sinh, bao lần chết,  
Sinh tử đặng đặng chẳng định ngừng,  
Từ khi đốn ngộ liễu vô sinh,  
Đối với vinh nhục hà tất buồn vui."

Nghĩa là, thân tâm của Ngài như hư không, rộng khắp pháp giới, những gì Ngài làm đều như ánh sáng mặt trời mặt trăng tỏa muôn phương, khen chê Ngài đều chẳng bận lòng.

Dưới đây là bài kệ của Bồ Tát Di Lạc ý vị và nghĩa lý thâm trường :

"Lão quê mặc áo vá,  
Cơm hẩm no đầy bụng,  
Áo rách che rét lạnh,  
Vạn sự hây tùy duyên.  
Có ai mắng lão quê,  
Lão quê chỉ nói tốt,

Có ai đánh lão quê,  
Lão quê nằm lẩn ra,  
Khạc nhổ vào mặt lão,  
Để nó tị khô lấy,  
Ta cũng chẳng tổn sức,  
Người cũng chẳng phiền não,  
Đó là Ba La Mật,  
Cũng là báu vô giá,  
Nếu làm được như thế,  
Lo gì đạo không thành."

Lão quê không những mặc áo vá, mà uống trà cũng đơn giản, ăn cơm đạm bạc, chẳng ăn muối, chẳng ăn dầu, càng chẳng tham cầu thức ăn ngon. Ngài chẳng sợ lạnh đói khát, vạn sự đều tùy duyên, tức tùy duyên không đổi, không đổi mà tùy duyên. Đến đi tự như, do đó tiêu giao thế giới mặc đông tây. Cho nên các sự vinh nhục hà tất phải buồn vui, đối với sự nhục mạ đánh đập của người khác, không những chẳng sân hận mà ngược lại càng sinh tâm cảm kích công đức. Vì những lời ác đánh đập đó, đâu chẳng phải là thiện tri thức thành tựu nhẫn nhục Ba La Mật của Bồ Tát. Nếu chẳng có đại hùng, đại lực, đại từ, đại nguyện, đại hạnh của Bồ Tát, thì không thể có định lực nhẫn nhục tinh tấn vô thượng này. Nhẫn nhục Ba La Mật biết dễ mà hành khó. Người ban đầu phát tâm tu đạo phải dùng : kiên, thành, hằng ba tâm trợ đạo. Đời người ngắn ngủi, các hành vô thường, sinh tử là việc lớn, nếu

không kịp thời tu hành, thì tương lai hối hận đã quá muộn. Bồ Tát khéo biết : "Thời gian giảm dần, thì mạng sống cũng giảm", cho nên dùng thân người này, mà thanh tịnh trang nghiêm lũy kiếp tu. Tu đạo chẳng việc gì khó, chỉ cần cước đạp thật địa, dùng sợ gian nan khốn khổ, dũng mãnh tinh tấn, tất sẽ thành tựu.

**Phật kia diệt độ rồi  
Người giải đãi là Ngài  
Còn pháp sư Diệu Quang  
Nay chính là thân ta.  
Tôi thấy Phật Đấng Minh  
Điềm lành xưa như vậy  
Cho nên biết Phật nay  
Muốn nói Kinh Pháp Hoa.  
Tướng nay như điềm xưa  
Là phương tiện chư Phật  
Nay Phật phóng quang minh  
Giúp bày nghĩa thật tướng.  
Các người nay nên biết  
Chấp tay một lòng chớ  
Phật sẽ rưới mưa pháp**

**Đầy đủ người cầu đạo.  
Những người cầu ba thừa  
Nếu có chỗ nghi hối  
Phật sẽ dứt trừ cho  
Khiến hết chẳng còn thừa.**

Đức Phật Đấng Minh nhập diệt rồi, người giải đãi đó là Ngài, còn tôi tức là Pháp sư Diệu Quang.

Kinh nghiệm quá khứ của tôi biết Phật Thích Ca Mâu Ni, trước hết hiện sáu điềm lành, chắc chắn là muốn nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

Chư Phật hiện tướng điềm lành để nói pháp, là pháp thiện xảo phương tiện. Hiện nay Phật Thích Ca Mâu Ni phóng đại quang minh, là trợ giúp hiển bày nghĩa thật tướng, cho nên đại chúng ở trong hội nên cung kính chấp tay yên lặng chờ Phật nói pháp yếu. Chúng sinh nghĩ đến pháp như khát nghĩ đến nước. Cho nên Như Lai mưa pháp vũ, thấm nhuần khắp tất cả tâm chúng sinh. Đây dụ cho tất cả chúng sinh như : hoa cỏ thụ mộc tùng lâm, trận mưa lớn tưới xuống khắp, tùy theo sự thu hút của cây lớn nhỏ mà được sinh trưởng. Phật khéo léo quán căn cơ để thí giáo, cho nên phổ độ hết thủy ba căn (thượng, trung, hạ) và thu nhiếp hết chúng sinh lợi, độn căn, mà phân biệt diễn nói pháp đại thừa, tiểu thừa và nhân thiên thừa. Ba thừa ở đây tức là : Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác và



nhân thiên thừa. Phật nói pháp yếu độ hết tất cả người ba thừa, khiến chẳng còn sót thừa nào.

Người xưa nói rằng :

"Đạo thì phải hành,  
Chẳng hành sao có đạo.  
Đức là do tu,  
Không tu sao có đức ?"

Quy về cuối cùng nhất của nhân loại là : Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, cứu kính Niết Bàn. Do đó, trước hết phải y pháp tu hành, cung hành thực tiễn. Thế mà, có những người trước khi chưa tin Phật, trước khi chưa phát nguyện, còn bình an vô sự, nhưng khi tin Phật rồi, phát nguyện rồi thì đủ thứ chướng ngại phát sinh. Đó là nguyên nhân gì ? Vì từ vô lượng kiếp đến nay, do vô minh mà cứ tạo nghiệp : giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối .v.v., đủ thứ ác nghiệp, chẳng ra khỏi trần lao, mà theo sinh tử không ngừng. Vô số ác nghiệp đã gây ra, đều là nghiệp đời quá khứ tích tụ lần lượt trở ra, nếu giác ngộ được hôm nay đúng, hôm qua sai, tinh tấn tu hành, thì những nghiệp chướng phiền não, đã tạo ra trong quá khứ sẽ hiện tiền. Những ma khảo này đâu chẳng là một thứ ma luyện đối với người tu hành, do đó : "Ma là ma chân đạo, chân đạo tức có ma." Nếu tùy duyên tiêu nghiệp cũ, dùng tâm nhẫn nại để ứng đối, đừng tạo thêm nghiệp mới, giữ gìn giới luật thanh tịnh, thì sẽ trả nợ cũ ra khỏi tam giới.

# KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA

## PHẨM PHƯƠNG TIỆN THỨ HAI

**Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ tam muội an tưởng mà dậy, nói với Ngài Xá Lợi Phất : Trí huệ của chư Phật thâm sâu vô lượng, môn trí huệ đó khó hiểu khó vào. Tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật không thể biết được. Vì sao ? Phật đã từng gần gũi trăm ngàn vạn ức vô số chư Phật, thực hành hết vô lượng đạo pháp của chư Phật, dũng mãnh tinh tấn, danh xưng đồn khắp, thành tựu pháp thâm sâu chưa từng có, tùy nghi mà nói, ý nghĩa khó hiểu.**

Kinh trường hàng và kệ ở trên là phẩm tụng của Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Tụng tức là tụng thuật nhân duyên của bộ Kinh này. Nhân duyên của bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa

này đã tự thuật rõ ràng, tiếp theo dưới đây giảng về phẩm thứ hai, phẩm Phương Tiện. Phương tức là phương pháp, tiện tức là tiện lợi. Đây là quyền pháp chẳng phải là thật pháp, cho nên gọi là phương tiện, do đó quyền xảo phương tiện. Quyền, chẳng phải pháp của Kinh bình thường, chỉ là tạm thời chọn dùng mà thôi. Thật, là vĩnh viễn không biến đổi, vĩnh viễn tồn tại. Song, một số người mới bắt đầu học Phật, chẳng dễ gì hiểu rõ thật pháp, vì quán cơ thí giáo, mười phương chư Phật khéo bày pháp môn quyền xảo phương tiện, sau đó mới khai quyền hiển thật, vì thật thí quyền. Cho nên tuyên nói thứ lớp nào là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát thừa, mà cứu kính chỉ quy về Phật thừa. Phật thừa tức là thật, Thanh Văn, Duyên Giác là quyền, trước hết nói pháp tiểu thừa, sau đó mới dẫn đường chúng sinh quy vào đại thừa Phật quả, đây gọi là vì thật thí quyền, khai quyền hiển thật. Khai tức là khai mở. Đức Phật ban đầu nói tam tạng giáo lý, là vì khích lệ tâm tu đạo của người tiểu thừa, cho nên nói đây là pháp tối thắng. Song, người tiểu thừa được ít cho là đủ, cho rằng chúng được : sơ, nhị, tam, tứ quả tức là cứu kính mà chẳng cầu tiến thêm nữa, do đó mà dừng lại ở hóa thành. Vì độ bậc Thanh Văn, Duyên Giác căn cơ thiếu cạn, cho nên đức Phật dẫn dụ hóa thành ở phẩm thứ bảy, lại vì năm trăm đệ tử thọ ký.

Người nhị thừa tuy nhiên phí hết công phu khổ hạnh và tu trì đủ thứ khổ hạnh để đạt đến quả vị A La Hán, nhưng chưa "trên cầu Phật đạo, dưới độ chúng sinh,"

chỉ làm tự liễu hán, chỉ lợi mình mà chẳng lợi người. Do đó, Đức Phật mới khai quyền pháp, nói rõ đạo lý nói : trước kia chẳng phải là pháp môn triệt để nhất, chúng đắc những quả Thánh, càng chẳng phải là cứu kính viên mãn nhất. Nên hồi tiểu hướng đại, từ tiểu thừa vào đại thừa, tức là phải hành Bồ Tát đạo, tu lục độ vạn hạnh, pháp môn đại thừa độ người của Bồ Tát. Trước hết phá phương tiện quyền pháp này, mới hiển ra được đạo lý chân thật, đây gọi là phẩm Phương Tiện.

"Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn từ tam muội an tường mà dậy." Đương lúc đó, bậc tôn kính của trời người từ tam muội vô lượng nghĩa xứ, an tường tự tại mà dậy. Nghĩa là Đức Phật tự tại xuất định, ngược lại quán sát chúng sinh mới ngồi chẳng bao lâu, thì cảm thấy lưng ê chân đau, do đó dũi chân ra, thẳng lưng lên, đó đều là biểu hiện chẳng tự tại.

Con người tất phải tu đạo, không tu thì chẳng có đạo, phải tu mới có đạo. Song, bạn không tu đạo thì vấn đề gì cũng chẳng có. Một khi bạn bắt đầu tu đạo, thì vấn đề sẽ xảy đến. Tại sao có vấn đề ? Đó đều do tiền kiếp đã tạo ra, có đủ thứ nhân duyên khác nhau, trong đó những nợ nần đây đây hỗn tạp chẳng rõ ràng. Vì những nhân duyên ràng buộc, cho nên đời nay mới phát tâm tu đạo, thì ma vương đến đòi nợ, tạo các nghịch cảnh khiến cho bạn sinh phiền não mà thối bỏ đề tâm. Người vào thời đại mạt pháp, tâm sân rất nặng cho nên thường sinh tâm phiền não đối với người chẳng có phiền não, đối với vật

dễ khởi phiền não, không những đối với súc sinh, quý thần sinh phiền não, mà thậm chí đối với Bồ Tát với Phật cũng nóng giận, cuối cùng đối với chính mình cũng nóng giận ! Đó là vì quá khú tại nhân địa vô minh quá nhiều, phiền não quá nặng, tạo những nghiệp chướng hồ đồ, đời nay mới có đủ thứ phiền não chướng ngại hiện tiền.

Có những người lúc tu hành thì phát nguyện nói chẳng sinh tâm phiền não, không ngờ không nói nguyện này thì còn tốt, một khi phát nguyện rồi thì phiền não lập tức xảy đến. Tại sao ? Ví như ở trường học thì học sinh phải trải qua kỳ thi mới được lên lớp. Tu đạo cũng như thế, phải trải qua sự thử thách mới làm được, khó nhẫn mà nhẫn được, khó thọ mà thọ được, khó hành mà hành được, ăn được những gì người không thể ăn, cho đến làm được những gì người không làm được, đó mới là bản phận của người tu đạo.

Nói với Ngài Xá Lợi Phất. Xá Lợi Phất là bậc trí huệ đệ nhất trong hàng Thanh Văn. Chỉ trong tám ngày Ngài thông đạt hết tất cả pháp tạng. Ngài Xá Lợi Phất khi còn ở trong bụng mẹ, đã là biện tài vô ngại, luận bại cậu của Ngài, vì Ngài có đại trí huệ, hay tin sâu tất cả các pháp, cho nên trong phẩm này đức Phật dùng Ngài làm người đương cơ. Bồ Tát Văn Thù là trí huệ đệ nhất trong chúng Bồ Tát. Ngài Xá Lợi Phất chỉ là trí huệ đệ nhất về quyền giáo, tóm lại là người trí huệ đệ nhất ở trong hàng tiểu thừa.

"Trí huệ của chư Phật thâm sâu vô lượng". Trí huệ của Phật cao sâu không thể dò được, thâm áo khó hiểu, cho nên nói môn trí huệ đó, người nhị thừa khó hiểu khó vào, không dễ thấy được. Người nhị thừa tức là Thanh Văn, Duyên Giác. Bậc Duyên Giác khi sinh vào lúc Phật ra đời, thì tu mười hai nhân duyên mà ngộ đạo, cho nên gọi là Duyên Giác. Nếu sinh vào thời chẳng có Phật ra đời thì tự mình tu hành, mùa xuân quán hoa nở, mùa thu quán lá vàng rơi, hiểu rõ đạo lý sinh diệt vô thường của vạn vật mà ngộ đạo, cho nên gọi là Độc Giác, chứng quả rồi còn gọi là Bích Chi Phật.

Thanh Văn thì tu pháp bốn Diệu Đế mà chứng quả. Bốn Diệu Đế là : Khổ đế, tập đế, diệt đế và đạo đế. Tu bốn Diệu Đế mà chứng quả thì gọi là Thanh Văn. Tu mười hai Nhân Duyên mà chứng quả thì gọi là Duyên Giác. Các Ngài tuy là Thánh nhân ở trong pháp tiểu thừa, song đối với đại trí huệ của Phật, các Ngài chưa thâm nhập được. Tại sao ? Tại sao các Ngài chẳng biết ?

Sở dĩ mà đức Phật thành Phật, là vì Phật đã từng gần gũi trăm ngàn vạn ức vô số chư Phật, cung kính cúng dường, khéo gặp trăm ngàn vạn ức các Đức Phật, là một pháp môn vô lượng công đức, mà ở trong Phật giáo có vô lượng vô biên pháp môn. Đáng cười cho chúng ta, học được một chút công phu ngoài da, thì tự cho rằng đã được hết toàn bộ Phật pháp, đó chẳng khác nào ngồi đáy giếng mà nhìn trời ! Hoặc chỉ xem mấy quyển sách Phật giáo thì nói : Tôi đã hiểu Phật pháp. Đó thật là chẳng tự

lượng sức mình ! Xem thường Phật giáo quá đơn giản, quá bình thường. Nhất là những người này vốn chẳng cung hành thực tiễn, mà dám lên đài giảng Kinh, đó chẳng khác nào chửi người, tức chẳng lợi mình cũng chẳng lợi người, cứ nói đạo lý hồ đồ, chỉ nai là ngựa, lấy quý làm người, người làm quý, lấy đen làm trắng, chẳng biết thị phi. Nếu có người hoài nghi hỏi thì họ tránh né nói : Tôi cũng chưa xem qua sách này, cũng chẳng hiểu đạo lý của nó, bạn hãy tự khảo lấy !

"Thực hành hết vô lượng đạo pháp của chư Phật, dũng mãnh tinh tấn". Dũng, tức là chẳng sợ sinh tử, chẳng sợ bất cứ mọi sự gian khổ. Mạnh, là mạnh lợi. Tinh tấn nghĩa là chẳng giải đãi. "Danh xưng đồn khắp". Khi chư Phật tu đạo, thì dũng mãnh tinh tấn, vang danh khắp hết thủy, cho nên không cầu danh mà danh tự đến. Thành tựu pháp thâm sâu chưa từng có. Pháp vi diệu thâm sâu này trước kia chưa từng có. "Tùy nghi mà nói, ý nghĩa khó hiểu". Tuy Đức Phật khéo về pháp quyền xảo phương tiện, vì người mà thí giáo, theo bệnh cho thuốc, song người căn cơ quá ám độn vẫn chẳng hiểu được nghĩa lý.

**Xá Lợi Phất ! Từ khi ta thành Phật đến nay, dùng đủ thứ nhân duyên, đủ thứ thí dụ để rộng nói, dùng vô số phương tiện để dìu dắt giáo hóa chúng sinh, khiến cho chúng sinh lìa các sự chấp trước. Vì sao ?**

**Vì phương tiện tri kiến Ba la mật của Như Lai đều đã đầy đủ.**

**Xá Lợi Phất ! Tri kiến của Như Lai rộng lớn sâu xa, vô lượng vô ngại, lực vô sở úy, thiên định giải thoát tam muội vào sâu chẳng có bỏ mé, thành tựu tất cả các pháp chưa từng có.**

Đoạn Kinh văn ở trước : Ý nghĩa khó hiểu, pháp của Phật nói thì : Người trí thì thấy trí, người nhân thì thấy nhân, người trí sâu thì thấy sâu, người trí cạn thì thấy cạn, do đó :

"Một âm diễn nói pháp,  
Theo loài đều hiểu được".

Tuy đức Phật chỉ dùng một âm thanh diễn nói pháp, mà khiến cho hết thảy chúng sinh đều hiểu được. Bất cứ quý, thân, người, Bồ Tát, Duyên Giác .v.v., đều tùy theo căn cơ mà đắc được pháp ích. Song, vẫn chưa hoàn toàn hiểu hết ý nghĩa của Phật, vì cảnh giới của Phật quá thâm áo vi diệu khó tin khó thấy được. Mỗi đạo lý của Phật nói đều hàm chứa bao la vạn hữu, nhưng căn tính của chúng sinh rất cạn, không thể nghe một biết mười, không thể thấy biết triệt để.



"Xá Lợi Phất ! Từ khi ta thành Phật đến nay, dùng đủ thứ nhân duyên, vì người độn căn nói đủ thứ nhân duyên thiện ác trong quá khứ hiện tại và vị lai. Lại dùng đủ thứ ví dụ, vì người trung căn rộng nói diễn bày, dùng vô số phương pháp xảo diệu dạy bảo, dẫn dắt giáo hóa chúng sinh, khiến cho chúng sinh xa lìa mọi sự chấp trước". Do đó : Thiện xảo phương tiện độ chúng sinh, ở nơi trần lao làm Phật sự. Tất cả pháp thế gian đều là trần lao. Bởi vậy, dùng đại nguyện lực của Phật, khiến cho chúng sinh sinh nơi trần lao mà xuất trần, tại thế gian mà ra khỏi thế gian. Đó tức là Phật lực tiếp dẫn.

Đức Phật dùng pháp quyền xảo phương tiện, trước hết dạy người tu bốn Diệu Đế mà chứng đắc quả Thánh, sơ quả Tu Đà Hoàn, nhị quả Tư Đà Hàm, tam quả A Na Hàm, tứ quả A La Hán. Người tu mười hai Nhân Duyên thì chứng đắc quả vị Duyên Giác, sau đó đức Phật từ bi diễn nói đủ thứ ví dụ nhân duyên, dùng nghĩa phương tiện, khiến cho họ hồi tiểu hướng đại, thực hành lục độ hạnh môn của Bồ Tát. Đức Phật biết rõ tâm lý của một số chúng sinh, cho nên trước hết dạy họ tu pháp tiểu thừa, đợi khi các vị ấy chứng được quả A La Hán, thì mới khai quyền hiển thật, mà tiến thêm một bước dạy các vị ấy tu pháp của Bồ Tát : Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và Bát nhã, từ tiểu hướng đại, từ nhỏ lên lớn.

"Phương tiện, tri kiến Ba la mật của Như Lai đều đã đầy đủ". Như Lai nghĩa là thật trí. Từ trong chân như thật tướng mà được thành Phật, cho nên gọi là Như Lai.

Phương tiện là quyền trí vậy. Từ phương tiện thiện xảo, mà dùng đủ thứ nhân duyên ví dụ rộng nói ngôn giáo. Tri kiến Ba la mật tức hay dùng quyền thật, sự lý viên dung, thấu triệt đáy nguồn của pháp, rõ pháp vốn không, gọi là Phật tri kiến, đến được bờ kia gọi là Ba la mật. Đều đã đầy đủ. Tất cả tri giải hạnh môn đều đã đầy đủ, quyền thật đều cứu kính.

"Xá Lợi Phất ! Tri kiến của Như Lai rộng lớn sâu xa, chẳng có số lượng, tánh vốn không tịch, cho nên vô quái ngại". Do đó, lớn mà chẳng ở ngoài, nhỏ mà chẳng ở trong. "Lục vô sở úy", tức là mười lục và bốn vô sở úy của Như Lai. Định tức là tam muội. Thiên là tiếng Phạn, nói đủ là thiên na, dịch là "tư duy tu", hoặc là "tĩnh lự". Nếu vọng niệm mà ngưng bặc tức có định lực. Tu định chẳng phải chỉ có ngồi kiết già, mà bất cứ nhật củi gánh nước tiếp khách, những việc tầm thường hằng ngày đều tu định lực được.

Vị thiên sư Nhất Như Vĩnh Minh Thọ, mỗi ngày niệm mười vạn hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật. Phải chăng ngoài sự niệm Phật Ngài chẳng làm gì hết ? Chẳng phải. Ngài vừa làm vừa niệm, trong sự sinh hoạt hằng ngày đều ở trong niệm Phật tam muội, cho nên mỗi một câu niệm danh hiệu Phật của Ngài, thì có một vị Phật tử trong miệng của Ngài hiện ra. Song, tướng điềm lành này chỉ có người khai ngũ nhãn mới thấy được, chẳng phải mắt thịt của phàm phu thấy được. Do đó, thiên sư Vĩnh Minh Thọ được mọi người coi như là hóa thân của

Phật A Di Đà. Cho nên bất cứ chúng ta làm gì, nếu giữ gìn tâm : kiên, thành, hằng thì sẽ đắc được định lực.

**Xá Lợi Phất ! Như Lai dùng đủ thứ sự khác biệt, khéo léo nói các pháp, lời lẽ êm dịu, khiến cho vừa lòng đại chúng. Xá Lợi Phất ! Nói tóm lại những pháp chính yếu có vô lượng vô biên chưa từng có, Phật đều đã thành tựu.**

Xá Lợi Phất ! Phật dùng đủ thứ trí, rộng phân biệt diễn nói, những gì nói ra hợp cơ gọi là khéo, pháp nghĩa chẳng phải một nên gọi là khác, lời lẽ êm dịu cho nên lợi lạc tất cả các chúng sinh. Khéo nói các pháp đối với các pháp, khéo phân biệt, khéo nói thật tướng của các pháp. Pháp là phương pháp, nếu khéo léo nói pháp, thì khiến cho mọi người hoan hỉ tin thọ, đó là khéo nói các pháp.

Lục Tổ Huệ Năng tuy chẳng biết chữ, nhưng khéo nói các pháp. Một lần nọ, có hai vị Tăng tranh chấp về việc gió thổi lá phướn động. Một ông nói : "Tôi nói đó là gió động." Ông kia nói : "Chẳng phải, đó là phướn động." Hai người tranh luận không ngừng, đều chẳng chịu thua, lúc đó Ngài Huệ Năng vừa đến đó, bèn giải thích cho họ nghe : "Chẳng phải gió động, cũng chẳng phải phướn động, chính là tâm của hai vị động !" Trong tâm của bạn cảm thấy động thì nó động, nếu tâm không động

thì tất cả chẳng động. Đó cũng là khéo nói các pháp. Nếu ai hiểu được sự tu đạo, thì làm gì cũng đều là tu đạo, đều ở trong định.

Lục Tổ Huệ Năng khai ngộ như thế nào ? Khi Ngài chưa xuất gia làm nghề đốn củi, tuy nhiên đời sống vất vả nhưng Ngài không quên việc hiếu thảo với mẹ già. Sau đó, Ngài đến chỗ Ngũ Tổ, Ngũ Tổ bảo làm công việc già gạo. Ngài sớm tối già gạo chẳng ngừng nghỉ, tức chẳng có dịp ngồi thiền, cũng chẳng có thời giờ nghiên cứu Kinh điển, càng chẳng niệm câu Chú nào. Song, Ngài cánh nhiên khai ngộ ! Đó là nguyên nhân gì ? Vì bất cứ Ngài làm gì, cũng chuyên tâm nhất chí, thanh tịnh vọng niệm. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói rằng :

"Cuồng tâm hết sạch, tức là bồ đề."

Tức cũng là thiền định giải thoát tam muội. Do đó, nếu ngộ được ý bên trong, thì suốt ngày làm việc bình thường sẽ có thể lãnh hội.

"Khéo nói các pháp, lời lẽ êm dịu". Pháp của Phật nói, đều khiến cho tâm của chúng sinh an lạc vui vẻ.

Đức Phật lại nói : Xá Lợi Phất ! Nói tóm lại những pháp vi diệu chính yếu có vô lượng vô biên chưa từng có, ta đã hoàn toàn thành tựu chứng hết.

**Thôi, Xá Lợi Phất ! Đừng nói nữa. Vì sao ? Vì pháp của Phật thành tựu ít có,**

**khó hiểu bậc nhất. Chỉ có Phật với Phật, mỗi thấu triệt được thật tướng của các pháp. Đó là : tướng của các pháp như vậy, tánh như vậy, thể như vậy, lực như vậy, làm như vậy, nhân như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, báo như vậy, gốc ngọn cứu kính như vậy .v.v.**

**Lúc đó, Đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa này, mà nói ra bài kệ.**

Thôi là ngừng lại chẳng nói nữa. Tại sao Đức Phật không muốn nói nữa ? Vì Kinh này vi diệu thâm áo, chẳng phải một số người hiểu được, nói ra sợ làm cho chúng sinh sinh ra tâm nghi ngờ phỉ báng mà tạo các nghiệp ác. Cho nên đức Phật yên lặng lâu, chẳng nói pháp ít có, khó tin bậc nhất này.

Pháp đệ nhất nghĩa, tức là pháp môn không hai, cho nên gọi là đệ nhất. Pháp môn không hai, tức là không có hai không có ba, là tuyệt đối đăi, độc nhất vô nhị. Ít có là chưa từng nghe. Khó hiểu tức là lý sâu pháp diệu, ý nghĩa thâm sâu, cho nên khó hiểu. Pháp ít có này, khó thấy khó tin, chỉ có Phật với chư Phật, mỗi thấu triệt được thật tướng của các pháp là vô tướng mà vô sở bất tướng.

Các pháp tức là tất cả pháp, quy nạp lại không ra ngoài mười như vậy. Tóm lại, tức là mười pháp giới :

1. Pháp giới của Phật.
2. Pháp giới của Bồ Tát.
3. Pháp giới của Duyên Giác.
4. Pháp giới của Thanh Văn.
5. Pháp giới của chư Thiên.
6. Pháp giới của loài người.
7. Pháp giới của A Tu La.
8. Pháp giới của súc sinh.
9. Pháp giới của ngạ quỷ.
10. Pháp giới của địa ngục.

Bốn pháp giới trước là pháp giới của bậc Thánh, sáu pháp giới sau là pháp giới của phàm phu, cộng lại là mười pháp giới. Trong mười pháp giới, mỗi một giới lại có mười như vậy, cộng lại thành trăm giới. Mà trong trăm giới, mỗi một giới lại có mười như vậy, do đó gọi là ngàn như vậy.

Bây giờ, lược giảng về mười như vậy.

1. **Tướng như vậy** : Tướng tức là tướng mạo. Tướng mạo này có chân có vọng. Chân, thì thường trụ chẳng biến đổi, không sinh không diệt, chân như thật tướng. Do đó, diện mạo chân thật, bốn địa phong quang, là chỉ thường trụ chân tâm, tính tịnh minh thể của chúng ta. Thường trụ này chẳng biến đổi mà tùy duyên, tùy duyên mà chẳng biến đổi, như như bất động. Thường trụ

là không sinh không diệt, không dơ không sạch, không tăng không giảm. Nói tóm lại, thường trụ tức là chân như thật tướng. Song, chân như thật tướng này, chẳng phải ai ai cũng thấu rõ, cho nên nói chỉ có Phật với Phật mới thấu triệt được thật tướng của các pháp. Như Lai thấy rõ, chẳng có lầm lẫn, như lý chân thật gọi là tướng như vậy.

Tướng hư vọng ra sao ? Tức là tướng chẳng chân thật, tức là vô minh, có sinh diệt, có tăng giảm, có dơ sạch. Vô minh này chẳng có thật thể, chỉ là một giả danh mà thôi. Như trong Kinh này có nói : Thấy các chúng sinh vì sinh, già, bệnh, chết ưu bi khổ não, giống như ở trong nước sôi lửa nóng, chịu đựng mọi sự thiêu đốt bức bách khó chịu.

**2. Tánh như vậy** : Nghiệp chẳng tự sinh, thật là do tánh khởi. Tâm vốn có đủ tánh thiện và ác, tùy theo nhân duyên mà có đủ thứ khác nhau. Trung Quốc có bộ Tam Tụng Kinh, mỗi em bé đầu tiên vào nhập học thì phải học qua. Sách này trước hết nói : "Nhân chi sơ tánh bản thiện." Nghĩa là : Tánh của con người từ lúc sơ khai vốn là thiện. Thiện tức là Phật tánh. Song, tánh tương cận tập tương viễn, tâm vốn gần gũi với Phật, nhưng từ vô thủy đến nay đã nhiễm các tập ác, do đó từ từ xa lìa Phật tánh, chẳng biết bản lai diện mục (mặt mũi thật của mình), cho nên có phân ra tánh thiện và tánh ác. Tánh thiện và tánh ác biểu hiện ra như thế nào ?

Tánh như vậy, ở đây có một ví dụ, giống như gỗ, bên trong đều có tánh lửa, nhưng nếu bỏ tánh lửa này

không dùng, thì vĩnh viễn không thể sinh ra lửa, phải mượn một nhân duyên khác thì nó mới sinh ra lửa. Ví như xưa kia loài người chưa phát hiện được lửa, thì vật gì cũng đều ăn sống, khi phát hiện lấy lửa được ở cây, thì sau này mới dùng lửa để nấu chín đồ ăn. Từ đó về sau con người mới hiểu cách thức dùng gỗ để dẫn ra tánh lửa.

Đây cũng giống như chúng ta tạo ra nghiệp thiện ác, phải mượn cái tánh này hiển ra. Tánh này nếu làm thiện mà phát thì gọi là trí huệ quang ; nếu làm ác mà phát lửa vô minh thì biến thành lửa độc. Thú lửa độc này hay thành tựu vọng duyên, mà tánh của chúng ta giống như đạo lý gỗ vừa nói ở trên, bản tánh là không. Bên trong tuy có thiện có ác, nhưng phải mượn nhân duyên mới hiển ra được. Trong Kinh Lăng Nghiêm có nói về bốn đại : đất, nước, gió, lửa, khi tả về hỏa đại thì nói : Hoả đại không tánh, gởi nơi các duyên. Hỏa tánh chẳng có ngã, đủ nhân duyên hòa hợp mới sinh ra lửa, đó là đạo lý tánh như vậy.

3. **Thể như vậy** : Thể này tức là thân thể của chúng ta, cũng là hình thể của tất cả. Thể này phân tích ra thì có ba. Thứ nhất : Là phàm phu và Thánh nhân vốn bình đẳng, thể này vốn chẳng có phàm cũng chẳng có Thánh, là một dạng, đây gọi là dùng lý làm thể. Thể này là Phật tánh vốn có, lại gọi là lý (đạo lý). Thứ hai : Nếu có người từ phàm phu tu thành đạo nghiệp, đây gọi là thể vô lậu, là chứng quả Thánh nhân. Thứ ba : Một số phàm phu có đủ thân huyễn năm uẩn, tức là năm ấm : sắc, thọ,



tưởng, hành, thức, tứ đại đất, nước, gió, lửa hòa hợp mà thành thân thể này, tức là thể hữu lậu.

4. **Lục như vậy** : Lục này tức là xuất lục. Lúc trước tôi đã từng nói với các vị, tôi có vị sư huynh xuất gia. Ông ta vốn học qua đạo lý giảng Kinh thuyết pháp. Ông ta thường thường giảng Kinh, nhất là thích giảng về tám thức, tức là : Nhân, nhĩ, tĩ, thiệt, thân, ý, và thức Mạt na thứ bảy, thức A lại da thứ tám. Người Trung Quốc gần đến Tết thì thích biên câu đối, dùng giấy đỏ biên dán lên tường, cho rằng là cát tường, cũng có ý nghĩa là tị tà, ở trong chùa cũng có phong khí này.

Vào năm đó, tôi biên mấy chữ như thế này. "Tự quy y pháp, đương nguyện chúng sinh thâm nhập Kinh tạng, trí huệ như hải." Vị sư huynh của tôi thấy mấy chữ này rất lấy làm hoan hỉ, do đó đọc không ngừng "Trí huệ như hải, trí huệ như hải..." Tôi thấy ông ta đọc chẳng biết bao nhiêu lần, mới cười ông ta và nói : "Tôi thấy sư huynh là nghiệp lực như hải !" Ông ta vừa nghe được thì nổi giận mắng : "Ông nương tựa vào đâu mà nói tôi là nghiệp lực như hải ?" Tôi mới cười nói với ông ta : "Tôi bảo đảm sư huynh sẽ hoan hỉ. Nghiệp lực có thiện có ác, tôi nói sư huynh nghiệp thiện như hải, sư huynh nhận thấy thế nào ?" Lần này ông ta chẳng có lời gì để nói, tức khắc chuyển giận thành vui. Bạn thấy đó ! Con người thật là kì quái, chỉ sai có một chữ thì họ đã nổi giận. Bạn dịch chữ nghiệp là nghiệp thiện, thì sự nóng giận của họ chẳng biết chạy đi đâu mất. Bạn nói có diệu chăng ? Cho nên

lực này tức là nghiệp lực. Nghiệp cũng là một thể, là một sức lực ở trong nghiệp thể. Tất cả sơn hà đại địa, nhà cửa phòng ốc, sâm la vạn tượng ở trong mười pháp giới, đều chẳng phải từ nghiệp lực của chúng sinh thị hiện. Thân của chúng sinh gọi là chánh báo, tất cả sâm la vạn tượng gọi là y báo. Y, chánh hai báo đều từ nghiệp lực sinh ra, cho nên gọi là lực như vậy.

**5. Làm như vậy** : Làm tức là tạo tác, làm nên. Tạo ra tất cả nghiệp thiện ác khác nhau. Trồng nhân thiện thì kết quả thiện, trồng nhân ác thì kết quả ác. Tạo này tức là hãy xem bạn tạo cái gì, cho nên nói : Thiện ác là hai con đường, tu thì tu, tạo thì tạo. Ai tu thiện thì có phước đức, ai tạo ác thì chịu hoạn nạn.

**6. Nhân như vậy** : Nhân này là chỉ tâm của chúng ta chúng sinh, tâm này lại gọi là tâm địa, giống như một miếng đất, bất cứ bạn trồng hạt giống thiện hoặc ác, thì tương lai sẽ kết quả. Tất cả đều do tâm tạo, thiện ác báo ứng đều từ trong tâm của bạn tạo thành. Nhân này tức là hạt giống, trồng ở trong đất tâm của bạn, mà thiện ác cũng tùy theo nhân này mà hiển hiện.

**7. Duyên như vậy** : Duyên này có hai nhân tố hợp thành. Một là thời, hai là việc. Duyên này vốn chẳng phân ra thiện và ác, song việc gì cũng phải gặp duyên kết hợp mà thành mới hiện ra tướng mạo. Ví như, một vật khô, nếu gặp lửa đốt thì cháy, lửa là trợ duyên. Lại ví như băng, nếu gặp ánh nắng mặt trời thì tan ra mau, nếu gặp lạnh thì kết thành băng cứng rắn, đó đều là trợ duyên khác

nhau. Lại ví như, đem hạt giống trồng xuống đất thì cần phải có ánh sáng mặt trời, phân, nước, .v.v., đủ thứ trợ duyên, như thế thì hạt giống mới nảy mầm lớn lên. Do đó, do ngoại duyên hòa hợp mà thành, gọi là nhân duyên.

**8. Quả như vậy :** Bắt đầu hành vi ra sao, gọi là tạo nhân, đợi khi việc đã làm xong rồi tức là quả. Quả cũng căn cứ trên thiện ác mà nói, trồng nhân thiện thì được quả thiện, trồng nhân ác thì được quả ác, cho nên gọi là trồng nhân được quả.

**9. Báo như vậy :** Báo tức là quả báo. Bạn làm gì thì phải chịu quả báo đó. Vậy, quả và báo có gì khác nhau ? Nói về quả thì vẫn chưa thọ báo, chỉ là sự việc đã trưởng thành mà đắc được quả của nó, đợi đến khi thọ báo thì quả cũng tan rã mà thọ báo ứng. Ví như, bạn trồng nhân ác, lúc kết quả thì vẫn chưa chính thức thọ báo, đợi đến khi giai đoạn của quả này cũng đi qua rồi thì sau đó mới thọ báo ứng. Lại có thể giải thích sâu hơn nữa, ví như bạn tạo đủ thứ nghiệp ác mà chiêu quả đọa vào địa ngục, nhưng trong địa ngục lại chia ra rất nhiều thứ hình phạt khác nhau. Nếu như bạn phải thọ báo ứng địa ngục chảo dầu sôi, nhưng bạn vẫn chưa đi đến địa ngục chảo dầu sôi, đó là quả. Một khi vào chảo dầu sôi thì đó là thọ báo.

Nếu như giác ngộ đạo lý nhân duyên quả báo là tư hào chẳng sai, mà dùng mãnh tu đạo xuất ly, thì có cơ hội chứng bốn quả Thánh, tức bốn quả vị A La Hán. Nếu không thì vẫn luân hồi sinh tử ở trong cảnh giới của lục phàm.

10. **Gốc ngọn cứu kính như vậy** : Đây là một như vậy trong mười như vậy. Mười như vậy đều có mê, ngộ hai đường. Bất cứ là mê, là giác, từ con đường đó bắt đầu đi (gốc), đến điểm cuối cùng (ngọn), luận về nhân quả thì đều là bình đẳng không hai, cứu kính bình đẳng. Trong mỗi pháp giới đều có mười như vậy. Ví như trong pháp giới của Phật có "mười như vậy" này, trong pháp giới của địa ngục cũng có "mười như vậy" này. Song, cảnh giới của Phật và cảnh giới của địa ngục khác nhau một trời một vực. Trong mười pháp giới, mỗi một giới có mười như vậy, hợp lại thì thành một trăm như vậy. Ở trong một trăm này, mỗi cái lại có mười như vậy, thành ra một ngàn, đạo lý này gọi là bách giới thiên như (trăm giới ngàn như). Mà bách giới thiên như này, bao quát tất cả đủ thứ sự tướng tình hình trong mười pháp giới. Đây là một giải pháp rất hạn hẹp vô cùng đối với mười như vậy. Muốn thấu hiểu thêm bước nữa, thì phải bỏ ra một phen công phu để nghiên cứu Phật pháp, thì càng minh bạch đạo lý này.

Lúc đó Đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa lý đã nói, mới dùng kệ để nói :

**Đấng Thế Hùng khó lường  
Chữ thiên và nhân loại  
Tất cả loài chúng sinh  
Chẳng ai hiểu biết Phật.**

**Phật lực vô sở úy  
Giải thoát các tam muội  
Các pháp khác của Phật  
Chẳng ai đo lường được.  
Vốn từ vô số Phật  
Đầy đủ hạnh các đạo  
Pháp thâm sâu nhiệm mầu  
Khó thấy khó biết được.  
Trong vô lượng ức kiếp  
Hành các đạo đó rồi  
Đạo tràng được chứng quả  
Ta đều đã thấy biết.  
Quả báo lớn như vậy  
Đủ thứ tánh tướng nghĩa  
Ta và mười phương Phật  
Mới biết rõ việc đó.**

Đấng Thế Hùng là Đấng đại anh hùng, tức cũng là một vị Thánh nhân duy nhất của thế gian và xuất thế gian của thế giới chúng ta, là đại hùng đại lực đại từ bi, cho nên nói : Đấng Thế Hùng khó lường.

"Chư thiên và nhân loại" : Tất cả chư thiên ở trên trời và tất cả loài người trên thế gian. "Tất cả loài chúng sinh. Chẳng ai hiểu biết Phật" : Chẳng có một Chúng sinh nào hiểu biết được cảnh giới của Phật. "Phật lực vô sở úy" : Phật có mười lực, bốn vô sở úy. Mười lực là mười trí lực :

1. Trí lực biết xứ phi xứ.
2. Trí lực biết nghiệp báo ba đời.
3. Trí lực biết các thiền giải thoát tam muội.
4. Trí lực biết các căn thắng liệt.
5. Trí lực biết đủ thứ giải.
6. Trí lực biết đủ thứ giới.
7. Trí lực biết tất cả chí xứ đạo.
8. Trí lực biết thiên nhân vô ngại.
9. Trí lực biết túc mạng vô lậu.
10. Trí lực biết vĩnh đoạn tập khí.

Phật lại có bốn vô sở úy :

1. Nhất thiết trí vô sở úy.
2. Lậu tận vô sở úy.
3. Nói chướng đạo vô sở úy.
4. Nói đạo dứt khổ vô sở úy.

"Giải thoát các tam muội" : là chỉ người giải thoát và các thiền tam muội. "Các pháp khác của Phật" : những diệu hạnh diệu pháp khác, đức Phật thực hành đều chẳng cách chi đo lường được. "Vốn từ vô số Phật, đầy đủ hạnh các đạo". Từ vô lượng vô biên ở nhiều nơi các Đức

Phật các Ngài đều đầy đủ hạnh môn. "Pháp thâm sâu vi diệu này khó thấy khó hiểu được". Chẳng dễ gì thấy được cũng chẳng dễ gì minh bạch được. "Trong vô lượng ức kiếp" : Đức Phật Thích Ca và mười phương các Đức Phật khác, đều ở trong vô lượng ức kiếp về trước hành các đại hoàng nguyện, viên mãn Bảy bồ đề phần, Tám chánh đạo, Năm căn, Năm lực, Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, cộng thành ba mươi bảy đạo phẩm. "Hành các đạo đó rồi" : Đã tu hành ba mươi bảy đạo phẩm, bốn Diệu Đế, mười hai Nhân Duyên, lục độ vạn hạnh .v.v. "Đạo tràng được chứng quả". Vì tu rất nhiều pháp môn, cho nên đạo tràng thành tựu, Phật quả cũng thành tựu. "Ta đều đã thấy biết". Quả báo lớn như thế. Quả báo lớn giống như mười như vậy. "Đủ thứ tánh tướng nghĩa". Mười như vậy là đạo lý tướng và đủ thứ pháp môn, đủ thứ tu hành, ta đều hoàn toàn minh bạch. "Ta và mười phương Phật, mới biết rõ việc đó". Ta và mười phương chư Phật, mới minh bạch đủ thứ sự việc đó, còn những chúng sinh khác chẳng dễ gì minh bạch được.

**Pháp đó chẳng thể bày**  
**Lời lẽ tướng tịch diệt**  
**Những loài chúng sinh khác**  
**Chẳng ai hiểu biết được.**  
**Trừ các chúng Bồ Tát**

**Bạc sức tin kiên cố  
Chúng đệ tử chú Phật  
Tùng cúng dường chú Phật.  
Tất cả bậc sạch lậu  
Trụ ở thân cuối cùng  
Những hạng người như vậy  
Sức họ chẳng kham được.  
Nếu như đầy thế gian  
Đều như Xá Lợi Phất  
Suy nghĩ và độ lượng  
Chẳng dò được Phật trí.**

"Pháp đó chẳng thể bày". Diệu pháp này không thể tùy tiện nói cho người nghe. Tại sao ? Vì lời lẽ tướng tịch diệt. Đây là pháp môn cứu kính thật tướng, đường ngôn ngữ đã dứt, dùng lời lẽ cũng chẳng cách chi giải thích được ; chỗ tâm hành đã diệt, dùng tâm suy nghĩ tưởng tượng cũng chẳng cách chi nghĩ ra. Do đó :

"Khẩu dục ngôn nhi từ tán,  
Tâm dục duyên nhi lự vong".

Nghĩa là : miệng muốn nói mà lời tan mất, tâm nghĩ muốn phan duyên mà niệm lự tứ tưởng đều chẳng còn. Lời lẽ tướng tịch diệt tức là chẳng có gì để nói. Diệu



pháp chân chánh thì không thể nói, không thể nói là nói chẳng ra, nó phát huy ở trong tự tánh chứ chẳng phải từ bên ngoài đến được. "Những loài Chúng sinh khác chẳng ai hiểu biết được". Chẳng có bất cứ chúng sinh nào có thể minh bạch được diệu pháp này. "Trừ các chúng Bồ Tát". Trừ những bậc đại Bồ Tát mới minh bạch đạo lý thật tướng này. "Bậc sức tin kiên cố". Vì tâm của các vị ấy kiên cố, giống như Bồ Tát Văn Thù mới minh bạch được pháp này, tin được pháp này, ngoài ra những chúng sinh khác hoàn toàn chẳng minh bạch. "Chúng đệ tử chư Phật, từng cúng dường chư Phật". Tất cả chúng đệ tử của hết thầy chư Phật, ở trong ba đời quá khứ đã từng cúng dường tất cả chư Phật. "Tất cả bậc sạch lậu" : Các bậc đã đắc được vô lậu, chúng được quả vô lậu Bích Chi Phật. "Trụ ở thân cuối cùng". Hiện tại là báo thân cuối cùng, chẳng còn thọ thân sau, đã vĩnh viễn dứt sinh tử. "Những hạng người như vậy", giống như những Bồ Tát và Bích Chi Phật. "Sức họ chẳng kham được". Các vị ấy cũng đều không thể minh bạch được diệu pháp này. "Nếu như đầy thế gian, đều như Xá Lợi Phất". Giả sử người đầy khắp thế giới đều có trí huệ như Ngài Xá Lợi Phất. "Suy nghĩ và độ lượng". Dùng hết sự suy nghĩ và trí thức để dò trí huệ của Phật. "Không dò được Phật trí". Cũng chẳng cách chi đo lường được trí huệ của Phật.

**Giả sử đầy mười phương  
Đều như Xá Lợi Phất**

Và các đệ tử khác  
Cũng đầy mười phương cõi.  
Cùng nghĩ và độ lượng  
Cũng chẳng hiểu biết được  
Bích Chi Phật lợi trí  
Vô lậu thân cuối cùng.  
Cũng đầy khắp mười phương  
Số đông như rừng tre  
Thảy đều chung một lòng  
Trong vô lượng ức kiếp.  
Muốn lường Phật thật trí  
Chẳng biết được ít phần  
Bồ Tát mới phát tâm  
Cúng dường vô số Phật.  
Thấu rõ các nghĩa thú  
Lại hay khéo nói pháp  
Như lúa mè tre lau  
Đầy khắp mười phương cõi.  
Nhất tâm dùng diệu trí  
Trái Hăng sa số kiếp  
Cùng chung nhau suy lường

## **Chẳng biết được Phật trí.**

Phật đầy đủ viên mãn quyền thật hai trí. Quyền trí là tùy cơ thuyết pháp, phương tiện độ sinh ; thật trí là chuyên giảng về trí huệ thật tướng, trí huệ chân thật. Cho nên Ngài nói : "Giả sử đầy mười phương, đều như Xá Lợi Phất". Ở trước chỉ nói đầy một thế giới, bây giờ nói mười phương thế giới, tức cũng là ba ngàn đại thiên thế giới, vô lượng vô biên chúng sinh trong cõi nước mười phương thế giới, đều có trí huệ như Ngài Xá Lợi Phất, song, Xá Lợi Phất tuy có trí huệ, nhưng chỉ là quyền trí mà chẳng phải thật trí của Phật. "Và các đệ tử khác". Và các đệ tử khác của chư Phật. "Cũng đầy mười phương cõi". Cũng đầy khắp mười phương thế giới. "Cũng nghĩ và độ lượng". Cùng nhau suy nghĩ và độ lượng, dò trí huệ của Phật. "Cũng chẳng hiểu biết được". Cũng không thể nào hiểu biết được trí huệ chân thật của Phật, đó là chỉ đệ tử Thanh Văn tiểu thừa.

"Bích Chi Phật lợi trí". Bích Chi Phật là trung thừa, trí huệ của các Ngài cao sâu hơn Thanh Văn. "Vô lậu thân cuối cùng". Các bậc ấy đã đắc được vô lậu, tức là lậu tận thông. Chúng quả Bích Chi Phật rồi cũng chẳng còn thọ báo thân nữa, cho nên đây là báo thân cuối cùng. "Cũng đầy khắp mười phương". Bích Chi Phật cũng đầy khắp mười phương thế giới. "Số đông như rừng tre". Hết thầy đều nhất tâm. Nếu như Bích Chi Phật nhiều như thế cùng nhất tâm. "Trải vô lượng ức kiếp". Trải qua vô lượng vô

số đại kiếp. "Muốn lường Phật thật trí" : Muốn đo lường thật trí của Phật. "Chẳng thể biết ít phần". Đừng nói biết hết toàn bộ, dù một phần nhỏ chút ít cũng chẳng cách chi biết được.

"Bồ Tát mới phát tâm, cúng dường vô số Phật". Bồ Tát mới phát tâm đã từng cúng dường vô số các đức Phật. "Thấu rõ các nghĩa thú". Đối với đạo lý tông thú của Phật pháp, đều thông đạt vô ngại. "Lại hay khéo nói pháp". Các Ngài không những thông đạt tất cả nghĩa thú của các pháp, mà còn khéo thuyết pháp biện tài vô ngại. "Như lúa mè tre lau". Các vị Bồ Tát mới phát tâm nhiều như lúa, mè, tre, cỏ lau. "Đầy khắp mười phương cõi". Đầy khắp cõi nước trong mười phương thế giới. "Nhất tâm dùng diệu trí". Mọi người đều nhất tâm dùng diệu trí huệ. "Trải Hằng sa số kiếp". Trải qua đại kiếp nhiều như số cát sông Hằng. "Cùng chung nhau suy lường". Cùng nhau suy lường trí huệ của Phật. "Chẳng biết được Phật trí". Cũng chẳng thể biết được trí huệ của Phật.

**Các Bồ Tát bất thối  
Số đông như Hằng sa  
Đều nhất tâm suy cầu  
Cũng chẳng thể biết được.  
Lại nữa Xá Lợi Phất !  
Vô lậu chẳng nghĩ bàn**

**Pháp thâm sâu nhiệm màu  
Ta nay đã được đủ  
Chỉ ta biết tướng đó  
Mười phương Phật cũng thế.  
Xá Lợi Phất nên biết !  
Lời chú Phật không khác  
Pháp của Phật nói ra  
Nên sinh sức tin lớn  
Pháp Thế Tôn lâu sau  
Cần phải nói chân thật.  
Này các chúng Thanh Văn !  
Và người cầu Duyên Giác  
Ta khiến cho thoát khổ  
Sớm đắc được Niết bàn.  
Phật dùng sức phương tiện  
Mở bày ba thừa giáo  
Chúng sinh nỏi nỏi chấp  
Dẫn dắt họ ra khỏi.**

Các Bồ Tát bất thối, số đông như Hằng sa : Có khi Bồ Tát mới phát tâm cũng thối thất bồ đề tâm, vì chưa

có định lực chân chánh. Những vị Bồ Tát này đã chứng được ba bất thối :

1. **Vị bất thối** : Quả vị của những Bồ Tát này, ở đại thừa không thể thối về nhị thừa.

2. **Hạnh bất thối** : Các Ngài tu hành tinh tấn, chẳng giải đãi.

3. **Niệm bất thối** : Các Ngài chẳng bao giờ khởi tâm niệm thối chuyển.

Những Bồ Tát này nhiều như số cát sông Hằng. "Đều nhất tâm suy cầu". Đều chuyên tâm nhất chí cùng nghiên cứu trí huệ chân thật của Phật. "Cũng chẳng thể biết được" : Bồ Tát bất thối vị tuy là bất thối, nhưng vẫn chẳng đắc được trí huệ chân thật. Các Ngài chỉ có quyền trí, còn trí huệ chân thật của Phật thì các Ngài không thể biết được.

Phật Thích Ca nói : "Lại nữa Xá Lợi Phất ! Vô lậu chẳng nghĩ bàn, pháp thâm sâu vi diệu, ta nay đã được đủ". Đây là các pháp thật tướng, trí huệ chân thật, ta Phật Thích Ca Mâu Ni đã hoàn toàn đắc được, đầy đủ chẳng thiếu chẳng thừa. Chỉ ta biết tướng đó, mười phương Phật cũng thế.

"Xá Lợi Phất nên biết" ! Đức Phật lại gọi Xá Lợi Phất phải biết. "Lời chư Phật không khác" : Lời của chư Phật nói đều là dị khẩu đồng âm nói lời chân thật. Lời của Như Lai là chân, là thật, là như, chẳng hư vọng, chẳng khác. Cho nên pháp của mỗi vị Phật nói đều như nhau.

Trí huệ chân thật của Phật, chẳng có ai biết được, chỉ có Phật với Phật minh bạch được pháp này. "Pháp của Phật nói ra, nên sinh sức tin lớn". Bạn nên sinh đại tín tâm. Niềm tin lớn tức là chẳng có tâm nghi hoặc, chỉ có tín tâm, sức tin này lớn vô cùng. Tại sao gọi là sức tin ? Vì Phật pháp như biển cả, bạn muốn vào được chỉ có niềm tin. Nếu bạn chẳng có sức tin, thì không thể minh bạch đạo lý Phật pháp, cho nên nói : "Tin là nguồn đạo mẹ công đức". Tin là nguồn gốc của đạo lý, là mẹ của tất cả công đức. "Nuôi lớn tất cả mầm căn lành", bạn có niềm tin mới nuôi lớn căn lành được, nếu chẳng có niềm tin, thì căn lành không thể lớn lên được. Cho nên niềm tin là quan trọng nhất. "Pháp Thế Tôn lâu sau" : Ta Thế Tôn, lúc ban đầu thành Phật, thì nói Tam Tạng giáo, đây là bán tự giáo, dùng để giáo hóa Thanh Văn chúng sinh, thế nhưng khi ta nói pháp, nói đến lúc cuối cùng, thì cần phải nói chân thật. Ta phải nói ra hết tất cả pháp chân thật giáo hóa Bồ Tát thật trí, chẳng giống như lúc trước nói pháp phương tiện, bây giờ nói pháp chân thật. Ví như lúc trước bạn có chút mao bệnh, có thể từ từ trừ, chẳng quan trọng. Bây giờ thì thề nào ? Phải chân thật mà tu hành, một chút mao bệnh cũng không thể tồn tại. Bạn phải thật thà mà dụng công tu hành, phát tâm Bồ Tát đại thừa, đừng giống như lúc trước kéo dài ngày giờ. Kéo dài là gì ? Hôm nay thì đợi ngày mai mới tu hành, ngày mai lại chẳng tu hành, đợi đến ngày mốt mới tu. Giống như Tôn Giả A Nan, tự cho rằng mình là em chú bác với Đức Phật,

thì Phật sẽ ban cho tam muội, đó là tư tưởng sai lầm. Tu đạo thì sinh tử của mình tự mình lo, ai ăn người đó no. Sinh tử của bạn chắc chắn phải tự mình dụng công tu hành, người khác chẳng cách chi trợ giúp bạn. Phật nói trợ giúp bạn, đó chỉ là pháp phương tiện, khiến cho chính bạn phát tâm tu hành. Nếu chính bạn chẳng tu hành, thì cũng giống như người khác ăn cơm bạn không thể no được. Cho nên phải tự mình cung hành thực tiễn.

"Này các chúng Thanh Văn và người cầu Duyên Giác" : Ta nói pháp môn bốn Diệu Đế, bảo tất cả chúng Thanh Văn. Lại nói pháp mười hai Nhân Duyên, để giáo hóa đệ tử Duyên Giác thừa. "Ta khiến cho thoát khổ". Tâm từ bi của Phật, muốn khiến cho tất cả chúng sinh đều lìa khổ được vui, liễu sinh thoát tử. Vì vô thường mau chóng, nếu bạn chẳng tu hành thì quý vô thường chẳng nề vì, đợi đến khi nó đến mời bạn đi châu vua Diêm Vương, thì nó sẽ chẳng nề nang chút nào. Dù bạn dùng bao nhiêu tiền để mua chuộc quý vô thường, kêu nó hoãn lại một thời gian, để cho bạn sống thêm mấy năm cũng không thể nào được. Quý vô thường chẳng ăn hối lộ, chẳng giống như người nhân gian chúng ta tham quan ô sủ, thấy tiền thì sáng mắt ra, việc gì cũng có thể làm được. Do đó, tiền là thần thông, bạn có tiền thì việc làm không được cũng làm được ; bạn phạm pháp, cầm tiền đến thì pháp cũng chẳng phạm. Song, quý vô thường chẳng có tâm tham như thế, chúng chẳng tham tiền. "Sớm đắc được Niết Bàn". Phật dùng sức phương tiện, mở bày ba thừa giáo : Phật



vì một Phật thừa mà mở bày ba thừa. Ba thừa là Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa và Bồ Tát thừa ; mục đích cuối cùng của ba thừa là Phật thừa. Mà hiện tại đến lúc cuối cùng ta phải nói Phật thừa pháp chân thật này. "Chúng sinh nơi nơi chấp, dẫn dắt họ ra khỏi" : Một số chúng sinh bất cứ đến hoàn cảnh nào, thì họ chấp trước vào địa vị đó, mà chẳng di động ; thậm chí ở trong địa ngục, thì có sự chấp trước về địa ngục ; ở trong súc sinh, thì có sự chấp trước về súc sinh ; ở trong nhân loại, thì có sự chấp trước về nhân loại ; ở trong ngã quý, thì có sự chấp trước về ngã quý. Cho nên nói nơi nơi đều chấp. Nơi nơi tức là bất cứ ở hoàn cảnh nào. Ngũ luân ở gia đình : Anh, em, cha, mẹ, tổ, ai cũng đều có sự chấp trước ; trong cơ quan chính phủ quốc gia, mỗi bộ môn, mỗi cấp bậc cũng có chấp trước của họ. Pháp của Phật nói là vì phá chấp trước của chúng sinh. Tại sao có Phật pháp ? Vì Chúng ta có chấp trước. Nếu chẳng có chấp trước thì đâu có dùng pháp phá chấp trước.

**Bấy giờ, ở trong đại chúng có các vị Thanh Văn A La Hán đã sạch các lậu, Ngài A Nhã Kiều Trần Như .v.v. , một ngàn hai trăm người và các vị Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, phát tâm cầu Thanh Văn và Bích Chi Phật, ai nấy đều**

**ngĩ rằng : Hôm nay Đức Thế Tôn vì cớ gì, mà ân cần khen ngợi pháp phương tiện mà nói như vậy : Pháp của Phật đặc được thâm sâu khó hiểu, lời lẽ nói ra ý thú khó biết, tất cả Thanh Văn Bích Chi Phật, không thể hiểu biết được. Đức Phật nói một nghĩa giải thoát, chúng ta cũng được pháp này, đến nói Niết bàn, mà nay chẳng biết nghĩa đó như thế nào ?**

"Lúc bấy giờ, ở trong đại chúng" : Sau khi Đức Phật nói kệ xong. Đây là đoạn văn do Ngài A Nan nói khi kết tập Kinh điển, ở trong đại chúng có các vị Thanh Văn, là những vị tu pháp bốn Diệu đế mà ngộ đạo, thuộc về Thanh Văn thừa, và vì nghe âm thanh của Phật mà ngộ đạo, cho nên gọi là Thanh Văn thừa. A La Hán đã sạch các lậu, các lậu đã sạch, tức đặc được lậu tận thông, chẳng còn ở trong sinh tử nữa, chẳng còn vô minh, phiền não, cũng chẳng còn tất cả tập khí mao bệnh, tức cũng là vô lậu. Vậy hữu lậu thì thế nào ? Giống như cái bình lủng lỗ, khi rót nước vào thì chảy ra hết, cũng giống như thân thể chúng ta, cũng có rất nhiều lỗ, cho nên thân phàm phu gọi là hữu lậu. A La Hán là tiếng Phạn, dịch là "Ứng cúng", "sát tặc", "vô sinh". Trong các vị A La Hán, có vị

trưởng lão Kiều Trần Như, cũng là tiếng Phạn, dịch là "Tối sơ giải". Vì sau khi Đức Phật thành đạo, thì trước hết đi đến vườn Lộc Uyển độ Kiều Trần Như, tiền thân của vị này là Vua Ca Lợi ở trong Kinh Kim Cang. Vì Đức Phật tại nhân địa phát nguyện rằng : "Thành Phật rồi, thì trước hết độ vua Ca Lợi đã chặt thân thể của Ngài". Cho nên, Ngài thành Phật rồi, trước hết đi đến vườn Lộc Uyển độ năm vị Tỳ Kheo mà A Nhã Kiều Trần Như là vị chứng quả A La Hán đầu tiên, cho nên gọi là Tối sơ giải ; và vì Ngài minh bạch căn tánh bốn lai của Ngài, do đó lại gọi là Giải bốn tế. Một ngàn hai trăm người. Chúng A La Hán gồm có một ngàn hai trăm người.

"Và các vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cận sự nam, cận sự nữ phát tâm Thanh Văn và Bích Chi Phật". Tỳ Kheo có ba nghĩa : Khất sĩ, bố ma, phá ác. Tỳ Kheo Ni tức là nữ chúng xuất gia. Cư sĩ nam, cư sĩ nữ tức là những vị ưu bà tắc, ưu bà di, tại gia gần gũi Tam Bảo, đều phát tâm cầu Thanh Văn và Duyên Giác. Ai nấy đều nghĩ thế này : Bây giờ Đức Thế Tôn vì có gì mà khen ngợi pháp phương tiện ? Ân cần tức là rất hoan hỷ, nói đi rồi nói lại. Ở trước, Phật dùng trường hàng để tán thán, tiếp theo lại dùng kệ để tán thán, cho nên gọi là ân cần, tức cũng rất trịnh trọng đại đạo lý sẽ được nói ra, tư hào chẳng cầu thả, dùng mỗi phương thức để nói lại. Mà nói như vậy : "Pháp của Phật đặc được thâm sâu khó hiểu, lời lẽ nói ra, ý thú khó biết". Lúc đó, các chúng đệ tử vừa nói ở trên đều nói như vậy : Pháp của Phật đặc được vi diệu không

thể nghĩ bàn, pháp của Phật diễn nói ý nghĩa, lý thể cũng rất khó hiểu. "Tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật không thể hiểu biết được". Tất cả hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật đều không thể minh bạch đạo lý này. "Phật nói một nghĩa giải thoát" : Trước kia Phật nói giáo nghĩa giải thoát bậc nhất. "Chúng ta cũng được pháp đó" : Chúng ta hàng Thanh Văn cũng hoàn toàn đắc được đạo lý nghĩa giải thoát này. "Đến nơi Niết Bàn" : Nếu y pháp tu hành thì tương lai sẽ đắc được quả vị Niết Bàn. "Mà chẳng biết nghĩa đó như thế nào ?" Thế nhưng hiện tại Phật lại nói, lúc trước pháp nói ra chẳng cứu kính, chẳng triệt để, pháp nói lúc trước là quyền pháp, chẳng phải là thật pháp ; pháp nói lúc trước là quyền trí mà chẳng phải là thật trí. Bây giờ Phật nói như thế, khiến cho chúng ta chẳng biết nghĩa lý đó cứu kính đáo để là gì ? Bây giờ chúng ta đều sinh ra nghi hoặc. Lẽ nào pháp của Phật nói trước kia là sai chẳng ? Pháp nói bây giờ là đúng chẳng ? Dù là sai, chúng ta cũng đều đã đắc được sơ quả, nhị quả, tam quả và tứ quả. Bây giờ lại nói pháp của Phật nói trước kia không đúng, vậy quả vị đã chứng lẽ nào cũng đều là giả chẳng ? Bốn chúng đều có nghi vấn lớn như thế !

**Bấy giờ, Ngài Xá Lợi Phất biết tâm nghi của bốn chúng, chính mình cũng chưa rõ, mới bạch Đức Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Vì nhân duyên gì, mà ân cần**

**khen ngợi pháp phương tiện bậc nhất của  
chữ Phật, thâm sâu nhiệm mầu khó hiểu ?  
Con từ xưa đến nay, chưa từng nghe Đức  
Phật nói như thế. Nay bốn chúng thấy đều  
có tâm nghi, ngưỡng mong đức Thế Tôn  
diễn nói việc đó. Vì sao đức Thế Tôn ân  
cần ngợi khen, pháp thâm sâu nhiệm mầu  
khó hiểu ?**

**Khi đó, Ngài Xá Lợi Phất muốn thuật  
lại nghĩa này mà nói ra bài kệ.**

Ở trong hàng Thanh Văn, người có trí huệ bậc nhất là Ngài Xá Lợi Phất. Ngài biết bốn chúng có tâm nghi, khi đức Phật hiển hiện những cảnh giới này, chính Ngài cũng chưa rõ. Mới bạch Phật rằng : "Đức Thế Tôn ! Vì nhân duyên gì mà ân cần khen ngợi pháp phương tiện bậc nhất của chữ Phật thâm sâu vi diệu khó hiểu" ? Đức Thế Tôn ! Vì nhân duyên gì mà Ngài nay lại tán thán pháp thâm sâu vi diệu của chữ Phật ba đời ? Ba đời chữ Phật là quá khứ, hiện tại và vị lai. "Con từ xưa đến nay" : Con Xá Lợi Phất đã theo Phật hơn bốn mươi năm.

Từ chữ xưa này, có thể biết Ngài Xá Lợi Phất thường theo Đức Phật nghe pháp nghe Kinh thời khắc chẳng lìa. "Chưa từng nghe Đức Phật nói như thế" : Con

chưa từng nghe Đức Phật nói thận trọng như thế, khen ngợi lại khen ngợi, tán thán lại tán thán, trân trọng ân cần nói pháp như thế. "Nay bốn chúng thấy đều có tâm nghi" : Bây giờ bốn chúng đệ tử đều có tâm nghi hoặc, chẳng biết y vào pháp môn nào mà tu trì. "Ngưỡng mong Đức Thế Tôn diễn nói việc đó". Mong Đức Thế Tôn phân tích nói tử mỉ, khiến cho chúng con đừng đi vào con đường rẽ. Vì sao Đức Thế Tôn ân cần ngợi khen pháp thâm sâu vi diệu khó hiểu. "Khi đó, Ngài Xá Lợi Phất muốn thuật lại nghĩa này mà nói bài kệ". Lúc đó, Ngài Xá Lợi Phất lại dùng kệ để thưa hỏi Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni.

**Đấng Huệ Nhật Đại Thánh  
Lâu mỗi nói pháp này  
Tự nói được như thế  
Lực vô úy tam muội.  
Thiên định giải thoát thấy  
Pháp không thể nghĩ bàn  
Pháp chứng nơi đạo tràng  
Chẳng ai có thể hỏi.  
Tâm con khó dò được  
Cũng chẳng ai hỏi được  
Chẳng hỏi mà tự nói**

**Khen ngợi đạo mình hành.  
Trí huệ sâu vi diệu  
Chỗ đắc của chú Phật  
Các La Hán vô lậu  
Và người cầu Niết bàn.  
Nay đều sa lưới nghi  
Vì sao Phật nói thế ?  
Những người cầu Duyên Giác  
Tỳ kheo Tỳ kheo ni.  
Các trời rồng quỷ thần  
Và Càn thất bà thầy  
Nhìn nhau ôm lòng nghi  
Chiêm ngưỡng Đấng Luồng Túc.  
Việc đó như thế nào ?  
Xin Phật hãy giải nói.**

"Đấng Huệ Nhật Đại Thánh, lâu mới nói pháp này". Huệ là trí huệ, nhật là mặt trời, ví dụ trí huệ của đức Phật như ánh sáng mặt trời. Là Thiên Trung Thiên, Thánh Trung Thánh, cho nên gọi là Đấng Đại Thánh. Trước kia khi Phật chưa ra đời, thì thế giới chẳng có Phật pháp, giống như chẳng có ánh sáng mặt trời, Chúng sinh đều ở trong đen tối. Khi Phật ra đời, thì giống như mặt trời mọc

cao ở trong hư không, chiếu phá tất cả đen tối. Vì khi Phật chưa ra đời, thì người thế gian chẳng rõ chân lý. Chẳng phải chẳng có chân lý, mà là chẳng có ai minh bạch chân lý. Chân lý vốn chẳng đến cũng chẳng đi, chỉ vì chúng sinh đã trầm mê quá lâu, lại chẳng có bậc trí đến chỉ bày, cho nên chẳng biết chân lý sở tại. Thế thì chúng sinh trầm mê vào đâu ? Tức là trầm mê ở trong năm dục : Sắc, thanh, hương, vị, xúc, gọi là năm trần, còn gọi là năm dục.

**Sắc trần** : Phạm là vật có hình tướng đều gọi là sắc. Như một số người tham trước sắc đẹp, nhìn chẳng thủng sắc trần, cho nên say đắm ở trong sắc trần.

**Thanh trần** : Thích nghe âm nhạc, thích nghe ca hát, hoặc thích nghe tiếng chim hót, hoặc thích nghe lời mềm mại dịu dàng ngon ngọt, đó đều là đắm say ở trong thanh trần.

**Hương trần** : Cũng là một thứ dục vọng của con người, ăn vật này thì cảm thấy chẳng có hương thơm của vật kia, ăn đồ béo xong thì muốn thay đổi khẩu vị khác, ăn xong khẩu vị này, lại muốn đổi khẩu vị khác, thay đổi không ngừng, chẳng khi nào ngừng sự tham trước. Tóm lại, chúng sinh cũng say đắm trong hương trần chẳng tỉnh, giống như uống rượu say không khác.

**Vị trần** : Tức là mùi vị. Hôm nay muốn ăn cá, mai muốn ăn gà, mốt muốn ăn vịt, ăn xong thịt bò, thì cảm thấy thèm ăn thịt dê, ăn xong thịt dê, thì thèm ăn thịt heo, ăn thứ gì lâu ngày thì sẽ sinh chán, không thể đầy đủ.



Đó đều là do tham dục mà sinh ra thực dục, khiến cho chúng sinh trầm mê ở trong vị trần, mà chẳng cách chi tị cứu.

**Xúc trần** : Tức là thích tiếp xúc vật trơn nhẵn lán mịn, thậm chí giữa nam nữ đều hổ tương tham trước xúc trần, như hãm vào bùn lầy sâu thẳm, càng hãm càng sâu, chẳng cách chi tị cứu.

Năm dục chẳng dễ gì phá được, cho nên kẻ ngoại đạo thuận theo năm dục để thuyết pháp, chẳng thể khiến cho chúng sinh tỉnh ngộ. Chúng sinh chẳng khác nào đi vào con đường chết đen tối, chẳng cách chi ra khỏi, cũng chẳng biết lối ra. Đến khi Phật ra đời, thì mới giống như mặt trời chiếu phá đen tối, cho nên Ngài Xá Lợi Phất nói : "Đấng Huệ Nhật Đại Thánh". "Lâu mới nói pháp này". Phật từ lâu xa chẳng nói pháp này. Trước kia nói pháp đều là quyền pháp, quyền trí, mà chẳng nói thật trí. Bây giờ mới nói trí huệ chân thật cho mọi người nghe.

"Tự nói được như thế, lực vô úy tam muội, thiên định giải thoán thủy, pháp không thể nghĩ bàn". Đức Phật diễn nói thật trí này, thì trước hết nói chính Ngài đã chứng được pháp như vậy, tức mười trí lực, bốn vô sở úy và đủ thủ thân thông tam muội, còn có bốn thiên, tám định, tám giải thoát .v.v., pháp không thể dùng tâm suy nghĩ, không thể dùng lời luận bàn. "Pháp chứng nơi đạo tràng, chẳng ai có thể hỏi". Phật tu đạo đắc được pháp vi diệu đó là thật trí, chẳng phải là quyền trí, cho nên Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát quyền thừa, đều chẳng minh bạch

thật trí, cũng chẳng có ai có thể hỏi được. "Tâm con khó dò được" : Pháp này chỉ có Đức Phật mới minh bạch được, thâm sâu không thể dò lường được, cho nên cũng chẳng ai hỏi được. "Chẳng hỏi mà tự nói" : Chẳng có ai hỏi, mà Đức Thế Tôn tự nói pháp này. "Khen ngợi đạo mình hành" : Tán thán khen ngợi đạo của Phật thực hành. "Trí huệ sâu vi diệu" : Trí huệ chân thật của Phật thâm sâu vi diệu. "Chỗ đắc của chư Phật" : Chỉ có mười phương chư Phật và Phật Thích Ca mới minh bạch được trí huệ này. "Các La Hán vô lậu" : Tuy nhiên các bậc Thanh Văn La Hán đắc được vô lậu, và người cầu Niết Bàn, và quyền thừa Bồ Tát cầu được Niết Bàn, hoặc Bích Chi Phật .v.v. "Nay đều sa lưới nghi". Bây giờ mọi người đều sinh nghi hoặc, thì có chướng ngại cho sự tu đạo, do đó người tu đạo chớ có nghi, nếu khởi tâm nghi tức rơi vào đường mê. "Vì sao Phật nói thế, những người cầu Duyên Giác, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, các trời, rồng, quỷ thần và Càn Thát Bà thấy, nhìn nhau ôm lòng nghi. Tại sao Phật nói pháp này" ? Chẳng những một số người hồ nghi không tin, mà thậm chí các bậc Duyên Giác, hai chúng xuất gia, tất cả trời, rồng hộ pháp, tám bộ quỷ thần .v.v., đều nhìn nhau ôm lòng nghi. Bạn nhìn tôi, tôi nhìn bạn, ai nấy đều chẳng minh bạch.

"Chiêm ngưỡng Đấng Lương Túc" : Bây giờ mọi người đều chiêm ngưỡng Đức Phật mắt chẳng tạm rời. Đấng Lương Túc, Lương Túc là gì ? Lương là hai, là chỉ phước và huệ. Túc là đầy đủ, túc là phước huệ đầy đủ viên

mãn, cho nên gọi là Luồng Túc Tôn. Đức Phật Thích Ca tam kỳ tu phước huệ. Trải qua thời gian ba đại A Tăng Kỳ kiếp tu phước tu huệ. Bách kiếp chủng tướng hảo. Trong một trăm đại kiếp về trước tu ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp. A Tăng Kỳ là gì ? Túc là vô lượng số, không thể tính ra được số mục. Đoạn thời gian dài này Phật tu phước tu huệ. Tu phước thì cúng dường Tam Bảo, gần gũi chư Phật, cúng dường Phật, Pháp, Tăng, cúng dường Bồ Tát, cúng dường Bích Chi Phật, cúng dường A La Hán. Chẳng những cúng dường một vị, mà là cúng dường vô lượng vô số Phật, Pháp, Tăng .v.v. Tu huệ thì trước phải giữ giới. Tại sao ? Vì trước hết giữ giới, mới do giới mà sinh định, do định mà phát huệ. Định lực tức là chẳng bị cảnh giới chuyển, đối với cảnh thiện, ác đều chẳng động tâm. Cảnh thiện tức là thuận cảnh, cảnh ác tức là nghịch cảnh. Thuận nghịch, khen chê, đều chẳng động tâm, đó tức là có định lực, có định lực mới có huệ lực, cho nên Đức Phật vừa tu phước vừa tu huệ.

Tu huệ thì phải học Kinh điển, nếu chẳng học Kinh điển thì trí huệ không thể tăng trưởng. Học Kinh, Luật, Luận ba tạng thì sẽ sinh huệ. Nếu chỉ tu phước mà chẳng tu huệ, thì tương lai được kết quả gì ? Tu phước chẳng tu huệ, thân voi mang chuỗi anh lạc. Tương lai làm voi vừa cao vừa to lớn, lại có sức mạnh, thân mang châu báu, chẳng có trí huệ. Tu huệ chẳng tu phước, La Hán ôm bát không. Cú học Kinh điển nhưng chẳng làm việc thiện, chẳng trồng căn lành. Làm việc thiện tức là không làm

các điều ác, hãy làm các việc lành. Nếu bạn nói : Tôi nghiên cứu Kinh điển là tốt rồi, tại sao phải làm việc thiện, phải giúp đỡ người ? Thế thì tương lai bạn chứng quả A La Hán, đi hóa duyên chẳng có ai cúng dường. Tại sao ? Vì tại nhân địa chẳng tu phước, thì tại quả địa chẳng có phước. Tôi thường nói :

"Chịu khổ thì hết khổ,  
Hưởng phước thì hết phước."

Tại sao bạn phải chịu khổ ? Vì quá khứ bạn chẳng tu phước, cho nên phải chịu khổ. Khổ này nếu bạn chịu được nó thì mới dứt được. Nếu bạn chẳng chịu khổ, thì khổ này vẫn tồn tại. Nếu bạn có một chút phước báo, nhưng suốt ngày đến tối cứ nói việc hưởng thụ, ở nhà tốt, ăn vật ngon, mua quần áo đẹp, chạy xe mới, thậm chí đi du lịch bằng máy bay, đó đều là đang tiêu mòn phước báo, bạn hưởng hết phước thì chẳng còn phước, thì phải chịu khổ. Vậy Đức Phật thì sao ? Ngài vừa tu phước vừa tu huệ, phước huệ đều tròn đầy, cho nên gọi là phước huệ Lương Túc Tôn. "Việc đó như thế nào ? Xin Phật hãy giải nói" : Mọi người đều khẩn cầu đức Phật nói ra ý nghĩa đó.

**Trong hàng chúng Thanh Văn  
Phật nói con hạng nhất.  
Nay con nường trí mình**

**Nghi hoặc chẳng hiểu được  
Đâu là pháp cứu kính  
Đâu là đạo Phật hành ?  
Con tử miệng Phật sinh !  
Chấp tay chiêm ngưỡng chò  
Xin nói pháp vi diệu  
Liên vì nói như thật.  
Các trời rồng thần quỷ  
Số đông như Hằng sa  
Các Bồ Tát cầu Phật  
Số nhiều đến tám vạn.  
Và vạn ức cõi nước  
Chuyển luân thánh vương đến  
Chấp tay lòng cung kính  
Muốn nghe đạo đầy đủ.**

"Trong hàng chúng Thanh Văn, Phật nói con hạng nhất" : Ở trong hàng chúng Thanh Văn, Phật nói con Xá Lợi Phất, là người có trí huệ đệ nhất. "Nay con nương trí mình, nghi hoặc chẳng hiểu được". Tuy con là trí huệ đệ nhất, nhưng cũng nghi hoặc chẳng hiểu ? "Đâu là pháp cứu kính" : Cứu kính thì pháp nào là pháp cứu kính ?

Là vì pháp cứu kính vi diệu thâm sâu. "Đâu là đạo Phật hành" : Và đâu mới là đạo bồ đề viên mãn của Như Lai tu ? "Con từ miệng Phật sinh" : Tất cả Bồ Tát là chân tử của Phật, từ miệng Phật sinh ra. "Chấp tay chiêm ngưỡng chờ" : Đều chấp tay lại, chiêm ngưỡng đức Phật mắt chẳng tạm rời, đợi Phật nói pháp thâm sâu vi diệu, trí tuệ chân thật. "Xin nói pháp vi diệu, liền vì nói như thật". Bây giờ mọi người đều mong đợi Đức Thế Tôn ban pháp âm vi diệu, đạo lý chân thật. "Các trời, rồng, thần thánh, số đông như Hằng sa, các Bồ Tát cầu Phật, số nhiều đến tám vạn" : Thiên, Long bát bộ số đông như số cát sông Hằng, còn có các vị Bồ Tát cầu Phật đạo, đông nhiều đến tám vạn. "Và vạn ức cõi nước, Chuyển luân thánh vương đến" : Và tất cả hàng vạn ức cõi nước khác, có các vị Chuyển luân thánh vương đều đến. Chuyển luân thánh vương lại phân ra Kim luân vương, Ngân luân vương, Đồng luân vương, Thiết luân vương. "Chấp tay lòng cung kính, muốn nghe đạo đầy đủ". Mọi người đều chấp tay lại, cung kính muốn nghe Đức Thế Tôn diễn nói nghĩa lý chân thật đầy đủ viên mãn vô thượng bồ đề đại đạo của đức Phật tu.

**Bấy giờ, Đức Phật bảo Xá Lợi Phất :  
Thôi đi ! Thôi đi ! Đừng nói nữa. Nếu nói  
việc đó, thì tất cả trời, người thế gian đều  
sẽ kinh sợ nghi ngờ.**

**Xá Lợi Phất lại bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Cúi xin nói cho, cúi xin nói cho ! Vì sao ? Vì vô số trăm ngàn vạn ức A tăng kỳ chúng sinh, đã từng gặp các đức Phật, các căn đều lanh lợi, trí huệ sáng suốt, nghe đức Phật nói chắc sẽ cung kính tin nhận.**

"Lúc bấy giờ, Phật bảo Xá Lợi Phất : Thôi đi ! Thôi đi ! Đừng nói nữa" : Đây là pháp không thể nói, không cần nói. "Vì sao ? Nếu nói việc đó, thì tất cả trời, người thế gian, đều sẽ kinh sợ nghi ngờ" : Người ở trên trời và người ở nhân gian đều sẽ kinh sợ hoài nghi. Tại sao ? Nếu bạn nói pháp phương tiện quyền xảo, thì họ tin sâu chẳng nghi hoặc, nếu bạn nói pháp chân thật thì họ chẳng tin. Ví như bạn kêu họ đừng có tâm dâm dục thì họ nói : chẳng có tâm dâm dục thì còn có ý nghĩa gì ? Mọi người đều sinh ra tâm nghi hoặc, vì họ cho rằng thú hành vi đó là khoái lạc nhất. "Xá Lợi Phất lại bạch Phật rằng" : Đức Phật vốn chẳng muốn nói pháp này, chẳng nói bộ Kinh Pháp Hoa này, nhưng Ngài Xá Lợi Phất nài nỉ khẩn cầu Đức Phật nhất định phải nói, đây gọi là thỉnh pháp. Giảng Kinh vốn phải có người thỉnh pháp mới giảng, bất quá ở những nơi chẳng hiểu Phật pháp, nếu

phải đợi người thỉnh, thì dù đợi đến năm sáu năm, cũng chẳng có người thỉnh.

"Đức Thế Tôn ! Cúi xin nói cho, cúi xin nói cho" : Ngài Xá Lợi Phất lại gọi Đức Thế Tôn hãy nói cho. "Xin vì đại chúng mà diễn nói diệu pháp ! Xin vì đại Chúng mà nói diệu pháp" ! Do đó, thỉnh pháp tổng cộng có ba lần, đó là biểu thị khẩn thiết chí thành, nhất tâm cầu pháp. Vì sao ? Tại sao phải ba lần thỉnh Phật nói pháp này ? Vì vô số trăm ngàn vạn ức A Tăng Kỳ chúng sinh. "Trong pháp hội này có vô lượng vô số chúng sinh. Đã từng gặp các Đức Phật" : Trong quá khứ họ đã từng gặp các Đức Phật, bây giờ cũng gặp được Đức Thế Tôn. "Các căn lanh lợi" : Căn tính của họ đều lanh lẹ thông minh phi thường. "Trí huệ sáng suốt" : cũng đều có trí huệ. Nghe pháp của Phật nói, chắc sẽ cung kính tin nhận. Nếu Phật nói ra chắc chắn họ đều sinh tín tâm, thỉnh Phật từ bi diễn nói pháp thâm sâu vi diệu này.

**Khi đó, Ngài Xá Lợi Phất muốn thuật lại nghĩa này, mà nói ra bài kệ :**

**Đấng Pháp Vương vô thượng**

**Xin nói chỗ do dự**

**Vô lượng chúng trong hội**

**Có người sẽ kính tin.**



Lúc đó, Ngài Xá Lợi Phất vì biểu thị sự khẩn thiết chí thành thỉnh pháp của Ngài, mới dùng kỹ thuật lại ý nghĩa trường hàng ở trên. "Đấng Pháp Vương Vô Thượng" : Chỉ có Phật là bậc tôn kính nhất của thế gian và xuất thế gian. "Xin nói chớ do dự" : Hy vọng Đức Thế Tôn nói pháp này, đừng do dự. "Vô lượng chúng trong hội, có người sẽ kính tin". Vì ở trong đại hội này, tất có người có thể tiếp nhận cung kính thọ trì.

**Đức Phật lại bảo Xá Lợi Phất : Thôi đi ! Nếu nói việc đó, thì tất cả thế gian trời, người, A tu la đều sẽ kinh sợ nghi hoặc, Tỳ kheo tăng thượng mạn sẽ sa vào hầm lớn.**

**Lúc đó, Đức Thế Tôn nói kệ rằng :**

**Thôi thôi đừng nên nói  
Pháp ta diệu khó nghĩ  
Những kẻ tăng thượng mạn  
Nghe tất chẳng kính tin.**

Ở trước Phật đã hai phen bảo Ngài Xá Lợi Phất : Thôi đi ! Lần này là lần thứ ba. Tại sao nói thôi đi ? "Nếu nói việc đó thì tất cả thế gian trời, người, A Tu La đều sẽ kinh sợ nghi hoặc ; không những trời, người .v.v.,

đều sẽ kinh sợ nghi hoặc, Tỳ Kheo tăng thượng mạn sẽ sa vào hầm lớn" : Ở trong hội có những Tỳ Kheo cống cao ngã mạn, tự cho rằng họ đệ nhất, họ sẽ đọa vào hầm lớn. Đó là bệnh thông thường của con người, ỷ có chút thông minh, chẳng phải là trí huệ cứu kính, khua môi múa mỏ đi khắp nơi khoe khoang mình là đệ nhất. Người thật có trí huệ thì họ giữ kín chẳng để cho người biết. Thế thì đó chẳng phải là tâm tham chẳng ? Chẳng phải, sáng lạng mà chẳng lộ ra bên ngoài, là vì phòng ngừa tâm cống cao ngã mạn. Cống cao tức là tự xem mình hơn người, cảm thấy ưu tú hơn bất cứ ai. Ví như : Người da vàng thì cho người da vàng ưu tú, người da trắng thì cho rằng người da trắng ưu tú, người da đen thì cho rằng người da đen ưu tú, đó là một thứ biểu hiện cống cao ngã mạn. Lời xưa có nói : "Mãn chiêu tổn, khiêm thọ ích". Một khi mình khởi tâm kiêu ngạo, thì sẽ có chướng ngại trên đường học vấn, vì không thể nào tiếp thọ học được những gì hay của người khác, người chưa học Phật pháp, thì chẳng thông đạt Phật lý, càng không nên không nên có tâm cống cao.

Có những người thiên tài xuất chúng, thông minh hơn người, bất cứ xem Kinh, tụng Kinh đều nhanh chóng hơn người khác, nhưng y rất dễ sinh ra tâm tự mãn, cho rằng mình thành Phật cũng sẽ nhanh hơn người. Loại người này nên nhớ đừng có tâm kiêu ngạo.

Hiện tại Đức Phật nói : "Tỳ Kheo tăng thượng mạn". Họ cho rằng pháp gì họ cũng đều hiểu hết, song hậu quả của họ không thể tưởng tượng được. "Sẽ xa vào

hầm lớn" : Hầm lớn tức là ba đường ác : súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục.

"Lúc đó, Đức Phật lại dùng kệ để trả lời Ngài Xá Lợi Phất" : Thôi thôi đừng nên nói, pháp ta diệu khó lường, những người tăng thượng mạn nghe tất chẳng kính tin. Pháp thâm sâu vi diệu này của ta nói ra, rất khó có người tin nhận, nhất là những người tăng thượng mạn càng chẳng cung kính tin nhận.

**Khi đó, Ngài Xá Lợi Phất lại bạch Phật rằng : Đức Thế Tôn ! Cúi xin nói cho, cúi xin nói cho, nay trong hội này, những người nhũ con, có hàng trăm ngàn vạn ức, các vị đó đời đời kiếp kiếp, đã từng tiếp thọ sự giáo hóa của Phật. Những người này tất sẽ cung kính tin nhận, lâu dài sẽ an ổn, sẽ đắc được nhiều lợi ích.**

Lúc đó, Ngài Xá Lợi Phất muốn thuật lại nghĩa này, bèn nói ra bài kệ :

**Đấng Vô Thượng Lương Túc  
Xin nói pháp bậc nhất  
Con là trưởng tử Phật**

**Cúi xin phân biệt nói.  
Vô lượng chúng hội này  
Sẽ kính tin pháp này  
Phật đời đời đã từng  
Giáo hóa chúng như thế.  
Đều một lòng chấp tay  
Muốn nghe lời Phật nói  
Chúng con ngàn hai trăm  
Và người cầu Phật kia.  
Xin vì đại chúng này  
Cúi xin phân biệt nói  
Chúng con nghe pháp này  
Chắc sinh vui mừng lớn.**

Lúc đó, Ngài Xá Lợi Phất lại ba lần hai lượt khẩn cầu Đức Phật nói : "Đức Thế Tôn ! Cúi xin nói cho, cúi xin nói cho. Nay trong hội này người như con có hàng trăm ngàn vạn ức, các vị đó đời đời kiếp kiếp đã từng tiếp thọ sự giáo hóa của Phật. Những người này tất sẽ kính tin." Trong pháp hội này, những người như con, tức là những Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ .v.v., đã từng trải qua trăm vạn kiếp, đời đời kiếp kiếp, đều tiếp thọ sự giáo hóa của Phật. Nhiều đời nhiều kiếp, Phật đã độ

các hữu tình, họ cũng phát nguyện, đời đời kiếp kiếp thường theo học Phật. Phật làm Tỳ Kheo thì những người này đã quy y Phật, làm đệ tử của Phật. Khi Phật chứng đắc sơ quả A La Hán, thì họ đều nương theo Phật xuất gia, khi Phật chứng nhị quả thì họ phát nguyện theo Phật tu hành, Phật dùng tâm từ bi để nhiếp hóa họ. Đến khi Phật thành Phật rồi thì những đệ tử này đều chứng đắc quả vị A La Hán, đời đời kiếp kiếp theo bên trái bên phải của Phật. "Những đệ tử này chắc chắn sẽ kính tin pháp vi diệu của Phật nói. Lâu dài sẽ an ổn, sẽ được nhiều lợi ích". Nếu nghe được Phật nói pháp này, thì lâu dần sẽ chẳng sợ sệt, thâm tâm yên ổn đắc được rất nhiều lợi ích.

Khi tôi ở tại Đông Bắc Trung Quốc, và Hương Cảng, có những đệ tử đối với tôi niềm tin rất thâm sâu, bất cứ tôi nói gì họ cũng đều tin sâu chẳng nghi ngờ, khiến cho những người đời này quy y lần đầu tiên, hoặc đã quy y hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, thì tín tâm càng vững vàng. Nếu người nào đã quy y nhiều đời thì tín tâm của họ kiên cố kiên thành, đối với Phật pháp tin sâu chẳng nghi ngờ.

Tuy Ngài Xá Lợi Phất nói trong hội có người tất sẽ kính tin, nhưng khi Phật đang muốn nói diệu pháp này thì trong đại chúng có năm ngàn người bỏ đi, đó giống như đãi gạo, bỏ hết trấu chỉ còn lại gạo. "Lúc đó, Ngài Xá Lợi Phất muốn thuật lại nghĩa này mà nói kệ : Đấng Vô Thượng Lương Túc, xin nói pháp bậc nhất." Muốn thỉnh

Đức Thế Tôn đấng phước huệ đều viên mãn diễn nói diệu pháp độc nhất không hai này. "Con là trưởng tử của Phật, cúi xin phân biệt nói". Con Xá Lợi Phất là đại đệ tử Thanh Văn của Phật, nay cung thỉnh Đức Thế Tôn phân biệt giải nói tỉ mỉ. "Vô lượng Chúng hội này, sẽ kính tin pháp này, Phật đời đời đã từng, giáo hóa chúng như thế". Các vị ấy đã nhiều đời nhiều kiếp, đã chịu ơn của Phật pháp, cho nên nhất định sẽ tin nhận. "Đều một lòng chấp tay, muốn nghe lời Phật nói, chúng con ngàn hai trăm, và người cầu Phật pháp, xin vì đại chúng này, cúi xin phân biệt nói". Một ngàn hai trăm vị Thanh Văn ở trong đại hội này, và Bích Chi Phật, Bồ Tát quyền thừa đều khát ngưỡng Đức Thế Tôn diễn nói diệu pháp này. "Chúng con nghe pháp này, chắc sinh vui mừng lớn". Nếu Chúng con nghe diệu pháp này, thì chắc chắn vui mừng nhảy nhót.

**Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo Ngài Xá Lợi Phất : Ông đã ân cần ba phen thỉnh cầu, lẽ nào không nói, ông hãy lắng nghe và khéo suy xét. Ta sẽ vì ông phân biệt giải nói.**

**Đức Phật vừa nói lời này xong, thì trong hội có các vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, cả thầy năm ngàn**

người, liền từ chỗ ngồi đứng dậy lễ Phật rồi đi. Vì sao ? Vì những người này tội căn sâu nặng, và những người tăng thượng mạn, chưa được mà nói đã được, chưa chứng mà nói đã chứng, có lỗi như thế, cho nên chẳng ở lại. Đức Thế Tôn yên lặng chẳng ngăn cản họ.

Lúc đó, Đức Phật nói với Ngài Xá Lợi Phất : Nay chúng của ta đây chẳng còn cành lá, chỉ thuần có chân thật. Xá Lợi Phất ! Những người tăng thượng mạn như thế, đi về cũng tốt. Nay ông hãy khéo lắng nghe, ta sẽ vì ông mà nói.

Ngài Xá Lợi Phất nói : Thưa vâng, Đức Thế Tôn, con thích muốn được nghe.

Lúc đó, Đức Thế Tôn bị Ngài Xá Lợi Phất thành tâm khẩn thiết thỉnh cầu mà cảm động, cho nên nói : "Con đã ân cần ba phen thỉnh cầu, lẽ nào chẳng nói." Ta làm sao mà chẳng nói ? Con hãy lắng nghe và khéo suy xét. Ta sẽ vì con mà phân biệt giải nói. Con phải chuyên tâm nhất chí, lắng nghe, bây giờ ta sẽ vì các con mà giải nói cặn kẽ.

"Nói lời này xong, thì trong hội có các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, cả thảy năm ngàn người, bèn từ chỗ ngồi đứng dậy, lễ Phật mà lui đi". Lúc đó có năm ngàn người lui về. "Vì sao ? Vì những người đó tội căn sâu nặng và những kẻ tăng thượng mạn chưa được mà nói đã được, chưa chứng mà nói đã chứng, có lỗi như thế, cho nên chẳng ở lại". Tại sao họ phải lui đi ? Vì tội chướng của họ quá nặng, phước mỏng huệ cạn, cho nên không thể ở lại trong hội này, để nghe diệu pháp vô thượng. Mao bệnh của những người này là tăng thượng mạn, tự mình chưa đắc pháp mà nói đã đắc được pháp, tự mình chưa chứng quả vị A La Hán mà nói đã chứng được, tự mình chưa chứng được trí huệ chân thật, mà nói đã chứng được, do đó những người này chẳng có duyên nghe được Kinh Pháp Hoa.

"Đức Thế Tôn yên lặng mà chẳng ngăn cản họ" : Phật cũng chẳng ngăn cản họ, kêu họ đừng đi. "Lúc đó, Đức Phật nói với Ngài Xá Lợi Phất : Nay Chúng của ta đây chẳng còn cành lá, chỉ thuần có chân thật". Phật nói những người vừa mới lui đi, là cành lá tạp nhạp, cũng là vỏ bẹ bên ngoài. Bây giờ những người còn lại toàn là những người có căn lành, có phước huệ, có thuần chân tín tâm thanh tịnh. Năm ngàn người lui đi là vì tâm của họ chẳng thành. Ví như, tôi có hai vị đệ tử, sau lần thọ giới thì chạy đi mất, tình hình cũng giống như năm ngàn người lui đi. Sau đó, anh em hai người đó đi khắp nơi nói dối



người đời, nói chúng đã khai ngộ. Đó thật là tự lừa dối người.

"Xá Lợi Phát ! Những kẻ tăng thượng mạn tự bỏ đi cũng là tốt." Họ bỏ đi cũng tốt, tránh sự ảnh hưởng đến người khác, khiến cho người khác xấu theo. "Nay ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì ông mà nói" : Bây giờ ông hãy nghe cho kỹ, ta sẽ vì ông mà nói pháp. Xá Lợi Phát nói : "Thưa vâng, Đức Thế Tôn ! Con rất thích muốn nghe". Ngài Xá Lợi Phát và đại chúng đều vui mừng chờ đợi Phật nói pháp.

**Đức Phật bảo Xá Lợi Phát ! Diệu pháp như thế, khi đúng thời thì chư Phật Như Lai mới nói. Như hoa Ưu đàm bát, đúng thời mới hiện. Xá Lợi Phát ! Các ông nên tin lời của Phật nói, chẳng có hư vọng. Xá Lợi Phát ! Chư Phật tùy nghi nói pháp ý thú khó hiểu. Vì sao ? Ta dùng vô số phương tiện, đủ thứ nhân duyên lời lẽ thí dụ, để diễn nói các pháp, pháp đó chẳng phải suy lường phân biệt mà hiểu được, chỉ có chư Phật mới biết được. Vì sao ?**

## **Chư Phật Thế Tôn chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ra đời.**

Phật bảo Xá Lợi Phất ! Diệu pháp như thế, khi đúng thời thì chư Phật Như Lai mới nói : Diệu pháp này chẳng phải bất cứ lúc nào cũng nghe được, phải đợi đến khi nhân duyên chín mùi thì mới nói. Diệu pháp này có một ví dụ. Ví dụ gì ? Ví dụ hoa Ưu Đàm Bát đúng thời mới hiện. Thử hoa này chỉ nở trong thời gian rất ngắn thì tàn, cho nên rất trân quý ít có. Hiện tại thử hoa này và diệu pháp này đều ít có như nhau. "Xá Lợi Phất ! Các ông nên tin lời của chư Phật nói chẳng có hư vọng." Lời lẽ của Phật nói đều chân thật chẳng hư. "Xá Lợi Phất ! Chư Phật tùy nghi nói pháp." Tuy nhiên là diệu pháp khai quyền hiển thật, song, Phật vì pháp chân thật mà thí quyền xảo phương tiện tùy nghi nói pháp, quán căn cơ mà nói pháp, vì người mà mưa pháp vũ. "Ý thú khó hiểu" : Đạo lý bên trong chẳng dễ gì minh bạch được. "Vì sao" ? Vì sao mà chẳng dễ gì minh bạch ? "Ta dùng vô số phương tiện, đủ thứ nhân duyên" : Phật dùng đủ thứ phương tiện pháp môn, và nhân duyên để giáo hóa chúng sinh. "Ví dụ lời lẽ" : Lại đưa ra lời lẽ ví dụ để diễn nói các pháp. "Pháp đó chẳng phải suy lường phân biệt mà hiểu được". Pháp này chẳng phải dùng tâm thức để phân biệt suy lường mà minh bạch được, dùng dùng thức thứ sáu và thức thứ bảy, để dò pháp của Phật nói. "Chỉ có chư Phật mới biết được" : Chỉ có Phật với Phật mới biết

được pháp này. "Vì sao" ? Đây là đạo lý gì ? "Chư Phật Thế Tôn, chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ra đời". Đại sự nhân duyên gì ? Chúng ta mỗi người hãy nghĩ xem, đó là đại sự gì ? Đức Phật vì một đại sự nhân duyên, đại sự này cứu kính là đại sự gì ? Đại sự này chẳng phải việc nhỏ, nếu việc nhỏ thì chẳng nói là đại sự. Câu trả lời rất là đơn giản, và còn có một câu trả lời rất thâm sâu, các bạn hãy tự nghĩ lại. Đó thật là diệu vô cùng, diệu đến cỡ nào ? Diệu đến mức chẳng thể tưởng tượng được, tức cũng là không thể nghĩ bàn. Ở trên đã giảng qua, nói là không thể suy lường phân biệt mà hiểu được. Chẳng phân biệt, chẳng suy lường, đó tức là diệu pháp. Tôi kêu các bạn trả lời vấn đề này, kỳ thật vấn đề này chẳng cần phải trả lời, vì nó chẳng có trả lời. Chỗ này giảng quá lạ lùng, vốn phải có trả lời, sao lại nói chẳng có trả lời ? Vì hiện tại Đức Phật sắp muốn vào Niết Bàn, câu trả lời này chỉ có Đức Phật mới phán đoán được. Hiện tại tôi chưa đủ tư cách phán đoán vấn đề này, cho nên chúng ta mọi người tốt nhất là hãy quên đi vấn đề này, đừng tưởng đến nó. Song, tuy nói tốt nhất là hãy quên đi, nhưng tôi tin rằng các bạn nhất định chẳng quên được, tại sao ? Vì là đại sự nhân duyên, chẳng phải là nhân duyên nhỏ, là đại sự nhân duyên, làm sao mà có thể quên được chẳng ? Quên chẳng được. Quên chẳng được vậy biết làm sao ? Chỉ có cách minh bạch nó, nói đi nói lại, đại sự nhân duyên này tôi vẫn chưa nói ra, bây giờ tôi phải nói ra. Đại sự nhân duyên này, giống như hiện tại trong

bàn tay của tôi cầm vật gì. Bạn nhìn thấy vật gì ? Đó là đại sự nhân duyên, bạn biết được tức là đại sự nhân duyên. Bạn nói có vật gì ? Bạn chẳng biết ? Đó cũng là đại sự nhân duyên. Bạn hãy xem có gì ? Gì cũng chẳng có ! Đại sự nhân duyên này cũng như thế. Đại sự nhân duyên tức là chẳng có việc, Đức Phật muốn tìm chút việc để làm, tức cũng muốn nói Kinh Pháp Hoa. Nói Kinh Pháp Hoa tức là đại sự nhân duyên. Vậy Kinh Pháp Hoa nói gì ? Là nói diệu pháp của Kinh Pháp Hoa. Thứ diệu pháp này là gì ? Là không thể nghĩ, khi bạn nghĩ thì chẳng phải là diệu pháp, một khi bạn hỏi thì chẳng còn diệu. Vậy, chúng ta nghe Kinh để làm gì ? Chúng ta chẳng nghe Kinh càng chẳng diệu sao. Ai kêu bạn đến ? Bạn có thể không nghe !

Còn có một đại sự, chúng ta cũng chẳng nên quên, tức là sinh tử đại sự của mỗi chúng ta. Chúng ta mỗi người đều có sinh có tử, phải minh bạch việc sinh tử cho rõ ràng, thì đại sự này mới chấm dứt được. Vấn đề sinh tử của bạn chẳng rõ ràng, thì đại sự của bạn không thể hoàn thành. Nếu chúng ta nghĩ muốn biết đại sự nhân duyên này, thì trước hết phải biết tiểu sự nhân duyên. Bạn chẳng biết tiểu sự nhân duyên, thì chẳng biết đại sự nhân duyên. Con người từ đâu đến ? Từ vô minh mà đến. Vô minh tức là tiểu sự nhân duyên, sinh tử tức là đại sự nhân duyên. Tại sao có sinh tử ? Vì bạn có vô minh. Một khi bạn có vô minh thì tâm tham, tâm sân, tâm si, tâm ngã mạn, tâm nghi ngờ đều xuất hiện. Nếu chẳng có vô minh,

thì những vấn đề này đều chẳng có. Có vô minh rồi thì có vấn đề ; có vấn đề thì có sinh tử. Cho nên chúng ta trước phải minh bạch rõ ràng tiểu sự nhân duyên, thì sẽ minh bạch rõ ràng đại sự nhân duyên. Tại sao ? Vì đại sự thì do nhỏ mà biến thành lớn, đứa trẻ con do từ nhỏ mà lớn thành người lớn, từ lớn mà thành già, từ già mà chết đi. Nếu bạn chẳng biết gốc rễ của tiểu sự nhân duyên, thì cũng chẳng giải quyết được đại sự nhân duyên, cho nên hiện tại trước phải phá vô minh, phá được vô minh rồi, thì hàng ngày chẳng còn tích tập nghiệp nhỏ mà gây thành họa lớn, do đó đại sự nhân duyên cũng tự nhiên chấm dứt.

**Xá Lợi Phất ! Vì sao lại nói chư Phật Thế Tôn, chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ra đời ? Vì chư Phật Thế Tôn muốn khiến cho chúng sinh, khai mở tri kiến của Phật, để được thanh tịnh mà hiện ra nôi đời, muốn mở bày cho chúng sinh tri kiến của Phật mà hiện ra nôi đời, muốn khiến cho chúng sinh ngộ tri kiến của Phật mà hiện ra nôi đời, muốn cho chúng sinh vào được tri kiến của Phật mà hiện ra nôi đời.**

Đức Phật gọi Ngài Xá Lợi Phất, nói : Gì là chư Phật Thế Tôn chỉ vì một đại sự nhân duyên mà hiện ra nơi đời ? Chư Phật vì việc sinh tử của chúng sinh, đủ thứ nghiệp báo nhân duyên mới xuất hiện ra đời. Chư Phật Thế Tôn muốn khiến cho chúng sinh khai mở tri kiến của chư Phật. Chư Phật Thế Tôn muốn khiến cho chúng sinh đắc được tri kiến của Phật, khai mở tri kiến của Phật. Khai mở tri kiến của Phật, tức là đối với chúng sinh khép kín tri kiến của Phật mà nói. Chúng sinh đã khép kín tri kiến của Phật khi nào ? Là vì vô minh sinh ra, cho nên khép kín tri kiến của Phật lại, bây giờ lại khai mở nó ra. Trí của Phật là gì ? Tức là tâm mà chúng ta tất cả chúng sinh đều có. Tâm này đầy đủ trí huệ của Phật, cho nên còn gọi là tâm Phật. Phật kiến là gì ? Tức là Phật nhãn. Bạn khai mở Phật nhãn, thì sau đó bạn sẽ thấy rõ thật tướng của tất cả các pháp, chúng được quả vị thanh tịnh. Chúng ta chẳng khai mở Phật nhãn, là vì chẳng thanh tịnh sở chí, tức cũng là vô minh, phiền não, thô hoặc, tế hoặc, khiến cho tánh chẳng thanh tịnh. Tự tánh vốn thanh tịnh, tại sao bây giờ chẳng thanh tịnh ? Vì chẳng khai mở tri kiến của Phật, cho nên Đức Phật vì khiến cho tất cả chúng sinh trở về nguồn cội, khai mở tri kiến của Phật, cho nên xuất hiện ra đời, hiện tám tướng thành đạo giáo hóa chúng sinh.

"Mở bày cho chúng sinh tri kiến của Phật" : Mục đích duy nhất của đức Phật, là mở bày cho tất cả chúng sinh tri kiến của Phật, tức khiến cho chúng sinh minh

bạch tri kiến của Phật vốn tự có, chứ chẳng phải đắc được từ bên ngoài. Chỗ khác nhau của Phật giáo và các tôn giáo khác là : "Tất cả chúng sinh đều có thể thành Phật", đây là chỗ bình đẳng nhất của giáo nghĩa. Bất cứ ai tu hành đều có thể thành Phật, chẳng phải nói tôi là Phật, bạn chẳng phải là Phật, cũng chẳng phải nói bạn là Phật, tôi chẳng phải là Phật. Tất cả chúng sinh đều có Phật tánh, đều có thể thành Phật. Một số ngoại đạo nói : Chỉ có Thiên Chúa là độc nhất vô nhị. Vậy chú Thiên Chúa từ đâu đến ? Có khi nói vốn có, có khi nói chẳng được hỏi. Nếu hỏi Thiên Chúa từ đâu đến thì phạm tội, nhưng đó tuyệt đối chẳng phạm tội, trừ khi chẳng có Thiên Chúa, nếu như có Thiên Chúa thì chẳng phạm tội. Bạn hỏi họ thì đáng lý họ phải nói cho bạn biết, không thể nói : Tôi chẳng biết, một khi hỏi thì có tội. Chẳng có đạo lý này ! Kỳ thật, Thiên Chúa tức là trời Đế Thích ở cõi trời Đao Lợi, còn gọi là Ngọc Hoàng Đại Đế, có người nói chẳng phải : Chúa trời đó chẳng phải là Chúa trời này, là Chúa trời khác. Vậy bạn muốn đem Chúa trời cõi trời Đao Lợi để ở đâu ? Đem ông đi làm Chúa Trời ở đâu ? Trừ khi, tựa như bạn soán ngôi vua, đuổi ông ta đi để cho bạn làm Chúa trời. Kỳ thật, Chúa trời chỉ là một vị hộ pháp ở trong Phật giáo. Một số giáo đồ Thiên Chúa chẳng biết giáo lý này, cũng chẳng minh bạch đạo lý vô thủy vô chung, chỉ biết hữu thủy vô chung, nói Chúa trời vốn có, là ý trời khai thủy, Chúa trời sẽ vĩnh viễn tồn tại, vĩnh viễn sống mãi, vĩnh viễn chẳng chết, cho nên là vô chung.

Kỳ thật, đây là lý luận của chúng sinh ước lượng, chứ chẳng phải là hiểu biết chân chánh. Tuy nhiên, Đức Phật nói : "Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn". Nhưng ai ai cũng có thể thành Phật, chẳng riêng gì mình Đức Phật Thích Ca là Phật, còn những chúng sinh khác thì chẳng cho thành Phật. Mười phương chư Phật, Phật Phật đồng nhau, một luật bình đẳng, chẳng phải nói ta là độc nhất vô nhị, cũng chẳng chuyên chế độc đoán. Hiện tại chẳng phải chỉ có Phật mới có tri kiến của Phật, mà tất cả chúng sinh đều có tri kiến của Phật, chỉ tạm thời chúng sinh chẳng minh bạch đạo lý này, chẳng đắc được sức lực này, cho nên Phật vì chỉ thị cho tất cả chúng sinh tri kiến của Phật mà xuất hiện ra thế giới Ta Bà này.

"Muốn khiến cho chúng sinh ngộ tri kiến của Phật" : Nói về lý thì tức nhiên minh bạch, nhưng chính mình cũng phải giác ngộ. Minh chẳng giác ngộ, chỉ cầu nghe thì trong tâm chẳng lãnh thọ chân chánh. Phật muốn khiến cho tất cả chúng sinh giác ngộ tri kiến Phật mà mình vốn có, cho nên hiện ra nơi đời.

"Muốn khiến cho chúng sinh vào tri kiến của Phật" : Tất nhiên có người chỉ thị rõ ràng, mình cũng chân chánh giác ngộ, nhưng chưa chúng đắc cho nên hiện tại Phật khiến cho tất cả chúng sinh vào tri kiến của Phật. Vào tức là chúng quả, chúng được cảnh giới của Phật, do đó đại sự nhân duyên của Phật, tức là muốn khiến cho chúng sinh : khai, thị, ngộ, nhập, tri kiến của Phật, liễu



sinh thoát tử, một khi liễu sinh tử, thì đại sự sẽ hoàn tất. Đại sự hoàn tất, thì chẳng còn việc làm, cho nên Phật nói đạo lý này xong rồi thì muốn vào Niết Bàn.

**Xá Lợi Phất ! Đó là chư Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ra đời. Đức Phật bảo Xá Lợi Phất ! Đức Phật Như Lai chỉ giáo hóa Bồ Tát, làm tất cả những gì, thường vì một việc, đó là : mở bày cho chúng sinh ngộ được tri kiến của Phật.**

**Xá Lợi Phất ! Như Lai chỉ dùng một Phật thừa mà vì chúng sinh thuyết pháp, chẳng có hai hoặc ba thừa nào khác. Xá Lợi Phất ! Hết thầy mười phương chư Phật cũng lại như thế.**

**Xá Lợi Phất ! Chư Phật quá khứ dùng vô lượng vô số phương tiện, đủ thứ nhân duyên lỗi lẽ thí dụ, mà vì chúng sinh diễn nói các pháp, pháp đó đều vì một Phật thừa, các chúng sinh đó theo chư Phật nghe pháp, cứu kính đều đắc được Nhất thiết chủng trí.**

Xá Lợi Phát ! Khai, thị, ngộ, nhập, Phật tri kiến mà ta nói ở trước, khiến cho chúng sinh liễu sinh thoát tử, lìa khổ được vui. Đó tức là chư Phật vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ra đời. Đức Phật nói với Xá Lợi Phát : "Chư Phật Như Lai chỉ giáo hóa các Bồ Tát, làm tốt cả những gì thường vì một việc" : Thường thường chỉ vì một đại sự nhân duyên, tức là mở bày cho chúng sinh ngộ được tri kiến của Phật. "Xá Lợi Phát ! Như Lai chỉ dùng một Phật thừa, mà vì chúng sinh thuyết pháp, chẳng có hai hoặc ba thừa nào khác" : Mười phương chư Phật Như Lai chỉ dùng một Phật thừa duy nhất, để giáo hóa chúng sinh, vì chúng sinh mà nói pháp, chẳng có đại thừa hoặc tiểu thừa. Hai hoặc ba tức là đại thừa, tiểu thừa ; Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa và Bồ Tát thừa, chẳng có các thừa ấy, cũng chẳng có thừa nào khác. Chẳng có đại thừa, chẳng có tiểu thừa, cũng chẳng có Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát thừa vậy. Vậy đó là thừa nào ? Tức là duy nhất một Phật thừa. "Xá Lợi Phát, pháp của tất cả mười phương chư Phật cũng như thế" : Tất cả hết thảy mười phương chư Phật thuyết pháp, thì cũng chỉ nói duy nhất một Phật thừa, chẳng có thừa nào khác. "Xá Lợi Phát ! Chư Phật quá khứ dùng vô lượng vô số phương tiện, đủ thứ nhân duyên". Những nhân duyên gì ? Tức là bạn trồng nhân lành thì được quả lành, trồng nhân ác thì được quả ác. Thiện có thiện báo, ác có ác báo, đủ thứ nhân duyên quả báo. "Lời lẽ ví dụ" : Lại dùng đủ thứ ví

dụ, đủ thứ lời lẽ tốt đẹp để giáo hóa chúng sinh. "Mà vì chúng sinh diễn nói các pháp, pháp đó đều vì một Phật thừa" : Tuy nhiên nói là có tiểu thừa, đại thừa ; hoặc Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát thừa, song, bốn hoài cứu kính của Phật chỉ vì nói Phật thừa để tiếp dẫn chúng sinh sớm thành Phật đạo. "Các chúng sinh đó, theo chư Phật nghe pháp, cứu kính đều đắc được Nhất thiết chủng trí". Tất cả chúng sinh bắt đầu theo chư Phật nghe pháp, cứu kính đều đắc được Nhất thiết chủng trí. Trí gồm có :

1. Nhất thiết trí.
2. Đạo chủng trí.
3. Nhất thiết chủng trí.

Nhất thiết trí là thuộc về không, là sở chứng đắc về lý không của hàng nhị thừa. Đạo chủng trí là lý chứng đắc của quyền thừa Bồ Tát, cũng gọi là có (hữu), còn gọi là giả. Có này là giả có, chẳng phải thật. Cho nên Nhất thiết chủng trí tức là trung đạo, chẳng rơi về có cũng chẳng rơi về không, đó là trí huệ trung đạo của chư Phật chứng đắc.

**Xá Lợi Phất ! Chư Phật vị lai sẽ xuất hiện ra đời, cũng dùng vô lượng vô số phương tiện, đủ thứ nhân duyên lời lẽ thí dụ, mà vì chúng sinh diễn nói các pháp. Pháp đó đều vì một Phật thừa, các chúng**

sinh đó theo Phật nghe pháp, cúi kính đều đăc đưọc Nhất thiết chủng trí.

**Xá Lợi Phất !** Hiện tại chư Phật Thế Tôn, trong mười phương vô lượng trăm ngàn vạn ức các cõi Phật, làm lợi ích an lạc chúng sinh, chư Phật đó cũng dùng vô lượng vô số phương tiện, đủ thứ nhân duyên lời lẽ thí dụ, mà vì chúng sinh diễn nói các pháp. Pháp đó đều vì một Phật thừa. Các chúng sinh đó theo Phật nghe pháp, cúi kính đều đăc đưọc Nhất thiết chủng trí.

**Xá Lợi Phất !** Chư Phật đó chỉ giáo hóa Bồ Tát, vì muốn chỉ bày cho chúng sinh tri kiến của Phật, muốn cho chúng sinh ngộ đưọc tri kiến của Phật, muốn cho chúng sinh vào đưọc tri kiến của Phật.

Xá Lợi Phất ! Chư Phật quá khứ vì chúng sinh thuyết pháp như thế. Còn chư Phật vị lai ? cũng như thế. Khi chư Phật xuất hiện ra đời, thì cũng dùng vô lượng vô số phương tiện, đủ thứ nhân duyên, lời lẽ ví dụ mà vì

chúng sinh diễn nói các pháp. Pháp đó đều vì một Phật thừa. Pháp của chư Phật nói đều vì duy nhất một Phật thừa, chẳng có thừa nào khác. Các chúng sinh đó, theo Phật nghe pháp, cứu kính đều đắc được Nhất thiết chủng trí. Phật nói các pháp mục đích cuối cùng là khiến cho tất cả chúng sinh đắc được Nhất thiết chủng trí. "Xá Lợi Phất ! Hiện tại chư Phật Thế Tôn trong mười phương vô lượng trăm ngàn vạn ức các cõi Phật, làm lợi ích an lạc chúng sinh" : Hiện tại hết thủy cõi nước trong mười phương, cũng đều thấm nhuần lợi ích tất cả chúng sinh, khiến cho họ đều được yên ổn và khoái lạc. Chư Phật đó cũng dùng vô lượng vô số phương tiện, đủ thứ nhân duyên, lời lẽ ví dụ mà vì chúng sinh diễn nói các pháp. Pháp đó đều vì một Phật thừa. Các chúng sinh đó theo Phật nghe pháp, cứu kính đều đắc được nhất thiết chủng trí. Phật nói các pháp, mục đích duy nhất là khiến cho chúng sinh đắc được nhất thiết chủng trí, viên mãn bồ đề, quy vô sở đắc. "Xá Lợi Phất ! Chư Phật đó, tất cả chư Phật trong quá khứ, hiện tại và vị lai, chỉ giáo hóa Bồ Tát" : Mục đích của các Ngài là giáo hóa khiến cho phát tâm Bồ Tát, thành Phật đạo.

"Vì muốn chỉ bày cho chúng sinh tri kiến của Phật, vì muốn cho chúng sinh ngộ được tri kiến của Phật, vì muốn cho chúng sinh vào được tri kiến của Phật" : Hết thủy chư Phật trong mười phương ba đời, đều vì duy nhất một Phật thừa, mà trước hết nói pháp môn thiện xảo phương tiện, mục đích cuối cùng là khiến cho tất cả

chúng sinh đắc được tri kiến của Phật, đắc được trí huệ của Phật, đắc được quả vị Phật.

**Xá Lợi Phất ! Ta nay cũng lại như thế, biết các chúng sinh có đủ thứ dục niệm, chấp trước nơi thâm tâm, tùy theo bản tánh của họ, ta dùng đủ thứ nhân duyên, lời lẽ thí dụ sức phương tiện, để vì họ nói pháp.**

"Xá Lợi Phất ! Ta nay cũng lại như thế" : Ta hiện tại giáo hóa chúng sinh, cũng dùng đủ thứ nhân duyên lời lẽ ví dụ mà vì chúng sinh nói pháp. "Biết các chúng sinh có đủ thứ dục niệm" : Ta biết hết thấy chúng sinh, mỗi chúng sinh đều có vô lượng vô biên dục niệm. "Chấp trước nơi thâm tâm" : Những dục niệm này chẳng phải một đời một kiếp, hoặc mấy kiếp tích tập nên, mà là từ vô lượng kiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp tập nhiễm mà ra. Những dục niệm này, tích tập thâm sâu ở trong tám thức của chúng sinh, do đó chẳng thể nào xả bỏ được, sức tập nhiễm này lớn vô cùng, do tâm chấp trước nên chẳng dễ gì đắc được giải thoát. Vì nhân duyên đó, cho nên ta tùy theo bản tính của họ, dùng đủ thứ nhân duyên, lời lẽ thí dụ, sức phương tiện mà vì họ nói pháp.

**Xá Lợi Phất ! Như thế đều vì đắc được một Phật thừa Nhất thiết chủng trí. Xá Lợi Phất ! Ở trong mười phương thế giới còn chẳng có hai thừa, hà huống có ba. Xá Lợi Phất ! Chư Phật xuất hiện ra đời ác năm trước : Kiếp trước, phiền não trước, chúng sinh trước, kiến trước, mạng trước. Như thế Xá Lợi Phất ! Vào thời kiếp trước loạn thì chúng sinh cấu nặng, xan tham, đố kỵ, thành tựu các căn chẳng lành. Chư Phật dùng sức phương tiện nói một Phật thừa mà phân biệt nói ba.**

**Xá Lợi Phất ! Nếu đệ tử của ta, tự cho mình là bậc A La Hán, Bích Chi Phật, mà chẳng nghe chẳng biết việc chư Phật Như Lai chỉ giáo hóa Bồ Tát, những người đó chẳng phải đệ tử của Phật, chẳng phải A La Hán, chẳng phải Bích Chi Phật.**

"Xá Lợi Phất ! Như thế đều vì đắc được một Phật thừa Nhất thiết chủng trí" : Như ở trước có nói, chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai nói pháp đều giống nhau, đều vì

đắc được một Phật thừa, Nhất thiết trí, Đạo chủng trí, Nhất thiết chủng trí. "Xá Lợi Phất ! Ở trong mười phương thế giới còn chẳng có hai thừa, hà huống có ba" : Ở trong mười phương thế giới của chư Phật, còn chẳng có hai thừa, hà huống có ba ? Hai thừa có thể nói là đại thừa và tiểu thừa ; lại có thể nói là tạng giáo và thông giáo. Ba thừa tức là chỉ biệt giáo. Kinh Hoa Nghiem là đốn giáo, là pháp giáo hóa Bồ Tát, song cũng bao quát bất định giáo. Tạng giáo và thông giáo là pháp giáo hóa A La Hán và Duyên Giác. Biệt giáo là đối với Thanh Văn và Duyên Giác, sẽ phải hồi tiểu hướng đại, phải hồi hướng đến viên giáo. "Hà huống có ba" : Ba ở đây cũng có thể nói là tạng, thông và biệt giáo. Vì Kinh Pháp Hoa là thuần viên độc diệu. Thuần viên, tức là chỉ nói về viên giáo ; độc diệu tức là chỉ có Kinh Pháp Hoa mới là diệu nhất, ngoài ra tạng, thông, biệt giáo đều chẳng sánh bằng. Do đó, duy chỉ một Phật thừa, tức cũng là nói viên giáo. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát thừa đều là quyền giáo.

"Xá Lợi Phất ! Chư Phật xuất hiện ra đời ác năm trước.

**Kiếp trước** : Kiếp tức là thời gian. Bốn lai thời gian chẳng tồn tại, nhưng vì ở tại phần của chúng sinh, sinh ra tâm phân biệt mới có quá khứ, hiện tại và vị lai ba đời, cho nên gọi là kiếp. Kiếp là tiếng Phạn, nếu nói đủ là Kiếp ba, dịch là "thời phần". Vào thời đại tội ác đầy dẫy này, cho đến thời gian cũng ô nhiễm.



**Phiên não trước**, tức là có năm độn sử : Tham, sân, si, mạn, nghi. Đó là gốc rễ của phiên não.

**Kiến trước**, tức là năm lợi sử : Thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới cấm thủ kiến, tà kiến. Độn, là vì nó đến chậm ; lợi là vì nó đến nhanh.

**Chúng sinh trước** : Chúng sinh có đủ thứ nhân duyên thiện ác xen tạp, mỗi chúng sinh đều có nghiệp ác đặc biệt của họ, cho nên chúng sinh cũng ô trước.

**Mạng trước**, mạng tức là một đoạn thời gian của báo thân chúng sinh, tức là mạng sống. Mạng sống cũng ô trước. Trước là gì ? Trước cũng giống như bùn ở dưới nước, dùng tay khuấy thì đục ngầu, nhìn chẳng rõ. Thế giới này do năm thứ trước đục này tạo thành, cho nên thế giới cũng chẳng sạch sẽ, cho nên gọi là đời ác năm trước. "Như thế, Xá Lợi Phất ! Vào thời kiếp trước loạn thì chúng sinh cấu nặng" : Tội cấu của chúng sinh nặng vô cùng. "Xan, tham, đố kị" : Xan tức là keo kiệt, không thể xả bỏ một đồng xu. Tham tức là chẳng những không xả bỏ, mà còn tham lam tài vật của người khác, tham chẳng biết chán. Người xan tham thì tương lai phải chịu quả báo nghèo cùng.

Bây giờ kể về chuyện tham cho mọi người nghe. Có một người nợ, sau khi chết rồi thì đến chỗ Vua Diêm Vương, Vua Diêm Vương hỏi y : "Ông là người thông minh, khi ông còn sống thì cũng chẳng thiệt thòi gì. Ông kiếp sau làm người, thì muốn ăn của người khác hay ăn

của chính mình ?" Ông ta nghĩ : "Ăn đồ của mình thì hao tốn, còn ăn đồ của người thì chẳng tốn hao gì của mình." Bèn nói với Vua Diêm Vương : "Tôi thích ăn của người, chẳng thích ăn của mình." Vua Diêm Vương nói : "Tốt, vậy ông đi làm heo, heo thì chuyên môn ăn của người, chẳng ăn của mình." Do đó, người tâm tham này mới biết ăn của người khác là sai lầm, nhưng đã yêu cầu với Vua Diêm Vương, chẳng thể nào thay đổi được nữa, do đó bèn đi làm heo. Heo thì suốt ngày đến tối ăn đồ của người, tức là vì tâm tham mà phải gánh chịu. Đố kị, đố tức là đố hiền, nghĩa là thấy bất cứ người nào, nếu tốt hơn mình thì chẳng vui ; kị, là kị năng, nếu người nào mà giỏi hơn mình, thì sinh tâm ganh tị, cho nên hợp lại gọi là đố kị, tức là ghen ghét người hay, người giỏi hơn mình. Người có tâm ghen ghét thì tương lai sẽ đọa lạc, kiếp sau hoặc làm súc sinh vì tâm sân hận quá nặng !

"Các căn chẳng lành" : Vì chúng sinh tham, xan, đố kị, cho nên làm được những gì, cũng đều chẳng phải việc tốt, mà trở thành căn chẳng lành. Căn chẳng lành tức là căn ác. "Chư Phật dùng sức phương tiện" : Chư Phật dùng sức phương tiện quyền xảo. "Nơi một Phật thừa mà phân biệt nói ba" : Vốn chỉ là một Phật thừa, chẳng có thừa nào khác, nếu lúc khởi đầu kêu chúng sinh thành Phật, thì tất cả chúng sinh đều chẳng tin, cho nên mười phương chư Phật, trước hết đều nói pháp tiểu thừa, dần dắt tất cả chúng sinh, từ nhỏ đến lớn. "Xá Lợi Phất ! Nếu đệ tử của ta, tự cho mình là bậc A La Hán" : Nếu

như họ tự nói đã chứng được quả A La Hán. "Bích Chi Phật" : Đã đắc được quả vị Bích Chi Phật. "Mà chẳng nghe chẳng biết" : Cũng chẳng từng nghe đến một Phật thừa duy nhất chân thật diệu pháp này. "Cũng chẳng biết việc chư Phật Như Lai chỉ giáo hóa Bồ Tát" : Họ cũng chẳng biết chư Phật Như Lai vì giáo hóa Bồ Tát để thành Phật quả. "Những người đó chẳng phải đệ tử của Phật. Những người đó chẳng phải là Bồ Tát, chẳng phải là A La Hán, chẳng phải là Thanh Văn Thừa, chẳng phải Bích Chi Phật, cũng chẳng phải là Duyên Giác". Tại sao họ chẳng phải là Bồ Tát ? chẳng phải là A La Hán ? chẳng phải là Bích Chi Phật ? Vì nếu như họ thật sự đắc được quả A La Hán, quả Bích Chi Phật, quả Bồ Tát, thì nhất định sẽ tin diệu pháp của Phật nói, căn tánh của họ nhất định rất sâu dày. Nếu họ không tin thì họ chẳng thật sự chứng được quả A La Hán, chẳng chứng được quả Bích Chi Phật, cũng chẳng chứng được quả Bồ Tát quyền thừa, họ chỉ là kẻ tăng thượng mạn.

**Lại nữa, Xá Lợi Phất ! Các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni đó, tự cho mình đã chứng A la hán, là thân cuối cùng, cứu kính Niết bàn, chẳng còn có chí cầu quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Nên biết, những người đó đều là những kẻ tăng thượng**

man. Vì sao ? Nếu có Tỳ kheo thật chứng được A la hán, nếu không tin pháp này, thì chẳng có lý vậy, trừ khi Phật diệt độ rồi, hiện tiền chẳng có Phật. Vì sao ? Sau khi Phật diệt độ rồi, người thọ trì đọc tụng, hiểu nghĩa những Kinh như vậy, thật là khó có được. Nếu gặp đức Phật khác, ở trong pháp này thì sẽ hiểu rõ.

**Xá Lợi Phất ! Các ông nên một lòng tin hiểu, thọ trì lời của Phật nói. Lời của chủ Phật Như Lai chẳng có hư vọng, chẳng có thừa nào khác, chỉ có một Phật thừa.**

Đức Phật lại nói : "Xá Lợi Phất ! Các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni đó, tự cho mình đã chứng A La Hán" : Những vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni đó, nói họ đã chứng được quả vị A La Hán. "Là thân cuối cùng" : Báo thân này là báo thân cuối cùng, sau này chẳng còn thọ thân khác nữa. "Cứu kính Niết Bàn" : Họ nói đã đắc được cứu kính Niết Bàn, thường, lạc, ngã, tịnh. "Chẳng còn có chí cầu quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác" : Chẳng còn hướng thượng phát nguyện cầu quả vị Vô thượng chánh đẳng

chánh giác. "Nên biết những người đó, đều là những kẻ tăng thượng mạn" : Những loại người này đều thông minh, ngược lại bị thông minh làm lẫn, cống cao ngã mạn, là những kẻ tăng thượng mạn. "Vì sao ? Nếu có Tỳ Kheo thật chứng được A La Hán, nếu không tin pháp này thì chẳng có lý vậy" : Là nguyên nhân gì ? Nếu như họ đã chứng quả A La Hán, mà họ chẳng tin Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này, thì chẳng có lý. "Trừ khi Phật diệt độ rồi" : Trừ khi Phật đã nhập diệt rồi. "Hiện tiền chẳng có Phật" : Hiện tại chẳng có Phật. "Vì sao" ? Là nguyên nhân gì ? "Khi Phật diệt độ rồi" : Sau khi Đức Phật diệt độ. "Những Kinh như vậy" : Giống như Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này. "Người thọ trì đọc tụng hiểu nghĩa" : Người hay thọ trì, hay đọc tụng minh bạch đạo lý này. "Thật là khó có được" : Chẳng dễ gì tìm được người giảng giải Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, vì chẳng có người minh bạch cho nên chúng sinh chẳng tin. "Nếu gặp Đức Phật khác" : Hoặc là gặp Phật ở thế giới khác. "Ở trong pháp này thì sẽ hiểu rõ" : Đối với đạo lý khai quyền hiển thật trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, họ có thể minh bạch hiểu rõ. "Xá Lợi Phất ! Các ông nên nhất tâm tin hiểu, thọ trì lời của Phật nói" : Các ông tất cả chúng Thanh Văn và chúng Bồ Tát, nên chuyên tâm nhất chí tin hiểu thọ trì pháp của Phật nói. "Lời của chư Phật Như Lai chẳng có hư vọng" : Pháp của chư Phật nói chẳng giả, đều là chân thật không hư. "Chẳng có thừa nào khác, chỉ có một Phật thừa" : Chẳng có ba thừa pháp nào

khác, chỉ duy nhất một Phật thừa, cho nên đừng sinh tâm hoài nghi.

## **Lúc đó, Đức Thế Tôn muốn thuật lại nghĩa trên, mà nói ra bài kệ.**

"Lúc đó, Đức Thế Tôn" : Khi đó, Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni. "Muốn thuật lại nghĩa trên" : Muốn tuyên lại nghĩa vừa nói ở trên. "Mà nói ra bài kệ" : Bèn nói kệ rằng.

**Tỳ kheo Tỳ kheo ni  
Ôm lòng tăng thượng mạn  
Cử sĩ nam ngã mạn  
Cử sĩ nữ chẳng tin.  
Hàng bốn chúng như thể  
Số đông năm ngàn người.**

Đức Phật đang muốn nói Kinh Pháp Hoa, thì trong đại hội có năm ngàn Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cử sĩ nam, cử sĩ nữ, bốn chúng đệ tử đều lui về. Tại sao ? Vì họ có tăng thượng mạn, hoặc là hoài nghi chẳng tin.

**Chẳng thấy rõ lỗi mình  
Nổi giối có thiếu lúng.**

**Tiếc giữ làm lỗi mình  
Người trí nhỏ đã ra  
Bọn tám cám trong chúng  
Đi vì oai đức Phật.**

Họ cũng chẳng biết lỗi làm mao bệnh của mình, bởi vì giới đức chẳng đầy đủ, có sự thiếu khuyết mà còn khư khư giữ mao bệnh của mình. Lỗi làm tức là mao bệnh. Phạm là người đã thọ giới thì phải giữ giới. Bất cứ là giới Bồ Tát, giới Bát quan trai, giới Sa Di đều phải giữ gìn giới luật cho tinh nghiêm, nếu không thì cũng như đáy bình có lỗ lủng, chẳng đựng được nước, đó là hữu lậu. "Tiếc giữ làm lỗi mình" : Làm lỗi cũng như ngọc có tí vết, chẳng được tốt đẹp, chẳng được viên mãn, đây là chỉ phẩm đức của người có mao bệnh, giới đức có khuyết lủng. "Bọn tám cám trong chúng" : Họ giống như tám cám, sau khi xay lúa xong lấy gạo ra, thì còn lại tám cám, cũng có thể nói là, người làm rượu xong, thì còn lại cặn rượu, chẳng còn dùng nữa. Tại sao họ phải bỏ đi ? Bởi vì oai đức của Phật. Vì đức hạnh của mình chẳng đủ, đời chẳng được, cho nên lui về.

**Những người đó phước mỏng  
Chẳng kham thọ pháp này  
Chúng nay không cành lá**

**Chỉ toàn là chân thật.  
Xá Lợi Phất khéo nghe !  
Pháp của chư Phật được  
Vô lượng sức phướng tiện  
Mà vì chúng sinh nói.  
Tâm chúng sinh nghĩ gì  
Làm đủ thứ các việc  
Bao nhiêu các tính dục  
Nghiệp thiện ác đời trước.  
Phật đều biết vậy rồi  
Dùng các duyên thí dụ  
Lời lẽ sức phướng tiện  
Khiến tất cả vui mừng.  
Hoặc nói những khế Kinh  
Cô khởi và Bản sự  
Bổn sinh Vị tăng hữu  
Cũng nói các Nhân duyên.  
Thí dụ và Trùng tụng  
Và Kinh luận nghị thủy  
Độn căn thích pháp nhỏ  
Tham trước trong sinh tử.**



Vô lượng chỗ chử Phật  
Chẳng hành sâu diệu đạo  
Bị khổ làm não loạn  
Vì họ nói Niết bàn.  
Ta bày phương tiện đó  
Khiến vào được Phật huê  
Chưa từng nói các ông  
Sẽ đắc được Phật đạo.  
Sở dĩ chưa từng nói  
Vì thời nói chưa đến  
Nay chính là phải thời  
Quyết định nói đại thừa.  
Chín bộ pháp ta đây  
Thuận theo chúng sinh nói  
Vào đại thừa làm gốc  
Vì vậy nói Kinh này.  
Có Phật tử tâm tịnh  
Êm diệu cũng lợi căn  
Vô lượng chỗ chử Phật  
Mà hành sâu diệu đạo.  
Vì các Phật tử đó

**Nói Kinh đại thừa này  
Ta thọ ký người đó  
Tương lai sẽ thành Phật.  
Vì giữ gìn tịnh giới  
Người này nghe thành Phật  
Mừng rỡ khắp toàn thân  
Phật biết tâm người đó.  
Cho nên nói đại thừa  
Nếu Thanh Văn Bồ Tát  
Nghe pháp của ta nói.  
Cho đến một bài kệ  
Đều thành Phật chẳng nghi.**

"Những người đó phước mỏng, chẳng kham thọ pháp này" : Những người này phước thì mỏng, căn tính thì hạ liệt, chẳng đủ tư cách thọ trì diệu pháp này. "Chúng nay không cành lá, chỉ toàn là chân thật" : Hiện tại, người còn ở lại ở trong pháp hội đều là Bồ Tát và A La Hán, chẳng có cành lá hỗn tạp, chẳng có cặn bã, chỉ còn lại chân thật người căn khí đại thừa. "Xá Lợi Phất khéo nghe, pháp của chư Phật được, vô lượng sức phương tiện, mà vì chúng sinh nói" : Phật dùng vô số pháp môn thiện xảo phương tiện để dẫn dắt chúng sinh hồi tiểu hướng đại, phát tâm bồ đề thành Phật đạo. "Chúng sinh tâm nghĩ gì,

làm đủ thứ các việc, bao nhiêu các tính dục, nghiệp thiện ác đời trước, Phật đều biết vậy rồi" : Trong tâm của mỗi chúng sinh nghĩ gì, làm gì, đủ thứ căn tính đều chẳng giống nhau. Người nhiều nghiệp thiện thì dục niệm nhẹ, người nhiều nghiệp ác thì dục niệm nặng. Từ chỗ này các bạn có thể tự suy ra, tự hỏi mình : Dục niệm của mình nhẹ hay nặng ? Nếu nhẹ thì căn lành của mình sâu dày. Nếu nặng thì căn lành của mình mỏng manh. Thật ra, dục niệm tức là một tên khác của phiền não, tức cũng là vô minh. Phàm là bạn nhìn chẳng xuyên thấu, buông chẳng đặng đều là dục niệm, phiền não. Tất cả hết thấy những thứ này Phật đều biết vậy rồi. Bao nhiêu thứ tính của chúng sinh, Như Lai đều biết. "Dùng các duyên ví dụ, lời lẽ súc phương tiện, khiến tất cả vui mừng, hoặc nói những kệ Kinh" : Do đó, Phật dùng đủ thứ ví dụ, lời lẽ tốt đẹp khéo léo nói Phật pháp, để khiến cho tất cả chúng sinh pháp hỉ sung mãn. Kệ Kinh tức là trên thì kệ với lý thể của chư Phật, dưới thì kệ với căn cơ của chúng sinh. Cũng có thể nói trên thì đồng nhất với Phật tính, dưới thì hợp với nhân duyên của chúng sinh.

"Cô khởi và Bổn sự" : Cô khởi, là nghĩa của Già Đà (tiếng Phạn) dịch là "tụng", tức chẳng có quan hệ gì với Kinh trường hàng ở trước hoặc sau. Ví như trong Kinh Kim Cang có một bài Già Đà (cô khởi) :

"Tất cả pháp hữu vi,  
Như mộng huyễn bọt bóng,

Như sương cũng như điện,  
Hãy quán sát như vậy."

Thông thường, Già Đà là dùng để biểu thị ý chính trong Kinh, như Kinh Kim Cang còn có một bài kệ rằng :

"Nếu dùng sắc thấy ta,  
Dùng âm thanh cầu ta,  
Người đó hành tà đạo,  
Không thấy được Như Lai."

Bổn sự, là tường thuật lại chuyện quá khứ của chư Phật. "Bổn sinh Vị tăng hữu" : Bổn sinh là một bộ trong mười bộ Kinh, chuyên thuật lại chuyện của các đại đệ tử và các đại Bồ Tát trong quá khứ. Vị tăng hữu là trước kia chưa từng nói qua, nghe những gì chưa nghe, thấy những gì chưa thấy.

"Cũng nói các nhân duyên, thí dụ và trùng tụng" : Nhân duyên tức là nói đủ thứ việc nhân duyên quả báo. Thí dụ là Phật dùng đủ thứ thí dụ để xiển minh đạo lý thâm áo ở trong Kinh. Trùng tụng là nghĩa của chữ Kì Dạ (tiếng Phạn), tường thuật lại những gì nói ở trường hàng phía trên, như đoạn văn đang giảng này là Kì Dạ (trùng tụng).

"Và Kinh luận nghị thủy" : Luận nghị là nghĩa của Ưu Ba Đề Xá (tiếng Phạn). Chỗ này Đức Phật đề ra tên của chín bộ Kinh trong mười hai bộ Kinh. Tại sao ?

Dưới đây Phật có giải thích nói. "Độn căn thích pháp nhỏ, tham trước trong sinh tử" : Người độn căn thì thích pháp tiểu thừa, chẳng thích pháp đại thừa, cũng tham luyến sinh tử luân hồi. "Vô lượng chỗ chư Phật, chẳng hành sâu diệu đạo" : Ở trước vô lượng chư Phật trong quá khứ, họ chưa từng tu hành Phật đạo thâm sâu vô thượng. "Bị khổ làm não loạn" : Suốt ngày chịu đựng ba thứ khổ, tám thứ khổ và vô lượng thứ khổ bức bách. "Vì họ nói Niết Bàn, ta bày phương tiện đó, khiến vào được Phật huệ" : Vì những người căn tính nông cạn mà Phật nói Niết Bàn, pháp môn : thường, lạc, ngã, tịnh, khéo bày đủ thứ pháp môn phương tiện để dẫn dắt họ nhập vào trí huệ của Phật.

Song, chưa từng nói các ông sẽ đắc được Phật đạo. "Sở dĩ chưa từng nói, vì thời nói chưa đến" : Phật chưa nói với người tiểu thừa rằng : các ông tương lai đều sẽ thành Phật. Tại sao không nói ? Vì thời cơ chưa đến, vì nhân duyên chưa thành thực. "Nay chính là phải thời, quyết định nói đại thừa" : Phật nói pháp thì trước hết quán sát căn cơ vì người thuyết pháp, nay chính là phải thời, nên nói diệu pháp đại thừa này. "Chín bộ pháp ta đây" : Chín bộ Kinh nói ở trên, đều thuận theo chúng sinh mà nói. "Vào đại thừa làm gốc" : Mục đích cuối cùng, là khiến cho người tiểu thừa vào gốc rễ đại thừa. "Vì vậy nói Kinh này" : Vì nhân duyên đó, cho nên nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

"Có Phật tử tâm tịnh, êm dịu cũng lợi căn" : Có đệ tử của Phật, tâm của họ thanh tịnh, tâm ý êm dịu cũng thông minh có trí huệ, đó là căn cơ đại thừa. "Vô lượng chỗ chư Phật, mà hành sâu diệu đạo" : Vì những vị đệ tử của Phật đó, đã ở chỗ vô lượng chư Phật thực hành sâu diệu đạo. "Vì các Phật tử đó, nói Kinh đại thừa này" : Phật vì tất cả đệ tử của Phật, mà nói Kinh đại thừa Diệu Pháp Liên Hoa. "Ta thọ ký người đó, tương lai sẽ thành Phật" : Hiện tại Phật thọ ký cho những đệ tử đó, tương lai họ nhất định sẽ thành Phật. "Dùng thâm tâm niệm Phật, vì giữ gìn tịnh giới" : Vì họ dùng thâm tâm, tức là tâm đại thừa để tu Phật pháp, giữ gìn giới thanh tịnh. "Người này nghe thành Phật, mừng rỡ khắp toàn thân" : Những người này mà nghe được mình sẽ thành Phật, thì toàn thân của họ mừng rỡ vô cùng. "Phật biết tâm người đó, cho nên nói đại thừa" : Phật biết tư tưởng và sự tu hành của họ, cho nên vì họ mà nói pháp đại thừa. "Nếu Thanh Văn, Bồ Tát" : Hoặc là Thanh Văn thừa, hoặc là Bồ Tát thừa. "Nghe pháp của ta nói, cho đến một bài kệ" : Nghe được diệu pháp của Phật nói, dù chỉ một bài kệ. "Đều thành Phật chẳng nghi" : Tương lai đều có thể thành Phật, chẳng có tơ hào hoài nghi.

**Trong mười phương cõi Phật  
Chỉ có một thừa pháp.  
Chẳng hai cũng chẳng ba**

**Trừ Phật phương tiện nói  
Chỉ dùng tên giả danh  
Dẫn dắt các chúng sinh.  
Nói trí huệ của Phật  
Chữ Phật hiện ra đời  
Chỉ thật một việc này  
Nếu hai chẳng phải chân.  
Quyết chẳng dùng tiểu thừa  
Tế độ các chúng sinh  
Phật tự trụ đại thừa  
Như pháp của mình được.  
Định huệ lực trang nghiêm  
Dùng để độ chúng sinh  
Tự chứng đạo vô thượng  
Pháp đại thừa bình đẳng.  
Nếu giáo hóa tiểu thừa  
Cho đến chỉ một người  
Thì ta đọa xan tham  
Việc này không thể có.**

"Trong mười phương cõi Phật, chỉ có một thừa pháp, chẳng hai cũng chẳng ba, trừ Phật phương tiện nói" : Trong mười tất cả các cõi Phật, Phật vì giáo hóa chúng sinh, mà nói đủ thứ pháp môn phương tiện, cho nên vừa nói tiểu thừa, đại thừa, lại nói Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa, Bồ Tát thừa. "Chỉ dùng tên giả danh, dẫn dắt các chúng sinh, nói trí huệ của Phật" : Chẳng qua là dùng những tên giả danh này, để khiến cho chúng sinh cũng đắc được trí huệ của Phật.

"Chư Phật hiện ra đời, chỉ thật một việc này" : Chỉ có một việc này là chân thật nhất. "Nếu hai chẳng phải chân" : Nếu như hai hoặc ba thừa nào khác, thì chẳng phải chân, đều là pháp môn quyền xảo phương tiện. "Quyết chẳng dùng tiểu thừa, tế độ các chúng sinh" : Song, chư Phật tuyệt đối chẳng dùng giáo lý tiểu thừa để giáo hóa, cứu độ chúng sinh. "Phật tự trụ đại thừa, như pháp của mình được" : Phật trụ ở trong pháp đại thừa và pháp Ngài đắc được ở tại Đạo tràng là chân thật. "Định huệ lực trang nghiêm" : Phật dùng sức định huệ, huệ lực để tự trang nghiêm cho mình. Lực là mười thứ trí lực, ở trước đã giải thích rõ. Phật có mười thứ trí huệ, cho nên gọi là định huệ lực trang nghiêm. "Dùng để độ chúng sinh" : Dùng những lực này để giáo hóa chúng sinh, độ thoát chúng sinh. "Tự chứng đạo vô thượng" : Mình đã chứng được đại đạo vô thượng, tức là "pháp đại thừa bình đẳng". "Nếu giáo hóa tiểu thừa, cho dù chỉ một người, thì ta đọa xan tham, việc này chẳng thể có" : Phật nói :



Nếu ta không dùng pháp đại thừa giáo hóa chúng sinh, chỉ nói pháp tiểu thừa dù đối với một người, giấu pháp lớn mà nói pháp nhỏ, tức là rơi vào tâm tham, keo kiệt pháp, việc này tuyệt đối không thể có.

**Nếu người tin quy Phật  
Như Lai chẳng dối gạt.  
Cũng không tham ghen ghét  
Dứt ác trong các pháp  
Nên Phật trong mười phương  
Chẳng có gì sợ hãi.  
Ta dùng tướng nghiêm thân  
Quang minh chiếu thế gian  
Vô lượng chúng tôn kính  
Vì nói ẩn thật tướng .  
Xá Lợi Phất nên biết !  
Ta vốn lập thế nguyện  
Muốn khiến tất cả chúng  
Đồng như ta không khác.  
Nguyện xưa kia của ta  
Nay đã đầy đủ rồi  
Độ tất cả chúng sinh**

## **Đều khiến vào Phật đạo.**

Nếu như có người tin Phật pháp, quy y Phật đạo, thì Như Lai quyết chẳng đổi gạt, cũng chẳng có ý tham lam đố kỵ. "Dứt ác trong ác pháp" : Mục đích học Phật pháp, là muốn thấu sự rõ lý, minh bạch nhân quả, thực hành những gì Phật thực hành, giác ngộ những gì Phật giác ngộ. Đối với pháp lành, thì phải nghe theo hành theo, mới có thể trừ khử bớt, tập khí xấu tham sân si từng chút từng chút, tức là dứt ác trong các pháp. Tại sao có người ngu si ? Vì thấy người có trí huệ thì sinh tâm đố kỵ, cho nên đời này ngu si. Đồng lý ấy, đời này thông minh có trí huệ, là vì đời trước không những chẳng đố kỵ với người khác, ngược lại sinh ra tâm tùy hỉ ca ngợi người khác. Người chân chánh tu đạo, thì không sợ người khác giỏi hơn mình, mà mong muốn mọi người đều hơn mình, mọi người đều thành Phật, sau đó mình mới thành Phật. Bạn hãy xem, ôm ấp chí khí này ở trong lòng thật là vĩ đại. Bồ Tát Địa Tạng Vương phát nguyện :

"Địa ngục chưa trống không,  
Thệ không thành Phật.  
Chúng sinh độ hết  
Mới chúng bồ đề".

Chúng sinh ở trong địa ngục, ác tập khí quá nặng, khó điều khó phục, luân hồi ở trong sáu nẻo, nhưng Bồ

Tát chẳng than mệt nhọc, luôn luôn cứu độ, khiến cho họ sớm được giải thoát.

Có người hỏi, có thể nào cùng năm tháng ngày giờ, đều độ hết chúng sinh trong sáu nẻo thành Phật chăng ? Không, không thể được, chỉ có thân người mới có thể thành Phật đặng, nguyện lực này mới viên mãn. Còn năm nẻo kia là trời, A Tu La, súc sinh, ngạ quỷ, địa ngục, nếu muốn thành Phật thì trước hết phải làm thân người, chứ không thể ở trong năm nẻo kia mà thành Phật đặng. Trong lời nguyện của Bồ Tát Địa Tạng phát ra là trước hết độ tất cả chúng sinh ác liệt nhất, cho nên đời ác năm trước, thệ vào trước để cứu độ tất cả chúng sinh tội khổ đọa lạc trong ba đường ác.

Đức Phật chánh đại quang minh, cho nên được người thế gian trong mười phương tôn kính, mà chẳng có gì sợ hãi. Con người vì hoặc nghiệp chưa hết, suốt ngày điên đảo mộng tượng, tâm nhiều quái ngại, thậm chí đêm ngủ cũng chẳng yên. Phật đặc được trí huệ cứu kính, đủ đại dũng mãnh, tinh thần đại vô úy, chẳng sợ cứu độ những chúng sinh cang cường, thường làm thuyền độ người trong biển khổ. Vì chẳng có gì sợ hãi, nên đặc được quang minh chánh trực. Chánh cũng có nghĩa là trung đạo, chẳng lệch bên phải, chẳng lệch bên trái, chẳng nhiều cũng chẳng ít. Trung đạo thì chẳng có hình tướng, luôn luôn xử sự hợp với trung đạo, đó tức là diệu đạo, cho nên Phật hay dùng vô sở úy, để khiến chúng sinh thích nghe Phật pháp.

Phật nói pháp thiện xảo phương tiện, làm hài lòng tâm của đại chúng. Song, tại sao ở trong hội Pháp Hoa, còn có năm ngàn người lui về ? Thật ra chẳng phải họ không muốn nghe, mà vì nghiệp chướng của họ quá sâu nặng, đức hạnh chẳng đủ, cho nên chiêu lại ma lực ở trong thân, khiến cho họ lui khỏi pháp hội.

Phật dùng tướng tốt trang nghiêm thân, trí huệ quang minh chiếu khắp thế gian, là bậc tôn kính ngưỡng mộ của vô lượng chúng sinh, hiện tại là nói pháp thật tướng. "Ấn thật tướng" là chánh pháp ấn thật tướng, tức cũng là Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

"Xá Lợi Phật nên biết, ta vốn lập đại thệ nguyện, muốn khiến cho tất cả chúng sinh đồng như Phật, Thế Tôn không khác". Như ta đã phát thệ nguyện xưa kia, nay đã mãn nguyện được thành Phật đạo và khéo dẫn dụ tất cả chúng sinh si mê, đều khiến cho họ nhập vào trong chánh đạo của Phật.

**Nếu ta gặp chúng sinh  
Dùng Phật đạo dạy hết  
Kẻ vô trí làm lẫn  
Mê hoặc chẳng nghe lời.**

"Ta" ở đây là chỉ bản thân của Phật. Phật có tám đại tự tại ngã (ta). **Tự tại ngã thứ nhất là :** Dùng một thân mà ứng vô lượng thân để độ thoát chúng sinh. **Thứ**

**hai là** : Dùng một thân đầy khắp đại thiên thế giới, sao lại có thể dùng một thân mà đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới ? Vì tự tại. **Thứ ba là** : Thân Phật có thể khinh cử viễn đạo. "Khinh cử" tức là nhẹ như khí cầu, một chút trọng lượng cũng chẳng có, có thể tùy ý bay nổi, đó gọi là khinh cử. "Khinh cử viễn đạo", nghĩa là thần thông của Phật tự tại diệu dụng.

**Thứ tư là** : Phật có thể ở trong cùng một cõi nước, mà hiện đủ thứ thân hình.

**Thứ năm là** : Sáu căn dụng với nhau, như mắt có thể ăn được vật ăn, tai có thể nói ; tóm lại, mỗi một căn đầy đủ năng lực của năm căn kia.

**Thứ sáu là** : Đắc các pháp tướng vào vô pháp tướng. Tuy chúng đắc các pháp tướng vào vô pháp. Tuy chúng đắc tất cả các pháp, mà chẳng có các pháp tướng, pháp cũng không.

**Thứ bảy là** : Diễn nói kệ tụng, vĩnh viễn chẳng dùng cảnh.

**Thứ tám là** : Thân đầy các nơi, khắp mười phương cõi, chẳng có nơi nào mà không có. Pháp giới làm thể, hư không làm dụng. Hư không vô tướng mà vô sở bất tướng. Chúng ta đều sống ở trong pháp thân của Phật. Chúng sinh sống ở trong pháp thân, cũng giống như sống ở trong gió, nhưng bản thân người chẳng biết gió ra làm sao. Đồng lý ấy, chúng ta tuy sống ở trong pháp thân của Phật mà chẳng biết Phật là thế nào. Do đó :

"Chẳng biết mặt mũi thật núi Lư Sơn,  
Chỉ nương thân ở trên núi ấy."

Núi Lư Sơn là danh lam thắng cảnh nổi tiếng của Trung Quốc, nếu ở tại núi Lư Sơn thì tự nhiên chẳng thấy được mặt mũi thật của núi Lư Sơn, chỉ ở ngoài núi mới trông thấy được. Thế thì làm sao thấy được pháp thân của Phật ? Chẳng có cách nào khác, chỉ cần siêng tu Phật đạo, thành tựu quả vị Phật, với Phật không hai không khác, thì tự nhiên ngộ được ý bên trong.

Phật dùng tám đại tự tại ngã này, toại tâm như ý giáo hóa chúng sinh, giáo hóa hết Phật đạo. Song, người chẳng rõ thị phi, chẳng phân trắng đen, vô trí lầm lẫn, cho nên hoặc chẳng nghe lời. Nếu người luôn luôn tự mình kiểm thảo, hồi quang phản chiếu, thì giống như ở trước gương soi, sẽ chiếu rõ ràng mặt mũi của mình. Nếu tâm thường từ bi, đồng thể đại bi, thì kiếp trước đã từng tu thiện dứt làm ác, chẳng tạo nghiệp giết hại. Nếu người tâm sân hận quá nặng, giết hại nhiều sinh linh, thì đời này nóng giận bạo phát, hỏa khí rất lớn. Do đó, có thể suy ra :

"Muốn biết nhân trồng trong quá khứ,  
Hãy xem mình đang hưởng thụ đời này ;  
Muốn biết quả sẽ thọ trong tương lai,  
Hãy xem mình đang làm gì trong đời này."

Xưa kia, có người từng hỏi tôi : "Người sẽ đọa làm súc sinh chẳng ?" Tôi đáp : "Bạn làm việc súc

sinh tức là súc sinh, làm việc nguời tức là nguời, làm việc quý tức là quý. Nếu thọ Bồ Tát giới hành Bồ Tát đạo, tức là Bồ Tát sơ phát tâm, làm việc Phật tức là Phật. Tóm lại, mười pháp giới chẳng lìa một tâm niệm, vạn pháp do tâm tạo ra." Hiện tại đại chúng thường đến pháp hội này nghe Kinh, đều do kiếp trước đã từng gieo trồng căn lành, niềm tin chẳng thối lui, cho nên đời này mới gặp được pháp duyên này.

**Ta biết chúng sinh đó  
Chưa từng tu gốc lành  
Chấp cứng nơi năm dục  
Vì si ái sinh phiền.  
Do nhân duyên ác dục  
Đọa vào ba đường ác  
Luân hồi trong sáu nẻo  
Chịu đủ các khổ độ.  
Thọ thai hình hài nhỏ  
Đòi đòi thưởng lớn dần  
Người đức mỏng phước ít  
Bị các khổ bức bách.  
Vào rừng rậm tà kiến  
Chấp có hoặc chấp không**

**Nướng tựa các kiến này  
Đầy đủ sáu mươi hai.  
Chấp sâu pháp hư vọng  
Giữ chặt chẳng bỏ được  
Ngã mạn tự khoe cao  
Dua nịnh tâm chẳng thật.  
Trong ngàn vạn ức kiếp  
Chẳng nghe danh hiệu Phật  
Cũng chẳng nghe chánh pháp  
Người như thế khó độ.**

Ta biết những chúng sinh mê hoặc này, chưa từng tu học gốc lành đại thừa, lại tham chấp vào cảnh : sắc, thanh, hương, vị, xúc, năm dục, tức : tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn và ngủ. Do đó, đọa địa ngục. Ví như :

1. Người tham tiền tài : Bất chấp mọi thủ đoạn để kiếm tiền bạc, chẳng cú nhân nghĩa đạo đức, cũng chẳng màng nguồn gốc tiền bạc có chánh đáng chẳng, suốt ngày tâm vì tiền bạc sai khiến, trồng xuống hạt giống địa ngục.

2. Sắc : Sắc đẹp là nhân luân hồi của chúng sinh, bất cứ nam nữ, một khi gặp nhau thì ý niệm đầu tiên là, muốn nhìn xem thử đối phương có xinh đẹp chẳng ? Cứ khởi vọng tưởng, sự suy nghĩ này chẳng chân thật, cho nên có luân chuyển.



3. Danh lợi : Con người thường bị danh lợi trôi buộc, do đó thích tự mình tuyên truyền, ở trên tấm thiệp nhỏ in đầy ra, nào là giám đốc công ty nào đó, chủ tịch gì đó..., đó phải chăng là vì háo danh.

4. Ăn : Có người chẳng thích tiền tài, chẳng háo sắc, cũng chẳng tham danh lợi mà thích ăn !

5. Ngủ : Có những người chẳng tham mấy thú ở trên mà chỉ thích ngủ ! Ngủ nhiều thì đầu não hôn mê.

Ở tại Hương Cảng, Đài Loan thường nghe bệnh ngủ chết phát sinh, vì người quá tham ngủ, ngủ chết rồi cảm thấy sung sướng, cho rằng đó là sự ra đi an nhàn, chẳng chịu đựng cảnh chết đau đớn. Tóm lại, năm thú dục lạc này là địa ngục năm căn, khiến cho chúng sinh trầm luân sâu thẳm ở trong sáu nẻo luân hồi. Do đó, học Phật tu đạo là khiến cho con người dứt làm ác mà làm điều lành, bỏ tà quy chánh, chấm dứt sinh tử, chẳng còn luân hồi.

"Vì si ái sinh phiền" : Vì quá chấp trước năm dục, ngu si luyến ái, chẳng xả bỏ được, cho nên sinh đủ thứ phiền não. Tham những ái dục nghiệp ác này đều là nhân duyên của ba đường ác, nghiệp quả vay trả, như bánh xe lăn, lưu chuyển trong sáu nẻo, đó gọi là sáu nẻo luân hồi. Chúng sinh luân hồi trong sáu cõi, chịu đủ các khổ độc, thọ bào thai hình hài nhỏ, ra thai bò vào bụng ngựa, khi thì họ Trương, khi thì họ Lý, luân chuyển trong lục đạo. Người hạ liệt đức mỏng phước ít, thường bị các khổ bức

bách. Khổ có ba thứ khổ, tám thứ khổ và vô lượng thứ khổ.

"Vào rừng rậm tà kiến" : Tức là kiến trước. "Hoặc chấp có chấp không" : Chấp có tức là chấp thường, chấp không tức là chấp đoạn, đủ các thứ tà kiến. "Nương tựa các kiến này" : Nương vào có, không, hai thứ kiến (thấy) bất chánh, thành sáu mươi hai kiến. Năm kiến là : thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ kiến, giới cấm thủ kiến.

"Đầy đủ sáu mươi hai" : Phạm phu và các ngoại đạo, nơi cảnh năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) khởi bốn thứ kiến ; hoặc là sắc lớn ngã nhỏ, ngã ở trong sắc ; hoặc là sắc nhỏ ngã lớn, sắc ở trong ngã ; hoặc là sắc tức là ngã ; hoặc là lìa sắc là ngã. Đó là về sắc ấm, còn bốn ấm kia, thọ tưởng hành thức, mỗi ấm cũng khởi bốn thứ kiến, cộng thành hai mươi thứ kiến. Quá khứ, hiện tại và vị lai, mỗi thứ có hai mươi thứ kiến, cộng thành sáu mươi thứ kiến và kể cả thường kiến và đoạn kiến (chấp không chấp có) cộng thành sáu mươi hai thứ tà kiến.

"Ngã mạn tự khoe cao" : Khoe khoang kiêu ngạo, trọng mình khinh người. "Dua nịnh tâm chẳng thật" : Dua nịnh tức là a dua theo người có quyền có thế, chẳng ngay thẳng, chẳng thật thà. Trong Kinh Lăng Nghiêm nói :

"Nhân mà không thật thì quả quanh co".

Nếu tại nhân địa mà chấp chặt vào pháp hư vọng, ngã mạn tự khoe cao, dua nịnh chẳng thật, nhân địa chẳng thật, cho nên ngàn vạn ức kiếp, chẳng nghe được danh hiệu của Phật, cũng chẳng đắc được chánh pháp của Phật, người như thế chẳng có duyên, khó mà độ thoát được.

Tại San Francisco, mỗi buổi tối người đến tham gia pháp hội này, thật là long phụng sùng lân, tình hình này giống như có một lần Đức Phật cầm lên một ít đất hỏi Ngài A Nan : "Con xem đất trong tay của ta nhiều, hay đất ngoài đại địa nhiều ?" Ngài A Nan đáp : "Đương nhiên đất ngoài đại địa nhiều, đất trong bàn tay của Như Lai ít." Phật lại nói : "Được thân người như đất trong lòng bàn tay, mất đi thân người như đất ngoài đại địa." Nếu thân người mất đi thì vạn kiếp khó được lại, đời sau chẳng làm nạ quý thì làm súc sinh hoặc đọa vào địa ngục. Do đó, có thể thấy, vào thời mạt pháp, người đến đây học Phật nghe Kinh, hiếm có như vàng thật, còn những người chẳng nghe danh hiệu Phật, chẳng học Phật như đất, khắp nơi đều có.

Trung Quốc có một vị Phật sống Chùa Kim Sơn, bất cứ vị pháp sư nào giảng Kinh thuyết pháp, Ngài cũng đều đánh lễ trước rồi quỳ xuống nghe, chấp tay im lặng, cung kính phi thường, thật là có tâm thành. Vì sao Ngài được xưng là Phật sống ? Nguyên nhân là Ngài từ đỉnh tháp Kim Sơn nhảy xuống mà vẫn an nhiên chẳng hề gì, và Ngài hay dùng "thuốc Ba La Mật" chữa trị các chứng bệnh nan y. "Thuốc Ba La Mật" là vật gì ? Tức là nước

rửa chân của Phật sống Kim Sơn ! Nếu ai cầu chữa bệnh, thì Ngài lấy nước rửa chân rồi thêm vào một chút tro, cho bệnh nhân uống. Nói ra cũng lạ thật, nước rửa chân lại có thể công hiệu, phát sinh ra chất thuốc chữa lành các chứng bệnh. Cho nên ai ai cũng gọi Ngài là Phật sống Kim Sơn.

Người như Phật sống Chùa Kim Sơn căn lành sâu dày, vào thời đại mạt pháp thật là hiếm có. Tương lai khi Phật pháp phải diệt, thì tất cả Kinh điển sẽ biến thành giấy trắng. Trong các Kinh điển thì Kinh Lăng Nghiêm mất trước nhất, cho nên tôi đến nước tây phương hoàng dương Phật pháp, thì trước hết đề xướng Kinh Lăng Nghiêm. Kinh Lăng Nghiêm là bộ Kinh khai mở trí huệ, đạo lý thâm áo vi diệu, siêu hơn khoa học và triết học hiện nay. Kinh Lăng Nghiêm có thể sánh là Đổng Luân Vương. Ngạn Luân Vương là Kinh Pháp Hoa, Vua trong các Kinh. Kinh Hoa Nghiêm có thể ví là Kim Luân Vương. Đức Phật sau khi thành đạo dưới cội bồ đề, hai mươi một ngày đầu tiên giảng Kinh Hoa Nghiêm, nhưng Phật dùng pháp thân diễn nói tại bảy nơi chín hội, ngoài Bồ Tát ra, người nhị thừa chẳng nghe được, cũng chẳng thấy được, do đó :

"Có mắt chẳng thấy Lô Xá Na,  
Có tai chẳng nghe pháp viên đốn."

Bộ Kinh Hoa Nghiêm này, sau đó bị Long Vương thỉnh vào Long cung, nhân gian từ đó mất đi bộ Kinh này,

cho đến đời tổ thứ mười bốn Bồ Tát Long Thọ, cảm thấy trên thế gian chẳng có gì để học, mới dùng thần thông đi xuống Long cung. Ngài xem thấy ba bộ Kinh Hoa Nghiêm là : thượng, trung, và hạ. Quyển thượng số phẩm nhiều như hạt bụi trong bốn thiên hạ, quyển trung có bốn mươi chín vạn tám ngàn tám trăm bài kệ, một ngàn hai trăm phẩm. Quyển hạ có mười ngàn bài kệ, bốn mươi tám phẩm. Vì quyển thượng và quyển trung quá dài, người thế gian chẳng lãnh thọ được, cho nên Bồ Tát Long Thọ chỉ dùng trí nhớ thuộc lòng quyển hạ, trở về nhân gian rồi dùng bút chép ra hết toàn quyển Kinh. Cho nên, hiện nay có được bộ Kinh Hoa Nghiêm là nhờ ân đức của Bồ Tát Long Thọ để lại cho đời sau. Nếu Chúng ta hiểu rõ ba bộ Kinh này (Hoa Nghiêm, Lăng Nghiêm và Pháp Hoa) thì tất cả các Kinh khác càng dễ minh bạch hơn.

**Cho nên Xá Lợi Phất !**

**Ta vì bày phương tiện**

**Nói hết các khổ đạo**

**Mở bày đạo Niết bàn.**

**Tuy ta nói Niết bàn**

**Đó cũng chẳng thật diệt**

**Các pháp tử bốn lai**

**Tướng thưởng tự tịch diệt.**

**Phật tử hành đạo rồi  
Đòi sau được thành Phật  
Ta có sức phương tiện  
Mở bày pháp ba thừa.  
Nay các đại chúng đây  
Đều nên trừ nghi hoặc  
Lỗi chử Phật không khác  
Một chẳng có hai thừa.**

Xá Lợi Phất ! Ta dùng pháp quyền xảo phương tiện, nói ba tạng giáo lý, muốn giải thoát mọi sự khổ, cho nên nói : biết khổ, dứt tập, mộ diệt, tu đạo, tức là pháp bốn Diệu đế. Ta đối với những người căn tính tiểu thừa, thì vì họ mà nói Niết Bàn : Thường lạc ngã tịnh bốn đức. Tuy ta vì họ mà nói pháp tịch diệt, nhưng đó là pháp quyền xảo phương tiện, chẳng phải là pháp cứu kính tịch diệt. Tất cả pháp từ xưa đến nay, pháp tính vốn tự thanh tịnh tịch diệt, gọi là thật tướng. Bản thể của nó là tịch diệt, là như như ; như như là tịch diệt ; tịch diệt tức cũng là như như. "Phật tử hành đạo rồi" : Đệ tử của Phật nghe theo lời Phật dạy, trước hết tu tiểu thừa, sau đó rồi hồi tiểu hướng đại, hành Bồ Tát đạo. Tu Bồ Tát đạo viên mãn, thì tương lai sẽ thành Phật. Ban đầu người nhị thừa chẳng hiểu pháp đại thừa viên đốn, cho nên Phật dùng đủ

thứ pháp quyền xảo phương tiện, mở bày pháp ba thừa (Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát thừa).

Tất cả các Thế Tôn đều nói một thừa đạo. Chư Phật trước nói ba thừa, sau đó đem ba quy về một, khai quyền hiển thật. Nay các đại chúng Bồ Tát, La Hán, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, quý, thần, trời, rồng, tám bộ chúng đây đều nên tin sâu giáo lý viên đốn, trừ nghi hoặc, đừng nên đa nghi không tin như hồ ly. Mùa đông, nước trên mặt sông đóng băng, hồ ly đi qua sông thì mỗi bước đều dùng tai lắng nghe, để biết chắc chắn là mặt sông đã đóng băng, nhưng nó vẫn chẳng tin, do đó lắng nghe rồi lắng nghe nữa, cho nên gọi là hồ nghi.

Người chẳng có căn lành, thì nửa tin nửa ngờ đối với Phật pháp, tức cũng tồn tâm hồ nghi. Tin chẳng chân thật tức là chẳng trừ lòng nghi, tức cũng là ngu si vô minh. Nếu người có trí huệ Bát nhã, thì chẳng hoài nghi. Vì chẳng có trí huệ Bát nhã, cho nên giảng pháp chân thật cho họ nghe, thì họ cho rằng là pháp giả, đó tức là chẳng có trạch pháp nhãn (mắt chọn pháp). Mười phương chư Phật nói pháp đều giống nhau, tức là chỉ có một thừa Phật đạo, trí huệ chân thật, ngoài pháp môn thật tướng chẳng có hai thừa, chẳng có đại thừa, tiểu thừa hoặc Bồ Tát thừa.

**Quá khứ vô số kiếp  
Vô lượng Phật diệt độ  
Trăm ngàn vạn ức Phật**

**Số đông không thể lường.  
Các Thế Tôn như thế  
Đủ thứ duyên thí dụ  
Vô số sức phương tiện  
Diễn nói tướng các pháp.  
Các Thế Tôn đó thầy  
Đều nói pháp một thừa  
Độ vô lượng chúng sinh  
Khiến vào được Phật đạo.**

Kiếp, dịch ra nghĩa là "thời phần". Thời phần vốn chẳng có định nghĩa, chỉ vì tâm niệm của chúng sinh phân biệt mới có quá khứ, hiện tại và vị lai.

"Các Thế Tôn đó thầy, đều nói pháp một thừa" : Thuở xưa chư Phật nói ba tạng giáo lý, đều là vì thật thí quyền, mục đích cứu kính là khai quyền hiển thật, tức cũng là nói pháp một thừa Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. "Độ vô lượng chúng sinh, khiến vào được Phật đạo" : Khiến cho tất cả chúng sinh đều được khoái lạc : thường lạc ngã tịnh, bốn đức Niết Bàn.

**Các Đấng Đại Thánh Chúa  
Biết tất cả thế gian  
Trở người loại quần sinh**



**Trong tâm tâm ưa muốn.  
Bèn dùng phương tiện khác  
Giúp bày nghĩa đệ nhất  
Nếu có loại chúng sinh  
Gặp chư Phật quá khứ.  
Nếu nghe pháp bố thí  
Hoặc trì giới nhẫn nhục  
Tinh tấn thiền trí tuệ  
Tu đủ thứ phước huệ.  
Tất cả những người đó  
Đều đã thành Phật đạo.**

"Các Đấng Đại Thánh Chúa" : Tức là các Đức Phật. Đại Thánh Chúa là tên khác của Phật. "Biết tất cả thế gian" : Thế gian phân ra gồm có hữu tình thế gian và vô tình thế gian. Hữu tình thế gian còn gọi là chánh báo, vô tình thế gian còn gọi là y báo. Chánh, y hai báo Phật đều biết đều thấy. "Trời người loại quần sinh" : Người trên trời và người nhân gian cùng tất cả loại chúng sinh. "Trong tâm tâm ưa muốn" : Đủ thứ sự ưa muốn trong tâm tâm của họ, chư Phật đều thấy biết rõ ràng. Do đó, "bèn dùng phương tiện khác, giúp bày nghĩa đệ nhất" : Vì chư Phật biết sự ưa muốn của chúng sinh, cho nên bày đủ thứ pháp môn quyền xảo phương tiện, để độ thoát chúng sinh.

Phương tiện ở đây tức là đại thừa, tiểu thừa, Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa và Bồ Tát Thừa, đó gọi là phương tiện khác, đều vì hiển lộ Phật thừa nghĩa đệ nhất mà bày ra. "Nếu nghe pháp bố thí" : Bố thí gồm tài thí, pháp thí và vô úy thí. "Hoặc trì giới nhẫn nhục" : Hoặc tu trì giới độ, hoặc nhẫn nhục độ. Hành bố thí độ xan tham, trì giới độ hủy phạm, nhẫn nhục độ sân hận. "Tinh tấn thiên trí thủy" : Tinh tấn độ giải đãi, thiên định độ tán loạn, tán loạn tức là chẳng có định lực, trí huệ độ ngu si. "Tu đủ thứ phước huệ" : Tu sáu độ vạn hạnh, tức cũng là tu phước huệ. "Tất cả những người đó" : Hết thấy những người này. "Đều đã thành Phật đạo" : Họ đều đã thành Phật đạo. Vì những người này ban đầu tu chút chút việc thiện, ngày tháng tích lũy, từ chút chút mà biến thành nhiều, từ một việc phước mà trở thành nhiều việc phước ; từ một việc huệ mà trở thành nhiều việc huệ ; khi nào phước huệ tròn đầy thì Phật đạo cũng thành tựu. Bây giờ chúng ta bắt đầu tu hành, không biết trong quá khứ bạn đã gieo trồng phước huệ chưa, thì đời này chúng ta gặp được Phật pháp vô thượng, nhất định phải bắt đầu dùng mãnh tinh tấn tu hành cho đến khi thành Phật.

**Sau chữ Phật diệt độ**  
**Nếu người tâm tốt lành.**  
**Những chúng sinh như thế**  
**Đều đã thành Phật đạo**

**Chư Phật diệt độ rồi  
Người cúng dường xá lợi.  
Tạo vạn ức bảo tháp  
Vàng bạc và pha lê  
Xa cừ cùng mã não  
Châu mai khô lưu ly.  
Thanh tịnh rộng nghiêm sức  
Trang trí nơi các tháp  
Hoặc dùng đá làm chùa  
Chiên đàn và trầm thủy.  
Gỗ mật và gỗ khác  
Gạch ngói bùn đất thảy  
Nếu ở nơi đồng hoang  
Chứa đất thành chùa Phật.  
Cho đến trẻ con chơi  
Vun cát làm tháp Phật  
Tất cả những người đó  
Đều đã thành Phật đạo.**

"Sau chư Phật diệt độ" : Sau khi chư Phật vào Niết Bàn. "Nếu người tâm tốt lành" : Nếu người có tâm tốt lành hòa diệu, ban đầu xem ra tuy chỉ có chút chút căn

lành, nhưng lâu dần tích lũy được rất nhiều công đức. "Các chúng sinh như thế, đều đã thành Phật đạo" : Như những chúng sinh đó cũng đều đã thành Phật. "Chư Phật diệt độ rồi" : Sau khi chư Phật diệt độ. "Người cúng dường xá lợi" : Tạo tháp cúng dường tất cả xá lợi của Phật. Tạo tháp thì có từng cấp khác nhau, chỉ có tháp xá lợi của Phật là mười ba tầng, Bích Chi Phật thì năm tầng, tứ quả A La Hán thì bốn tầng, tam quả A Na Hàm là ba tầng, nhị quả Tư Đà Hàm là hai tầng, sơ quả Tu Đà Hoàn là một tầng. "Tạo vạn ức bảo tháp" : Tạo dựng trăm ngàn vạn ức bảo tháp, dùng gì để tạo ? "Vàng bạc và pha lê" : Hoặ dùng vàng, bạc hoặ pha lê để tạo tháp. "Xa cừ cùng mã não" : Hoặ dùng đá xa cừ để tạo, hoặ dùng đá mã não để tạo. "Châu mai khô lưu ly" : Hoặ dùng đá mai khô, hoặ dùng đá lưu ly, hoặ dùng chân châu để tạo tháp. "Thanh tịnh rộng nghiêm sức" : Dùng đồ thanh tịnh trang nghiêm, để nghiêm sức tháp xá lợi của Phật. "Trang trí nơi các tháp" : Lại dùng các thứ đồ vật để trang trí các tháp. "Hoặ dùng đá làm chùa, chiêm đàn và trầm thủy" : Hoặ có người dùng đá làm chùa, hoặ dùng gỗ chiêm đàn và gỗ thơm trầm thủy để làm chùa, làm tượng Phật. "Gỗ mật và gỗ khác, gạch ngói bùn đất thảy" : Gỗ mật tức là gỗ thơm, hoặ dùng gạch ngói hoặ dùng bùn đất làm chùa. "Nếu ở nơi đồng hoang, chứa đất thành chùa Phật" : Hoặ ở nơi hoang dã, tích chứa đất thành ngôi chùa. "Cho đến trẻ con chơi, vun cát làm tháp Phật" : Nhân đến trẻ con chơi giỡn, vun một

đồng cát làm tháp Phật. "Tất cả những người đó, đều đã thành Phật đạo" : Tất cả những người như thế, tích lũy công đức cũng đều đã thành Phật.

**Nếu như người vì Phật  
Kiến tạo các hình tượng  
Điêu khắc thành các tượng  
Đều đã thành Phật đạo.**

"Nếu như người vì Phật, kiến tạo các hình tượng, điêu khắc thành các tượng" : Dùng đủ thứ vật chất khác nhau để làm tượng Phật, những người này "đều đã thành Phật đạo".

**Hoặc làm bằng bảy báu  
Vàng thau đồng trắng đỏ  
Nhôm chì và chất kẽm  
Sắt gỗ cùng với bùn.  
Hoặc dùng keo sơn vôi  
Nghiêm sức làm tượng Phật  
Hết thấy những người đó  
Đều đã thành Phật đạo.**

"Hoặc làm bằng bảy báu" : Hoặc dùng bảy báu : vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xà cừ, xích châu, mã não, để tạo tượng Phật. "Vàng thau đồng trắng đỏ" : Vàng thau giống như vàng thật, nhưng chẳng phải vàng thật, hoặc là đồng trắng, đồng đỏ. "Nhôm chì và chất kềm" : Hoặc dùng chất nhôm, chì, kềm để tạo tượng Phật. "Sắt gỗ cùng với bùn" : Hoặc dùng sắt, hoặc dùng gỗ, hoặc dùng bùn để tạo tượng Phật. "Hoặc dùng keo sơn vôi" : Hoặc dùng keo, sơn, vôi để tạo tượng Phật. "Nghiêm sức làm tượng Phật" : Dùng để trang sức những tượng Phật, trông rất đẹp vô cùng.

Tạo tượng Phật có mười một thứ công đức :

1. Đời đời kiếp kiếp mắt sáng suốt thấy rõ. Tại sao có quả báo như thế ? Vì trong đời quá khứ đã tạo tượng Phật cho nên mắt thấy rõ sáng suốt.

2. Sinh vào nơi chẳng có người ác, bất cứ chung quanh phải trái trước sau chỗ của mình ở, họ hàng bạn bè đều là người tốt, chẳng gặp người ác, thú dữ hoặc các hiểm nạn.

3. Sinh trưởng trong nhà giàu : sinh vào nhà giàu có, vừa có tiền vừa có địa vị.

4. Thân thể màu hoàng kim. Tại sao thân thể của chúng ta chẳng phải màu hoàng kim ? Vì trong quá khứ chẳng tạo tượng Phật.

5. Châu báu dồi dào. Nơi nào cũng đầy đủ châu báu.

6. Sinh vào nhà hiền lành. Sinh vào nhà người hiền lành.

7. Được sinh làm vua. Công đức tạo tượng Phật, đời sau được sinh làm vua. Bây giờ có những nước chẳng có vua, nhưng làm tổng thống và vua đều giống nhau.

8. Được làm Chuyển luân vương. Làm chuyển luân vương càng trân quý hơn, Chuyển luân vương một khi mà tu thì thành Phật.

9. Không những làm vua ở nhân gian mà còn có thể sinh về cõi trời, sinh về Phạm thiên, thọ mạng lâu dài.

10. Chẳng đọa vào đường ác. Người đã từng làm tượng Phật thì sẽ không đọa vào ba đường ác.

11. Đời đời kiếp kiếp kính trọng Tam Bảo, quy y Tam Bảo, chẳng đọa lạc. Đó là mười một thứ công đức tạo tượng Phật.

Người tạo tượng Phật tướng mạo rất viên mãn. Tại sao tướng mạo của Phật viên mãn như thế ? Vì trải qua ba đại A Tăng Kỳ kiếp, chẳng biết Ngài đã tạo bao nhiêu tượng Phật. Bạn thử tính xem, Ngài gặp bao nhiêu vị Phật ra đời ? A Tăng Kỳ kiếp thứ nhất gặp hơn bảy vạn năm ngàn vị Phật, A Tăng Kỳ kiếp thứ hai gặp hơn bảy vạn sáu ngàn vị Phật, A Tăng Kỳ kiếp thứ ba gặp hơn bảy vạn bảy ngàn vị Phật. Gặp nhiều vị Phật như vậy thì tất nhiên Ngài tạo tượng Phật càng nhiều hơn, nếu tính thì chẳng biết được số lượng, cho nên tướng mạo của Ngài viên mãn phi thường. Tạo tượng Phật không những tướng mạo viên

mãn, mà còn khiến cho người sinh tâm ái kính tu phước tu huệ. "Hết thầy những người đó, đều đã thành Phật đạo" : Những người tạo tượng Phật cũng đều đã thành Phật.

**Vẽ họa làm tượng Phật  
Trăm tướng phước trang nghiêm  
Tự làm hoặc bảo người  
Đều đã thành Phật đạo.  
Cho đến trẻ con chơi  
Dùng cỏ cây và bút  
Hoặc là dùng móng tay  
Mà vẽ họa tượng Phật.  
Hết thầy những người đó  
Tủ tử tích công đức  
Đầy đủ tâm đại bi  
Đều đã thành Phật đạo.  
Giáo hóa các Bồ Tát  
Độ thoát vô lượng chúng.**

Đoạn Kinh văn ở trên, tuy nói dùng keo sơn vãi để tạo tượng Phật, nhưng ở trong giới luật chẳng hề xướng dùng keo sơn vãi để tạo tượng Phật. Vì keo sơn có một thứ mùi hôi. Và giới luật cũng nói, nếu tượng Phật đứng



thì chúng ta người học Phật không thể ngồi ở trước tượng Phật. Nếu tượng Phật ngồi, thì chúng ta không thể nằm ở trước tượng Phật, các vị nên biết những điều nhỏ này.

"Vẽ họa làm tượng Phật" : Vẽ họa thành tượng Phật. "Trăm tướng phước trang nghiêm" : Vẽ họa tượng Phật rất trang nghiêm viên mãn. "Tự làm hoặc bảo người" : Tự mình làm tượng hoặc bỏ tiền ra nhờ người khác làm tượng Phật. "Đều đã thành Phật đạo" : Những hạng người này đều đã thành Phật. "Cho đến trẻ con chơi" : Nhẫn đến trẻ con đùa giỡn. "Dùng cỏ cây và bút" : Hoặc dùng cỏ, hoặc dùng cây tạo tượng Phật, hoặc dùng bút vẽ tượng Phật. "Hoặc dùng đến móng tay" : Hoặc dùng móng tay chấm mực. "Mà vẽ họa tượng Phật."

Thuở xưa, tại Tú Xuyên có một người chuyên đọc Kinh Kim Cang và dùng tay biên Kinh Kim Cang ở trong hư không. Mỗi ngày đều đứng tại chỗ đó biên. Về sau mỗi khi trời mưa thì chung quanh chỗ ông ta biên Kinh Kim Cang mưa chẳng ướt xuống đất, người đã khai mở ngũ nhãn mới thấy được. Tuy ông ta dùng tay biên Kinh Kim Cang ở trong hư không, song, thiên long bát bộ cũng đều bảo hộ bộ Kinh Kim Cang này, khiến cho nước mưa chẳng ướt vào chỗ này. Cho nên về sau cũng tại chỗ này tạo dựng một ngôi chùa. Do đó, có thể thấy chỉ dùng tay biên ở trong hư không, mà có cảm ứng lớn như thế. chuyện này ghi ở trong linh dị lục của Kinh Kim Cang, là chuyện có thật.

"Hết thầy những người đó" : Những người nói ở trên là những người tạo tượng Phật. "Tù tù tích công đức" : Tích lũy công đức dần dần. "Đầy đủ tâm đại bi, đều đã thành Phật đạo" : Hiện tại đều đã thành Phật đạo. "Giáo hóa các Bồ Tát" : Phật giáo hóa các Bồ Tát, khiến cho bậc Duyên Giác, Thanh Văn đều hồi tiểu hướng đại tu pháp Bồ Tát, sau đó hồi hướng Phật thừa. "Độ thoát vô lượng chúng" : Độ thoát vô lượng vô biên chúng sinh, cũng đều cùng thành Phật đạo.

**Nếu người nơi chùa tháp  
Tượng báu và tượng vẽ.  
Dùng hương hoa, phan, lọng  
Cúng kính mà cúng dường  
Hoặc khiến người tấu nhạc  
Đánh trống thổi sừng ốc.  
Tiêu, sáo, cầm, đờn sắt  
Tì bà chụp chũm đồng  
Các tiếng hay như thế  
Đem hết để cúng dường.**

"Nếu người nơi chùa tháp" : Nếu có người ở nơi chùa hoặc tháp. "Tượng báu và tượng vẽ" : Bất cứ đối với tượng báu hoặc tượng vẽ. "Dùng hương hoa phan

lọng". Dùng hương hoa, phan báu và lọng báu, tức cũng bao gồm những dụng cụ khác như tràng chuỗi, y phục, thực phẩm, âm nhạc .v.v. "Cung kính mà cúng dường" : Dùng tâm cung kính để cúng dường tượng Phật. "Hoặc khiến người tấu nhạc" : Hoặc mời người hòa tấu âm nhạc. "Đánh trống thổi sùng ốc" : Đánh trống hoặc thổi kèn sùng hoặc kèn ốc. "Tiêu, sáo, cầm, đàn sắt" : Hoặc thổi ống tiêu, ống sáo, hoặc gảy đàn cầm, đàn sắt. "Tì bà chấp chĩa đồng" : Hoặc gảy đàn tì bà, hoặc đánh chấp chĩa. Dùng những thứ âm nhạc này để tán thán Phật, Pháp, Tăng. Ví như đánh mõ, đánh chuông cũng là âm nhạc ; tụng Kinh, đọc Chú, ngâm nga kệ tán, đó cũng đều là dùng âm nhạc để tán thán cúng dường Phật. "Các điệu âm như thế" : Những âm thanh vi diệu như thế. "Đem hết để cúng dường" : Dùng những âm thanh vi diệu trang nghiêm này để cúng dường Phật.

**Hoặc dùng tâm vui mừng  
Ca tụng công đức Phật.  
Dù chỉ một vài lời  
Họ đều đã thành Phật  
Hoặc người tâm tán loạn  
Cho đến dùng cành hoa.  
Cúng dường trước tượng vẽ  
Lần thấy vô số Phật**

**Hoặc có người lễ lạy  
Hoặc là chỉ chấp tay.  
Cho đến gió một tay  
Hoặc là hỏi cúi đầu  
Dùng để cúng dường tượng  
Lần thấy vô lượng Phật.  
Tự thành vô thượng đạo  
Rộng độ vô số chúng  
Vào Vô dư Niết bàn  
Như củi hết lửa tắt.**

"Hoặc dùng tâm vui mừng" : Hoặc có người dùng tâm vui mừng khen ngợi Phật. "Ca tụng công đức Phật" : Tán khen ngợi đức hạnh của Phật. "Cho đến một vài tiếng" : Dù chỉ ca ngợi tán thán đức hạnh của Phật một vài tiếng. "Đều đã thành Phật đạo" : Những người đó cũng đều đã thành Phật đạo, hà huống là người tán thán Phật rất nhiều, thì càng sớm thành Phật đạo. "Nếu người tâm tán loạn" : Nếu có người tâm tán loạn chẳng có định lực. "Cho đến dùng cành hoa" : Cho đến dùng một cành hoa để cúng dường tượng Phật vẽ. "Lần thấy vô số Phật" : Vì họ tích lũy công đức cúng dường tượng Phật vẽ, cho nên họ từ từ thấy được vô số Đức Phật. "Hoặc có người lễ lạy" : Hoặc có người đánh lễ Phật. "Hoặc chỉ là

chấp tay" : Hoặc có người chấp tay ở trước Phật. "Cho đến giờ một tay" : Hoặc là giờ một tay lên trán (đây là chỉ hành động ít cung kính). Hoặc là hơi cúi đầu xuống. "Dùng để cúng dường tượng" : Dùng tâm ít cung kính này để cúng dường tượng vẽ, tượng báu. "Lần thấy vô lượng Phật" : Do ý niệm phát tâm ban đầu này, sẽ lần lần gặp được vô lượng Đức Phật. "Tự thành vô thượng đạo" : Vì mình tích công lữ đức mà được thành tựu Phật đạo. "Rộng độ vô số chúng" : Chẳng những mình thành Phật đạo, mà còn rộng độ vô lượng vô số chúng sinh. "Vào Vô dư Niết Bàn" : Vào cõi Vô dư Niết Bàn. "Như củi hết lửa tắt" : Giống như củi cháy hết thì lửa tắt. Cơ duyên của chúng sinh như củi, ứng hiện của Phật như lửa, cơ củi của chúng sinh đã độ tận thì lửa cũng phải tắt.

**Hoặc người tâm tán loạn  
Vào đến trong chùa tháp  
Miệng niệm Nam Mô Phật  
Họ đều đã thành Phật.**

"Nếu người tâm tán loạn" : Tâm tán loạn tức là tâm chẳng chuyên nhất, chẳng có định lực, cũng giống như khách đến đây tham quan chùa, tham quan tượng Phật, chứ chẳng vì lễ Phật, chỉ là đến tham quan, đó đều gọi là tâm tán loạn, họ đều chẳng có tâm thành, tuy là đến chùa tham quan, nhưng vốn chẳng biết có Phật, cho nên

có thể nói là, tán loạn trong sự tán loạn. "Vào đến trong chùa tháp" : Đến chùa hoặc vào tháp Phật. "Miệng niệm Nam Mô Phật, họ đều đã thành Phật" : Ít nhất họ niệm được một tiếng Nam Mô Phật, do một niệm ban đầu này, mà cứu kính họ đều có thể thành Phật. Tại sao ? Vì đi ngàn dặm do khởi đầu bước thứ nhất ; vạn đức viên dung , nhờ một niệm ban đầu. Nhờ lòng nhân Phật một tiếng niệm Phật ban đầu, mà tương lai đắc được quả vị Phật.

Chúng ta niệm Nam Mô Phật, Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Nam Mô Tiêu Tai Diên Thọ Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật. Bạn thấy rất dễ niệm, nhưng cơ hội này chẳng dễ gì gặp được. Bây giờ các bạn đều biết niệm danh hiệu Phật, nhưng mọi người hãy nghĩ xem, trên thế giới này người không biết niệm Phật nhiều hay là người biết niệm Phật nhiều ? Cũng có thể nói người chẳng biết niệm Phật thì nhiều như sao trên bầu trời. Cho nên nói người biết niệm Phật, đều nhờ căn lành của kiếp trước chín mùi, nên đời này mới gặp được pháp môn niệm Phật. Do đó, các vị phải trân tiếc căn lành của mình, đừng có bỏ lỡ.

Khi Đức Phật còn tại thế, thì Đề Bà Đạt Đa (anh em chú bác với Đức Phật) luôn luôn làm trái ngược với Đức Phật. Đức Phật dạy đệ tử ăn chay không ăn thịt, thì Đề Bà Đạt Đa nói với Phật và đệ tử của Phật không những không ăn thịt mà muối cũng không ăn, đó là muốn biểu thị ông ta cao hơn Đức Phật một bậc. Song, ông ta chẳng

chịu niệ́m Phật. Ông ta một đời tạo tội nghiệp, khi ông ta sắp hãm vào địa ngục (tức là nhục thân sống này rơi vào địa ngục) thì ông ta đột nhiên nghĩ muốn niệ́m Phật. Song, ông ta muốn niệ́m Phật mà niệ́m chẳng ra, chỉ niệ́m được hai chữ "Nam Mô...", còn chữ Phật thì niệ́m chẳng ra, đó là vì nghiệp chướng che đậy ông ta, cho nên niệ́m chẳng ra được chữ Phật. Đức Phật nói : "Người này cũng rất đáng thương ! Các con đừng khinh thường ông ta, khi ông ta chịu hết khổ dưới địa ngục, được ra khỏi địa ngục lại tu hành, lúc đó có thể sẽ chứng Bích Chi Phật, danh hiệu của vị Bích Chi Phật đó là Nam Mô, vì ông ta lúc đó niệ́m được hai chữ Nam Mô. Cho nên các bạn đừng coi thường niệ́m Phật quá dễ dàng như thế, cho rằng lúc nào cũng có thể niệ́m Phật được. Hiện tại các bạn chẳng bị nghiệp chướng che đậy, cho nên mới niệ́m được dễ dàng, một khi bị nghiệp chướng che đậy thì bạn muốn niệ́m cũng niệ́m chẳng ra.

Và có câu chuyện này, cũng vào lúc Đức Phật còn tại thế, thì có một ông già rất nghèo. Ông ta thấy Đức Phật mỗi ngày dẫn một ngàn hai trăm vị đệ tử ôm bát đi khát thực, chẳng bận việc đời, rất thanh tịnh tự tại, do đó ông ta cũng muốn xuất gia. Ông ta đến vườn Cấp Cô Độc để xin xuất gia, nhưng ngày đó Đức Phật đi vắng. Đệ tử của Phật có những người khai mở ngũ nhãn, khai mở pháp nhãn, khai mở huệ nhãn hoặc đã hoàn toàn chứng được ngũ nhãn lục thông, cũng có những người chứng sơ quả,

nhị quả, tam quả và tứ quả A La Hán. Khai mở Phật nhân chẳng phải là chúng quả, đó gọi là báo đắc thông. Vì rất nhiều người đời đã từng tu 42 tay và mắt và Chú Lăng Nghiêm, đủ thứ pháp môn, cho nên đắc được quả báo này. Bạc Thánh chúng được sơ quả đến tứ quả, thì có thể biết được nhân duyên ở trong tám vạn đại kiếp. Ông già này muốn xuất gia, nên những vị đệ tử đại A La Hán của Phật, bèn quán sát xem căn cơ của ông già này thế nào, có thể xuất gia được chăng ? Sau khi quán sát thì thấy ông già này trong tám vạn đại kiếp chẳng cúng dường Phật, cũng chẳng từng lễ Phật, cũng chẳng niệm Phật ; căn bản chẳng có gieo trồng tư hào căn lành nào, do đó cho rằng ông ta chẳng thể xuất gia. Cho nên có câu : "Đừng cho rằng việc xuất gia là dễ". "Đều nhiều kiếp trồng bồ đề" : Người xuất gia phải đời đời kiếp kiếp, gieo trồng nhiều căn lành, phát bồ đề tâm, sau đó mới có thể xuất gia, chứ chẳng phải nói tôi muốn xuất gia, thì có thể xuất gia. Nếu bạn chẳng có căn lành, thì dù muốn xuất gia cũng có rất nhiều chướng ngại, tức là xuất gia rồi, qua một ngày, hai ngày hoặc một tháng, hai tháng thì hoàn tục ; hoặc là xuất gia được một năm, hai năm lại hoàn tục, thậm chí ba năm, năm năm, mười năm sau đều có thể hoàn tục. Cho nên bạn đừng xem việc xuất gia quá dễ dàng.

Đệ tử của Đức Phật xem thấy ông già này, trong tám vạn đại kiếp chẳng có gieo trồng căn lành, do đó bèn nói với ông ta : "Ông không thể xuất gia được, vì ông đã lớn tuổi, không thể tu hành được, ông nên trở về." Ông



già nghe nói rất buồn rầu, vừa đi vừa khóc tự nhủ : "Ta cho rằng xuất gia quá dễ dàng, không ngờ đệ tử của Phật chẳng nhận ta, đại khái hiềm ta vừa già vừa nghèo, ta một đời làm người cũng chẳng có ý nghĩa gì, chết đi cho xong !" Cho nên ông ta vừa khóc vừa đi đến bờ biển. Lúc đó Đức Phật đến bên ông ta, hỏi ông ta : "Này ông lão, tại sao ông muốn tự tử ?" Ông ta nói : "Tôi muốn xuất gia, đến vườn Cấp Cô Độc, đức Phật đi vắng, đệ tử của Đức Phật chẳng nhận tôi. Tôi nghĩ tôi chẳng còn muốn sống nữa, muốn chết đi cho rồi !" Đức Phật nói : "Ông muốn xuất gia phải chăng ? Chẳng có vấn đề gì hết ! Ông hãy theo ta trở về, ta hứa cho ông xuất gia." Ông già theo đức Phật xuất gia tu hành, chẳng bao lâu thì chúng được quả A La Hán.

Đệ tử của Phật chẳng minh bạch việc này, đều cảm thấy kì lạ : "Ông già này chẳng có căn lành, sao lại chúng được quả A La Hán ? Trong tám vạn đại kiếp ông ta cũng chẳng làm việc tốt, tại sao Phật cho ông xuất gia ?" Do đó, bèn hỏi Đức Phật.

Đức Phật bèn giải thích : "Các con chỉ có thể thấy biết được nhân quả trong tám vạn đại kiếp, còn việc ngoài tám vạn đại kiếp, các con chẳng biết được. Ông già này trước tám vạn đại kiếp cũng rất nghèo, một ngày nọ, ông ta vào rừng đốn củi, thì gặp con cọp muốn ăn thịt ông ta, ông ta leo lên cây trốn, nhưng vẫn quá sợ hãi bèn niệm "Nam Mô Phật", vì niệm một tiếng "Nam Mô Phật" thì cọp bỏ đi. Cho nên, đến bây giờ căn lành hạt giống ông ta

niệm "Nam Mô Phật" đã chín mùi, cho nên ông ta đến xuất gia và còn chúng được quả A La Hán. Từ câu chuyện này xem ra, đủ thấy xuất gia chẳng phải là việc dễ dàng.

Còn có câu chuyện này, tại Ấn Độ có một thứ ngoại đạo, họ chuyên cúng dường một tượng thiên thần. Thân thể của tượng thiên thần này dùng bùn hoặc gỗ tạo thành, còn cái đầu thì làm bằng vàng. Tin này bị kẻ trộm biết được, y muốn đi trộm cắp đầu của thiên thần. Y đến nơi, vì oai đức của vị thiên thần bèn sinh tâm sợ hãi, lúc đó y bèn khởi niệm "Nam Mô Phật", thì tâm sợ hãi chẳng còn nữa. Do niệm một tiếng "Nam Mô Phật", mà khiến cho oai đức của thiên thần chẳng còn linh hiển nữa, cho nên y bèn trộm cắp đầu vị thiên thần. Trộm cắp đi rồi thì một số người nói : "Ê ! Bạn hãy xem kìa, vị thiên thần mà các vị đều tin là vị thiên thần chẳng còn linh nữa, nếu Ngài linh thì sao lại bị mất đầu ? Các vị tin vị thần này chẳng có ích gì." Vừa nói như vậy thì linh tính của vị thiên thần lập tức hiển hiện. (Thần có khi có linh khí, linh khí mà nhập vào ai, thì người đó bất tỉnh nhân sự.) Lúc đó, thiên thần nhập vào thân người vừa nói bèn nói rằng : "Ta chẳng phải là không linh ! Kẻ trộm đó vốn chẳng dám ăn cắp cái đầu của ta, nhưng y niệm Phật một tiếng "Nam mô Phật", thì quang minh của Phật chiếu sáng, khiến cho mắt của ta nhắm lại chẳng còn mở được, cho nên chẳng có cách chi giữ được đầu của ta, mà bị y ăn cắp mất, chú chẳng phải ta chẳng linh, mà là oai đức của

Phật quá lớn so với ta, cho nên ta chẳng cách chi giữ được đầu của ta."

Nói đến đây, có phải nói Phật giúp tên trộm ăn cắp đầu bằng vàng của vị Thiên thần, kêu y đi tạo nghiệp chẳng ? Chẳng phải, mà là công đức niệm Phật không thể nghĩ bàn. Bất cứ người thiện niệm Phật hoặc người ác niệm Phật, đều có công lực đồng nhau. Cho nên, tuy nhiên là tên trộm, nhưng y biết niệm "Nam Mô Phật", cho nên y ăn cắp đầu bằng vàng của vị Thiên thần đi, đó chẳng phải Phật giúp y trộm cắp, mà là Phật thành tựu căn lành của y. Tại sao nói y ăn cắp đồ, mà còn có căn lành ? Trong Kinh Pháp Hoa nói : "Xưng được Nam Mô Phật, đều cùng thành Phật đạo." Tuy lúc đó, y là tên trộm, nhưng y có căn lành niệm Phật, tương lai nhất định sẽ thành Phật. Đây gọi là : "Thuận nghịch đều tinh tấn". Do đó, mới nói chẳng phải Phật giúp y ăn cắp đầu vị Thiên thần, mà là Phật đối đãi với chúng sinh đều bình đẳng. Bất cứ người thiện kẻ ác niệm Phật đều có cảm ứng như nhau.

Nói đến đây, mọi người đừng hiểu lầm, niệm Phật thì có thể ăn cắp đầu bằng vàng của vị Thiên thần, vậy tôi cũng niệm Phật đi ăn cắp đầu bằng bạc của vị Thiên thần, như thế thì không được. Tên trộm này chẳng hiểu Phật pháp, chẳng qua nghe họ nói niệm "Nam Mô Phật" là tốt, y bèn ghi nhớ. Đến lúc sợ sệt, thì y niệm "Nam Mô Phật", song, y vốn chẳng học qua Phật pháp. Chúng ta là người học Phật pháp, nên nhớ đừng y vào oai đức niệm Phật,

nường quang minh của Phật mà đi trộm đồ, như thế thì chẳng được ! Vì bạn đã hiểu biết Phật pháp, biết ăn cắp là phạm giới, bạn đã biết rõ mà cố phạm, thì tội lại thêm tội, về điểm này, mỗi người đều phải nhận thức rõ ràng.

Tại sao phải nói về điểm này ? Vì xưa kia có vị Hòa Thượng, trước khi ông ta xuất gia là một quân nhân, về sau học Phật pháp thì ông ta rất tin pháp môn niệm Phật và còn luôn luôn hướng dẫn, một số người niệm Phật. Sau khi xuất gia thọ giới cũng có tôi ở đó, khoảng năm, sáu năm sau thì ông ta đến Hương Cảng.

Hương Cảng tân giới, có một cơ sở của cơ đốc giáo gọi là "đạo phong sơn", chuyên môn phá hoại Phật giáo, phá hoại người xuất gia. Dùng tiền và nữ sắc để dụ hoặc khiến cho họ hoàn tục. Có những người xuất gia chẳng có tiền dùng, hoặc muốn tìm nữ sắc thì đều đi đến đó. Vị Hòa Thượng này cũng đến đó và làm việc nấu ăn. Người xuất gia đến đó đều ăn mặn, chẳng ăn chay, lại còn sát sinh, giết gà, giết vịt. Vị Hòa Thượng này làm bếp, cho rằng niệm Phật thì có thể siêu độ chúng sinh, cho nên khi ông ta giết gà giết vịt, thì vừa cầm dao giết thì vừa niệm "Nam Mô A Di Đà Phật ! Nam Mô A Di Đà Phật !" Ông ta cho rằng khi sát sinh niệm "Nam Mô A Di Đà Phật", thì có thể siêu độ những con gà con vịt đó. Kết quả, ở chùa quá nửa năm, thì phát sinh bệnh thần Kinh, chẳng bao lâu thì chết.

Do đó nên biết, biết rõ mà cố phạm thì tội tăng gấp ba. Không sai ! Niệm Phật có thể siêu độ, nhưng đừng

có cho rằng ta giết con vật, thì nó lập tức được vãng sinh về thế giới Cực Lạc, khi bạn chưa có công phu, thì không thể tùy tiện sát sinh, không thể nói ta giết nó, thì muốn nó vãng sinh về thế giới Cực Lạc. Do đó, chúng ta đừng hiểu lầm niệm Phật, thì có thể tùy tiện tạo nghiệp. Tình hình vị Hòa Thượng đó chính tôi thấy được. Khi ông ta bệnh thần Kinh thì muốn đến gặp tôi, nhưng chẳng gặp được tôi. Tên của ông ta là Hoàn Huy, là đồ tôn của Lão Hòa Thượng Hư Vân.

**Nói chửi Phật quá khứ  
Tại thế hoặc diệt độ  
Người nghe được pháp này  
Đều đã thành Phật đạo.  
Các Thế Tôn vị lai  
Số đông không thể lường  
Các vị Như Lai đó  
Cũng phủng tiện nói pháp.  
Tất cả các Như Lai  
Dùng vô lượng phủng tiện  
Độ thoát các chúng sinh  
Vào trí Phật vô lậu.  
Nếu có người nghe pháp**

## **Không ai chẳng thành Phật.**

"Nơi chư Phật quá khứ" : Ở nơi tất cả chư Phật trong quá khứ. "Tại thế hoặc diệt độ" : Bất cứ tại thế gian hoặc vào Niết Bàn rồi. "Nếu nghe được pháp này" : Nếu ai nghe được Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. "Đều đã thành Phật đạo" : Tất cả những người trong quá khứ nghe được Kinh Pháp Hoa, họ đều đã thành Phật. "Các Thế Tôn vị lai" : Tất cả chư Phật vị lai. "Số đông không thể lường" : Số đông vô lượng vô biên không thể lường. "Các đức Như Lai đó" : Tất cả các Như Lai Thế Tôn. "Cũng phương tiện nói pháp" : Cũng dùng pháp môn phương tiện, trước hết nói quyền giáo, sau mới nói thật giáo. "Tất cả các Như Lai, dùng vô lượng phương tiện" : Mười phương tất cả chư Phật, dùng vô lượng vô biên pháp môn phương tiện. "Độ thoát các chúng sinh, vào trí Phật vô lậu" : Khiến cho tất cả chúng sinh, đều đắc được trí huệ vô lậu của Phật. "Nếu có người nghe Pháp, không ai chẳng thành Phật" : Tất cả những người đã nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, chẳng có một người nào mà tương lai không thành Phật.

Cho nên hiện tại chúng ta nghe được Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, thì tương lai mỗi người đều có cơ hội thành Phật, đừng xem thường chính mình, vì ba ngàn năm về trước Đức Phật sớm đã vì người thọ ký.

Bạn đừng cho rằng niệm Phật là việc quá dễ dàng, hiện tại chúng ta niệm một câu danh hiệu Phật, cảm thấy chẳng khó khăn gì, tại sao ? Vì chúng ta chẳng có nghiệp chướng sâu nặng, nếu người có nghiệp chướng, nghĩ muốn niệm Phật cũng niệm chẳng được. Như Đề Bà Đạt Đa đã nói ở trước, ông ta chỉ niệm được hai chữ "Nam Mô ..." Tại sao ? Vì nghiệp chướng của ông ta quá nặng cho nên chữ Phật niệm chẳng ra.

Tại Trung Quốc, có câu chuyện này cũng chứng minh người nghiệp chướng quá nặng thì không thể niệm Phật được. Vào thời Nam Tống, có một vị thừa tướng tên là Tần Cối. Ông ta vốn cũng có chút căn lành, cho nên đời này rất thông minh, thi đỗ trạng nguyên. Song, sau khi ông ta làm quan, thì đố kỵ ghen ghét người tài giỏi, nhất là đối với Nhạc Phi như cái đinh trong con mắt, do đó bày kế cho kẻ khác giết chết, và còn tạo đủ thứ tội nghiệp rất nặng. Vì Bồ Tát Địa Tạng và ông ta có duyên mới tìm cách để độ ông ta bèn nói : "Ta đến chỗ ông ta, sẽ tha thứ tất cả tội nghiệp của ông ta." Do đó, Bồ Tát Địa Tạng bèn hóa thân hiện làm Tỳ Kheo đến gặp Tần Cối. Lúc đó, Tần Cối là tể tướng, gặp Hòa Thượng đến cũng tiếp đón. Hòa Thượng nói với ông ta : "Ông hãy nên niệm Phật, bây giờ địa vị của ông đã cao..." Nhưng Tần Cối chẳng niệm, ông ta nói : "Hà tất phải niệm ?" Ông ta vốn một chữ Phật cũng chẳng nói. Lúc đó, Bồ Tát hiển thân thông dùng cây phất trần của Ngài, phất một cái thì thân của Tần Cối quỳ xuống đất, muốn đứng dậy cũng chẳng đứng

được. Do đó, Bồ Tát Địa Tạng dũi tay ra nói : "Ông hãy xem đây ! Trong tay ta là chữ gì ?" Trong tay Bồ Tát Địa Tạng vẽ chữ Phật, nhưng Tần Cối nhìn rồi bèn lớn tiếng nói : "Ta đi học từ nhỏ, đậu tú tài, đậu cử nhân, đậu tiến sĩ, đậu trạng nguyên. Hiện tại văn thư của các nước, đều phải qua sự xét duyệt của ta trước, rồi mới quyết định xử lý như thế nào. Nếu chữ này mà ta chẳng biết, thì làm sao mà làm thừa tướng ? Chữ này chẳng phải ta chẳng biết, nhưng chỉ vì ta không niệm !" Bồ Tát Địa Tạng thấy người này, thật là nghiệp chướng quá sâu nặng, chẳng cách chi độ được ông ta, bèn bỏ đi, sau đó Tần Cối chết thì đọa vào địa ngục.

Do đó có thể thấy, niệm Phật chẳng phải là việc dễ dàng. Tại sao bình thường chúng ta phải niệm Phật ? Bình thường niệm Phật là chuẩn bị cho lúc lâm chung. Tại sao không đợi đến lúc lâm chung mới niệm ? Vì tập quán là do sự tích lũy hàng ngày hàng tháng mà thành. Bình thường bạn chẳng có thói quen niệm Phật, thì khi đến lúc lâm chung chẳng nghĩ đến niệm Phật, hoặc chẳng biết niệm Phật. Do đó, bình thường phải học niệm Phật, tu pháp môn tịnh độ, đến lúc lâm chung thì chẳng sợ hãi bối rối, mà được bình an vãng sinh về thế giới Cực Lạc.

Tại sao phải vãng sinh về thế giới Cực Lạc ? Vì khi Phật A Di Đà tại nhân địa làm Tỳ Kheo Pháp Tạng, thì đã từng phát 48 đại nguyện. Trong đó có nói : "Sau khi ta thành Phật, thì tất cả chúng sinh trong mười phương, nếu ai niệm danh hiệu của ta, thì ta nhất định tiếp



dẫn về thế giới của ta, tương lai sẽ thành Phật. Ở trong thế giới của ta, chúng sinh đều từ hoa sen hóa sinh, nên thân thể thanh tịnh không nhiễm". Vì Phật A Di Đà phát đại nguyện này, nên tất cả chúng sinh đều nên tu pháp môn niệm Phật, đây là pháp môn tu rất dễ, rất hợp căn cơ. Trong Kinh nói : "Thời mạt pháp, một ức người tu thì ít có người đắc đạo, chỉ có pháp môn niệm Phật thì được độ." Nhất là thời đại mạt pháp hiện nay, pháp môn niệm Phật rất hợp với nhiều người.

Nhưng tại tây phương, hiện tại chẳng phải là thời đại mạt pháp, có thể nói là thời đại chánh pháp. Tại sao nói là thời đại chánh pháp ? Vì Phật pháp mới truyền vào nước phương tây, đang thịnh vượng. Cho nên hiện nay tại nước Mỹ, có rất nhiều người thích tham thiền đả tọa, đó là biểu hiện chánh pháp. Thời kỳ chánh pháp cũng có thể tu pháp môn niệm Phật ; thời kỳ mạt pháp cũng có thể tu pháp môn niệm Phật. Pháp môn niệm Phật thời đại nào cũng có thể tu. Nếu ai chẳng hợp với pháp môn khác, thì có thể tu pháp môn niệm Phật.

Đại sư Vĩnh Minh Thọ nói : "Có thiền có tịnh độ như cọp có thêm cánh." Vừa tu thiền vừa niệm Phật giống như cọp có thêm cánh. "Đời này làm nhân sư", đời hiện tại có thể làm sư biểu của người. "Tương lai làm Phật tử", tương lai có thể làm Phật làm tử.

Cho nên người chân chánh tham thiền, tức là chân chánh niệm Phật ; người chân chánh niệm Phật, tức là chân chánh tham thiền. Nói cao hơn một bậc là người

chân chánh trì giới, tức cũng chân chánh tham thiền, người chân chánh tham thiền, tức cũng chân chánh trì giới. Người chân chánh giảng Kinh thuyết pháp, thì họ vì giảng Kinh mà giảng Kinh, tức cũng là chân chánh tham thiền. Trong Chúng Đạo Ca của Vĩnh Gia đại sư có nói :

"Tông cũng thông, lời cũng thông,  
Định huệ viên minh chẳng trệ không."

Vừa biết tham thiền, vừa biết giảng Kinh, đó là tông và lời đều thông, tiến thêm một bước nữa, người chân chánh trì Chú, người chân chánh tu mật tông, tức cũng chân chánh tham thiền.

Thiền, giáo, luật, mật, tịnh, tuy nói là năm, nhưng quy về gốc chỉ là một, chẳng có hai. Kỳ thật, nếu nói sâu thêm bước nữa, thì cho đến một cũng chẳng có, thì làm gì mà có tới năm ? Người chân chánh học Phật pháp, thì tại điểm này nên minh bạch. Cho nên, có người cho rằng pháp môn niệm Phật là tối cao, tham thiền thì chẳng đúng ; hoặc có người nói tham thiền là tối cao, niệm Phật là sai lầm, đó đều là những người chẳng hiểu Phật pháp. Người hiểu Phật pháp chân chính, thì biết rõ tất cả đều là Phật pháp, đều bất khả đắc, tức vô pháp bất khả đắc, hà tất đâu lại thêm đâu ? Hà tất chẳng có việc tìm việc làm ? Nếu bạn thật hiểu pháp thì vô pháp khả đắc. Song, đối với những người chẳng hiểu pháp, dù bạn nói với họ pháp căn bản gì cũng vô ích, sẽ thất vọng. Cho nên

Phật thí quyền pháp, là vì nói thật pháp ; nói quyền trí là vì thật trí. Thật trí là gì ? Thật trí là "quy vô sở đắc". Thật tướng vô tướng, vô sở bất tướng, đó mới là trí huệ chân thật.

**Chữ Phật vốn thế nguyện**

**Ta tu hành Phật đạo**

**Muốn hết thảy chúng sinh**

**Cũng đều được đạo này.**

**Chữ Phật đời vị lai**

**Tuy nói trăm ngàn ức**

**Vô số các pháp môn**

**Thật tế vì một thừa.**

**Chữ Phật Liễu Túc Tôn**

**Biết pháp thường vô tánh**

**Giống Phật tử duyên sinh**

**Vì thế nói một thừa.**

**Pháp đó trụ pháp vị**

**Tướng thế gian thường trụ**

**Biết rồi nói đạo tràng**

**Đạo sư phương tiện nói.**

Đoạn Kinh văn ở trước có nói : "Tất cả các Như Lai, dùng vô lượng phương tiện, độ thoát các chúng sinh, vào trí Phật vô lậu, nếu có ai nghe pháp, chẳng ai không thành Phật" : Đây là nhân dụ. Kinh Pháp Hoa vốn có "bổn môn thập diệu, chi môn thập diệu". Song, sợ người không hiểu, cho nên cũng chẳng nói tỉ mỉ. Bây giờ chỉ nói "nhân (người), hành, giáo, lý", đều một dạng. Sáu câu vừa nói ở trên là nhân dụ, tất cả mọi người đều thành Phật đạo. Tiếp theo là : "Chư Phật vốn thệ nguyện, ta tu hành Phật đạo, muốn hết thảy chúng sinh, cũng đều được đạo này". Đây là hành dụ, chỉ sự tu hành đều như nhau. Cho nên nói : "Chư Phật vốn thệ nguyện" : Mười phương chư Phật vốn thệ nguyện. "Ta tu hành Phật đạo" : Pháp môn Phật đạo của ta tu hành. "Muốn hết thảy chúng sinh" : Muốn khiến cho hết thảy chúng sinh. "Cũng đều được đạo này" : Cũng tu hành đạo này, chúng được đạo này.

Rõ là vô pháp không chỗ đắc được, sao lại nói được đạo này ? Đạo này chẳng phải được từ bên ngoài, như "Vô thượng chánh đẳng chánh giác". Trong Kinh Kim Cang nói : "Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng, thật chẳng được pháp Vô thượng chánh đẳng chánh giác". Vô thượng chánh đẳng chánh giác này, là tự tính của chúng ta vốn đầy đủ, chẳng phải được từ bên ngoài. Cho nên nói là "vô sở đắc", nhưng chúng ta chẳng biết. Ví như trong túi áo có hạt minh châu, nhưng chúng ta chẳng biết có hạt minh châu. Hạt minh châu này như Phật tánh vốn có của chúng

ta, chẳng khác gì với Phật. Vậy tại sao chúng ta chẳng thành Phật ? Vì chúng ta chẳng phát hiện được Phật tánh vốn có của chính mình. Cho nên chẳng thành Phật. Thành Phật chỉ bất quá khôi phục lại của báu vốn có của chúng ta mà thôi. "Cũng đều được đạo này" : Khiến cho tất cả chúng sinh, cũng đều tu hành pháp môn này. Đây gọi là hành dụ, tu hành là như nhau. "Chư Phật đời vị lai". Tất cả chư Phật đời vị lai. "Tuy nói trăm ngàn ức" : Tuy diễn nói trăm ngàn vạn ức thứ. "Vô số các pháp môn" : Vô số phương tiện pháp môn. "Thật tế vì một thừa" : Kỳ thật đều vì nói một thừa pháp.

"Chư Phật Lương Túc Tôn" : Mười phương chư Phật là đấng Lương Túc Tôn đầy đủ phước và huệ. "Biết pháp thường vô tánh" : Chư Phật biết các pháp vốn chẳng có tự tánh. "Giống Phật từ duyên sinh" : Chẳng qua các pháp môn của Phật, đều do duyên mà sinh ra. "Vì thế nói một thừa" : Vì một thừa Phật giáo mới hiển nói tạng giáo, thông giáo và biệt giáo. Trên thực tế thì, vì một Phật thừa, đây gọi là giáo dụ, giáo hóa là như nhau. "Pháp đó trụ pháp vị" : Pháp đó tức là Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. "Trụ pháp vị", pháp vị này, pháp đó tức là pháp vị. Pháp vị cũng tức là pháp đó. "Pháp đó trụ pháp vị, tướng thế gian thường trụ" : Pháp đó trụ pháp vị, trụ ở đâu ? Tức trụ vào tướng thế gian. Tướng thế gian thường trụ, pháp thế gian tức là pháp xuất thế, pháp xuất thế tức là pháp thế gian. Do đó, Lục Tổ nói :

"Phật pháp tại thế gian,  
Chẳng lìa thế gian giác,  
Lìa thế gian cầu bồ đề,  
Ví như tìm sừng thỏ."

Giác ở tại thế gian, nếu lìa khỏi pháp thế gian, lại đi tìm sự giác của giác ngộ này, ví như tìm sừng trên đầu con thỏ. "Nơi đạo tràng biết rồi" : Đức Phật nói, ta ngồi tại Bồ Đề đạo tràng, thành Phật rồi thì biết rõ đạo lý bên trong. "Đạo Sư phương tiện nói" : Cho nên Đạo Sư của trời người, dùng đủ thứ phương tiện, để xiển minh diệu pháp này, mà lý tánh đặc được đều là một.

**Chỗ trời người cúng dường  
Hiện tại mười phương Phật  
Số đông như Hằng sa  
Xuất hiện nơi thế gian.  
Vì yên ổn chúng sinh  
Cũng nói pháp như thế  
Biết tịch diệt bậc nhất  
Vì dùng sức phương tiện.  
Tuy bày nhiều thừa pháp  
Thật tế vì Phật thừa  
Biết các hạnh chúng sinh**

**Nghĩ tưởng trong thâm tâm.  
Nghiệp nhiễm trong quá khứ  
Tánh dục sức tinh tấn  
Và các căn lợi độ  
Dùng đủ thứ nhân duyên.  
Thí dụ và lỗi lẽ  
Tùy theo phương tiện nói.**

"Chỗ trời người cúng dường" : Chỗ đáng cúng dường của trời người. "Hiện tại mười phương Phật, số đông như Hằng sa". "Xuất hiện nơi thế gian, vì yên ổn Chúng sinh" : Vì muốn khiến cho chúng sinh đều đắc được an lạc. "Cũng nói pháp như thế" : Cũng nói bộ Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này. "Biết tịch diệt bậc nhất" : Phật biết pháp thật tướng, là tịch diệt bậc nhất. "Vì dùng sức phương tiện" : Nếu ban đầu mà Phật nói diệu lý thật tướng, thì chẳng có ai hiểu, cho nên trước hết dùng đủ thứ sức phương tiện khéo léo, vì thật thí quyền. "Tuy bày nhiều thừa pháp" : Tuy khai thị đủ thứ pháp môn, đủ thứ đạo lý. "Thật tế vì Phật thừa" : Mục đích cứu kính là vì nói Phật thừa, khiến cho chúng sinh đều đặng thành Phật. "Biết các hạnh chúng sinh" : Phật cũng biết tất cả hạnh nghiệp của chúng sinh. "Nghĩ tưởng trong thâm tâm" : Cũng minh bạch trong tâm chúng sinh, nghĩ những gì tưởng những gì. "Nghiệp nhiễm trong quá

khú" : Tất cả đều là nghiệp quả tập nhiễm của chúng sinh trong quá khứ. "Tánh dục sức tinh tấn" : Sức dục niệm tinh tấn của họ. "Và các căn lợi độn" : Còn có sự khác biệt về căn tánh của chúng sinh, có người lợi căn có người độn căn, Phật đều biết đều thấy. "Dùng đủ thứ nhân duyên" : Phật dùng đủ thứ nhân duyên. "Ví dụ và lời lẽ" : Ví dụ và lời lẽ. "Tùy theo phương tiện nói" : Tùy thuận căn tánh của chúng sinh mà ứng cơ thuyết pháp. Ví như : đối với chúng sinh cương cường khó điều phục, thì Phật dùng pháp môn từ bi, để cảm hóa họ, đối với chúng sinh ngu si, thì nói Bát Nhã khiến cho họ khai mở trí huệ, đối với chúng sinh tán loạn, thì dạy họ tu thiền định, đối với chúng sinh giải đãi, thì kêu họ tu tinh tấn, đối với chúng sinh phạm giới, thì bảo họ phải giữ giới, đối với chúng sinh tham lam, thì dạy họ tu bố thí. Tóm lại, dùng đủ thứ pháp môn phương tiện, để giáo hóa chúng sinh.

**Nay ta cũng như thế  
Vì yên ổn chúng sinh.  
Dùng đủ thứ pháp môn  
Mở bày nói Phật đạo  
Ta dùng sức trí huệ  
Biết tính chúng sinh muốn.  
Phương tiện nói các pháp  
Đều khiến được vui mừng**



**Xá Lợi Phất nên biết !  
Ta dùng mắt Phật xem.  
Thấy sáu đường chúng sinh  
Bần cùng chẳng phước huệ  
Vào đường hiểm sinh tử  
Khổ liên tục chẳng dứt.  
Chấp sâu nơi năm dục  
Như trâu mao mấn đuôi  
Bỏ tham ái tự che  
Đuôi mù chẳng thấy được.  
Chẳng cầu thế của Phật  
Và pháp diệt trừ khổ  
Vào sâu các tà kiến  
Lấy khổ muốn bỏ khổ.  
Phật vì chúng sinh này  
Mà sinh tâm đại bi.**

"Nay ta cũng như thế" : Ta Thích Ca Mâu Ni nói pháp, cũng như chư Phật ba đời quá khứ hiện tại và vị lai. "Vì yên ổn chúng sinh" : Muốn khiến cho tất cả chúng sinh, đều đắc được yên ổn khoái lạc. "Dùng đủ thứ pháp môn, mở bày nơi Phật đạo". "Ta dùng sức trí huệ" : Ta

dùng sức trí huệ chân thật của Phật. "Biết tánh dục chúng sinh" : Đối với tánh dục của tất cả chúng sinh rõ như chỉ bàn tay. "Phương tiện nói các pháp" : Hay dùng đủ thứ phương tiện pháp môn để giáo hóa chúng sinh. "Đều khiến được vui mừng" : Khiến cho họ pháp hỷ sung mãn, đắc được chân chánh khoái lạc.

"Xá Lợi Phất nên biết" : Xá Lợi Phất ông nên biết. "Ta dùng mắt Phật xem, thấy sáu đường chúng sinh" : Thấy tất cả chúng sinh trong sáu nẻo. "Bần cùng chẳng phước huệ" : Chúng sinh trong sáu nẻo, đều mê hoặc chẳng giác ngộ, vì chẳng có trí huệ, chẳng có phước báu. Tại sao chẳng có phước báu, chẳng có trí huệ ? Vì chẳng hiểu Phật pháp, cho nên bần cùng. Vậy phước huệ từ đâu mà có ? Do tu đạo mà có. Sáu đường chúng sinh chẳng hiểu Phật pháp, thật là đáng thương xót. "Vào đường hiểm sinh tử" : Một khi mà vào trong đường hiểm ác sinh tử, tuần hoàn không ngừng, thì thật là nguy hiểm vô cùng. Đó đó :

"Một khi mất thân người,  
Vạn kiếp khó được lại".

Một lần nọ, Đức Phật bốc một ít đất bỏ vào trong lòng bàn tay, hỏi Ngài A Nan : "Đất ở trong tay của ta nhiều, hay đất ngoài đại địa nhiều ?" Ngài A Nan đáp : "Đất ngoài đại địa nhiều, đất ở trong tay của Phật ít." Đức Phật nói : "Được thân người như đất trong lòng bàn tay,

mất thân người như đất ngoài đại địa." Có thể thấy, vào đường hiểm sinh tử thật là nguy hiểm !

"Khổ liên tục không ngừng" : Liên tục tức là đòi này nối tiếp đòi sau, thay đổi liên tiếp nhân khổ, quả khổ, báo khổ, chẳng gián đoạn. "Chấp sâu nơi năm dục" : Vì sao khổ này chẳng gián đoạn ? Vì chúng sinh chấp trước thâm sâu nơi năm dục : Tài, sắc, danh, ăn, ngủ, tức cũng là sắc, thanh, hương, vị, xúc, năm thú dục trần. "Như trâu mao mấn đuôi, bởi tham ái tị che" : Trâu mao là một giống trâu, bản tánh của nó rất thích cái đuôi của nó, cho nên nó luôn luôn bảo vệ đuôi của nó, bởi thế nên có nhiều người sinh tâm tham muốn được nó, cuối cùng trâu mao vì bảo vệ đuôi của nó mà mất mạng. "Đuôi mù chẳng thấy được" : Đuôi mù đen tối chẳng thấy được gì. "Chẳng cầu thế của Phật" : Người chẳng có trí huệ, giống như kẻ mù. Nếu chẳng có thiện trí thức dẫn dắt, thì giống như ở trong bóng tối, chẳng thấy được ánh sáng, chẳng biết gì cả, họ cũng chẳng cầu Phật trợ giúp họ. Phật có thể lực rất lớn, hay cứu tất cả khổ nạn của chúng sinh. "Và pháp diệt trừ khổ" : Hoặc là cầu Phật chỉ bày phương pháp dứt khổ. "Vào sâu các tà kiến" : Vì họ chẳng cầu trí huệ, tự cho rằng đúng, cho nên đui mù dẫn dắt bọn tùy tùng, lâu dần thì vào sâu các tà kiến. Con người, có lúc rất kì lạ, bạn dạy họ chánh pháp, dạy đi dạy lại họ học cũng chẳng vào. Nếu dạy họ tà pháp, thì chỉ dạy một lần thì họ lãnh hội. Đó là nguyên nhân gì ? Vì đời đời kiếp kiếp đã chấp chặt vào tà kiến, cho nên học

pháp tà rất dễ dàng, còn chánh pháp thì chúng ta đã lìa nó quá xa, do đó dù có học cũng chẳng dễ gì nhớ được. "Lấy khổ muốn bỏ khổ" : Muốn bỏ hết các thú khổ của mình đi, thật là việc chẳng dễ dàng. Trước hết, phải minh bạch gì là gốc khổ của sự khổ ? Vô minh là gốc rễ của khổ. Do đó, "đủ thú vô minh là gốc khổ, gốc khổ trừ sạch tồn căn lành, bằng sức oai thần kiểm trí huệ, vượt khỏi luân hồi trong sáu đường". Vô minh là gốc khổ, nếu bạn đoạn trừ sạch vô minh, thì gốc khổ cũng dứt. Làm cách nào mới đoạn được vô minh ? Chỉ dùng thanh kiểm trí huệ của chính bạn, nếu bạn biết dùng kiểm trí huệ, thì có thể chặt dứt gốc rễ vô minh, chặt dứt gốc rễ vô minh, mới có thể vượt ra khỏi luân hồi. "Phật vì chúng sinh này" : Phật vì những người đang trôi nổi ở trong biển khổ, chúng sinh khổ nạn chẳng có ngày ra. "Mà sinh tâm đại bi" : Phật sinh ra nguyện lực đại từ đại bi để cứu độ tất cả chúng sinh.

**Xưa ta ngồi đạo tràng  
Xem cây cũng kinh hành.  
Trong hai mươi một ngày  
Suy nghĩ việc như vậy :  
Trí huệ mà ta được  
Rất nhiệm màu bậc nhất.  
Các chúng sinh độn căn**

**Tham vui si làm mù  
Những loại người như thế  
Làm sao mà độ được !  
Lúc đó, có Phạm Vương  
Và các trời Đế Thích  
Bốn Thiên Vương hộ đời  
Cùng trời Đại Tự Tại.  
Và các chúng trời khác  
Quyến thuộc trăm ngàn vạn  
Cung kính chấp tay lễ  
Thỉnh ta chuyển pháp luân.  
Ta liền tự suy nghĩ :  
Nếu chỉ khen Phật thừa  
Chúng sinh đắm nổi khổ  
Không thể tin pháp này.  
Vì phá pháp chẳng tin  
Đọa trong ba đường ác  
Ta thà không nói pháp  
Mau vào cõi Niết bàn.**

"Xưa ta ngồi đạo tràng" : Đức Phật nói : Ta ban đầu ngồi bốn mươi chín ngày, dưới cội Bồ Đề đạo tràng thành Phật thì, "Xem cây cũng kinh hành" : Ta thành Phật rồi, ngồi dưới cội bồ đề quán sát nhân duyên trong quá khứ và trong tương lai, có lúc cũng đi kinh hành. Đi kinh hành là gì ? đi kinh hành tức là đi chung quanh cây, để vận động và nhiếp tâm, khiến cho tâm chẳng tán loạn. Tâm của Phật vốn chẳng tán loạn, cần gì phải đi kinh hành ? Sở dĩ Phật làm như thế, là vì chúng sinh sau này cũng tu hành theo như thế. "Trong hai mươi mốt ngày, tư duy việc như vậy" : Trong ba tuần lễ suy nghĩ việc giáo hóa chúng sinh như thế nào. "Trí huệ mà ta được" : Trí huệ mà ta đắc được. "Rất nhiệm màu bậc nhất" : Là nhiệm màu bậc nhất trong thiên hạ. "Các chúng sinh độn căn" : Căn cơ của chúng sinh rất ngu si ám độn. "Tham vui si làm mù" : Họ đam mê dục lạc mà biến thành ngu si. "Những loại người như thế" : Loại chúng sinh chẳng có trí huệ giống như người mù này. "Làm sao mà độ được" : Ta làm sao mà độ chúng được !

"Lúc đó, các Phạm Vương" : Lúc đó, Đại Phạm Thiên Vương của cõi trời sắc giới. "Và các trời Đế Thích" : Và Thiên Chúa trời Đạo Lợi (Đế Thích Thiên Vương). "Tứ Thiên Vương hộ đời" : Và Tự Đại Thiên Vương bảo hộ thế giới. "Và Đại Tự Tại Thiên" : Và Thiên Chúa Ma Hê Thủ La (Đại Tự Tại Thiên Vương). "Và các Thiên chúng khác" : Và Thiên chúng các cõi

trời khác. "Quyển thuộc trăm ngàn vạn" : Mỗi vị Thiên Vương suất lãnh trăm ngàn vạn quyển thuộc. "Cung kính chấp tay lễ" : Đều cung kính chấp tay làm lễ ở trước Đức Phật. "Thỉnh ta chuyển pháp luân" : Họ đều thỉnh cầu ta chuyển bánh xe pháp. "Ta liền tự suy nghĩ" : Vì nhiều chúng sinh chư Thiên thỉnh cầu Đức Phật thuyết pháp, do đó Ngài lại phải một phen suy nghĩ. "Nếu chỉ khen Phật thừa" : Nếu ta chỉ nói một Phật thừa, không nói các pháp tiểu thừa khác. "Chúng sinh đắm nơi khổ" : Nếu chúng sinh khổ biết Phật đạo lâu xa, khó khăn, phải trải qua ba đại A Tăng Kỳ kiếp mới thành Phật, đều nhìn biển mà thở dài, sợ pháp quá cao sâu mà chẳng muốn học. Ví như : Có người chưa nghe Kinh, thì chẳng sinh tâm hoan hỉ đối với Kinh, một khi thấy bộ Kinh Pháp Hoa quá dày, biết khi nào nghe cho hết ? Làm sao có nhiều thời gian để nghe ? Do đó, cũng chẳng nghe. Nếu bạn đắc được từ vị của Phật pháp, thì sẽ thấy rằng Phật pháp, chiếm địa vị quan trọng thiết yếu trong cuộc sống, thậm chí không ăn, không ngủ, cũng nhất định phải học Phật pháp. Chiếu theo quy cụ Phật giáo, nếu trong khoảng bốn mươi dặm có người tụng Kinh thuyết pháp, thì cư sĩ học Phật đều nên đi nghe Kinh. "Chúng sinh đắm nơi khổ, không thể tin pháp này" : Vì chúng sinh căn cơ ngu độn, nếu Phật nói ra một thừa pháp thì họ chẳng tin. "Vì pháp pháp chẳng tin" : Chúng sinh chẳng những không tin, mà còn có hành vi hủy báng pháp. Đối với diệu pháp này, một khi sinh tâm hủy báng, thì tạo vô lượng vô biên tội

lỗi. "Đọa trong ba đường ác" : Tương lai sẽ đọa vào ba đường ác : địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. "Ta thà chẳng nói pháp" : Phật sợ chúng sinh hủy báng pháp chẳng tin, mà đọa vào ba đường ác, cho nên thà chẳng nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. "Mau vào cõi Niết Bàn" : Phải mau vào cõi Niết Bàn, không nên ở tại thế gian chuyển pháp luân.

**Liên nhỏ Phật quá khứ  
Thực hành sức phượng tiện  
Nay ta đắc được đạo  
Cũng nên nói ba thừa.  
Suy nghĩ như thế thì :  
Mười phướng Phật đều hiện  
Tiếng Phạm an ủi ta  
Lành thay Đức Thích Ca !  
Đấng Đạo sư bậc nhất  
Được pháp vô thượng này  
Thuận theo tất cả Phật  
Mà dùng sức phượng tiện.  
Chúng ta cũng đều được  
Pháp tối diệu bậc nhất  
Vì các loại chúng sinh**



**Phân biệt nói ba thừa.  
Trí kém ưa pháp nhỏ  
Chẳng tự tin thành Phật  
Cho nên dùng phương tiện  
Phân biệt nói các quả.  
Tuy là nói các quả  
Chỉ vì dạy Bồ Tát.**

"Liên nhớ Phật quá khứ" : Tuy nghĩ như thế, nhưng Phật lại nghĩ nhớ sâu xa, tất cả pháp của Phật quá khứ. "Thực hành sức phương tiện" : Và sức phương tiện của chư Phật thực hành trong quá khứ. "Nay ta đắc được đạo" : Hiện nay ta đắc được Phật đạo. "Cũng nên nói ba thừa" : Cũng nên vì thật thí quyền, nói giáo lý ba thừa. "Suy nghĩ như thế thì" : Ta vừa suy nghĩ như thế thì. "Mười phương Phật đều hiện" : Mười phương chư Phật đều hiển hiện ở trước mắt của ta. "Tiếng Phạm an ủi ta" : Các Ngài dùng tiếng phạm âm thanh tịnh của Phật, để an ủi ta và còn nói với ta : "Lành thay Đức Thích Ca ! Đức Thích Ca Ngài tốt lắm". "Đấng Đạo Sư bậc nhất" : Ngài thật là đấng Đạo Sư bậc nhất của thế gian. "Được pháp vô thượng này" : Ngài đắc được diệu pháp vô thượng này. "Thuận theo tất cả Phật" : Ngài tùy thuận tất cả chư Phật trong mười phương. "Mà dùng sức phương tiện" : Cũng vận dụng sức quyền xảo phương

tiện. "Chúng ta cũng đều được" : Chúng ta mười phương chư Phật, cũng đều đắc được diệu pháp như nhau. "Pháp tối diệu bậc nhất" : Đây là pháp tối vi diệu bậc nhất. "Vi các loại chúng sinh" : Chúng ta vì quan hệ với chúng sinh. "Phân biệt nói ba thừa" : Cho nên phân biệt nói Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát ba thừa. "Trí kém ưa pháp nhỏ" : Người độn căn kém trí huệ chỉ ưa thích pháp nhỏ, họ chẳng có căn tánh đối với pháp lớn, như trẻ nhỏ chỉ biết chơi vật nhỏ, nếu bạn cho chúng vật lớn, thì chúng chẳng biết chơi. Cho nên đối với người tiểu thừa, chỉ nói pháp tiểu thừa đối với họ, nếu nói pháp đại thừa, thì họ hồ đồ chẳng hiểu được. "Chẳng tự tin thành Phật" : Sao họ muốn nghe pháp mà chẳng nói pháp lớn cho họ nghe ? Vì họ chẳng tin mình sẽ thành Phật. "Cho nên dùng phương tiện" : Do đó, trước hết dùng pháp môn quyền xảo phương tiện. "Phân biệt nói các quả" : Phân biệt nói : sơ quả, nhị quả, tam quả và tứ quả. "Tuy là nói ba thừa" : Tuy nhiên phân biệt nói ba thừa. "Nhưng chỉ dạy Bồ Tát" : Song, thật tế thì chỉ vì giáo hóa Bồ Tát, tu hành pháp môn Phật thừa.

**Xá Lợi Phất nên biết !**

**Ta nghe tiếng của Phật.**

**Rất thanh tịnh nhiệm màu**

**Xưng Nam Mô chư Phật !**

**Ta lại nghĩ như vậy :**

**Ta ra đời ác trước.  
Như chư Phật đã nói  
Ta cũng thuận làm theo  
Suy nghĩ việc này rồi  
Bèn đến vườn Lộc Uyển.  
Các pháp tướng tịch diệt  
Không thể dùng lời nói  
Bèn dùng sức phương tiện  
Vì năm Tỳ Kheo nói.**

"Xá Lợi Phất nên biết" : Xá Lợi Phất ông nên biết. "Ta nghe tiếng của Phật" : Ta nghe mười phương chư Phật khen ngợi ta, nói ta là đại Đạo Sư bậc nhất. "Rất thanh tịnh nhiệm màu" : Âm thanh của chư Phật rất nhiệm màu thanh tịnh. "Xưng Nam Mô chư Phật" : Mười phương chư Phật cũng xưng Nam Mô chư Phật, ta cũng xưng Nam Mô chư Phật, Phật với Phật khen ngợi với nhau. "Ta lại nghĩ như vậy" : Ta lại suy nghĩ như thế này. "Ta ra đời ác trước" : Ta hiện ra thế giới Ta Bà đời ác năm trước. "Như chư Phật đã nói, ta cũng thuận làm theo" : Ta cũng tùy thuận theo phương thức giáo hóa, của mười phương chư Phật mà hành sự. "Suy nghĩ việc này rồi" : Ta nghĩ sự việc đã qua rồi. "Bèn đến vườn Lộc

Uyển" : Vườn Lộc Uyển ở thành Ba La Nại, đức Phật lập tức đi đến vườn Lộc Uyển.

Vì sao mà có tên là "vườn Lộc Uyển" ? Thuở xưa, có hai con nai chúa, một con là tiền thân của Đức Phật Thích Ca, nhiều đời nhiều kiếp về trước, là một con nai chúa rất từ bi. Và một con là tiền thân của Đề Bà Đạt Đa. Lúc đó, có một vị vua rất thích đi săn, thường thường mang quân lính vào vườn nai săn bắn, mỗi lần đi đều săn được rất nhiều nai. Do đó, hai con nai chúa mới hội nghị, nai chúa Thích Ca Mâu Ni nói : "Chúng ta hãy đi đến thỉnh nguyện với Đức Vua !" Nai chúa Đề Bà Đạt Đa nói : "Chúng ta thỉnh nguyện như thế nào ?" Nai chúa Thích Ca Mâu Ni nói : "Chúng ta yêu cầu Đức Vua mỗi ngày mình mang đến cho vua một con nai, để vua dùng, như thế thì lũ nai chúng ta mới không tuyệt chủng, mà hằng ngày vua cũng có thịt nai mới dùng. Nếu vua mà đi săn thì sẽ săn hết lũ nai chúng ta, mà mỗi ngày vua chẳng ăn bao nhiêu, còn lại cũng bỏ đi. Tôi tin rằng vua sẽ đồng ý với chúng ta." Nai chúa Đề Bà Đạt Đa nghe rồi nói : "Tốt lắm ! Vậy chúng ta hãy đi thỉnh cầu !"

Do đó, hai con nai chúa bèn đi đến thỉnh cầu với Đức Vua, vừa đến cửa cung điện, thì quân lính thấy hai con nai to lớn, bèn cầm thương giáo muốn giết. Hai con nai chúa nói : "Các ông đừng giết, hôm nay chúng tôi đến cầu kiến Đức Vua." Quân lính thấy nai biết nói, rất lấy làm lạ, lập tức đi báo cho vua biết, nói có hai con nai biết nói. Đức Vua rất ngạc nhiên, bèn truyền cho chúng

vào. Hai con nai chúa đem lời thỉnh cầu nói ra cho vua nghe. Vua thấy nai biết nói, đã lấy làm lạ, lại nghe lời thỉnh cầu của họ rất hợp lý, do đó đồng ý nói : "Được lắm ! Mỗi ngày các vị hãy mang một con nai đến !" Từ đó về sau, mỗi ngày đều mang đến cho vua một con nai, vua mỗi ngày đều thưởng thức thịt nai tươi.

Một ngày nọ, nai chúa Thích Ca Mâu Ni đột nhiên thân tự đến hiến cúng. Vua ngạc nhiên hỏi : "Người là nai chúa, sao lại có thể đến hiến thân, trừ khi quyến thuộc của người chẳng còn nữa ?" Nai chúa Thích Ca Mâu Ni nói : "Quyến thuộc của ta chẳng những còn, mà càng ngày sinh sản càng nhiều. Chúng tôi mỗi một nai chúa quản lý năm trăm con nai, mà mỗi ngày chỉ dâng một con cho vua, nai mẹ còn lại lại sinh ra rất nhiều nai con, cho nên hiện tại lũ nai của chúng tôi đã sinh sản phần thịnh thêm nhiều, chẳng qua bây giờ có một nguyên nhân, cho nên chính tôi tự đến đây hiến cúng. Đức Vua nói : "Nguyên nhân gì ?" Nai chúa nói : "Hôm nay đến phiên của một con nai mẹ hiến cúng, nhưng con nai mẹ đó đang mang thai một con nai con, chỉ còn ít hôm nữa thì sẽ sinh ra nai con, do đó nai mẹ đi yêu cầu các con nai khác đổi phiên, đợi khi nào sinh ra nai con thì sẽ đến để hiến cúng, nhưng chẳng có con nai nào chịu, cho nên con nai mẹ đó đến thương lượng với tôi, chẳng còn cách nào khác, nên hôm nay chính tôi tự đến để thế nai mẹ đó."

Đức Vua nghe xong, cảm thấy việc này rất kỳ lạ, vua minh bạch : "Nai cũng đều là chúng sinh ! Tại sao

ta hằng ngày phải ăn thịt nai ? Lúc đó, Đức Vua nói bài kệ :

"Ngài làm nai đầu người,  
Ta làm người đầu nai,  
Từ nay trở về sau,  
Chẳng ăn thịt chúng sinh."

Nghĩa là : Tuy người làm thân nai, nhưng tâm của người nhân từ phi thường, còn tốt hơn so với con người. Tuy nhiên ta là người, nhưng tâm ta chẳng bằng tâm loài nai. Từ nay về sau, bất cứ thịt gì, ta cũng không ăn nữa. Nai chúa làm cho Đức Vua cảm động, từ đó vua bắt đầu ăn chay. Do quan hệ về câu chuyện này, cho nên nơi đó có tên là vườn Lộc Uyển (vườn Nai).

Vườn Lộc Uyển là nơi non xanh nước biếc, có luồng linh khí, cho nên có rất nhiều người tu hành đang tu hành tại đó.

Ban đầu, Đức Phật xuất gia tu đạo, thì có năm người hầu hạ cho Ngài. Trong năm người này, bà con phía cha ba người, và hai người bà con phía mẹ. Sau này, họ đều lìa bỏ Ngài. Vì sao ? Đức Phật tu tại núi tuyết, mỗi ngày chỉ ăn một hạt mè, trong đó có ba người chịu chẳng đựng bỏ đi trước, đến Vườn Lộc Uyển tu đạo. Còn lại hai người tu với Đức Phật. Một lần nọ, thấy thiếu nữ chăn dê dâng cúng cho Đức Phật bát sữa bò, lúc đó Đức Phật ốm gầy như cây củi. Phật thấy sữa bò cũng vui mừng

tiếp nhận sự cúng dường. Hai người thấy Phật uống sữa bò, thì cho rằng Đức Phật hết chịu nổi sự khổ hạnh, chẳng thể tu thành đạo mới nói : "Tu hành phải tu khổ hạnh, bây giờ Ngài chẳng chịu được sự khổ hạnh, chúng tôi chẳng muốn ở đây, hầu hạ một người chẳng thành tựu." Do đó, hai người này cũng bỏ đi luôn, chỉ còn lại một mình Đức Phật tu ở đó, sau đó Đức Phật đến dưới cội bồ đề, tỉnh tọa bốn mươi chín ngày, thấy sao mai mọc mà ngộ đạo.

Đức Phật ban đầu tu đạo rất gian nan khổ khổ, bây giờ chúng ta tu đạo, chịu một chút khổ mà chịu chẳng được.

"Các pháp tướng tịch diệt" : Đức Phật biết tướng tịch diệt của tất cả các pháp, nó chẳng có tướng mạo. "Không thể dùng lời nói" : Chỉ có thể lý hội mà không thể nói ra, tức cũng là "ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt". "Bèn dùng sức phương tiện" : Cho nên Phật phải dùng phương tiện khéo léo. "Vì năm Tỳ Kheo nói" : Đó là vì năm vị Tỳ Kheo Kiều Trần Như nói pháp. Năm vị Tỳ Kheo là : Kiều Trần Như, Ngạch Tiên, Bạt Đề, Thập Lực Ca Diếp, Ma Nam Câu Lợi, tức cũng là năm người hầu nói ở đoạn trên. Đức Phật thành Phật rồi, biết năm vị Tỳ Kheo đó, đang tu tại Vườn Lộc Uyển. Vừa quán nhân duyên thì biết, trước hết độ năm Tỳ Kheo này, do đó Phật đến Vườn Lộc Uyển, vì năm vị Tỳ Kheo ba lần nói diệu pháp bốn Đế.

**Gọi là chuyên pháp luân  
Bèn có tiếng Niết bàn  
Cùng với A la hán  
Tên Pháp, Tăng khác biệt.  
Tử kiếp xưa đến nay  
Khen ngợi pháp Niết bàn  
Dứt hẳn khổ sinh tử  
Ta thường nói như thế.  
Xá Lợi Phất nên biết !  
Ta thấy các Phật tử  
Người chí cầu Phật đạo  
Vô lượng ngàn vạn ức.  
Đều dùng tâm cung kính  
Đồng đến chỗ chư Phật  
Tùng theo nghe chư Phật  
Dùng phương tiện nói pháp.  
Ta liền nghĩ thế này :  
Sở dĩ Phật ra đời  
Đều vì nói Phật huệ  
Nay đúng là phải thời.  
Xá Lợi Phất nên biết !**



**Người độn căn trí nhỏ  
Kẻ chấp tướng kiêu mạn  
Chẳng thể tin pháp này.  
Nay ta vui chẳng sợ  
Ở trong chúng Bồ Tát  
Ta bỏ ngay phướng tiện  
Chỉ nói đạo vô thượng.  
Bồ Tát nghe pháp này  
Lúỉ nghi đều đã trừ  
Ngàn hai trăm La Hán  
Thảy đều sẽ thành Phật.**

"Gọi là chuyển pháp luân" : Phật vì năm vị Tỳ Kheo Kiều Trần Như, chuyển bánh xe pháp bốn Diệu Đế. Chuyển bánh xe pháp bốn Diệu Đế là gì ? Ban đầu, Phật độ năm vị Tỳ Kheo nói :

"Đây là khổ, tính bức bách.  
Đây là tập, tính chiêu cảm.  
Đây là diệt, tính có thể chứng.  
Đây là đạo, tính có thể tu."

Đây gọi là chuyển lần thứ nhất. Sự khổ đối với con người có tính chất bức bách. Tập, là chỉ phiền não kết tập, phiền não có tính chiêu cảm, do chiêu cảm mà đến. Diệt,

là tịch diệt Niết Bàn, thường lạc ngã tịnh, bốn đức Niết Bàn. Đạo, đạo này nên tu hành, đây là chuyển lần thứ nhất.

Kế tiếp lại chuyển lần thứ hai :

"Đây là khổ, các ông nên biết".

"Đây là tập, các ông nên đoạn", phiền não chỉ là khách trần mà thôi, chẳng phải là chủ nhân, do bên ngoài chiêu cảm mà đến, do đó các ông phải đoạn trừ. Lại nói :

"Đây là diệt, các ông nên chứng". Niết Bàn thường lạc ngã tịnh khoái lạc, các ông nên chứng đắc.

"Đây là đạo, các ông nên tu."

Sau đó, chuyển lần thứ ba nói :

"Đây là khổ, ta đã biết."

"Đây là tập, ta đã đoạn."

"Đây là diệt, ta đã chứng."

"Đây là đạo, ta đã tu."

Ta cũng đã tu ba mươi bảy đạo phẩm. Đây là chuyển lần thứ ba. Đức Phật vừa nói pháp lần thứ ba xong, thì Kiều Trần Như một trong năm vị minh bạch được nguyên do của khách trần mà chứng quả. Đây gọi là chuyển bánh xe pháp bốn Diệu Đế.

"Bèn có tiếng Niết Bàn" : Đức Phật chuyển bánh xe pháp bốn Diệu Đế, có nói đến tịch diệt Niết Bàn khoái lạc, cho nên phát ra diệu âm Niết Bàn. "Cùng với A La

Hán" : Cùng với danh từ A La Hán, sơ quả, nhị quả, tam quả và tứ quả A La Hán. "Tên Pháp, Tăng khác biệt" : Pháp là bốn Diệu Đế : Khổ, tập, diệt, đạo. Tăng là A La Hán. Vì có Pháp, có Tăng nhiều danh từ khác biệt. "Tù kiếp xưa đến nay" : Ta tù kiếp lâu xa, tu Phật đạo đến nay. "Khen ngợi pháp Niết Bàn." "Dứt hẳn khổ sinh tử" : Nếu ông chứng được diệu lý Niết Bàn, thì sẽ vĩnh viễn dứt khổ sinh tử. "Ta thường nói như thế" : Tù kiếp lâu xa đến nay, ta vì các ông luôn luôn nói pháp này.

"Xá Lợi Phất nên biết" : Xá Lợi Phất ông nên biết. "Ta thấy các Phật tử" : Ta thấy tất cả Phật tử. "Người chí cầu Phật đạo" : Người lập chí trên cầu Phật đạo. "Vô lượng ngàn vạn ức" : Số đông vô lượng ngàn vạn ức. "Đều dùng tâm cung kính" : Hết thảy đều dùng tâm cung kính. "Đều đến chỗ chư Phật" : Thảy đều đến chỗ chư Phật. "Tùng theo nghe chư Phật" : Trong quá khứ, họ tùng theo chư Phật để nghe Phật pháp. "Dùng phương tiện nói pháp" : Chư Phật dùng phương tiện pháp môn mà nói pháp. "Ta liền nghĩ thế này" : Ta lại suy nghĩ thế này. "Sở dĩ Phật ra đời" : Sở dĩ mà Phật xuất hiện ra đời. "Đều vì nói Phật huệ" : Đều vì nói trí huệ chân thật của Phật. "Nay đúng là phải thời" : Bây giờ là lúc nên nói trí huệ chân thật của Phật. "Xá Lợi Phất nên biết" : Xá Lợi Phất ông nên biết. "Người độn căn trí nhỏ" : Người độn căn chỉ có chút chút trí huệ. "Kẻ chấp trước kiêu mạn" : Chẳng những họ chấp trước tất cả hình tướng, mà còn tự cho rằng đúng, cho nên sinh ra tâm

cống cao ngã mạn. "Không thể tin pháp này" : Họ chẳng tin pháp đại thừa, cũng chẳng tin nghe Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, cho nên mới có năm ngàn người lui về. "Nay ta vui chẳng sợ" : Bây giờ những người chẳng có căn lành và những kẻ kiêu mạn đều đã lui về, cho nên ta chẳng còn lo chẳng còn sợ. "Ở trong chúng Bồ Tát" : Ở trong các hàng Bồ Tát. "Ta bỏ ngay phương tiện" : Ta bỏ ngay phương tiện này, chẳng dùng pháp quyền xảo nữa. Bây giờ ta phải mở cửa để thấy núi, nói thẳng Phật huệ chân thật. "Chỉ nói đạo vô thượng" : Chỉ nói pháp môn thành Phật. "Bồ Tát nghe pháp này" : Tất cả Bồ Tát đều nghe được Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này. "Lưỡi nghi đều đã trừ" : Lưỡi nghi của các Ngài đều tiêu trừ. "Ngàn hai trăm La Hán" : Lúc đó, có một ngàn hai trăm năm mươi vị A La Hán. "Thầy đều sẽ thành Phật" : Tương lai họ cũng đều sẽ thành Phật. Đây là Phật thọ ký cho tất cả đệ tử sẽ thành Phật, phàm là người nghe pháp ở trong hội Pháp Hoa, chẳng ai mà không thành Phật.

**Như chư Phật ba đời  
Nghi thức nói các pháp  
Ta nay cũng như thế  
Nói pháp không phân biệt.  
Chư Phật hiện ra đời  
Lâu xa khó gặp được**

**Gặp lúc Phật ra đời  
Nói pháp này khó hơn.  
Vô lượng vô số kiếp  
Nghe pháp này cũng khó  
Người nghe được pháp này  
Người đó càng khó hơn.  
Ví như hoa Ưu Đàm  
Tất cả đều ưa thích  
Ít có trong trời người  
Đúng thời mới xuất hiện.  
Nghe pháp vui mừng khen  
Cho đến nói một lời  
Tức là đã cúng dường  
Tất cả Phật ba đời.  
Người đó rất ít có  
Hơn cả hoa Ưu Đàm.**

"Như chư Phật ba đời, nghi thức nói các pháp" : Đúc Phật nói, hiện tại ta nói đạo lý Phật thừa thật trí, cũng như nghi thức thuyết pháp, của chư Phật ba đời : quá khứ, hiện tại và vị lai. "Nay ta cũng như thế, nói pháp không phân biệt" : Ta nay cũng chỉ nói một Phật thừa như

nhau, chẳng có thừa pháp vi diệu nào khác. Pháp không phân biệt này, chẳng phải một số người minh bạch được. "Chư Phật hiện ra đời" : Mười phương chư Phật xuất hiện ra đời. "Lâu xa khó gặp được" : Nếu gặp được chư Phật mười phương xuất hiện ra đời, phải trải qua thời gian lâu dài. "Gặp lúc Phật ra đời, nói pháp này khó hơn" : Tức gặp lúc bạn gặp Phật xuất hiện ra đời, mà nghe được Phật nói Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, chẳng phải là việc dễ dàng. Đức Phật nói pháp bốn mươi chín năm, ban đầu nói Tam Tạng giáo, Kinh A Hàm, sau đó nói Phương Đẳng và Bát Nhã, cuối cùng mới nói Kinh Pháp Hoa, nhưng gặp được nói bộ Kinh này, cũng chẳng dễ. "Vô lượng vô số kiếp" : Trải qua thời gian lâu dài vô lượng vô số kiếp. "Nghe pháp này cũng khó" : Nghe được pháp này cũng chẳng dễ dàng. "Người nghe được pháp này" : Người đã nghe được Kinh Diệu Pháp Liên Hoa này. "Người đó càng khó hơn" : Người này chẳng dễ gì tìm được. "Ví như hoa Ưu Đàm" : Như hoa Ưu Đàm ít có. Hoa Ưu Đàm dịch là "tường đóa". Hoa này ba ngàn năm mới nở một lần, mà một khi nở thì tàn, cho nên đặc biệt ít có. "Tất cả đều ưa thích, ít có trong trời người" : Vì hoa Ưu Đàm ít có, cho nên người trên trời, dưới nhân gian đều ưa thích hoa này. "Đúng thời mới xuất hiện" : Nếu chưa đến thời, thì chẳng bao giờ xuất hiện ra đời. "Nghe pháp vui mừng khen" : Nếu nghe thấy Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, mà người đó sinh tâm vui mừng khen ngợi. "Cho đến nói một lời" : Hoặc chỉ nói một câu để khen ngợi

Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. "Tức là đã cúng dường, tất cả Phật ba đời" : Tức là đã cúng dường tất cả chư Phật trong mười phương ba đời. "Người đó rất ít có, hơn cả hoa Ưu Đàm" : Người này so với hoa Ưu Đàm càng ít có hơn, do đó có thể thấy, nghe pháp thật là không dễ dàng, trừ khi đến thời cơ mới nghe được.

**Các ông chó có nghi  
Ta là vua các pháp.  
Nói khắp các đại chúng  
Chỉ dùng đạo một thừa  
Giáo hóa các Bồ Tát  
Không Thanh Văn đệ tử.  
Xá Lợi Phất các ông !  
Thanh Văn và Bồ Tát  
Nên biết diệu pháp này  
Bí yếu của chư Phật.**

Đức Phật lại nói : Pháp này so với hoa Ưu Đàm càng khó gặp hơn. Pháp của ta nói, các ông chó có hoài nghi. Vì sao ? "Ta là vua các pháp" : Vì ta là vua của tất cả các pháp, đã đắc được trí huệ chân thật. "Nói khắp các đại chúng" : Bây giờ, ta nói khắp tất cả đại chúng trong pháp hội, và hết thảy chúng sinh vị lai. "Chỉ dùng

đạo một thừa" : Ta chỉ dùng một thừa Phật đạo. "Giáo hóa các Bồ Tát" : Để giáo hóa tất cả Bồ Tát. "Không Thanh Văn đệ tử" : Pháp này chẳng giáo hóa đệ tử Thanh Văn tiểu thừa. "Xá Lợi Phất các ông" : Xá Lợi Phất ! Các ông những bậc Thanh Văn. "Thanh Văn và Bồ Tát" : Bây giờ đều nên hồi tiểu hướng đại, đừng được ít mà cho là đủ, phải từ Thanh Văn thừa mà chuyển qua Bồ Tát thừa. "Nên biết diệu pháp này" : Các ông nên biết diệu pháp của Kinh Pháp Hoa này. "Bí yếu của chư Phật" : Là diệu pháp vô thượng bí yếu nhất của chư Phật, nên nhớ dùng sinh tâm nghi hoặc.

**Bởi đời ác năm trước  
Chỉ ửả chấp các dục  
Những chúng sinh như thế  
Quyết chẳng cầu Phật đạo.  
Người ác đời vị lai  
Nghe Phật nói một thừa  
Mê hoặc chẳng tin nhận  
Phá pháp đọa đường ác.  
Người hổ thẹn thanh tịnh  
Quyết chí cầu Phật đạo  
Ta sẽ vì người đó  
Rộng khen đạo một thừa.**



Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là bí yếu của chư Phật, cho nên Đức Phật thành Phật rồi, rất lâu mà chẳng nói bộ Kinh Pháp Hoa này. Tại sao ? Vì rất là quan trọng, một khi nói ra, mà chúng sinh không tin, thì sẽ đọa vào ba đường ác, cho nên đức Phật thà không nói. "Bối đời ác năm trước" : Năm trước tức là : Kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sinh trước, mạng trước, đây là năm thứ trước hiện tại của thế giới này. "Chỉ ưa chấp các dục" : Chúng sinh trong đời ác năm trước, tánh của họ ưa thích các dục. Năm dục là : Tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống và ngủ nghỉ. "Những Chúng sinh như thế, quyết chẳng cầu Phật đạo" : Họ chấp vào các dục, tham trước nhất thời, chẳng phải là khoái lạc cứu kính. Ai ai cũng đều bị tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn uống và ngủ nghỉ vây hãm, không thể tự cứu. Phật sớm đã biết có loại chúng sinh mê muội này, cho nên nói : "Những chúng sinh như thế" : Những chúng sinh mê muội đó. "Quyết chẳng cầu Phật đạo" : Họ chẳng muốn cầu Phật đạo, nay mình đã khai mở trí huệ chân thật, phá tan mê muội. "Người ác đời vị lai" : Người ác trước đời vị lai. "Nghe Phật nói một thừa" : Họ nghe Phật nói một thừa pháp. "Mê hoặc chẳng tin nhận" : Trong tâm mê hoặc, không thể tin nhận. "Phá pháp đọa đường ác" : Họ chẳng tin mà còn phá hoại, nói là : "Các vị đó giảng Phật pháp, vốn chẳng có đạo lý !" Vì phá pháp nên đọa vào ba đường ác. "Người chí cầu Phật đạo, biết hổ thẹn thanh

ting" : Người lập chí nhất định thành Phật, biết sinh tâm hổ thẹn, sửa đổi lỗi lầm muốn cầu thanh tịnh. "Ta sẽ vì người đó" : Phật nói, ta sẽ vì những chúng sinh đó. "Rộng khen đạo một thừa" : Rộng khen pháp một thừa vô thượng Kinh Diệu Pháp Liên Hoa.

**Xá Lợi Phất nên biết !  
Pháp chư Phật như thế  
Dùng vạn ức phương tiện  
Tùy nghi mà nói pháp.  
Người nào chẳng tu học  
Không thể hiểu pháp này  
Các ông tức đã biết  
Chư Phật thầy trong đời.  
Tùy nghi dùng phương tiện  
Không nên sinh nghi hoặc  
Sinh tâm vui mừng lớn  
Biết mình sẽ thành Phật.**

"Xá Lợi Phất nên biết" : Xá Lợi Phất và tất cả Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, cư sĩ nam, cư sĩ nữ, Bồ Tát, trời, rồng, tám bộ chúng hết thảy đều nên biết. "Pháp chư Phật như thế" : Mười phương chư Phật, Phật Phật đạo đồng, do đó có câu :

"Ba đời mười phương Phật,  
Đều cùng một pháp thân".

Pháp của mười phương chư Phật đều như nhau, pháp chỉ có một, vì quán căn cơ mà thí giáo, do đó, "Dùng vạn ức phương tiện" : Dùng vô lượng vô biên phương tiện pháp môn để giáo hóa chúng sinh. "Tùy nghi mà nói pháp" : Tùy thuận căn cơ của chúng sinh mà nói pháp. Do đó, vì người thí giáo, theo bệnh cho thuốc. "Người nào chẳng tu học" : Phật nói ra pháp này, nếu chúng sinh nào chẳng tu hành, "Không thể hiểu pháp này" : Không thể nào hiểu được nghĩa của pháp này. "Các ông đều đã biết" : Xá Lợi Phất ! Các ông những bậc đại A La Hán, đại Bồ Tát, đại Tỳ Kheo, hiện tại đều đã biết diệu pháp chân thật này. "Chư Phật thầy trong đời" : Mười phương chư Phật và Thích Ca Mâu Ni, đều là Đạo Sư của thế gian. "Tùy nghi dùng phương tiện" : Đều tùy nghi nói pháp, dùng phương tiện để giáo hóa chúng sinh. "Không nên sinh nghi hoặc" : Các ông đừng sinh tâm nghi hoặc. "Sinh tâm vui mừng lớn" : Bây giờ các ông nghe được Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nên sinh tâm vui mừng lớn. "Biết mình sẽ thành Phật" : Bây giờ, các ông cũng nên biết, tương lai mình nhất định cũng sẽ thành Phật. Do đó, tất cả chúng sinh ở trong hội Pháp Hoa, nhất định đều sẽ thành Phật, vì đức Phật đều đã thọ ký cho các Ngài, đều nghe pháp Phật thừa tối thượng.

## HỒI HƯƠNG CÔNG ĐỨC

Trong sự bố thí, mà đạt đến cảnh giới "Tam luân thể không": không thấy người bố thí, không thấy kẻ nhận, và không thấy vật thí, thì công đức không thể nghĩ bàn được. Do vậy, để công đức được hoàn toàn thanh tịnh, vô lượng vô biên, cho nên chùa không ghi tên các vị bố thí, mà chỉ hồi hướng công đức của các vị lên thập phương thường trụ Tam Bảo chứng minh. Nguyên cầu sở nguyện của các vị thành tựu, nhất là tương lai quý vị sẽ đắc được trí huệ Bát nhã, viên mãn quả bồ đề, do công đức ấn tống Kinh điển, cao thượng trên hết các sự Bố thí.

Xin hồi hướng công đức Pháp thí cao thượng này, đến các bậc Thầy Tổ, và toàn thể tất cả Phật tử phát tâm hùn phước ấn tống, hữu danh hoặc vô danh, và thân bằng quyến thuộc của tất cả quý vị, còn sống hoặc đã quá vãng, cùng pháp giới chúng sanh, thấy đều được lợi lạc, căn lành tăng trưởng, tâm bồ đề kiên cố, luôn luôn an trụ trong chánh pháp, tu hành chánh pháp, rốt ráo được thoát khỏi sanh tử luân hồi, đến được bờ bên kia.





**Nam Mô Hộ Pháp Vi Đà Tôn Thiên Bồ Tát**



**Chư Phật chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện ra đời: Vì muốn khiến cho chúng sanh khai mở tri kiến của Phật, muốn chỉ bày cho chúng sanh tri kiến của Phật, muốn khiến cho chúng sanh ngộ tri kiến của Phật, muốn cho chúng sanh vào được tri kiến của Phật, mà hiện ra nơi đời.**